



Tạp chí

Khoa học Kiểm sát

ISSN 2354-063X

Số chuyên đề 2 (49)
2021

MỤC LỤC

Trang

NURUL QOIRIAH CHEN CHEN LEE	Áp dụng nguyên tắc không gây tổn hại để truy tố hiệu quả các vụ án mua bán người	5
THAPANA BHASATHITI SANYABUTRA	Kinh nghiệm của Thái Lan trong việc tập hợp, đánh giá và sử dụng chứng cứ điện tử trong việc xử lý các vụ án mua bán người	17
TRẦN HỮU TRẮNG	Bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ án mua bán người	27
LƯU THỊ LỊCH TRẦN THU HƯƠNG	Tiếp cận dựa trên hiểu biết về sang chấn tâm lý của nạn nhân bị mua bán trong các vụ án mua bán người	38
LƯƠNG HẢI YẾN	Tác động tâm lý đối với nạn nhân dưới 18 tuổi khi lấy lời khai trong vụ án mua bán người	52
HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	Bảo đảm công lý đối với trẻ em là nạn nhân trong các vụ án mua bán người: Góc nhìn từ Vương quốc Anh	56
PHẠM VIỆT NGHĨA	Vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người: Kinh nghiệm của Hungary	66
NGUYỄN VĂN OANH	Hoạt động hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự	70
TRẦN VĂN TUÂN	Mua bán người qua mạng Internet và một số khó khăn, vướng mắc khi giải quyết các vụ án mua bán người qua mạng Internet	75

NGUYỄN ĐỨC HẠNH	Thủ đoạn sử dụng các ứng dụng mạng công nghệ thông tin, truyền thông để phạm tội mua bán người và việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý	82
NGÔ MINH DŨNG	Vai trò của giám định dữ liệu điện tử trong điều tra án mua bán người	91
MAI ĐẮC BIÊN	Những khó khăn, vướng mắc, hạn chế và một số đề xuất khắc phục trong thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra, truy tố các tội danh về mua bán người và một số tội danh có liên quan: Cường bức lao động, Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại	95
LẠI VIỆT QUANG	Kỹ năng kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án mua bán người	105
LÊ MINH LONG	Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tố trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự mua bán người đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay	111
TRẦN ĐÌNH HẢI	Nâng cao chất lượng mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án mua bán người trên cơ sở tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm	116
VŨ THỊ HẢI YẾN	Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người và những giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đối với tội phạm mua bán người giữa Việt Nam với nước ngoài	128
DƯƠNG ĐÌNH CÔNG	Việt Nam với việc thực hiện nghĩa vụ thành viên về hợp tác phòng chống mua bán người theo các điều ước quốc tế đa phương và khu vực	137



Tạp chí

Khoa học Kiểm sát

ISSN 2354-063X

Thematic No. 2 (49)
2021

INDEX

Page

NURUL QOIRIAH
CHEN CHEN LEE

Application of 'do no harm' principle to
effectively prosecute human trafficking
cases

5

THAPANA BHASATHITI
SANYABUTRA

Experience of Thailand in gathering,
evaluating, and using electronic evidence
in handling human trafficking cases

17

TRAN HUU TRANG

Ensuring the rights of child victims in
human trafficking cases

27

LUU THI LICH
TRAN THU HUONG
LUONG HAI YEN

Trauma-informed care approach in
working with victims of human trafficking

38

Psychological impact on victims under 18
years of age when taking testimonies in
human trafficking cases

52

HOANG THI BICH NGOC

Ensuring justice for child trafficking
victims: From the United Kingdom
perspective

56

PHAM VIET NGHIA

The role of the state in assisting victims
of human trafficking: The experience of
Hungary

66

NGUYEN VAN OANH

Supporting human trafficking victims
during the criminal procedures

70

TRAN VAN TUAN

Human trafficking via the Internet
and some difficulties and obstacles in
solving human trafficking cases via the
Internet

75

NGUYEN DUC HANH	Using information and communication technology network applications to commit human trafficking crimes and the prevention, detection, and handling of human trafficking	82
NGO MINH DUNG	The role of electronic data examination in the investigation of human trafficking cases	91
MAI DAC BIEN	Difficulties, obstacles, limitations and some suggestions in the exercise of the right to prosecution during investigation and prosecution of human trafficking crimes and other related crimes: Forced labor, Organization of surrogacy for commercial purposes	95
LAI VIET QUANG	Skills to supervise the preparation of investigation dossiers for human trafficking cases	105
LE MINH LONG	Solutions to improve the quality of prosecution in the process of handling human trafficking cases that can meet the requirements at present	111
TRAN DINH HAI	Improving the quality of the coordination relationship between competent agencies in initiation of criminal cases, investigation, prosecution and adjudication human trafficking cases on the basis of victim-centered approach	116
VU THI HAI YEN	The activities of mutual legal assistance in criminal matters related to human trafficking crimes in Viet Nam and solutions to improve the effectiveness of the request for criminal legal assistance for human trafficking crimes between Viet Nam and foreign countries	128
DUONG DINH CONG	Vietnam and the implementation of its member obligations on cooperation to counter human trafficking under multilateral and regional international treaties	137

ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC KHÔNG GÂY TỔN HẠI ĐỂ TRUY TỐ HIỆU QUẢ CÁC VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI

NURUL QOIRIAH* - CHEN CHEN LEE**

Nguyên tắc không gây tổn hại là một trong những nguyên tắc nền tảng của phương pháp tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm. Bài viết sau đây cung cấp giải thích về nguyên tắc không gây tổn hại, tầm quan trọng của nguyên tắc này trong công tác phòng, chống mua bán người cũng như phân tích mối liên hệ giữa nguyên tắc không gây tổn hại và quy trình tư pháp hình sự.

Từ khóa: Nguyên tắc không gây tổn hại, phương pháp lấy nạn nhân làm trung tâm, nạn nhân, vụ án mua bán người, giai đoạn truy tố.

Ngày nhận bài: 24/6/2021; Biên tập xong: 30/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

‘Do no harm’ is one of the foundational principles of the victim-centered approach. This article provides an explanation of the ‘do no harm’ principle, its importance in preventing and combating human trafficking. It also provides an analysis of the relationship between the ‘do no harm’ principle and the criminal justice process.

Keywords: ‘Do no harm’ principle, victim-centered approach, human trafficking case, prosecution stage.

Tháng 4/2020, Phi-líp-pin đã đạt được bước ngoặt khi truy tố tám đối tượng mua bán người về tội cưỡng ép, bắt phụ nữ Phi-líp-pin làm mại dâm ở Ba-ranh¹. Một phiên tòa ở Ba-ranh kết án tất cả các bị cáo tội mua bán người, bao gồm năm phụ nữ và hai nam giới người Phi-líp-pin và một sĩ quan cảnh sát người Ba-ranh với mức án bảy năm tù giam và mỗi bị cáo phải nộp 5.000 đi-na tiền phạt (tương đương 5.300 USD).

Tại Việt Nam, một phiên tòa tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gần đây kết án một phụ nữ chín năm tù giam về Tội môi giới bán bốn phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc làm

vợ². Năm 2019, cảnh sát In-đô-nê-xi-a thông tin việc bắt tám nghi phạm – liên quan đến bốn ổ nhóm – được mô tả là vụ án mua bán người lớn nhất từ trước đến nay mà họ đã từng triệt phá. Đây là một đường dây đưa trái phép 1.200 lao động giúp việc nhà người In-đô-nê-xi-a sang Trung Đông và Bắc Phi³.

Đây chỉ là một số ví dụ minh chứng cho cam kết và nỗ lực của Chính phủ các nước

**Cố vấn về Quyền nạn nhân, Bình đẳng và Hòa nhập xã hội, Chương trình hợp tác ASEAN-Ô-xtrây-li-a về phòng, chống mua bán người (ASEAN-ACT).*

***Tư vấn của Chương trình hợp tác ASEAN-Ô-xtrây-li-a về phòng, chống mua bán người (ASEAN-ACT).*

² Truong Ha, “Người phụ nữ từng là nạn nhân bị kết án vì phạm tội bán sáu người Việt Nam sang Trung Quốc làm mại dâm”, 18/11/2020. Xem tại <https://e.vnexpress.net/news/news/former-victim-jailed-for-trafficking-four-vietnamese-women-to-china-4193561.html>

³ Arie Firdaus, “In-đô-nê-xi-a triệt phá vụ án mua bán người lớn nhất, bắt giữ 8 nghi phạm”, (Gia-các-ta 2019). Xem tại: <https://www.benarnews.org/english/news/indonesian/trafficking-arrests-04092019150904.html>

¹ Quỹ toàn cầu chấm dứt nô lệ thời hiện đại, “Các đối tác Phi-líp-pin hỗ trợ Ba-ranh kết án tám bị cáo về tội mua bán người, tội lỗi của hai lao động di cư Phi-líp-pin ở nước ngoài” (12/2020). Xem tại: <https://www.gfems.org/news/2020/5/12/philippines-partners-assist-bahrain-in-conviction-of-eight-traffickers-guilty-of-trafficking-two-ofws>

và các tổ chức xã hội ở Đông Nam Á trong đấu tranh phòng, chống mua bán người. Những quyết định mang tính bước ngoặt và các cuộc điều tra các vụ án mua bán người quy mô lớn là kết quả đáng biểu dương cho các tập thể và cá nhân đã và đang ủng hộ cũng như tiên phong trong việc đảm bảo tiếp cận công lý cho nạn nhân bị bóc lột. Báo cáo toàn cầu mới nhất về mua bán người của UNODC (Cơ quan phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc) năm 2020 cho thấy trong những năm qua, tỷ lệ truy tố, xét xử tội phạm mua bán người đang tăng lên do tội danh này đã được nội luật hóa trong pháp luật các nước, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Á với đại đa số các nước đã hình sự hóa hành vi mua bán người.

Mặc dù đạt được một số kết quả đáng khích lệ gần đây nhưng việc truy tố, xét xử vụ án mua bán người vẫn tiếp tục gặp nhiều thách thức. Nguyên nhân là do một loạt các yếu tố như: Khó khăn trong xác minh, xác định và hỗ trợ nạn nhân, điều tra tội phạm và truy tố tội phạm⁴.

Theo báo cáo về mua bán người năm 2020 của Hoa Kỳ, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á có tỷ lệ truy tố, xét xử các vụ án mua bán người thấp. Nạn tham nhũng đặc hữu, quan chức chính là người đồng lõa; năng lực hạn chế của lực lượng thực thi pháp luật, đặc biệt ở địa phương; sự thiếu vắng của hệ thống thông tin dữ liệu toàn diện, được phân tách về các vụ án mua bán người là một trong các yếu tố cản trở thành công và tiến bộ về tư pháp⁵.

⁴ Tania E. DoCarmo, "Các vấn đề về đạo đức cần cân nhắc khi tìm hiểu về mua bán người", 31/10/2019. Xem tại https://link.springer.com/referenceworkentry/10.1007%2F978-3-319-63058-8_40

⁵ Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2020), *Báo cáo về mua bán người năm 2020*. Oa-xinh-ton: Văn phòng giám sát và phòng, chống mua bán người, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. (<https://www.state.gov/wp-content/uploads/2020/06/2020-TIP-Report-Complete-062420-FINAL.pdf>)

Quá trình hợp tác với nạn nhân và nhân chứng là một yếu tố then chốt trong công tác điều tra tội phạm mua bán người. Sẽ không thể phát hiện và trừng trị bất cứ loại tội phạm nghiêm trọng nào nếu Điều tra viên không có khả năng thu thập đầy đủ chứng cứ và cung cấp tại tòa. Các yếu tố cản trở việc thu thập và sử dụng chứng cứ bao gồm: Công tác xác minh, xác định nạn nhân chưa tốt; nạn nhân ngần ngại không khai báo; chưa cân nhắc thấu đáo về quyền và sự an toàn của nạn nhân.

Tác động kéo dài của đại dịch toàn cầu COVID-19 sẽ tăng sức ép lên các cơ quan, ban ngành phòng, chống mua bán người và cơ quan tư pháp có liên quan ở Đông Nam Á. Suy thoái kéo dài cùng với việc không có gói trợ giúp xã hội hoặc có nhưng rất ít cho những người làm công việc thu nhập thấp và trong khối phi chính thức sẽ góp phần gia tăng số người sẵn sàng chấp nhận mức lương thấp hơn với điều kiện lao động nghèo nàn hơn từ chủ sử dụng lao động vô lương tâm. Những nhóm người này dễ tham gia vào di cư mạo hiểm hoặc nhận lời kết hôn⁶. Hiện trạng mua bán "cô dâu" Cam-pu-chia sang Trung Quốc được báo cáo là có xu hướng tăng lên trong năm 2020, do mất việc hàng loạt bởi đại dịch COVID-19 khiến nhiều phụ nữ và trẻ em gái ra nước ngoài tìm kiếm cơ hội giúp đỡ gia đình⁷. Một báo cáo nhanh của UNODC chỉ ra rằng trong thời kỳ đại dịch đang diễn ra, các cơ quan chức năng gặp nhiều khó khăn hơn trong việc xác định nạn nhân của mua bán người. Lý do một phần là vì các biện pháp phong tỏa và hạn chế xã hội góp phần

⁶ Hội đồng đối ngoại, "Covid-19 và nỗ lực thời hiện đại: Thách thức, cơ hội và tương lai của cuộc chiến", 28/4/2020. Xem tại: <https://www.cfr.org/blog/covid-19-and-modern-slavery-challenges-opportunities-and-future-fight>

⁷ Quỹ Thomson Reuters, "Đại dịch được xem là nguyên nhân 'mua bán cô dâu' Cam-pu-chia sang Trung Quốc", 11/12/2020. Xem tại: <https://news.trust.org/item/20201211123838-al4e5/>

cô lập nạn nhân và khiến việc giải thoát họ khỏi hoàn cảnh bóc lột đó khó khăn hơn⁸. Năm 2020, tỷ lệ xét xử vụ án mua bán người của Thái Lan giảm 35% so với năm 2019 do số vụ việc được chuyển đến tòa án giảm. Lệnh hạn chế và cách ly xã hội do đại dịch COVID-19 được cho là nguyên nhân gây giảm số lượng các cuộc điều tra về mua bán người vì mục đích lao động và tình dục mà cảnh sát Hoàng gia Thái Lan được thực hiện trong thời gian vừa qua⁹.

Cách tiếp cận dựa trên quyền để chấm dứt mua bán người đòi hỏi phải có nhiều nỗ lực để đảm bảo nạn nhân được bảo vệ trong và sau quá trình tố tụng hình sự vụ án mua bán người. Điều này bao gồm việc đảm bảo họ có thể tham gia tố tụng một cách tự do, an toàn và trên cơ sở đồng thuận đầy đủ được thông báo trước. Phần đầu bài viết đề cập đến việc vận động chính phủ các nước Đông Nam Á áp dụng cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm trong ứng phó tư pháp hình sự trong công tác phòng, chống mua bán người. Điều này sẽ góp phần truy tố các vụ án mua bán người hiệu quả hơn và hy vọng giảm thiểu nạn bóc lột người do cuộc khủng hoảng COVID-19 hiện nay gây ra. Nguyên tắc không gây tổn hại làm cơ sở cho khuôn khổ khái niệm của cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm. Phần còn lại của bài viết này giải thích nguyên tắc không gây tổn hại là gì và tại sao cách tiếp cận này lại quan trọng trong công tác phòng, chống mua bán người. Bài viết cung cấp một cái nhìn tổng quan về chính sách và khuôn khổ pháp lý của ASEAN về quyền của nạn

nhân và phân tích mối liên hệ giữa nguyên tắc không gây tổn hại và quy trình tư pháp hình sự.

1. Không gây tổn hại và tầm quan trọng của nguyên tắc này đối với phòng, chống mua bán người

Mua bán người là một hành vi vi phạm nhân quyền dựa trên việc bóc lột con người, thường liên quan đến bạo lực thể chất hoặc tâm lý. Vì lý do này, các nguyên tắc và hướng dẫn được đề xuất của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền (OHCHR) về Quyền con người và mua bán người nêu rõ rằng “Các quốc gia phải đảm bảo rằng nạn nhân mua bán người được bảo vệ khỏi bị bóc lột và gây tổn hại thêm và được tiếp cận dịch vụ chăm sóc thể chất và tâm lý đầy đủ” bất kể năng lực hoặc sự sẵn sàng hợp tác của họ trong quá trình tố tụng¹⁰.

Cách tiếp cận không gây tổn hại thừa nhận rằng các can thiệp có mục đích tốt được thiết kế để hỗ trợ hoặc giúp đỡ đôi khi có thể gây hại. Do đó, cách tiếp cận không gây tổn hại yêu cầu cán bộ tuyển đầu xác định và giảm thiểu bất kỳ tác hại tiềm ẩn nào có thể xảy ra trong quá trình họ tương tác với nạn nhân mua bán người. Các chương trình phòng, chống mua bán người được thiết kế không cân đối với nhu cầu của nạn nhân và các nhóm dễ bị tổn thương trước các vấn đề phân biệt đối xử và bóc lột dựa trên các yếu tố giới, tôn giáo, dân tộc, tính dục, tình trạng di cư hoặc tuổi tác của họ¹¹. Những tác hại tiềm tàng có thể xảy ra ở mỗi bước của quy trình - xác định sai nạn nhân thành tội

⁸ Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm của Liên Hợp Quốc (2020). “Tác động của đại dịch COVID-19 đối với mua bán người. Phát hiện ban đầu và thông điệp dựa trên đánh giá nhanh”. Viên: UNODC. Xem tại: https://www.unodc.org/documents/Advocacy-Section/HTMSS_Thematic_Brief_on_COVID-19.pdf

⁹ Quỹ Thomson Reuters, “Vụ việc mua bán người ở Thái Lan xuống thấp hơn cả thập kỷ do COVID-19”, 21/01/2021. Xem tại: <https://news.trust.org/item/20210120230109-6b7h0/>

¹⁰ Văn phòng Cao ủy Nhân quyền, *Các Nguyên tắc và hướng dẫn khuyến nghị về nhân quyền và mua bán người*. (n.d.) Hướng dẫn 6 về Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán. Xem tại: <https://www.ohchr.org/Documents/Publications/Traffickingeng.pdf>

¹¹ UNODC, *Sổ tay hướng dẫn chống mua bán người cho các bộ tư pháp hình sự: Đánh giá rủi ro trong điều tra mua bán người*. (Niu-Ooc: 2009). Xem tại: https://www.unodc.org/documents/human-trafficking/TIP_module5_Ebook.pdf

phạm, không cung cấp đầy đủ thông tin và phiên dịch trong quy trình pháp lý và hồi hương nạn nhân về nguyên quán, bất chấp nguy cơ bị tội phạm mua bán người trả thù. Một nguyên nhân gây hại phổ biến khác là việc thiết kế và cung cấp các chương trình tâm lý xã hội, xã hội và kinh tế/dạy nghề không đầy đủ mà không xem xét đến quyền riêng tư, bản sắc xã hội, quyền tự chủ và quyền tự quyết của người khác¹².

Nguyên tắc không gây tổn hại yêu cầu mọi nỗ lực cần tránh gây tổn hại khi bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của mua bán người, bao gồm cả việc gây nguy hiểm đến tính mạng, sự an toàn về thể chất và tâm lý, quyền tự do và hạnh phúc của nạn nhân, nhân chứng và tất cả những người tiếp xúc với họ. Tổn hại liên quan đến mua bán người có thể tồn tại dưới một số hình thức - thể chất, tâm lý, pháp lý, xã hội và kinh tế. Mặc dù tác hại tiềm ẩn chủ yếu tập trung vào nạn nhân và nhân chứng của mua bán người, nhưng điều quan trọng cần lưu ý là cán bộ tuyển đầu, cán bộ thực thi pháp luật, phiên dịch viên, nhân viên xã hội, Kiểm sát viên và Thẩm phán cũng có nguy cơ bị tác động hoặc bị tổn hại thông qua công việc của họ trong phòng, chống mua bán người¹³.

2. Khung luật pháp và chính sách của ASEAN về quyền của nạn nhân

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thừa nhận rằng, mua bán người là một vấn đề “chỉ có thể giải quyết được ở

quy mô khu vực” và điều đó đòi hỏi “các quy tắc ứng xử và biện pháp hợp tác được thống nhất” từ các quốc gia thành viên¹⁴. Tất cả 10 quốc gia thành viên ASEAN (AMS) đã phê chuẩn Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Nghị định thư Palermo). Tất cả các nước ASEAN cũng là thành viên của ba trong số các điều ước quốc tế cốt lõi về quyền con người: Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW); Công ước về quyền trẻ em (CRC) và Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPD). Ngoài ra, tất cả các quốc gia này đều có luật phòng, chống mua bán người trong khung luật pháp trong nước cũng như đều hình sự hóa tội danh mua bán người dưới một số hình thức và tạo tiền đề cho các hoạt động tư pháp hình sự.

Việc thông qua Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Công ước ACTIP) vào tháng 11/2015 là một bước tiến trong phòng, chống mua bán người và phản ánh cam kết của khu vực trong việc giải quyết vấn đề này. Việc xây dựng Công ước ACTIP là bước đi rất quan trọng vì nó đưa ra nghĩa vụ pháp lý có tính ràng buộc cho các quốc gia thành viên ASEAN trong việc tăng cường các biện pháp phòng, chống mua bán người và các biện pháp bảo vệ nạn nhân¹⁵. Công

¹² Rende Taylor, L. & Latonero, M. *Hướng dẫn cập nhật về đạo đức và quyền con người trong phòng, chống buôn bán người: Tiêu chuẩn đạo đức để làm việc với lao động nhập cư và nạn nhân mua bán người trong thời đại kỹ thuật số*. (Băng Cốc, Viện Issara: 2018). Xem tại: https://44f2713d-a205-4701-bba3-8d419653b4b6.filesusr.com/ugd/5bf36e_1307f698e5ec46b6b2fc7f4391bff4b6.pdf.

¹³ Để có thêm thông tin về chăm sóc bản thân dành cho cán bộ làm việc với nạn nhân mua bán người, xem thêm Winrock (2020); *Lồng ghép giới và hòa nhập xã hội vào bộ công cụ lập chương trình phòng, chống mua bán người*. Xem tại: <https://indd.adobe.com/view/a4fd1ec1-f6b1-4e7b-8662-33dcb6c93817>

¹⁴ ASEAN (2012), *Tầm nhìn ASEAN 2020*. Xem tại: (https://asean.org/?static_post=asean-vision-2020)

¹⁵ Yusran, R (2018), “Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người: Đánh giá sơ bộ”. Tạp chí Luật Quốc tế Châu Á, Tập 8 (1), trang 258–92. Yusran, R (2018). Trước khi Công ước ACTIP ra đời, các biện pháp phòng, chống mua bán người của ASEAN dựa trên các công cụ khu vực không có tính ràng buộc như Tuyên bố ASEAN về đấu tranh tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (1997) và kế hoạch hành động đi kèm (1999), Tuyên bố ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (2004) và Tuyên bố ASEAN có liên quan về bảo vệ và thúc đẩy quyền của lao động di cư (2007).

ước ACTIP bắt buộc các quốc gia thành viên ASEAN thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của nạn nhân trong các vụ án mua bán người, đồng thời xây dựng các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và hỗ trợ thích hợp cho họ, phù hợp với Điều 14 của Công ước ACTIP¹⁶. Ví dụ, Công ước ACTIP quy định rằng kết quả xác định nạn nhân ở một quốc gia phải được tự động công nhận ở một quốc gia khác, cũng như Công ước ACTIP cũng quy định nạn nhân được xác định có quyền tiếp cận với một loạt các hình thức hỗ trợ được xác định trước và họ không bị giam giữ không có lý do trước, trong hoặc sau giai đoạn tố tụng hình sự hoặc hành chính.

Các cam kết khác có liên quan của ASEAN đối với việc bảo vệ nạn nhân của mua bán người bao gồm: Kế hoạch hành động của ASEAN phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (bổ sung Công ước ACTIP)¹⁷; Tuyên bố về Nhân quyền ASEAN¹⁸; Tuyên bố ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (2004)¹⁹; và Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo ASEAN về Tăng cường hợp tác chống buôn bán người ở Đông Nam Á (2011)²⁰.

¹⁶ ASEAN. Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. (Gia-các-ta: 2015). <https://asean.org/asean-convention-against-trafficking-in-persons-especially-women-and-children/>

¹⁷ ASEAN. Kế hoạch hành động của ASEAN phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. (Gia-các-ta: 2012). Xem tại: <https://asean.org/wp-content/uploads/2012/05/APA-FINAL.pdf>

¹⁸ ASEAN, Tuyên bố Nhân quyền ASEAN, 18/12/2012. Xem tại: <https://asean.org/asean-human-rights-declaration/>

¹⁹ ASEAN, Tuyên bố ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, 29/11/2004. Xem tại: <https://asean.org/asean-declaration-against-trafficking-in-persons-particularly-women-and-children-4/>

²⁰ ASEAN, Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo ASEAN về Tăng cường hợp tác phòng, chống buôn bán người ở Đông Nam Á, 08/5/2011. Xem tại: <https://asean.org/asean-leaders-joint-statement-in-enhancing-cooperation-against-trafficking-in-persons-in-south-east-asia-jakarta-8-may-2011/>

Cho đến nay, ASEAN cũng đã xây dựng một số hướng dẫn và nguyên tắc về đối xử với nạn nhân của mua bán người, bao gồm Hướng dẫn về nhạy cảm giới trong làm việc với nạn nhân bị mua bán là phụ nữ (sau đây gọi là Hướng dẫn về nhạy cảm giới của ASEAN); Hướng dẫn và quy trình khu vực về giải quyết nhu cầu của nạn nhân mua bán người (sau đây được gọi là Hướng dẫn và quy trình khu vực của ASEAN); Bộ công cụ thực hiện mô hình dành cho cán bộ tuyến đầu (bổ sung cho Hướng dẫn và quy trình khu vực của ASEAN); Rà soát khu vực về luật pháp, chính sách và thực tiễn trong ASEAN liên quan đến việc xác định, quản lý và đối xử với nạn nhân của mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; và Sổ tay ASEAN về Hợp tác pháp lý quốc tế trong xử lý các vụ việc mua bán người²¹.

3. Không gây tổn hại, quyền của nạn nhân và tiến trình tư pháp hình sự

Một số nguyên tắc cơ bản của cách tiếp cận không gây tổn hại là:

- Tôn trọng và bảo vệ quyền con người;
- Không phân biệt đối xử;
- Bảo mật và quyền riêng tư và ẩn danh;
- Thông tin đầy đủ và đồng thuận;
- Tự quyết định và tham gia;
- Lợi ích tốt nhất của trẻ em; và
- Nhạy cảm giới.

²¹ ASEAN, Hướng dẫn về xử lý nạn nhân của mua bán người là phụ nữ nhạy cảm về giới. (Gia-các-ta: 2016). https://asean.org/wp-content/uploads/2012/05/FAASN_gender_8_email_REV.pdf; ASEAN, Rà soát khu vực về luật pháp, chính sách và thực tiễn trong ASEAN liên quan đến việc xác định, quản lý và đối xử với nạn nhân mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. (Gia-các-ta: 2016); Ủy ban ASEAN về Thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, Hướng dẫn và quy trình khu vực về giải quyết nhu cầu của nạn nhân mua bán người. Phụ lục: Tài liệu tham khảo và Thực hành tốt. (n.d.) https://asean.org/?static_post=asean-handbook-on-international-legal-cooperation-in-trafficking-in-persons-cases-3

Các nguyên tắc này đều được ASEAN phê duyệt trong các chính sách và tài liệu khác nhau của mình như: Công ước ACTIP, Tuyên bố nhân quyền ASEAN, Hướng dẫn nhạy cảm giới của ASEAN, Hướng dẫn và quy trình khu vực của ASEAN.

Một phần quan trọng trong ứng phó tư pháp hình sự đối với vấn đề mua bán người là bảo vệ quyền con người của nạn nhân. Việc bảo vệ quyền của nạn nhân trong vụ án mua bán người được thể hiện thông qua khuôn khổ chính sách, luật pháp khu vực và quốc tế được xây dựng toàn diện, như đã trình bày trong phần trước. Khuôn khổ này bao gồm: Công ước ACTIP, Công ước UNTOC và Nghị định thư Palermo bổ sung cho Công ước CEDAW, Công ước CRC và Công ước CRPD. Điều quan trọng cần lưu ý là những biện pháp bảo vệ này phải được đảm bảo vô điều kiện, cho dù nạn nhân có tham gia vào quá trình tư pháp hình sự hay không.

Quá trình tư pháp hình sự trong các vụ án mua bán người kéo dài từ giai đoạn ngăn chặn, điều tra đến truy tố tội phạm. Mức độ thành công ở mỗi giai đoạn phụ thuộc nhiều vào sự hợp tác và lời khai của nạn nhân. Tuy nhiên, việc xác định nạn nhân của mua bán người vẫn là một thách thức lớn ở nhiều quốc gia ASEAN. Nạn nhân của mua bán người hiếm khi tự trình diện và họ ngại tìm kiếm sự giúp đỡ vì lo sợ tội phạm mua bán người đe dọa và trả thù. Do đó, nạn nhân rất ít được tham gia vào quá trình tố tụng hình sự với tư cách là nhân chứng. Ngược lại, họ thường xuyên bị hình sự hóa và không được tiếp cận công lý, bị từ chối bồi thường cho những tổn hại đã gây ra cho họ²².

Công ước ACTIP đặt quyền của nạn

nhân lên hàng đầu và là trung tâm của mọi nỗ lực phòng, chống mua bán người, bao gồm cả trong ứng phó tư pháp hình sự²³. Mặc dù vậy, trên thực tế, nạn nhân thường xuyên chỉ được coi là một nguồn cung cấp chứng cứ trong quá trình tố tụng hình sự với trọng tâm là truy tố người phạm tội. Ví dụ: Việc cung cấp các gói hỗ trợ có điều kiện và nơi tạm trú gắn liền với sự hợp tác của nạn nhân có thể không nhất thiết dẫn đến việc kết án thành công tội phạm mua bán người. Nạn nhân không sẵn sàng có thể bị sang chấn tâm lý hoặc thể chất hoặc lo sợ bị trả thù và do đó không thể làm chứng với lời khai rõ ràng. Hơn nữa, hỗ trợ có điều kiện có thể làm trầm trọng hóa việc nạn nhân thiếu tin tưởng vào cơ quan thực thi pháp luật.²⁴ Cách tiếp cận dựa trên quyền công nhận nạn nhân của mua bán người là một nguồn tin thiết yếu và việc bảo vệ và cung cấp các biện pháp hỗ trợ mà họ cần để tham gia một cách an toàn và hiệu quả vào quá trình tư pháp hình sự có nhiều khả năng đạt được các kết quả tư pháp tốt hơn ở bình diện lâu dài.

Nạn nhân của mua bán người tham gia vào hoặc có khả năng sẽ tham gia vào quá trình tố tụng hình sự có những nhu cầu đặc biệt và những yếu tố dễ bị tổn thương cần được giải quyết. Việc tham gia vào bất kỳ quy trình pháp lý nào có thể gây ra tác động lớn về sức khỏe thể chất và tinh thần của nạn nhân, đặc biệt nếu quá trình này kéo dài. Nạn nhân thường không ý thức được quyền hợp pháp của họ và có nguy cơ bị gây tổn hại thêm trong suốt quá trình này. Nạn nhân cần được nhận thức đầy đủ về tất cả các vấn đề và rủi ro liên quan đến bất kỳ quyết định nào mà họ được Điều tra viên, Kiểm sát viên hoặc luật sư yêu cầu để từ đó có thể đưa ra quyết định sau khi được thông tin đầy đủ. Việc nạn nhân hợp tác

²² Gallagher, A T & Karlebach, N., *Truy tố các vụ án mua bán người: Tích hợp phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong Cơ quan Tư pháp hình sự (Tài liệu cơ bản)*. (n.d) Xem tại: https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Trafficking/Geneva2011BP_GallagherAndKarlebach.pdf

²³ Công ước ACTIP Điều 1.1.b

²⁴ Gallagher, A T & Karlebach, N.

nhiều hơn giúp giảm thiểu rủi ro cho những người liên quan.

Các cơ quan tư pháp và cơ quan hỗ trợ nạn nhân đồng ý tham gia vào quá trình truy tố tội phạm mua bán người có nghĩa vụ phải bảo vệ quyền riêng tư và bí mật của nạn nhân trong suốt quá trình này. Ví dụ, nghĩa vụ này bao gồm việc đảm bảo tính bảo mật nghiêm ngặt nhất với tất cả thông tin có thể tiết lộ danh tính hoặc địa chỉ của nạn nhân^{25, 26}. Quyết định không tham gia của nạn nhân cũng không được làm phương hại đến khả năng tiếp cận các hỗ trợ thiết yếu. Một số quốc gia cho nạn nhân đã được xác định khoảng thời gian suy ngẫm và phục hồi để họ có thể đưa ra quyết định được thông báo trước về việc liệu họ có sẵn sàng tham gia vào quá trình tố tụng hay không. Đây là một bước đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ quyền và hạnh phúc của nạn nhân người nước ngoài, những người có thể bị trục xuất hoặc giam giữ trái với ý muốn của họ. Khoảng thời gian suy ngẫm và phục hồi cũng có thể giúp tránh vấn đề phổ biến là nạn nhân đồng ý “giải quyết” vụ việc của họ một cách không chính thức để họ có thể trở lại cuộc sống bình thường. Những dàn xếp như vậy chắc chắn sẽ gây ra thỏa hiệp, đặc biệt là vì chúng cổ xúy cho nạn tham nhũng và kéo dài thời gian trốn tránh tội lỗi cho những người đã tham gia bóc lột nạn nhân²⁷.

Hướng dẫn và quy trình khu vực ASEAN quy định rằng nạn nhân của mua bán người có quyền được tham gia và được bày tỏ

quan điểm về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến họ. Văn kiện khẳng định rằng nạn nhân cần được khuyến khích, nhưng không bị ép buộc tham gia vào việc truy tố những người bóc lột mình. Để đạt được mục tiêu đó, mọi nỗ lực cần được thực hiện để đảm bảo họ có thể tham gia một cách tự do, an toàn và trên cơ sở thông tin đầy đủ. Hơn nữa, Hướng dẫn và quy trình khu vực ASEAN khẳng định rằng tất cả các nạn nhân của mua bán người tham gia vào điều tra hoặc truy tố những người bóc lột họ phải được bảo vệ, hỗ trợ, giúp đỡ đầy đủ và hợp pháp trong suốt thời gian họ tham gia tố tụng hình sự.

Các biện pháp thiết thực nhằm giảm căng thẳng và tổn thương cho nạn nhân có thể bao gồm tham quan phòng xử án trước khi xét xử để nạn nhân có thể làm quen với môi trường xung quanh và xem ai sẽ ngồi ở đâu, người hộ tống đến và rời Tòa án, sử dụng các lối ra vào Tòa án riêng, khu vực chờ riêng và cung cấp thông tin thường xuyên liên quan đến việc Kiểm sát viên tiến hành tác nghiệp tại phiên tòa như thế nào trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa²⁸. Trong các phiên tòa, nạn nhân cần được cung cấp các phương án lựa chọn khi cung cấp lời khai mà họ không phải đối mặt với bị cáo. Các phương án này có thể bao gồm: Phòng chờ riêng, lối vào riêng, lời khai được ghi lại từ trước, sử dụng tên giả, xét xử kín, biến dạng hình ảnh/âm thanh, gương một chiều, màn chắn hoặc rèm cửa.

Các cơ quan tư pháp cần tìm ra các hình thức khác nhau để thu được lời khai làm chứng cứ từ nạn nhân mà không cần giữ họ trong thời gian dài tại các cơ sở tạm trú²⁹. Điều này có thể bao gồm việc lấy lời khai trước phiên tòa, ghi hình lời khai hoặc lời

²⁵ Như đã đề cập trong *Hướng dẫn dành cho cán bộ tuyển đầu ASEAN*: “Nạn nhân, nhân chứng và khi cần thiết, gia đình của họ, cần được bảo vệ để không bị trả thù. Cần có khung luật pháp để bảo vệ tính riêng tư của nạn nhân/nhân chứng và đảm bảo bí mật các thông tin nhận dạng của họ.” Phần một E.1 và E.2.

²⁶ Công ước ACTIP Điều 14(6).

²⁷ Bộ công cụ hướng dẫn thực hiện mô hình dành cho cán bộ tuyển đầu của ASEAN (2019).

²⁸ Hướng dẫn dành cho cán bộ tuyển đầu ASEAN, Phần một F.4. Hướng dẫn nhạy cảm giới ASEAN Đoạn 3.6.

²⁹ Sđd. Xem thêm: Văn phòng Cao ủy Nhân quyền. *Các nguyên tắc và hướng dẫn khuyến nghị về nhân quyền và mua bán người*. (n.d.). <https://www.ohchr.org/Documents/Publications/Traffickingen.pdf>

khai qua liên kết video. Nếu nạn nhân sẵn sàng làm chứng, hãy áp dụng việc lấy lời khai trước phiên tòa, liên kết video và các phiên tòa cấp tốc, nếu khung pháp lý cho phép điều đó để giúp rút ngắn thời gian lưu trú bắt buộc trong các cơ sở tạm trú của đóng then cài³⁰. Có thể tìm hiểu khả năng sử dụng chứng cứ bổ sung và giám định/nhân chứng khác làm hình thức thay thế cho lời khai của nạn nhân nếu việc lấy lời khai của nạn nhân có khả năng gây tổn hại cho họ. Việc sử dụng chứng cứ bổ sung cũng có nghĩa là vụ án không chỉ dựa vào lời khai của nạn nhân và có thể được tiến hành nếu nạn nhân không thể hoặc không muốn đối chứng.

Điều đáng chú ý là cả Công ước ACTIP và Hướng dẫn và quy trình khu vực của ASEAN đều công nhận quyền của tất cả các nạn nhân của mua bán người được tiếp cận các biện pháp khắc phục hậu quả. Điều này bao gồm tiền bồi thường cho những tổn hại mà nạn nhân phải gánh chịu và tiền lương không được trả. Các nước ASEAN có trách nhiệm xây dựng luật pháp và thủ tục cần thiết để quy định việc bồi thường và giúp nạn nhân nhận thức được quyền của họ trong việc tiếp cận các biện pháp khắc phục hậu quả. Khi thích hợp, các hình thức hỗ trợ và trợ giúp nên được thực hiện thông qua các tổ chức xã hội dân sự có liên quan. Cần áp dụng các biện pháp đặc biệt để đảm bảo rằng nạn nhân là người nước ngoài không bị cản trở trong việc tiếp cận và nhận tiền bồi thường.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng bồi thường, ngay cả dưới hình thức lương chưa được trả, có thể mang lại lợi ích mang tính phục hồi lớn về mặt kinh tế và giúp giảm thiểu cảm giác sang chấn của nạn nhân³¹. Tuy nhiên, trên thực tế, khả năng tiếp cận với các khoản bồi thường của nạn nhân của mua bán người

là rất hạn chế. Trong khu vực Đông Nam Á, nạn nhân thường không biết về quyền được bồi thường của mình và những gì họ cần làm để xin được bồi thường³². Nạn nhân là người nước ngoài tạm trú ở quốc gia khác thường bị trả về bản quán trước khi họ kịp yêu cầu hoặc nhận tiền bồi thường³³. Việc bồi thường cũng thường phụ thuộc vào kết quả kết án người phạm tội và khả năng bồi hoàn của họ. Không hiếm trường hợp các vụ án mua bán người được giải quyết “không chính thức” thông qua việc thủ phạm trả tiền cho nạn nhân³⁴. Do đó, nỗ lực thực hiện các biện pháp khắc phục hiệu quả trong đó có bồi thường phải bao gồm nỗ lực xóa bỏ các rào cản về thủ tục và pháp lý bằng cách đảm bảo rằng nạn nhân của mua bán người nhận được thông tin, hỗ trợ và trợ giúp mà họ cần để tiếp cận.

Ở Đông Nam Á, mua bán người vẫn là vấn đề liên quan đến giới sâu sắc trong hình thức và tác động của nó, trong đó phụ nữ và trẻ em gái bị mua bán để bóc lột tình dục và làm giúp việc gia đình trong khi nam giới và trẻ em trai bị mua bán để cưỡng bức lao động trong các lĩnh vực đánh cá, xây dựng và đồn điền. Khu vực ASEAN có số lượng lớn lao động nhập cư không thường xuyên, họ là mục tiêu dễ dàng cho tội phạm mua bán người và những người tìm cách bóc lột họ. Trẻ em gái thuộc các nhóm dân tộc thiểu số, đặc biệt là từ Việt Nam, Lào và My-an-mar rất dễ bị mua bán để ép buộc kết

³⁰ Báo cáo rà soát khu vực của ACWC Khuyến nghị 4.1.

³¹ Liên Hợp Quốc. Nhân quyền và mua bán người: Tờ thông tin số 36. (Niu-ooc & Gio-ne-vơ: 2014). Xem tại: https://www.ohchr.org/documents/publications/fs36_en.pdf

³² Hội đồng Châu Âu, So sánh cơ chế và hành động pháp lý phòng, chống buôn người của Hội đồng châu Âu và ASEAN: Thực tế, khuôn khổ và khả năng hợp tác. (Pháp: 2018). Xem tại: <https://rm.coe.int/coe-asean-study-thb/16808c1b91>.

³³ Tiến trình Ba-li, Hướng dẫn chính sách về bảo vệ nạn nhân mua bán người. (5/2015). Xem tại: [https://www.baliprocess.net/UserFiles/baliprocess/File/Bali%20Process%20Policy%20Guide%20on%20Protecting%20Victims%20of%20Trafficking%20\(1\).pdf](https://www.baliprocess.net/UserFiles/baliprocess/File/Bali%20Process%20Policy%20Guide%20on%20Protecting%20Victims%20of%20Trafficking%20(1).pdf).

³⁴ ASEAN. *Bộ công cụ thực hành mẫu dành cho cán bộ tuyển dẫu của Hướng dẫn và quy trình khu vực để giải quyết nhu cầu của nạn nhân mua bán người của Ủy ban ACWC* (2019).

hôn. Những người tự nhận mình là đồng tính nữ, đồng tính nam, lưỡng tính, chuyển giới, có xu hướng tính dục và bản dạng giới khác biệt, đang trong giai đoạn tìm hiểu bản thân và liên giới tính (LGBTQI) tiếp tục chịu sự kỳ thị ở nhiều nước ASEAN và mua bán người đối với nhóm này vẫn là một vấn đề ít được báo cáo.

Giới và tình trạng kinh tế xã hội của nạn nhân của mua bán người ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận quyền, các biện pháp bảo vệ và các hình thức trợ giúp họ. Nạn nhân thuộc các nhóm yếu thế có khả năng bị tổn hại nhiều hơn, cho dù có cố ý hay không, trong quá trình tố tụng hình sự. Về vấn đề này, việc không xem xét các yếu tố dễ bị tổn thương cụ thể của họ trong việc cung cấp các biện pháp bảo vệ và các hình thức hỗ trợ có thể khiến tình hình của họ trở nên tồi tệ hơn trước. Nhiều người trong số họ có thể miễn cưỡng tự nhận mình là nạn nhân khi làm việc với cơ quan chức năng hoặc hợp tác toàn diện với các nhà cung cấp dịch vụ. Trong khu vực Đông Nam Á, các dịch vụ hỗ trợ cho một số nhóm này, chẳng hạn như nam giới và trẻ em trai, người khuyết tật, nhóm LGBTQI... nói chung còn hạn chế.

Điều quan trọng đối với các Chính phủ ASEAN là xóa bỏ định kiến tư pháp trong hệ thống tư pháp như một bước quan trọng trong việc đảm bảo bình đẳng và công lý cho các nạn nhân và người làm chứng. Điều này có thể đạt được bằng cách tổ chức tập huấn đầy đủ và thường xuyên về các luật và công ước quốc tế có liên quan về quyền con người, cũng như về định kiến giới và thành kiến vô thức. Các rủi ro cụ thể liên quan đến các nhóm yếu thế trong bất kỳ thủ tục pháp lý nào cần được đánh giá kỹ lưỡng và thảo luận với nạn nhân trước khi thực hiện.

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, những tổn hại cụ thể về thể chất và tâm lý mà trẻ em bị mua bán có thể phải chịu và tính dễ bị bóc lột ngày càng tăng

của các em, đồng nghĩa với việc các em có thể cần được hỗ trợ bổ sung và phù hợp với từng trường hợp³⁵. Lợi ích tốt nhất của trẻ em cần được xem xét đầu tiên trong tất cả các quyết định hoặc hành động có ảnh hưởng đến trẻ em. Trẻ em bị mua bán, theo độ tuổi, sự trưởng thành và trải nghiệm bị mua bán, có những nhu cầu hỗ trợ cụ thể và được hỗ trợ chuyên biệt; do đó các em cần được chăm sóc chuyên biệt. Cần đặc biệt chú ý đến việc đánh giá và đáp ứng các yêu cầu của trẻ em có nhu cầu đặc biệt như trẻ rất nhỏ, trẻ khuyết tật, trẻ bị bóc lột và xâm hại nghiêm trọng theo quy định của Công ước về Quyền trẻ em (mà tất cả các nước ASEAN là quốc gia thành viên).³⁶

Một trong những tổn hại lớn nhất có thể xảy ra đối với nạn nhân bị mua bán là trẻ em là không được xác định và đối xử như nạn nhân. Trẻ em bị mua bán thường xuyên bị cơ quan chức năng xác định nhầm. Một khi các em bị xác định sai, cơ quan chức năng sẽ đưa ra các quyết định không chính xác và không phù hợp về những gì sẽ xảy ra tiếp theo với các em và các em không được cung cấp các biện pháp bảo vệ đặc biệt mà các em đáng ra được hưởng. Việc xác định sai cũng xảy ra theo chiều ngược lại. Trẻ em không bị mua bán có thể bị chặn lại vì cán bộ xuất nhập cảnh hoặc cảnh sát nghi ngờ rằng các em đang bị mua bán và các em có thể cảm thấy mình là đối tượng bị phân biệt đối xử³⁷.

Điều quan trọng là cán bộ tuyển đầu cần ghi nhận rằng không phải tất cả nạn nhân bị mua bán là trẻ em đều có biểu hiện

³⁵ Hội nghị bàn tròn quốc gia của Chính phủ Ô-xtrây-li-a về Nạn buôn người và nô lệ, *Hướng dẫn dành cho các tổ chức phi chính phủ làm việc với nạn nhân bị mua bán* (Ấn bản thứ ba) 2015. Xem tại: <https://www.homeaffairs.gov.au/criminal-justice/files/guidelines-ngos-working-with-trafficked-people.PDF>

³⁶ Hướng dẫn và quy trình khu vực ASEAN.

³⁷ UNICEF, *Hướng dẫn tham khảo về bảo vệ quyền trẻ em của nạn nhân bị buôn bán ở Châu Âu*. (Gio-ne-vơ: 2006).

giống nhau. Các em có thể trông già dặn hơn tuổi 18. Hộ chiếu của các em có thể đã bị phá hủy hoặc bị tịch thu. Các em có thể mang theo giấy tờ tùy thân giả để khai sai tuổi của mình. Nạn nhân bị mua bán là trẻ em có thể nói dối về tuổi của mình vì đây là những gì các em được những người bóc lột mình yêu cầu phải nói. Các em có thể nói dối vì sợ bị đưa vào cơ sở chăm sóc hoặc bị hồi hương³⁸. Vì nạn nhân bị mua bán là trẻ em hiếm khi có thể tự thoát khỏi hoàn cảnh bị bóc lột nên họ phải dựa vào các biện pháp xác định nạn nhân chủ động của các cơ quan chính phủ, tổ chức xã hội dân sự và tổ chức phúc lợi xã hội địa phương thực hiện³⁹.

4. Kết luận

Nhiều nạn nhân của tội phạm mua bán người không thấy được lợi ích cụ thể từ việc tham gia vào tiến trình tố tụng hình sự. Họ sợ bị hình sự hóa, bị bắt, bị giam giữ hoặc bị trục xuất vì ở lại bất hợp pháp hoặc tham gia vào hoạt động bất hợp pháp. Họ sợ bị đối tượng mua bán người, người sử dụng lao động, môi giới mua bán người, ma cô dẫn mối và các quan chức thực thi pháp luật trả thù. Họ sợ bị gia đình hoặc cộng đồng chế nhạo, từ chối và trừng phạt nếu họ bị xác định là nạn nhân của mua bán người. Nạn nhân của mua bán người có thể bị sang chấn và tổn thương thêm thông qua quá trình tìm kiếm các biện pháp bảo vệ và công lý.

Như đã phân tích, tổn hại đối với nạn nhân, gia đình của họ và những người hỗ trợ họ tồn tại dưới nhiều hình thức - thể chất, tâm lý, pháp lý, xã hội và kinh tế. Tổn hại không phải lúc nào cũng nhìn thấy

được. Đánh giá của nạn nhân về những gì gây ra và không gây ra tổn hại có thể khác với những người hỗ trợ họ; nó cũng có thể khác với nhận thức của gia đình họ về thế nào là tổn hại. Ngoài ra, tổn hại thường gia tăng đối với các nhóm xã hội vốn đã bị phân biệt đối xử do các yếu tố giới, dân tộc, tính dục, khuyết tật, sức khỏe tâm thần, quyền công dân, tình trạng kinh tế xã hội hoặc các đặc điểm khác của họ.

Điều quan trọng là các cơ quan tư pháp làm việc với nạn nhân của mua bán người phải áp dụng cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm và dựa trên quyền để đánh giá tác hại và rủi ro. Điều này bao gồm cùng nạn nhân xác định yếu tố cấu thành tổn hại trong mỗi trường hợp, thông báo và tư vấn cho họ ở mọi bước của quy trình. Bởi lẽ, mỗi nạn nhân đều có một bản sắc xã hội riêng và trải nghiệm bị mua bán khác nhau nên không thể có “một cách tiếp cận phù hợp với tất cả” để giảm thiểu tác hại. Thay vào đó, các cơ quan tư pháp cần sử dụng khả năng phán đoán và chuyên môn của mình khi làm việc với nạn nhân để phân tích, đánh giá và giảm thiểu tổn hại tiềm ẩn.

Làm như vậy sẽ hỗ trợ việc xây dựng mối quan hệ và lòng tin giữa cán bộ tư pháp và nạn nhân mà họ làm việc cùng. Sự tin tưởng này và cảm giác được bảo vệ và hỗ trợ của nạn nhân thường là yếu tố quan trọng để truy tố thành công và cuối cùng là mang lại kết quả xét xử tốt hơn khi xử lý các vụ án mua bán người./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arie Firdaus, “In-đô-nê-xi-a khám phá vụ buôn người lớn nhất, bắt giữ 8 kẻ tình nghi”, (Gia-các-ta 2019). Xem thêm: <https://www.benarnews.org/english/news/indonesian/trafficking-arrests-04092019150904.html>
2. ASEAN (2012), Tầm nhìn ASEAN 2020 (https://asean.org/?static_post=asean-vision-2020)

³⁸ OHCHR. Nhân quyền và mua bán người: Tờ thông tin số 36. (Niu-Ooc và Gio-ne-vơ: 2014).

³⁹ UNICEF. Hướng dẫn về bảo vệ trẻ em nạn nhân của mua bán người. Hướng dẫn kỹ thuật của UNICEF (Niu-ooc 2006) https://ec.europa.eu/anti-trafficking/sites/antitrafficking/files/unicef_guidelines_on_protection_of_the_rights_of_teh_child_2006_en_2.pdf

3. ASEAN, Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. (Gia-các-ta: 2015). <https://asean.org/asean-convention-against-trafficking-in-persons-especially-women-and-children/>

4. ASEAN, Kế hoạch hành động của ASEAN phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. (Gia-các-ta: 2012) Xem tại <https://asean.org/wp-content/uploads/2012/05/APA-FINAL.pdf>

5. ASEAN, Tuyên bố Nhân quyền ASEAN, 18/11/2012. <https://asean.org/asean-human-rights-declaration/>

6. ASEAN, Tuyên bố ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. 29/11/2004. Xem tại: <https://asean.org/asean-declaration-against-trafficking-in-persons-particularly-women-and-children-4/>

7. ASEAN, Tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo ASEAN về Tăng cường hợp tác phòng, chống buôn bán người mua bán người ở Đông Nam Á. Gia-các-ta: 08/5/2011. Xem tại: <https://asean.org/asean-leaders-joint-statement-in-enhancing-cooperation-against-trafficking-in-persons-in-south-east-asia-jakarta-8-may-2011/>

8. ASEAN, Hướng dẫn về nhạy cảm giới khi làm việc, tiếp xúc với nạn nhân của mua bán người là phụ nữ (Gia-các-ta: 2016). https://asean.org/wp-content/uploads/2012/05/FAASN_gender_8_email_REV.pdf

9. Ủy ban ASEAN về Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền của Phụ nữ và Trẻ em, Hướng dẫn và quy trình khu vực để giải quyết nhu cầu của nạn nhân mua bán người. Phụ lục: Tài liệu tham khảo và thực hành tốt. (n.d.)

10. ASEAN, Bộ công cụ thực hiện mô hình dành cho cán bộ tuyến đầu của Hướng dẫn và thủ tục khu vực của ACWC để giải quyết nhu cầu của nạn nhân buôn người (2019).

11. ASEAN, Rà soát khu vực về luật, chính

sách và thực tiễn trong ASEAN liên quan đến xác định, quản lý và đối xử với nạn nhân của buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. (Gia-các-ta: 2016)

12. Hội nghị bàn tròn quốc gia của Chính phủ Ô-xtrây-li-a về mua bán người và nô lệ. Hướng dẫn dành cho các tổ chức phi chính phủ làm việc với nạn nhân bị mua bán (Ấn bản thứ ba). (2015). <https://www.homeaffairs.gov.au/criminal-justice/files/guidelines-ngos-working-with-trafficked-people.PDF>

13. Hội đồng Châu Âu, So sánh cơ chế và hành động pháp lý phòng, chống buôn người của Hội đồng châu Âu và ASEAN: Thực tế, khuôn khổ và khả năng hợp tác. (Cộng hòa Pháp: 2018). <https://rm.coe.int/coe-asean-study-thb/16808c1b91>

14. Hội đồng Đối ngoại, “Covid-19 và nô lệ thời hiện đại: Thách thức, cơ hội và tương lai của cuộc chiến”, 28/4/2020. Xem tại: <https://www.cfr.org/blog/covid-19-and-modern-slavery-challenges-opportunities-and-future-fight>

15. Gallagher, A T & Karlebach, N, *Truy tố các vụ án mua bán người: Tích hợp phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong Cơ quan tư pháp hình sự* (Tài liệu cơ bản). (n.d) Xem tại: https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Trafficking/Geneva2011BP_GallagherAndKarlebach.pdf

16. Quỹ Toàn cầu chấm dứt chế độ nô lệ hiện đại, “Các đối tác của Phi-líp-pin hỗ trợ Ba-ranh kết tội 8 tội phạm buôn người, hai lao động di cư Phi-líp-pin bị kết tội” (12/2020). Xem tại: <https://www.gfems.org/news/2020/5/12/philippines-partners-assist-bahrain-in-conviction-of-eight-traffickers-guilty-of-trafficking-two-ofws>

17. Nhóm điều phối liên cơ quan phòng, chống mua bán người (ICAT), Áp dụng các biện pháp khắc phục một cách hiệu quả cho nạn nhân của mua bán người, Tài liệu chuyên

khảo (Niu-ooc: 2016). http://icat.network/sites/default/files/publications/documents/Ebook%20ENG_0.pdf

18. Văn phòng Cao ủy Nhân quyền, Nguyên tắc và hướng dẫn khuyến nghị về nhân quyền và mua bán người. (n.d.) Hướng dẫn số 6 về bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán. Xem tại <https://www.ohchr.org/Documents/Publications/Traffickingen.pdf>

19. OHCHR, Nhân quyền và mua bán người: Tờ thông tin số 36. (Niu-Ooc và Gio-ne-vơ: 2014).

20. Rende Taylor, L. & Latonero, M. *Hướng dẫn cập nhật về đạo đức và quyền con người trong phòng, chống mua bán người: Tiêu chuẩn đạo đức khi làm việc với người lao động nhập cư và người bị buôn bán trong thời đại kỹ thuật số*. (Băng Cốc, Viện Issara: 2018) https://44f2713d-a205-4701-bba3-8d419653b4b6.filesusr.com/ugd/5bf36e_1307f698e5ec46b6b2fc7f4391bff4b6.pdf

21. Tania E. DoCarmo, “Những cân nhắc về đạo đức khi nghiên cứu mua bán người”, 31/10/2019. Xem tại: https://link.springer.com/referenceworkentry/10.1007%2F978-3-319-63058-8_40

22. Tiến trình Bali, Hướng dẫn chính sách về bảo vệ nạn nhân mua bán người. (05/2015). [https://www.baliprocess.net/UserFiles/baliprocess/File/Bali%20Process%20Policy%20Guide%20on%20Protecting%20Victims%20of%20Trafficking%20\(1\).pdf](https://www.baliprocess.net/UserFiles/baliprocess/File/Bali%20Process%20Policy%20Guide%20on%20Protecting%20Victims%20of%20Trafficking%20(1).pdf)

23. Quỹ Thomson Reuters, “Các vụ buôn người ở Thái Lan xuống mức thấp nhất trong thập kỷ do COVID-19”, 21/01/2021. Xem <https://news.trust.org/item/20210120230109-6b7h0/>

24. Quỹ Thomson Reuters, “Đại dịch đã thúc đẩy “nạn buôn bán cô dâu” ở Cam-pu-chia sang Trung Quốc”, 11/12/2020. Xem tại: <https://news.trust.org/item/20201211123838-a14e5/>

25. Trương Hà, “Người phụ nữ từng là nạn nhân bị kết án vì tội bán sáu người Việt sang Trung Quốc làm mại dâm”, 18/11/2020. Xem tại <https://e.vnexpress.net/news/news/former->

victim-jailed-for-trafficking-four-vietnamese-women-to-china-4193561.html

26. Liên Hợp Quốc. Tờ thông tin nhân quyền và mua bán người 36. (Niu-Ooc & Gio-ne-vơ: 2014). https://www.ohchr.org/documents/publications/fs36_en.pdf

27. UNICEF, Hướng dẫn tham khảo về bảo vệ quyền trẻ em của nạn nhân buôn bán ở Châu Âu. (Gio-ne-vơ: 2006). https://www.ohchr.org/documents/publications/fs36_en.pdf

28. UNICEF, Hướng dẫn về bảo vệ trẻ em nạn nhân của mua bán người. Hướng dẫn kỹ thuật của UNICEF (Niu-Ooc 2006) https://ec.europa.eu/anti-trafficking/sites/antitrafficking/files/unicef_guidelines_on_protection_of_the_rights_of_teh_child_2006_en_2.pdf

29. UNODC, Sổ tay hướng dẫn phòng, chống mua bán người cho cán bộ tư pháp hình sự tuyến đầu: Đánh giá rủi ro trong điều tra mua bán người. (Niu-Ooc: 2009). Xem tại: https://www.unodc.org/documents/human-trafficking/TIP_module5_Ebook.pdf

30. UNODC (2020), “Tác động của đại dịch COVID-19 đối với nạn mua bán người. Những phát hiện sơ bộ và thông điệp dựa trên đánh giá nhanh.” Viên: UNODC. Xem tại: https://www.unodc.org/documents/Advocacy-Section/HTMSS_Thematic_Brief_on_COVID-19.pdf

31. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2020) Báo cáo mua bán người năm 2020. Oa-xinh-ton, DC: Văn phòng của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ về giám sát và phòng, chống mua bán người. Xem tại: <https://www.state.gov/wp-content/uploads/2020/06/2020-TIP-Report-Complete-062420-FINAL.pdf>

32. Yusran, R (2018), “Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người: Đánh giá sơ bộ”. Tạp chí Luật quốc tế châu Á, Tập 8 (1), trang 258–92.

KINH NGHIỆM CỦA THÁI LAN TRONG VIỆC TẬP HỢP, ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG CHỨNG CỨ ĐIỆN TỬ TRONG VIỆC XỬ LÝ CÁC VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI

THAPANA BHASATHITI SANYABUTRA*

Theo thống kê của Trung tâm Tìm kiếm trẻ em mất tích và bị bóc lột (NCMEC) của Hoa Kỳ, Thái Lan là nước có tỷ lệ người dùng mạng Internet truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em lớn thứ 3 trên thế giới với 10% (Nanchanok, 2020). Con số này cũng thống nhất với kết quả của khảo sát do Cơ quan Xúc tiến kinh tế số (DEPA) thuộc Bộ Kinh tế số và Xã hội Thái Lan thực hiện, trong đó cho thấy 60% trẻ em Thái Lan từ 8 đến 12 tuổi có khả năng bị đe dọa trên mạng Internet, đồng thời chỉ ra rằng trẻ em Thái Lan có nhiều khả năng tiếp cận văn hoá phẩm khiêu dâm và bị đối tượng xâm hại tình dục dụ dỗ (DEPA, 2019). Từ thực tế đó, Thái Lan đã thực hiện các biện pháp đặc biệt nhằm thu thập chứng cứ điện tử, cũng như sử dụng phương tiện điện tử để điều tra vụ án mua bán người khi tội phạm sử dụng công nghệ thông tin hiện đại để thực hiện hành vi phạm tội.

Từ khóa: Tội phạm, mua bán người, chứng cứ điện tử, phương tiện điện tử.

Ngày nhận bài: 01/7/2021; Biên tập xong: 01/7/2021; Duyệt đăng: 01/7/2021

According to the U.S. National Center for Missing and Exploited Children (NCMEC), Thailand has the third largest percentage of Internet users spreading child pornography in the world (Nanchanok, 2020). This figure is also consistent with the results of a survey conducted by the Digital Economy Promotion Agency (DEPA) under the Ministry of Digital Economy and Society of Thailand, which showed that 60% of Thai children aged 8 to 12 are likely to be exploited online. It also indicates that Thai children are more likely to access pornography and be seduced by sexual abusers (DEPA, 2019). From that situation, as more criminals are using technology to commit human trafficking crimes, Thailand has taken special measures to collect electronic evidence, as well as conduct electronic investigations.

Keywords: Crime, human trafficking, electronic evidence, electronic means.

Mua bán người là một trong những loại hình tội phạm xuyên quốc gia có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, đồng thời là một vấn nạn nghiêm trọng có nguồn gốc từ vấn đề kinh tế - xã hội. Mua bán người đã trở thành một vấn đề mang tầm quốc tế; công tác phòng, chống mua bán người ngày càng được nhiều quốc gia chú trọng hơn. Thái Lan là một trong những quốc gia Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ tội phạm mua bán người, đặc biệt là khi các băng nhóm tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia lợi dụng nước này để trục

lợi từ hoạt động mua bán người. Quốc gia này đóng vai trò là cả nước nguồn, nước trung chuyển và nước đích đến đối với nạn nhân bị mua bán, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bị mua bán nhằm mục đích cưỡng bức lao động và bóc lột tình dục.

Khái niệm “mua bán người” được áp dụng lần đầu tiên trong khung pháp lý của Thái Lan khi Đạo luật Phòng, chống mua bán người B.E. 2551 (2008) (sau đây gọi tắt

* Cán bộ phụ trách các vụ án đặc biệt - Đơn vị phòng chống tội phạm mua bán người - Cục Điều tra Đặc biệt (DSI) Thái Lan

là “Đạo luật PCMBN”) được ban hành và có hiệu lực từ ngày 05/6/2008. Định nghĩa “mua bán người” của Thái Lan thống nhất với định nghĩa “buôn bán người” trong Nghị định thư của Liên Hợp Quốc về Ngăn ngừa, trừng trị và trấn áp tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (“Nghị định thư Palermo”). Theo Điều 6, khoản 1 Điều 6 và Điều 4 của Đạo luật PCMBN của Thái Lan, “mua bán người” đề cập đến việc trục lợi từ hoạt động mại dâm, sản xuất hoặc truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm, và các hình thức bóc lột khác - bao gồm bóc lột tình dục, bóc lột nô lệ, cưỡng ép ăn xin, cưỡng bức lao động, mua bán nội tạng, hoặc bất kỳ hành vi tương tự nào khác để cưỡng ép người khác trái với ý muốn của họ nhằm mục đích trục lợi. Theo thống kê của Văn phòng Tổng Chương lý Thái Lan (Cục Tổ tụng Mua bán người, 2020), trong năm tài chính 2020 (tháng 10/2019 - tháng 9/2020), tổng số bị can bị truy tố theo Đạo luật PCMBN trên toàn quốc là 713 người, trong đó có 617 bị can người Thái Lan và 96 bị can người nước ngoài. Phân loại vụ án theo hình thức bóc lột nạn nhân bị mua bán cho thấy 62,15% là bóc lột mại dâm; 16,14% là bóc lột nô lệ; 10,01% là cưỡng bức lao động; 5,57% là các hình thức bóc lột tình dục khác và 2,60% là sản xuất, truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm. Điều này cho thấy bóc lột tình dục là hình thức bóc lột chủ yếu của loại tội phạm này.

Tuy nhiên, Bộ Phát triển xã hội và An ninh con người (Đơn vị Phòng chống mua bán người, 2021) cho biết, về mặt thống kê, tội phạm mua bán người ở Thái Lan có xu hướng giảm trong 04 năm gần đây nhờ tăng cường bắt giữ đối tượng mua bán người cũng như tác động của đại dịch COVID-19 khiến hoạt động của tội phạm

mua bán người trở nên khó khăn hơn. Thế nhưng theo Báo cáo về tình hình tội phạm mua bán người của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2020, trang 482-487), tiến triển của Thái Lan về phòng chống tội phạm mua bán người chưa được coi là thoả đáng và Thái Lan được phân loại là nước thuộc Nhóm 2. Báo cáo này cũng cho biết các đối tượng mua bán người đang tăng cường tuyển mộ và dụ dỗ các bé trai và bé gái Thái Lan thực hiện các hành vi tình dục để sản xuất văn hoá phẩm khiêu dâm (phim, ảnh) đăng trên Internet. Trong một số trường hợp, đối tượng mua bán người sử dụng thủ đoạn dọa phát tán các phim, ảnh khiêu dâm để ép buộc các em thực hiện hành vi khiêu dâm. Đây là một vấn đề thách thức đối với các cơ quan thực thi pháp luật của Thái Lan, đòi hỏi các cơ quan này phải tăng cường nâng cao năng lực về công nghệ để đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người sử dụng công nghệ.

1. Tội phạm mua bán người liên quan đến việc sản xuất, truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em ở Thái Lan

Văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em là sản phẩm phát sinh của tội phạm xâm hại tình dục trẻ em. Đối tượng ấu dâm sử dụng chính văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em để dụ dỗ trẻ em nhằm mục đích xâm hại tình dục. Loại hình tội phạm này có liên quan chặt chẽ với tội phạm mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em... Thái Lan nằm trong số ít các quốc gia đã nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ trẻ em để các em không trở thành nạn nhân của tội phạm xâm hại tình dục trẻ em. Đồng thời, Thái Lan đã ban hành luật về phòng chống văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em làm cơ sở pháp lý cho công tác phòng, chống loại hình tội

phạm này. Luật của Thái Lan nghiêm cấm các hành vi truyền bá, mua bán văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em, bóc lột liên quan đến khiêu dâm trẻ em, đồng thời nghiêm cấm hành vi tàng trữ văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em, coi đây là tội phạm hình sự. Quy định này tuân thủ Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em (hành vi tàng trữ văn hoá phẩm khiêu dâm thông thường không bị coi là vi phạm pháp luật hình sự hoặc vi phạm pháp luật nói chung). Trong số các thách thức mà Thái Lan phải đối mặt trong hoạt động phòng, chống mua bán người, ngoài việc tội phạm mạng lợi dụng tiến bộ công nghệ để thực hiện hành vi phạm tội, chính sách xúc tiến du lịch của quốc gia này khiến số lượng khách du lịch ngày càng tăng, đồng thời khiến tội phạm liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em cũng tăng tương ứng. Nghèo đói và sự phát triển xã hội dãn trải không có ưu tiên theo các nhóm xã hội khác nhau đã dẫn đến việc thiếu quan tâm đến sự phát triển của người chưa thành niên. Từ đó, gia tăng về số lượng trẻ em bị dụ dỗ tham gia sản xuất văn hoá phẩm khiêu dâm và trở thành nạn nhân của tội phạm mua bán người.

Ngoài việc tham gia sản xuất văn hoá phẩm khiêu dâm, số lượng trẻ em sử dụng văn hoá phẩm khiêu dâm cũng ngày càng tăng, làm trầm trọng hơn tình hình tội phạm về sản xuất, truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em. Năm 2015, Thái Lan ban hành Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự (Số. 24) B.E. 2558 (2015) làm cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng ngừa và trấn áp tội phạm liên quan đến truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em trên mạng Internet. Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự quy định việc tàng trữ văn

hoá phẩm khiêu dâm trẻ em là tội phạm hình sự, thống nhất với Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em và Nghị định thư không bắt buộc về Mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em, bổ sung cho Công ước về Quyền trẻ em. Ngoài ra, các hành vi tập hợp, mua, bán, bán tự động, giao, nhận, giam giữ, nhốt, chứa chấp hoặc nhận bất kỳ người nào dưới 18 tuổi nhằm mục đích sản xuất hoặc truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm sẽ bị coi là hành vi mua bán người theo khoản 2 Điều 6 và Điều 4 của Đạo luật PCMBN và bị phạt tù từ 04 đến 15 năm. Tuy nhiên, dường như loại hình tội phạm này càng trở nên nghiêm trọng hơn trong thời gian gần đây do tiến bộ công nghệ và việc truy cập Internet ngày càng thuận tiện. Điều này khiến việc sản xuất, truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em trên mạng Internet ngày càng trở nên dễ dàng, trong khi việc xoá các nội dung này khỏi mạng Internet thì khó khăn hơn. Hệ quả là các nạn nhân trẻ em ngày càng bị ảnh hưởng nặng nề cả về thể chất và tinh thần, tác động xã hội cũng ngày càng lớn.

2. Các biện pháp đặc biệt nhằm thu thập chứng cứ điện tử trong các vụ án mua bán người ở Thái Lan

Báo cáo về tình hình tội phạm mua bán người cho thấy đối tượng phạm tội trong một số vụ án mua bán người đã sử dụng công nghệ thông tin liên lạc hiện đại như điện thoại, tin nhắn, phòng trò chuyện trực tuyến để trao đổi thông tin về các địa điểm và hoạt động tình dục. Do đó, nếu thu thập được thông tin về đối tượng phạm tội sử dụng công nghệ này thì sẽ rất hữu ích cho việc lập kế hoạch trấn áp tội phạm (bao gồm xác định đối tượng mua bán người, đối tượng sử dụng văn hoá phẩm khiêu

dâm, thu thập chứng cứ để bắt giữ và truy tố đối tượng mua bán người). Tuy nhiên, hầu hết chứng cứ điện tử là thông tin cá nhân hoặc thuộc quyền sở hữu của các đơn vị cung cấp dịch vụ như các công ty viễn thông, ngân hàng... Quyền riêng tư của công dân được Hiến pháp Thái Lan bảo vệ nên việc điều tra các thông tin này bị coi là vi phạm pháp luật về quyền riêng tư (bao gồm cả việc kiểm tra thông tin cá nhân trong máy tính, thiết bị thông tin liên lạc, hoặc thông tin do con người tạo ra thông qua các phương tiện điện tử). Nếu chỉ dựa trên quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì không có đủ cơ sở pháp lý cho việc thu thập các chứng cứ điện tử có vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa và trấn áp tội phạm mua bán người.

Thống nhất với cam kết của Thái Lan về việc tập trung giải quyết vấn nạn mua bán người khi tham gia ký kết Công ước của Liên Hợp Quốc về Phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000, Thái Lan đã triển khai áp dụng phương pháp điều tra đặc biệt, bao gồm giám sát điện thoại và thu thập thông tin trao đổi qua thiết bị điện tử theo quy định của Đạo luật PCMBN. Đạo luật này mở rộng phạm vi thông tin các cơ quan thực thi pháp luật được phép thu thập. Cụ thể, Đạo luật PCMBN quy định các biện pháp đặc biệt mà các cơ quan thực thi pháp luật được phép áp dụng để thu thập tài liệu và thông tin trao đổi qua thư, điện tín, điện thoại, và thông tin trao đổi qua thiết bị liên lạc điện tử trong phạm vi không giới hạn để dùng làm chứng cứ truy tố vụ án hình sự. Điều 30 của Đạo luật này quy định trong trường hợp có cơ sở hợp lý để tin rằng có bất kỳ tài liệu hoặc thông tin nào khác được gửi qua

đường bưu điện, điện tín, điện thoại, fax, máy tính, thiết bị thông tin liên lạc, phương tiện điện tử hoặc phương tiện công nghệ thông tin, đã được sử dụng hoặc có thể đã được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội mua bán người, thì cán bộ có thẩm quyền, với sự chấp thuận bằng văn bản của Tư lệnh Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan, Cục trưởng Cục Điều tra đặc biệt (thuộc Bộ Tư pháp), hoặc Tỉnh trưởng (tùy từng trường hợp cụ thể) có thể gửi đơn yêu cầu Tòa án Hình sự hoặc Tòa án cấp tỉnh có thẩm quyền ra lệnh cho phép cán bộ có thẩm quyền đó được tiếp cận tài liệu hoặc thông tin đó; quá trình tiếp cận tài liệu hoặc thông tin phải đảm bảo phù hợp với các tiêu chí và thủ tục được quy định trong Quy chế do Chánh án Tòa án Tối cao ban hành. Khi xem xét việc ra lệnh cho phép thu thập thông tin hoặc tài liệu, Tòa án phải cân nhắc đến ảnh hưởng của việc ra lệnh cho phép tiếp cận thông tin hoặc tài liệu đến các quyền cá nhân hoặc bất kỳ quyền nào khác dựa trên các căn cứ sau đây: (1) Có cơ sở hợp lý để tin rằng hành vi phạm tội mua bán người đã được thực hiện hoặc sắp được thực hiện; (2) Có cơ sở hợp lý để tin rằng việc tiếp cận thông tin sẽ dẫn đến việc thu thập được thông tin về hành vi phạm tội mua bán người; (3) Không có phương pháp nào khác phù hợp hoặc hiệu quả hơn. Lệnh cho phép tiếp cận thông tin do Tòa án ban hành có thời hạn không quá 90 ngày, có thể được ban hành trên cơ sở có điều kiện hoặc không có điều kiện. Người có liên quan đến tài liệu hoặc thông tin nêu trong lệnh cho phép tiếp cận tài liệu hoặc thông tin có nghĩa vụ hợp tác với cơ quan thực thi pháp luật nhằm đảm bảo tuân thủ với các quy định trong Điều này. Sau khi lệnh cho phép tiếp cận tài liệu hoặc thông tin đã được ban hành, nếu xét thấy căn cứ về sự cần thiết phải tiếp cận tài liệu hoặc thông tin không đúng như đã nêu trong

đơn yêu cầu hoặc tình hình đã thay đổi, Tòa án có quyền điều chỉnh lệnh cho phép tiếp cận tài liệu hoặc thông tin. Trong quá trình thi hành lệnh của Tòa án, cán bộ có thẩm quyền có thể yêu cầu sự hỗ trợ từ bất cứ người nào để thực hiện nhiệm vụ. Cán bộ có thẩm quyền phải lập biên bản chi tiết trình Tòa án ra lệnh cho phép thu thập tài liệu hoặc thông tin ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ theo lệnh cho phép thu thập tài liệu hoặc thông tin.

Điều khoản trên đây có vai trò quan trọng đối với công tác phòng, chống tội phạm mua bán người bởi tội phạm này thường được thực hiện bởi các nhóm tội phạm có tổ chức, bất kể phạm vi hoạt động là trong lãnh thổ quốc gia hay xuyên quốc gia. Bên cạnh đó, tiến bộ về công nghệ và các vấn đề về hậu cần/dịch vụ phụ trợ khiến việc thông tin liên lạc của các nhóm tội phạm này ngày càng thuận tiện đã khiến việc bắt giữ và truy tố đối tượng mua bán người và các đối tượng có liên quan trong đường dây mua bán người trở nên khó khăn hơn. Tội phạm trên khắp thế giới, bao gồm cả tội phạm mua bán người đều liên lạc thông qua thiết bị điện tử, có thể là máy tính, máy nhắn tin hay điện thoại di động. Nhờ công nghệ thông tin liên lạc hiện đại, đối tượng mua bán người và các đối tượng khác trong đường dây mua bán người không còn phải tiếp xúc trực tiếp để trao đổi thông tin. Mặt khác, nhờ công nghệ hiện đại, đối tượng mua bán người có thể dễ dàng tẩu thoát và xóa thông tin sau khi đã hoàn thành hành vi phạm tội. Hơn nữa, một số thông tin có thể dễ dàng bị mất đi sau khi đã liên lạc xong bởi dữ liệu điện tử hầu như không để lại dấu vết về hành vi phạm tội.

Việc thông tin liên lạc qua thiết bị điện tử rất phổ biến đối với các loại hình tội phạm như bóc lột mại dâm, sản xuất và truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm nhằm mục đích quảng cáo hoặc thông tin về hoạt động mại dâm, khiêu dâm trá hình. Hiện nay, Thái Lan vẫn chưa kiểm soát được toàn bộ các nội dung truyền thông hay quảng cáo trên phương tiện điện tử, do đó các hoạt động tình dục liên quan đến tội phạm mua bán người vẫn được quảng cáo công khai. Trước tình hình này, việc theo dõi, giám sát các phương tiện điện tử có vai trò quan trọng thiết yếu đối với công tác phòng, chống mua bán người. Ngoài ra, các cán bộ thực thi pháp luật có thể áp dụng các biện pháp đặc biệt để theo dõi, giám sát thiết bị điện tử để xác định trước các kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội của đối tượng mua bán người. Các biện pháp đặc biệt này là công cụ quan trọng để các cán bộ thực thi pháp luật thu thập chứng cứ làm cơ sở bắt giữ và truy tố đối tượng mua bán người một cách hiệu quả.

Như đã trình bày, thiết bị điện tử là phương tiện thông tin liên lạc phổ biến dùng để thực hiện hành vi phạm tội mua bán người. Nói cách khác, thiết bị điện tử là nguồn thông tin quan trọng, qua đó thông tin được lưu trữ và trao đổi dưới nhiều hình thức khác nhau. Nếu cơ quan thực thi pháp luật có thể tiếp cận các thông tin này thì có thể sử dụng làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của đối tượng mua bán người. Để tiến hành điều tra tội phạm mua bán người, cán bộ thực thi pháp luật phải có quyền truy cập và theo dõi thông tin bằng phương pháp hiện đại. Do đó, *Đạo luật*

PCMBN trao quyền này cho các cán bộ thực thi pháp luật để họ được tiếp cận các thông tin đã được sử dụng hoặc có thể sẽ được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Quy định này tạo điều kiện cho các cán bộ thực thi pháp luật được sử dụng công nghệ hiện đại để phòng, chống tội phạm trong bối cảnh đối tượng phạm tội sử dụng công nghệ hiện đại để thực hiện hành vi phạm tội.

3. Điều tra tội phạm mua bán người bằng phương tiện điện tử ở Thái Lan

Thực tế cho thấy, để có chuyên môn giỏi về điều tra, truy tố tội phạm mua bán người thì cần có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Do đó, công tác đào tạo có vai trò quan trọng thiết yếu để nâng cao nhận thức và năng lực của các cán bộ thực thi pháp luật về điều tra, truy tố tội phạm mua bán người. Mỗi cơ quan thực thi pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người tại Thái Lan cần có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về việc đào tạo thường xuyên và liên tục cho các cán bộ thực thi pháp luật (Chính phủ Thái Lan, 2020, trang 6). Với sự vào cuộc mạnh mẽ của Tòa án Tư pháp, Văn phòng Tổng Chương lý (AGO), Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan (RTP), Cục Điều tra đặc biệt (DSI), Cục Quản lý chính quyền địa phương (DOPA) và các cơ quan liên quan khác trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người, nhiều khoá tập huấn đã được triển khai nhằm nâng cao năng lực cho các cán bộ thực thi pháp luật để bắt kịp với tiến bộ công nghệ, vốn là một thách thức lớn trong hoạt động phòng ngừa và trấn áp tội phạm mua bán người. Nội dung tập huấn bao gồm các quy định pháp luật liên quan, các vấn đề về kỹ thuật và công nghệ trong công tác điều

tra tội phạm mua bán người, đặc biệt là điều tra trên mạng Internet và sử dụng phương tiện kỹ thuật số.

Nhờ tiến bộ công nghệ trong đời sống hiện đại, người chưa thành niên tại Thái Lan ngày nay sử dụng mạng xã hội (Facebook, Twitter, LINE...) hằng ngày để liên lạc. Mạng xã hội ngày càng được nhiều đối tượng sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bởi đây là hình thức liên lạc tức thời, trong đó người dùng có thể dễ dàng che giấu danh tính. Tại Thái Lan, thủ đoạn phổ biến được nhiều đối tượng phạm tội sử dụng là tạo tài khoản giả trên mạng xã hội, tiếp cận người chưa thành niên để dụ dỗ các em gửi ảnh khoả thân hoặc video khoả thân của các em cho chúng, sau đó bán các ảnh và video này trên mạng Internet để trục lợi. Theo các cán bộ thực thi pháp luật, điều đáng lo ngại nhất của loại hình tội phạm này là một đối tượng có thể dụ dỗ và bán phim, ảnh khiêu dâm của hàng trăm nạn nhân.

Các cơ quan thực thi pháp luật trong lĩnh vực phòng ngừa và trấn áp tội phạm mua bán người tại Thái Lan bao gồm: Đơn vị phòng, chống mua bán người thuộc lực lượng Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan (RTP), Cục Điều tra đặc biệt (DSI) thuộc Bộ Tư pháp, Cục Quản lý chính quyền địa phương (DOPA) thuộc Bộ Nội vụ... Sau khi Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung thêm tội danh về tàng trữ, sản xuất, truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em, Lực lượng đặc nhiệm về phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em qua mạng Internet (TICAC) đã được thành lập với sự hỗ trợ từ Cục Điều tra Liên bang (FBI) và Cơ quan Điều tra tội phạm xuyên quốc gia (HSI) thuộc Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ, nhằm mục đích phòng chống tội phạm bóc lột trẻ em

qua mạng Internet. Quy trình nghiệp vụ chuẩn của TICAC được đảm bảo thống nhất với tiêu chuẩn quốc tế. Các cán bộ của lực lượng đặc nhiệm TICAC sẽ nhận được thông tin theo thời gian thực từ *Trung tâm Tìm kiếm trẻ em mất tích và bị bóc lột (NCMEC)* của Hoa Kỳ về nạn nhân và thủ phạm trong các vụ án liên quan đến Thái Lan, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thực thi pháp luật tại Hoa Kỳ thông qua đơn vị đầu mối là *Cơ quan Điều tra tội phạm xuyên quốc gia (HSI)* thuộc *Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ*, nhằm mục đích hỗ trợ kịp thời và phù hợp cho nạn nhân bị mua bán và phối hợp hiệu quả với các cơ quan thực thi pháp luật có liên quan. Lực lượng đặc nhiệm TICAC cũng tích cực tham gia hoạt động trao đổi thông tin và đào tạo, tập huấn với nhiều đơn vị chủ chốt trong lĩnh vực phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em qua mạng Internet.

Bên cạnh đó, *Trung tâm khám nghiệm chứng cứ điện tử* đã được thành lập tại *Học viện Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan (RPCA)* với nhiệm vụ đào tạo, tập huấn cho các cán bộ thực thi pháp luật, xây dựng hệ thống khám nghiệm chứng cứ điện tử theo tiêu chuẩn quốc tế trong khuôn khổ hoạt động hợp tác giữa *Học viện Cảnh sát hoàng gia Thái Lan* và *Trung tâm Khám nghiệm chứng cứ số 7* thuộc tỉnh Nakhon Pathom, đồng thời hỗ trợ hoạt động khám nghiệm chứng cứ điện tử của lực lượng đặc nhiệm TICAC. Cơ chế quản lý của TICAC tạo điều kiện thực hiện các quy trình, thủ tục liên quan một cách nhanh chóng và thuận tiện hơn trong việc áp dụng kết quả khám nghiệm chứng cứ điện tử trong hoạt động phòng ngừa và trấn áp tội phạm mua bán người vì mục đích bóc lột tình dục, đặc biệt là mua bán

trẻ em, bao gồm các giai đoạn từ thu thập thông tin nghiệp vụ, điều tra, khám xét, bắt giữ đến trình chứng cứ trước Tòa. Nhờ đó, lực lượng đặc nhiệm TICAC đã vào cuộc mạnh mẽ, góp phần đáng kể vào việc tăng cường bắt giữ và truy tố các đối tượng bóc lột trẻ em qua mạng Internet, đồng thời nâng cao nhận thức của công chúng về tội phạm bóc lột trẻ em qua mạng Internet. Mạng lưới của lực lượng đặc nhiệm TICAC bao phủ cả khu vực nông thôn và thành thị tại Thái Lan (PMDU, 2020a).

Theo báo cáo của lực lượng đặc nhiệm TICAC, số trường hợp xâm hại trẻ em qua mạng Internet bị bắt giữ ngày càng tăng, cụ thể là 68 trường hợp năm 2018, 72 trường hợp năm 2019 và 90 trường hợp năm 2020. Đặc biệt, trong đợt bùng phát COVID-19 lần thứ nhất, chỉ trong gần 02 tháng từ 15/4/2020 đến 09/6/2020, lực lượng đặc nhiệm TICAC đã bắt giữ 53 trường hợp xâm hại trẻ em trên mạng Internet trong tổng số 90 trường hợp của cả năm 2020. Trong các vụ việc này, 40 nạn nhân là trẻ em, 31 nạn nhân là nam giới và 09 nạn nhân là phụ nữ. Điều này khiến chúng ta phải chất vấn quan điểm thông thường cho rằng, nạn nhân của xâm hại tình dục thường là phụ nữ hơn là nam giới. Ngoài ra, hơn 100 người đã bị bắt giữ vì hành vi tàng trữ tổng cộng hơn 150,000 văn hoá phẩm khiêu dâm. Năm 2019, lực lượng đặc nhiệm TICAC nhận được báo cáo của một cơ quan Hoa Kỳ về việc có hơn 120.000 đối tượng tiêu thụ văn hoá phẩm khiêu dâm có liên quan đến Thái Lan. Những văn hoá phẩm khiêu dâm này đang được phát tán trên thị trường chợ đen và không có bất kỳ biện pháp nào để loại bỏ chúng ngay cả sau khi thủ phạm đã bị bắt (PMDU

2020b; Trung tâm Bảo vệ phụ nữ và trẻ em và Phòng chống mua bán người 2020). Đây là một số ví dụ tiêu biểu về tình hình tội phạm xâm hại tình dục qua mạng tại Thái Lan, từ đó đặt ra yêu cầu phải thu thập chứng cứ điện tử trong bối cảnh đối tượng phạm tội lợi dụng tiến bộ công nghệ thông tin và truyền thông để tiếp cận và xâm hại trẻ em qua mạng, thậm chí ngay tại phòng ngủ của các em trong khi các bậc cha mẹ không có cách nào để ngăn chặn. Một số vụ việc chỉ đơn thuần là sản xuất hoặc tàng trữ văn hoá phẩm khiêu dâm, trong khi một số vụ việc khác diễn biến nghiêm trọng hơn, mang tính chất của tội phạm mua bán người.

4. Thách thức đối với việc thu thập chứng cứ điện tử trong các vụ án mua bán người ở Thái Lan

Ngoài tiến bộ về công nghệ thông tin và các tính năng ngày càng được tăng cường của các thiết bị điện tử (bao gồm cả các thiết bị thông thường được sử dụng trong đời sống hàng ngày và các thiết bị được thiết kế đặc biệt cho mục đích phạm tội) khiến thủ đoạn của đối tượng phạm tội ngày càng trở nên tinh vi, một trong những trở ngại chính đối với việc thu thập chứng cứ điện tử trong các vụ án mua bán người ở Thái Lan là hạn chế về năng lực kỹ thuật số của các cán bộ tư pháp hình sự. Cán bộ tư pháp hình sự tại Thái Lan được tuyển dụng dựa trên yêu cầu về trình độ, năng lực cụ thể cho từng vị trí, ví dụ như Cán bộ điều tra, Công tố viên, Thẩm phán; họ am hiểu về kiến thức pháp luật nhưng không có kỹ năng số. Do đó, các cán bộ tư pháp hình sự thiếu các kinh nghiệm và kỹ năng thiết yếu đối với việc thu thập, đánh giá chứng cứ điện tử.

Ngoài ra, cơ cấu và cách thức tổ chức của các cơ quan quản lý nhà nước cũng dẫn tới một số thách thức. Ví dụ, một số cơ quan không có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật số. Các cơ quan này nhìn chung có tổ chức hoặc tham gia một số hội thảo, tọa đàm nhưng không có hoạt động nâng cao nhận thức thường xuyên và liên tục về kỹ năng số. Năng lực kỹ thuật số không chỉ là kiến thức trên lý thuyết, mà còn là sự hiểu biết về kỹ năng thực hành (cần thời gian để bồi đắp) và thái độ cởi mở, tiếp thu đối với việc sử dụng thiết bị điện tử. Bên cạnh đó, một số cơ quan chưa sẵn sàng cho việc nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật số, chuyển đổi sang sử dụng thiết bị điện tử hoặc chưa quen với thay đổi về quy trình nghiệp vụ. Một số cán bộ còn thiếu nhiệt huyết, chưa thực sự chú trọng đến việc phát triển năng lực kỹ thuật số của bản thân. Ngoài ra, việc luân chuyển cán bộ vốn khá phổ biến từ trước đến nay trong bộ máy chính quyền cũng làm hạn chế hiệu quả của công tác phòng, chống mua bán người do một số cán bộ đã học được hoặc quen thuộc với việc sử dụng công nghệ trong phòng, chống mua bán người đã bị luân chuyển sang bộ phận khác hoặc cơ quan khác, trong khi cán bộ mới được luân chuyển đến sẽ phải dành thời gian học lại quy trình nghiệp vụ từ đầu (Suppachok, 2018; Nopadol, 2020).

Những vấn đề và trở ngại này có thể được giải quyết bằng cách tăng cường sử dụng chứng cứ điện tử để nâng cao hiệu quả điều tra tội phạm mua bán người. Cán bộ tư pháp hình sự nên được cử tham dự các khoá đào tạo, tập huấn về công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị điện tử, các kiến thức và kỹ năng số có thể sử dụng liên ngành (thậm chí không liên quan đến hoạt động phòng chống tội phạm). Theo

cách này, tư duy và thái độ của các cán bộ tư pháp hình sự có thể dần thay đổi để họ trở nên quen thuộc và dễ chấp nhận việc sử dụng chứng cứ điện tử hơn. Điểm mấu chốt ở đây là cần bổ nhiệm các cán bộ thuộc thế hệ mới, có năng lực tốt về kỹ thuật số, sẵn sàng sử dụng công nghệ để cải thiện quy trình nghiệp vụ. Để làm được điều này, cần đẩy mạnh tư duy sáng tạo, tăng cường nghiên cứu, đồng thời cần xây dựng kỹ năng phân tích tốt. Bên cạnh đó, cần chú trọng nâng cao trình độ kỹ năng nghiệp vụ của cán bộ trong quá trình công tác để mỗi cán bộ đều xác định được các điểm hạn chế của bản thân và tích cực học hỏi để cải thiện các điểm hạn chế đó. Các cán bộ có thể học tập nâng cao trình độ trong thời gian làm việc hoặc ngoài giờ làm việc. Đồng thời, cần chú trọng việc hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cán bộ, sao cho cán bộ có năng lực tốt về kỹ thuật số có thể giúp cán bộ thiếu năng lực kỹ thuật số tiến bộ hơn trong lĩnh vực này (chứ không chỉ là điều chuyển, phân công công việc cho người có năng lực kỹ thuật số) để tất cả các cán bộ làm công tác phòng, chống mua bán người đều được nâng cao năng lực một cách thực chất.

Như vậy, có thể thấy tuy Thái Lan đã triển khai nhiều hoạt động trên cơ sở thường xuyên và liên tục cả về cải thiện khung pháp lý và tổ chức bộ máy thực thi pháp luật nhằm phòng ngừa và trấn áp tội phạm mua bán người, nhưng tình hình tội phạm này vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt là dưới hình thức tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia do đối tượng phạm tội lợi dụng tiến bộ công nghệ cũng như hoàn cảnh kinh tế - xã hội, văn hoá và địa lý của nạn nhân để xây dựng thủ đoạn ngày càng tinh vi. Theo thống kê, tội phạm xâm hại tình dục tiếp

tục là loại hình tội phạm phổ biến nhất tại Thái Lan, tương đương với tội phạm về cưỡng bức lao động. Nạn nhân của tội phạm này bao gồm cả trẻ em và thủ phạm thường sử dụng công nghệ như lợi dụng mạng xã hội để tiếp cận và dụ dỗ trẻ. Những tiến bộ công nghệ, một mặt bị đối tượng phạm tội lợi dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng mặt khác cũng tạo điều kiện cho các cán bộ thực thi pháp luật phòng ngừa và trấn áp tội phạm, truy vết đối tượng phạm tội, điều tra và thu thập chứng cứ điện tử, từng bước trở thành một công cụ hữu ích hỗ trợ các cán bộ thực thi pháp luật truy bắt đối tượng phạm tội. Tất cả các cơ quan liên quan trong công tác phòng, chống mua bán người (*Toà án Tư pháp, Văn phòng Tổng Chương lý (AGO), lực lượng Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan (RTP), Cục Điều tra đặc biệt (DSI) thuộc Bộ Tư pháp, Cục Quản lý chính quyền địa phương (DOPA) thuộc Bộ Nội vụ...*) cùng các đối tác quốc tế trong lĩnh vực này đã và đang kêu gọi điều tra, thu thập, sử dụng chứng cứ điện tử. Tuy nhiên, quá trình này còn gặp phải nhiều khó khăn như sự hạn chế về năng lực kỹ thuật số của các cán bộ tư pháp hình sự (cần chú trọng nâng cao trình độ, kỹ năng và hiểu biết về kỹ thuật số để thích ứng với môi trường thay đổi ngày càng nhanh của công nghệ thông tin và thiết bị điện tử), thiếu phương tiện và cơ sở vật chất để làm nhiệm vụ. Đây là thách thức lớn đối với các cán bộ phòng, chống tội phạm mua bán người sử dụng công nghệ hiện đại, trong đó đối tượng phạm tội không chỉ mua bán người bằng xương bằng thịt như trước đây mà còn chuyển sang bán phẩm giá con người, đặc biệt khi nạn nhân là trẻ em bị bóc lột tình dục thông qua công nghệ hiện đại ở phạm vi

xuyên quốc gia. Do đó, Thái Lan cần chú trọng hơn đến công tác thu thập và sử dụng chứng cứ điện tử nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và trấn áp tội phạm mua bán người, từ đó nâng cao vai trò của hệ thống tư pháp hình sự và bảo vệ tốt hơn cho các thành viên của xã hội./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm Bảo vệ phụ nữ và trẻ em và Phòng chống mua bán người. “Bắt giữ 53 đối tượng xâm hại trẻ em qua mạng trên toàn quốc.” Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan. Truy cập ngày 18/6/2020, <http://www.thaianti-humantraffickingaction.org/Home/wp-content/uploads/2020/06/TICAC-and-the-Child-Woman-Protection-and-Anti-Human-Trafficking-Center-on-operations-to-clamp-down-online-child-predators-during-the-first-half-of-2020.pdf>

2. Cơ quan Xúc tiến kinh tế số (DEPA), “Cơ quan Xúc tiến kinh tế số biết kết quả điều tra trực tuyến chỉ ra rằng trẻ em Thái Lan phải đối mặt với 4 nguy cơ trên mạng Internet” DEPA, 2019, <https://www.depa.or.th/en/article-view/4>

3. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, “Báo cáo về tình hình tội phạm mua bán người năm 2020”, Hoa Kỳ. Tháng 6/2020, <https://www.state.gov/wp-content/uploads/2020/06/2020-TIP-Report-Complete-062420-FINAL.pdf>

4. Cục Tổ tụng Mua bán người, “Số liệu thống kê”, Văn phòng Tổng chương lý. Truy cập ngày 08/6/2021. <https://caht.ago.go.th/Home/CheckPageType?Page=NA%3D%3D&Parent=NTU%3D&Menu=OTM%3D&Relate=MTI%3D>.

5. Đơn vị Phòng chống mua bán người, “Tóm tắt báo cáo kết quả công tác phòng ngừa và trấn áp tội phạm mua bán người tại Thái Lan

năm 2020.” Bộ Phát triển xã hội và An ninh con người. Truy cập ngày 04/5/2021. <https://www.e-aht.com/startup/gotoInformationActivityDetail?informationID=298>

6. Nanchanok Wongsamuth, “Tội phạm xâm hại tình dục trẻ em qua mạng Internet ở Thái Lan cao kỷ lục trong thời gian diễn ra đại dịch COVID-19”. Reuters. Truy cập ngày 19/6/2020. <https://www.reuters.com/article/us-thailand-sexcrimes-internet-trfn-idUSKBN23P33K>

7. Nopadol Penpachoom, “Xây dựng hướng dẫn trên web về tạo trang web cơ quan để thúc đẩy nâng cao trình độ kỹ thuật số cho cán bộ chính quyền” Tạp chí khoa học Mahachula 7, số. 01 (2020), tr.204-217

8. Đơn vị thực thi của Thủ tướng (PMDU), “Chính phủ Thái Lan triệt phá đường dây tội phạm xâm hại tình dục trẻ em và sản xuất, truyền bá văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em qua mạng”. PMDU. 2020a. <https://www.pmdu.go.th/timeline-ticac/>

9. Đơn vị thực thi của Thủ tướng (PMDU), “4 tháng từ khi bùng phát đại dịch COVID-19 và nguy cơ trên mạng Internet đối với trẻ em tại Thái Lan”. PMDU. 2020b. <https://www.pmdu.go.th/online-crime-in-4-month-of-covid-19/>.

10. Chính phủ Thái Lan, “Báo cáo của Chính phủ Thái Lan về công tác phòng, chống mua bán người”. 2020. <http://www.thaianti-humantraffickingaction.org/Home/wp-content/uploads/2021/02/Thailand-country-report-on-anti-trafficking-efforts-2020-FINAL-1-Feb-2020.pdf>

11. Suppachok Nitsoonkit, “Hướng dẫn triển khai Chính phủ điện tử trong các đơn vị công lập”. Tạp chí Nghiên cứu Quốc phòng 9 số 2 (2018): tr.37-48.

BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA NẠN NHÂN LÀ TRẺ EM TRONG CÁC VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI

TRẦN HỮU TRĂNG*

Năm 2016, thống kê của Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm (the United Nations Office on Drugs and Crime) cho thấy có hơn 24.000 nạn nhân bị mua bán được phát hiện, trong đó 30% là trẻ em (23% là trẻ em gái, 7% là trẻ em trai). Trong khi phần lớn trẻ em trai bị cưỡng bức lao động (50%), thì phần lớn trẻ em gái bị buôn bán để bóc lột tình dục (72%). Tại Việt Nam, giai đoạn 2012-2018 đã có 6.808 nạn nhân của các vụ mua bán người, trong đó chỉ riêng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội đã tiếp nhận, hỗ trợ hơn 3.500 nạn nhân, trong đó có gần 3.400 nữ, hơn 600 người dưới 18 tuổi. Thực trạng này cho thấy việc bảo đảm quyền của nạn nhân nói chung, nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người nói riêng đang đặt ra rất cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Bài viết này phân tích về các quyền và bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

Từ khóa: Quyền, bảo đảm quyền, nạn nhân, trẻ em, mua bán người.

Ngày nhận bài: 08/6/2021; Biên tập xong: 15/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

In 2016, statistics collected by the United Nations Office on Drugs and Crime revealed more than 24,000 victims of human trafficking were detected, of which 30% were children (23% girls, 7% boys). While the majority of boys were subjected to forced labor (50%), the majority of girls were trafficked for sexual exploitation (72%). In Viet Nam, between 2012-2018, of the 6,808 victims of human trafficking, the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs received and supported more than 3,500 victims, including nearly 3,400 female, and more than 600 people under 18 years old. This situation highlights the rights of trafficked victims and child victims in particular as an urgent matter to be addressed. This article analyzes the rights of child victims and how to guarantee their rights in human trafficking cases.

Keywords: Rights, ensuring the rights, victims, children, human trafficking.

1. Quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

1.1. Quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người theo pháp luật quốc tế

Điều 1 Công ước về quyền trẻ em của Liên Hợp Quốc năm 1989 (Convention on the Rights of the Child - CRC) quy định: "... trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ khi luật áp dụng cho trẻ em quy định độ tuổi sớm hơn"¹. Các văn bản pháp luật quốc tế hiện hành không có quy định riêng về nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán

người mà chỉ xác định nạn nhân là phụ nữ, trẻ em là những đối tượng được bảo vệ đặc biệt. Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc (được thông qua và mở cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 55/25 ngày 15/11/2000 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc)² (sau đây gọi tắt là Nghị định thư)

** Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội*

² United Nations Protocol to Prevent, Suppress and Punish Trafficking in Persons, especially Women and Children. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/protocoltraffickinginpersons.aspx>.

¹ Convention on the Rights of the Child. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/crc.aspx>

đã quy định bốn nhóm quyền cơ bản của nạn nhân, gồm:

- *Quyền được bảo vệ*, bao gồm quyền được bảo vệ sự riêng tư và nhân thân, kể cả việc tiến hành tố tụng đối với hành vi buôn bán người một cách bí mật³; được bảo đảm an toàn về thân thể khi nạn nhân đang ở trong lãnh thổ của quốc gia đó⁴;

- *Quyền được hỗ trợ*, bao gồm hỗ trợ về thủ tục hành chính và tố tụng, kể cả quyền được trình bày các quan điểm và mối quan ngại của họ⁵; hỗ trợ tái hòa nhập nhằm giúp các nạn nhân buôn bán người có thể phục hồi về thể chất, tinh thần và xã hội, đặc biệt là cung cấp nơi ở thích hợp; hỗ trợ những hướng dẫn và thông tin cần thiết; hỗ trợ y tế, tinh thần, vật chất; các cơ hội việc làm, giáo dục và đào tạo⁶;

- *Quyền được ở lại lãnh thổ của quốc gia thành viên, tạm thời hay vĩnh viễn⁷; quyền hồi hương* trở về lãnh thổ nước mình⁸;

- *Quyền được đền bù thiệt hại* mà các nạn nhân phải chịu⁹.

Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em (ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children)¹⁰ tại Điều 14 quy định về bảo vệ nạn nhân trong các vụ mua bán

người. Theo đó, Công ước cũng quy định bốn nhóm quyền của nạn nhân, gồm:

- *Quyền được ở lại lãnh thổ của quốc gia thành viên¹¹; được hồi hương* trở về quốc gia mà nạn nhân là công dân hoặc nạn nhân có quyền cư trú vĩnh viễn tại thời điểm nạn nhân bị mua bán¹²;

- *Quyền được bảo vệ*, bao gồm được bảo đảm an toàn về thân thể¹³; được bảo vệ sự riêng tư và nhận dạng¹⁴; quyền được miễn trừ¹⁵;

- *Quyền được hỗ trợ*, gồm được thông tin về bản chất của sự bảo vệ, hỗ trợ và giúp đỡ mà nạn nhân được hưởng¹⁶; được chăm sóc, hỗ trợ¹⁷, kể cả hỗ trợ tái hòa nhập xã hội¹⁸;

- *Quyền được bồi thường¹⁹.*

Như vậy, so với Nghị định thư của Liên Hợp Quốc thì Công ước ASEAN quy định thêm 01 quyền trong nhóm *quyền được bảo vệ* là *quyền được miễn trừ*, không áp dụng hình phạt hoặc trách nhiệm hành chính đối với nạn nhân bị buôn bán vì hành vi trái pháp luật của người này nếu những hành vi trái pháp luật đó là hệ quả trực tiếp của hành vi buôn bán người²⁰ và

³ Khoản 1 Điều 6 Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/protocoltraffickinginpersons.aspx>.

⁴ Khoản 5 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

⁵ Khoản 2 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

⁶ Khoản 3 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

⁷ Khoản 7 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

⁸ Điều 8 Nghị định thư. Tlđđ.

⁹ Khoản 6 Điều 6 Nghị định thư. Tlđđ.

¹⁰ ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children. Nguồn: <https://www.asean.org/wp-content/uploads/2015/12/ACTIP.pdf>.

¹¹ Khoản 4 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹² Khoản 1, 2, 3 Điều 15 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹³ Khoản 5 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁴ Khoản 6 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁵ Khoản 7, 8 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁶ Khoản 9 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁷ Khoản 10 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁸ Khoản 11 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

¹⁹ Khoản 13 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

²⁰ Khoản 7 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđđ.

“không giam giữ những người được cơ quan có thẩm quyền trong nước mình xác định là nạn nhân bị buôn bán...”²¹

1.2. Quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người theo pháp luật Việt Nam

Cũng như pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có quy định riêng về quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người mà chỉ quy định quyền của nạn nhân nói chung trong các vụ án này. Nghiên cứu Luật Phòng, chống mua bán người (Luật số 66/2011/QH12) và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thấy bốn nhóm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người gồm:

- *Quyền được bảo vệ*, bao gồm được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của nạn nhân và người thân thích của họ²²; được đảm bảo bí mật về nơi cư trú, nơi làm việc, học tập; bảo vệ bí mật thông tin cá nhân²³; được xét xử kín; được bố trí nơi ở, nơi làm việc, học tập mới²⁴.

- *Quyền được hưởng các chế độ hỗ trợ*²⁵, gồm: Được bố trí nơi tạm lánh²⁶; được hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu, chi phí đi lại, hỗ

trợ y tế, hỗ trợ tâm lý, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn²⁷;

- *Quyền được tiếp nhận, xác minh, giải cứu nạn nhân*²⁸; được hồi hương²⁹;

- *Quyền được bồi thường thiệt hại* theo quy định của pháp luật³⁰.

1.3. Những hạn chế trong các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người

- *Thứ nhất*, mặc dù có sự tương đồng về các nhóm quyền với pháp luật quốc tế, tuy nhiên, các quyền cụ thể trong mỗi nhóm quyền vẫn chưa thật sự tương thích. Các quyền được ở lại và quyền miễn trừ chưa được ghi nhận trong Luật Phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

- *Thứ hai*, quy định về quyền của nạn nhân còn rải rác ở nhiều điều trong Luật Phòng, chống mua bán người. Điều 6 có tên là *“quyền và nghĩa vụ của nạn nhân”* nhưng không nêu rõ đâu là quyền, đâu là nghĩa vụ. Kỹ thuật lập pháp của Điều 6 bắt buộc phải dẫn chiếu đến nhiều điều luật khác (từ Điều 24 đến Điều 28, từ Điều 32 đến Điều 39 và Điều 55 Luật Phòng, chống mua bán người) mới làm rõ được các quyền của nạn nhân và người thân thích của nạn nhân. Điều này gây khó khăn cho việc nhận thức cũng như thực tiễn áp dụng.

- *Thứ ba*, cách diễn đạt các quyền của nạn nhân trong khoản 1 không thống nhất và thiếu logic với khoản 2 và 3

²¹ Khoản 8 Điều 14 ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Tlđd.

²² Khoản 1, 2 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ đã quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ.

²³ Điều 30, 31 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

²⁴ Khoản 6, 8 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP

²⁵ Khoản 2 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người; Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân.

²⁶ Điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

²⁷ Điều 6, 32-38 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

²⁸ Điều 24-28, Điều 29 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

²⁹ Điều 24-28, 55 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

³⁰ Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

của Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người. Khoản 2, 3 Điều 6 diễn đạt dưới góc độ quyền còn khoản 1 đang diễn đạt dưới góc độ bảo đảm thực hiện quyền.

- Thứ tư, Luật Phòng, chống mua bán người chưa có định nghĩa về “*người thân thích của nạn nhân*”. Khái niệm “*người thân thích*” của nạn nhân chỉ được đề cập trong Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ (gọi tắt là Nghị định số 62/2012/NĐ-CP). Theo đó, Nghị định cũng không định nghĩa “*người thân thích*” mà chỉ liệt kê những người được coi là “*Người thân thích của nạn nhân*”, “*bao gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha kế, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, cha mẹ bên vợ hoặc bên chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu nội, cháu ngoại của nạn nhân*”.³¹

- Thứ năm, pháp luật chưa có quy định riêng về quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người. Quyền của nạn nhân là trẻ em chỉ được đề cập rất hạn chế trong các văn bản luật. Ví dụ, khoản 3 Điều 24 Luật Phòng, chống mua bán người quy định: “*Sau khi tiếp nhận, ... đối với nạn nhân là trẻ em thì thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về ...*”. Điểm b khoản 1 Điều 26 về tiếp nhận, xác minh nạn nhân từ nước ngoài trở về quy định: “*Nạn nhân là trẻ em thì thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích cư*

trú...”. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nạn nhân là trẻ em phải chịu những điều kiện vô nhân đạo và bạo lực rất nghiêm trọng, có thể ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường của trẻ, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe thể chất và tinh thần cho nạn nhân. Một nghiên cứu của Ottisova và cộng sự năm 2018 đối với 51 trẻ em là nạn nhân trong các vụ mua bán người cho thấy, có đến 53% bị bạo lực thân thể và 49% bị bạo lực tình dục; có đến 33% nạn nhân có các hành vi cố ý tự làm hại cho bản thân, và 27% cố gắng tự tử³². Điều này cho thấy cần phải có những quy định đặc thù trong bảo vệ, hỗ trợ và bồi thường thiệt hại cho trẻ em là nạn nhân của các vụ mua bán người.

2. Bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

2.1. Khái niệm bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

Hiện nay, các từ điển pháp lý chưa giải thích thuật ngữ “*bảo đảm quyền*”. Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: Bảo đảm là “*Cam đoan chịu trách nhiệm về việc gì đó; Có đủ, trọn vẹn các điều quy định. Chắc chắn, đạt tiêu chuẩn cần thiết*”³³. Theo nghĩa này và từ thực tiễn bảo đảm quyền, có thể hiểu bảo đảm quyền chính là quá trình làm cho các quyền được thực hiện trên thực tế. Các quyền được quy định trong văn bản pháp luật, nếu không có quy định về cách thức tổ chức thực hiện thì

³¹ Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ quy định căn cứ để xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

³² Gabriela Martinho, Mariana Gonçalves, Marlene Matos, *Child trafficking, comprehensive needs and professional practices: A systematic review*, Children and Youth Services Review 119 (2020) 105674, tr.2.

³³ Nguyễn Như Ý, *Từ điển Tiếng Việt thông dụng (tái bản lần thứ sáu)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam tr.41, 41.

sẽ không thể được thực hiện trên thực tế. *Bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người chính là quá trình làm cho các quyền của trẻ em trong các vụ mua bán người được thực hiện trên thực tế.* Các yếu tố bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người bao gồm chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm các quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về quyền trẻ em về việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em³⁴ được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua và mở cho các nước ký, phê chuẩn, gia nhập theo Nghị quyết A/RES/54/263, ngày 25/5/2000 (Việt Nam phê chuẩn ngày 20/12/2001) đã khuyến nghị các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp thích hợp để bảo vệ quyền và lợi ích của những trẻ em là nạn nhân của các vụ mua bán người. Đây chính là một trong các cơ sở để các quốc gia nội luật hóa các biện pháp bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

2.2. Chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

2.2.1. Chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung

ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thể hiện rõ quan điểm luôn “*Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng*”³⁵. Quan điểm này được cụ thể hóa trong các chính sách đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em là nạn nhân của các vụ mua bán người.

Chính sách đối với nạn nhân trong các vụ mua bán người thể hiện trước hết trong Luật Phòng, chống mua bán người, trong đó quy định rõ việc “*Giải cứu, bảo vệ, tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ nạn nhân kịp thời, chính xác. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với nạn nhân*”. Đây là chính sách xuyên suốt của Nhà nước trong bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân trong các vụ mua bán người. Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020 cũng nêu rõ mục tiêu “*thực hiện hiệu quả công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về*”³⁶. Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 nhấn mạnh mục tiêu “*Bảo đảm nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc lấy nạn nhân làm trung tâm*”. Chương trình cũng quy định rõ “*Chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất phù hợp với pháp luật khu vực, quốc tế*

³⁴ General Assembly, *Optional Protocol to the Convention on the Rights of the Child on the sale of children, child prostitution and child pornography*. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/opscrc.aspx>.

³⁵ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Tập I, Hà Nội 2021, tr.143.

³⁶ Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2546/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020.

và thực tiễn công tác phòng, chống mua bán người”³⁷. Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người (gọi tắt là Nghị định số 09/2013/NĐ-CP), trong đó đã quy định rõ chính sách khuyến khích đối với tổ chức, cá nhân tham gia công tác hỗ trợ nạn nhân³⁸.

Như vậy, có thể thấy các văn bản của Nhà nước đã thể hiện rõ ba chính sách lớn bảo đảm quyền của nạn nhân nói chung và nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người nói riêng: *Một là* chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, xác định và giải cứu. *Hai là* chính sách bảo đảm quyền được bảo vệ của nạn nhân. *Ba là* chính sách bảo đảm quyền được hỗ trợ của nạn nhân.

2.2.2. Pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

Trên cơ sở các chính sách nêu trên, một hành lang pháp lý được xây dựng khá đầy đủ, trong đó Luật Phòng, chống mua bán người đóng vai trò nòng cốt đã cụ thể hóa cả ba chính sách này.

- Đối với chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, xác định và giải cứu, Luật Phòng, chống mua bán người đã dành hẳn Chương 4 từ Điều 24 đến Điều 29 để quy định về căn cứ để xác định nạn nhân; chủ thể có thẩm quyền tiếp nhận, xác minh nạn

nhân; thời hạn thực hiện việc tiếp nhận, xác minh; chủ thể có thẩm quyền giải cứu nạn nhân. Điều 5 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đã quy định rất cụ thể các căn cứ để xác định nạn nhân của các vụ mua bán người. Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG ngày 10/02/2014 đã hướng dẫn trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong việc xác minh, xác định, tiếp nhận và trao trả nạn nhân bị mua bán, trong đó quy định rất cụ thể việc xác minh, xác định, tiếp nhận nạn nhân đang ở nước ngoài (Điều 4), nạn nhân từ nước ngoài trở về (Điều 5), nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán trong nước tự đến trình báo (Điều 6), nạn nhân được giải cứu trong nước (Điều 7), nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam (Điều 8, 9).

- Đối với chính sách bảo đảm quyền được bảo vệ của nạn nhân, Luật Phòng, chống mua bán người cho phép áp dụng ngay các biện pháp cần thiết để bảo vệ nạn nhân ngay khi người đó bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản (Điều 29). Để tạo sự chủ động, Luật quy định nạn nhân có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp để bảo vệ mình và người thân thích (khoản 1 Điều 6). Luật cũng quy định rất cụ thể các biện pháp bảo vệ nạn nhân và người thân thích của nạn nhân như bố trí nơi tạm lánh; giữ bí mật nơi cư trú, nơi làm việc, học tập và biện pháp khác³⁹. Luật cũng quy định rõ các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp này cũng như cơ

³⁷ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

³⁸ Điều 2 Nghị định 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.

³⁹ Điều 30, 31 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

chế phối hợp của các cơ quan này trong bảo vệ nạn nhân⁴⁰. Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định cụ thể các căn cứ để xác định nạn nhân, các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ, thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ, trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ; trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp bảo vệ. Đặc biệt, Nghị định cũng quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện việc bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của nạn nhân (Điều 4).

- Đối với chính sách bảo đảm quyền được hỗ trợ của nạn nhân, Luật Phòng, chống mua bán người đã quy định các biện pháp hỗ trợ nạn nhân từ Điều 32 đến Điều 40, trong đó quy định rõ các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân tại Điều 39, 40. Nghị định số 09/2013/NĐ-CP đã quy định cụ thể về nguồn kinh phí hỗ trợ nạn nhân; trình tự thành lập, tổ chức hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân; chế độ, trình tự, thủ tục thực hiện chế độ hỗ trợ nạn nhân. Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ Tài chính đã cụ thể hóa nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân.

Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, trong chín nhiệm vụ, giải pháp thì có một nhiệm vụ, giải pháp là *tiếp nhận, xác minh, xác định, giải cứu và bảo vệ nạn nhân* và một nhiệm vụ *hỗ trợ nạn nhân bị mua bán*⁴¹.

⁴⁰ Điều 21, 29-31 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

⁴¹ Khoản 4, 5 Phần II Chương trình phòng, chống

Tất cả các quy định này đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng giúp cho việc vận hành cơ chế bảo đảm các quyền của nạn nhân và người thân thích của nạn nhân nói chung cũng như nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người nói riêng.

2.3. Những hạn chế trong các quy định về chính sách, pháp luật về bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người

- *Thứ nhất*, mặc dù các chính sách về bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người đã được thể hiện trong các văn bản luật nhưng chưa có văn bản nào có tên điều luật là chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người nói riêng. Để thấy được các chính sách này, phải phân tích nội dung của các quy định, nhất là các quy định về mục đích, nguyên tắc trong các văn bản pháp luật. Điều này ảnh hưởng đến việc nhận thức và thực hiện chính sách.

- *Thứ hai*, pháp luật về bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người được quy định rải rác ở nhiều điều luật trong một văn bản luật cũng như được quy định ở nhiều văn bản luật gây khó khăn cho việc nhận thức và thực hiện.

- *Thứ ba*, một số quy định trong pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người còn chưa phù hợp, ví dụ:

+ Điều 21 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định nạn nhân được hỗ trợ về tâm lý và y tế trong thời gian cư trú tại cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Tuy

mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 (Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

nhiên, ngay trong thời gian khai báo, nạn nhân của các vụ mua bán người đã chịu những tổn thương tâm lý, hoảng loạn, lo sợ... rất cần được tư vấn để ổn định về tâm lý, bảo đảm sức khỏe cũng như thực hiện tốt việc khai báo.

+ Các trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân đòi hỏi nạn nhân phải là hộ nghèo. Tuy nhiên, việc xin xác định hộ nghèo đối với nạn nhân là khá phức tạp, nhất là nạn nhân đã bị mua bán vắng mặt lâu ngày tại địa phương. Mặt khác, mức trợ cấp 1.000.000 đồng/người theo Thông tư số 84/2019/TT-BTC là tương đối thấp.

- Thứ tư, hiện chỉ có một vài điều khoản có quy định riêng cho nạn nhân là trẻ em của các vụ mua bán người. Đa số các văn bản đều không có các quy định riêng cho trẻ em là nạn nhân của các vụ mua bán người.

2.4. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người

- Đối với việc tổ chức thực thi các quyền được bảo vệ của nạn nhân và người thân thích của họ, Luật Phòng, chống mua bán người và Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định khá chi tiết về các chủ thể có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ như: Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân, Bộ đội biên phòng, Lực lượng Cảnh sát biển, Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp, Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ sở bảo trợ xã hội, Cơ sở hỗ trợ nạn nhân; Cơ quan đại diện Việt Nam

ở nước ngoài⁴². Nghị định cũng quy định cụ thể các chủ thể có trách nhiệm tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ (Điều 9), trình tự thủ tục áp dụng các biện pháp bảo vệ (Điều 10). Đây là những bảo đảm cho các biện pháp được thực thi trong thực tiễn.

- Đối với việc tổ chức thực hiện các quyền hỗ trợ cho nạn nhân, Luật Phòng, chống mua bán người quy định cụ thể các chủ thể thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân gồm:

+ Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận nạn nhân, cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển đã giải cứu nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân.

+ Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ chi phí đi lại cho nạn nhân trong trường hợp họ tự trở về nơi cư trú.

+ Cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ y tế cho nạn nhân.

+ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân.

+ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân; phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ y tế, hỗ trợ học văn hóa, học nghề cho nạn nhân⁴³.

- Đối với việc tổ chức thực hiện các quyền được tiếp nhận, xác minh, giải cứu nạn nhân, quyền được hồi hương, Luật Phòng, chống mua bán người giao cho

⁴² Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

⁴³ Điều 39 Luật Phòng, chống mua bán người.

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận các khai báo về việc bị mua bán thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi gần nhất. Cơ quan Công an cùng cấp có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội⁴⁴. Cơ quan có trách nhiệm giải cứu nạn nhân là Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển.

Đối với nạn nhân ở nước ngoài, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận và xử lý thông tin, tài liệu về nạn nhân và phối hợp với Bộ Công an để xác minh nhân thân của nạn nhân, cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa họ về nước. Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện việc tiếp nhận nạn nhân⁴⁵. Trường hợp có thông tin cho biết nạn nhân chưa được giải cứu thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để phối hợp kiểm tra, xác minh và tổ chức giải cứu nếu xác định nguồn thông tin có căn cứ⁴⁶.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế trong các quy định về tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người: Nghiên cứu các quy định về tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người cho thấy vẫn có những hạn chế. Ví dụ, khoản 5 Điều 39 Luật Phòng, chống mua bán người quy định thẩm quyền thực hiện trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân là Sở Lao

động – Thương binh và Xã hội, nhưng điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP lại quy định thẩm quyền này thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Vấn đề bồi thường cho nạn nhân trong các vụ mua bán người chưa có các quy định đặc thù mà vẫn theo các thủ tục của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Đây là một trở ngại lớn cho các nạn nhân trong việc chứng minh thiệt hại cũng như trong các trường hợp không xác định được người phạm tội hoặc người phạm tội đã chết...

3. Các giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm tăng cường bảo đảm các quyền của nạn nhân, nhất là nạn nhân trẻ em trong các vụ mua bán người

Từ những phân tích trên và những hạn chế trong pháp luật quy định về quyền và bảo đảm quyền của nạn nhân nói chung, nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người nói riêng, đặt ra nhu cầu cần tiếp tục sửa đổi và hoàn thiện pháp luật về quyền và bảo đảm quyền của nạn nhân, nhất là nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người:

- Thứ nhất, cần sửa đổi Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người theo hướng: Quy định đầy đủ bốn nhóm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người làm căn cứ để xác định chính sách và pháp luật bảo đảm các quyền này, trong đó cần đặc biệt lưu ý đến nạn nhân là phụ nữ và trẻ em theo tinh thần của Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc và Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em.

⁴⁴ Điều 24 Luật Phòng, chống mua bán người.

⁴⁵ Điều 26 Luật Phòng, chống mua bán người.

⁴⁶ Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐT BXH-BNG ngày 10/2/2014 về hướng dẫn trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong xác minh, xác định, tiếp nhận và trao trả nạn nhân bị mua bán.

Luật Phòng, chống mua bán người cũng cần bổ sung định nghĩa về “*người thân thích của nạn nhân*” tại Điều 2 để bảo đảm tính pháp lý và tính tương thích với các văn bản pháp luật khác, nhất là Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Thứ hai, Luật Phòng, chống mua bán người cần bổ sung điều luật xác định rõ các chính sách bảo đảm quyền của nạn nhân, nhất là nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người làm căn cứ để cụ thể hóa các chính sách này thành các quy định bảo đảm quyền của nạn nhân, nhất là nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

- Thứ ba, Luật Phòng, chống mua bán người cần tập hợp các quy định về bảo đảm quyền của nạn nhân, đặc biệt là nạn nhân là trẻ em thành một chế định về bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người, trong đó cần có một số quy định đặc thù để bảo đảm tốt hơn các quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và bảo đảm thực hiện các quyền này trong thực tiễn.

- Thứ tư, cần rà soát để sửa đổi và hoàn thiện pháp luật phòng, chống mua bán người nói chung, cũng như pháp luật bảo đảm quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của các quy phạm này. Trước mắt cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ngay một số quy định:

+ Bổ sung quy định về hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân ngay trong thời gian nạn nhân của các vụ mua bán người thực hiện khai báo nhằm bảo đảm tốt nhất quyền của nạn nhân.

+ Sửa đổi điều kiện trợ cấp khó khăn ban đầu, như dựa trên tiêu chí tài sản

hiện có của nạn nhân hoặc những tiêu chí khác có thể tạo thuận lợi cho nạn nhân của các vụ mua bán người dễ dàng tiếp cận, đồng thời quy định thống nhất về chủ thể có thẩm quyền hỗ trợ để tạo thuận lợi cho việc thực hiện.

+ Hiện nay, nhiều quốc gia đã thành lập các quỹ nạn nhân của tội phạm (Crime Victims Fund) như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Pháp⁴⁷. Quỹ nạn nhân của tội phạm là một nguồn quan trọng được sử dụng để bồi thường cho các nạn nhân của tội phạm, nhất là các nạn nhân của các vụ mua bán người. Việc thiết lập và bồi thường thiệt hại dựa trên quỹ nạn nhân của tội phạm là một kinh nghiệm rất đáng được Việt Nam nghiên cứu để áp dụng nhằm tăng cường bảo đảm các quyền của nạn nhân nói chung, quyền của nạn nhân trong các vụ mua bán người nói riêng, nhất là quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người.

Chiến lược của châu Âu hướng tới xóa bỏ buôn bán người đã đặt ra năm nội dung ưu tiên, trong đó nội dung ưu tiên thứ hai được xác định là bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của các hành vi mua bán người, đặc biệt chú trọng bảo vệ trẻ em là đối tượng rất dễ bị tổn thương, dễ trở thành nạn nhân của tội phạm mua bán hoặc tái trở thành nạn nhân⁴⁸. Điều này cho thấy vấn đề bảo đảm quyền của nạn nhân là trẻ em trong các vụ mua bán người đang

⁴⁷ Nguyễn Tất Thành, *Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra: Quy định của pháp luật một số nước và gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 03+04 (427+428), tháng 2/2021. Nguồn: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210770>.

⁴⁸ Zuzana Obertová, Cristina Cattaneo, *Child trafficking and the European migration crisis: The role of forensic practitioners*, Forensic, Science International Volume 282, January 2018, Pages 46-59 (tr.49).

ngày càng trở thành mối quan tâm đặc biệt của các quốc gia. Thực hiện tốt vấn đề này sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của hoạt động phòng, chống mua bán người nói chung và mua bán trẻ em nói riêng, góp phần bảo vệ trẻ em, nguồn lực tương lai của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children. Nguồn: <https://www.asean.org/wp-content/uploads/2015/12/ACTIP.pdf>.

2. Bộ Tài chính, Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân.

3. Chính phủ, Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.

4. Chính phủ, Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ.

5. Chính phủ, Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

6. Chính phủ, Quyết định số 2546/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020.

7. Convention on the Rights of the Child . Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/crc.aspx>.

8. Gabriela Martinho, Mariana Gonçalves, Marlene Matos, *Child trafficking, comprehensive needs and professional practices: A systematic review*, Children and Youth Services Review 119 (2020) 105674.

9. General Assembly, *Optional Protocol to the Convention on the Rights of the Child on the sale of children, child prostitution and child pornography*. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/opscrc.aspx>

10. Đỗ Thị Lý Quỳnh (2020), *Cơ chế pháp lý phòng, chống mua bán người ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

11. Nguyễn Tất Thành, *Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra: quy định của pháp luật một số nước và gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 03+04 (427+428), tháng 2/2021. Nguồn: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210770>.

12. Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG ngày 10/2/2014 về hướng dẫn trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong xác minh, xác định, tiếp nhận và trao trả nạn nhân bị mua bán.

13. United Nations Protocol to Prevent, Suppress and Punish Trafficking in Persons, especially Women and Children. Nguồn: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/pages/protocol-traffickinginpersons.aspx>.

14. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Tập 1, Hà Nội, 2021.

15. Nguyễn Như Ý, *Từ điển Tiếng Việt thông dụng (tái bản lần thứ sáu)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

16. Zuzana Obertová, Cristina Cattaneo, *Child trafficking and the European migration crisis: The role of forensic practitioners*, Forensic, Science International Volume 282, January 2018, Pages 46-59 (tr.49).

TIẾP CẬN DỰA TRÊN HIỂU BIẾT VỀ SANG CHẤN TÂM LÝ CỦA NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN TRONG CÁC VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI

LƯU THỊ LỊCH* - TRẦN THU HƯƠNG**

Nạn nhân của tội phạm mua bán người (MBN) sau khi thoát khỏi tình trạng bị bóc lột sẽ có một số dấu hiệu tổn thương cả về thể chất và tinh thần. Để bảo vệ và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân cũng như giúp quá trình điều tra, truy tố và giải quyết các vụ án MBN được thuận lợi, đòi hỏi cán bộ điều tra, nhân viên hỗ trợ cần có hiểu biết về những tổn thương tâm lý của nạn nhân và phương pháp tiếp cận phù hợp.

Từ khóa: Vụ án mua bán người, nạn nhân, sang chấn tâm lý, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

Ngày nhận bài: 24/6/2021; Biên tập xong: 30/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

Victims of human trafficking, after escaping exploitation, will show signs of both physical and emotional trauma. In order to protect and ensure the legitimate rights and interests of the victims, as well as to facilitate the investigation, prosecution and adjudication of human trafficking cases; investigators and support staff need to understand the psychological trauma of victims and have the appropriate approaches to support them.

Keywords: Human trafficking cases, victims, psychological trauma, trafficking victims assistance.

1. Đặt vấn đề

Mua bán người là hành vi vi phạm quyền con người xảy ra trên khắp thế giới. MBN liên quan đến việc “tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp” nạn nhân thường bằng cách “đe dọa, sử dụng bạo lực hoặc vũ lực, ép buộc hoặc lừa dối nhằm mục đích bóc lột hoặc lạm dụng nạn nhân” (Nghị định thư Palermo)¹. Nạn nhân của tội phạm MBN sau khi thoát khỏi tình trạng bị bóc lột, bao gồm cả tình dục và cưỡng bức lao động, sẽ có một số dấu hiệu tổn thương cả về thể chất và tinh thần. Tổn thương tâm lý của nạn nhân thường xuất phát từ những trải nghiệm đau thương trong quá trình bị mua bán như đe dọa, tấn công, bạo lực, bị trao đổi qua nhiều nhà chứa, thu giữ các

giấy tờ tùy thân, ép buộc sử dụng các chất kích thích, bị cô lập, bóc lột tình dục và cưỡng bức lao động (WHO, 2012). Ngoài ra, những tổn thương tâm lý của nạn nhân còn xuất hiện trước khi quá trình MBN diễn ra do tác động của gia đình, điều kiện kinh tế và môi trường sống trước đó.

Hiểu và nắm rõ được những tổn thương tâm lý của nạn nhân đóng một vai trò quan trọng trong quá trình điều tra, truy tố và giải quyết các vụ án MBN, đồng thời giúp bảo vệ và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân. Theo một số nghiên cứu, trong các vụ án MBN, những nạn nhân bị mua bán thường sẽ cần được điều trị và hỗ trợ trước khi quyết định có

¹ Nghị định thư về Phòng ngừa, trấn áp và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em được thông qua và mở cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 55/25 ngày 15/11/2000 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

** Thạc sĩ, Chương trình Chương trình hợp tác ASEAN-Ô-xtrây-li-a về phòng, chống mua bán người (ASEAN-ACT) tại Việt Nam.

tham gia quá trình điều tra và tố tụng hay không (IOM, 2007). Đảm bảo nạn nhân được đối xử tôn trọng và những nỗ lực để hỗ trợ nạn nhân trong việc tham gia quá trình giải quyết các vụ án MBN không chỉ là hành động mang tính nhân đạo mà còn nhằm tăng cường sự hợp tác và tham gia của nạn nhân trong các vấn đề tư pháp hình sự. Việc thực thi pháp luật hiệu quả nhất khi các cán bộ thực thi pháp luật được nâng cao năng lực để nhận diện và giải quyết những tổn thương tâm lý, tình cảm của nạn nhân do hậu quả của quá trình MBN (Hiệp hội Cảnh sát trưởng quốc gia, 2010).

Thông qua việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu, các báo cáo về công tác phòng, chống MBN của các nhà khoa học, các cơ quan tham gia vào công tác phòng, chống MBN của quốc tế cũng như Việt Nam, bài viết này sẽ phân tích một số biểu hiện tổn thương tâm lý của nạn nhân bị mua bán khi trở về cũng như một số rào cản tâm lý của nạn nhân khi tham gia vào quá trình tư pháp hình sự. Từ đó, bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị về phương pháp tiếp cận khi làm việc với nạn nhân bị mua bán nhằm tăng cường hiệu quả của công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án MBN.

2. Sang chấn tâm lý của nạn nhân bị mua bán khi trở về

Sang chấn tâm lý là một phản ứng về cảm xúc của một người khi đã từng trải qua hoặc chứng kiến sự kiện liên quan đến tử vong, có nguy cơ tử vong, tổn thương nghiêm trọng hoặc đe dọa tới tính toàn vẹn về thể chất của bản thân hoặc người khác. Theo Hiệp hội tâm lý Hoa Kỳ APA, sang chấn tâm lý còn được cho là phản ứng của cá nhân liên quan đến trạng thái căng thẳng, sợ hãi dữ dội, vô vọng, bất lực

hoặc kinh hoàng².

Trải nghiệm MBN thường là một trải nghiệm đau thương và ám ảnh đối với nhiều nạn nhân bị mua bán, gây ra sang chấn tâm lý cho họ. Những người bị buôn bán trở về có sức khỏe tinh thần thấp hơn rõ rệt so với phần đông dân số nói chung (Kara và Elizabeth, 2019). Khi trở về, nạn nhân đã gặp phải những vấn đề tâm lý như căng thẳng, lo âu, trầm cảm (Susan và cộng sự, 2015; Kiss và cộng sự, 2015; Kara và Elizabeth, 2019); rối loạn căng thẳng sau sang chấn (PTSD) (Tsutsumi và cộng sự, 2008; Hiệp hội Cảnh sát trưởng quốc gia, 2010; Williamson và cộng sự, 2016).

Cả nạn nhân là nam giới, phụ nữ và trẻ em đều có thể gặp phải những vấn đề tổn thương tâm lý. Ví dụ như nghiên cứu về sức khỏe tâm thần của nạn nhân bị mua bán ở Tiểu vùng sông Mekong mở rộng, bằng việc sử dụng một bộ công cụ sàng lọc tiêu chuẩn, kết quả đã chỉ ra 61% nam giới, 67% phụ nữ và 57% trẻ em có các triệu chứng biểu hiện của trầm cảm (Kiss và cộng sự, 2015). Ngoài ra, tổn thương tâm lý của nạn nhân thường có những biểu hiện và mức độ khác nhau tùy thuộc vào hình thức bóc lột, lạm dụng và những trải nghiệm trước và trong quá trình bị mua bán của từng người (Antonio và cộng sự, 2017). Nạn nhân nữ bị bóc lột tình dục có mức độ lo âu, trầm cảm và PTSD cao hơn những nạn nhân bị bóc lột vì những mục đích khác (Tsutsumi và cộng sự, 2008). Một số biểu hiện bất ổn tâm lý điển hình của các nạn nhân đã được ghi nhận trong một số nghiên cứu và báo cáo là:

² Hiệp Hội tâm lý Hoa Kỳ (APA), Sang chấn và các vấn đề liên quan đến sang chấn. Xem tại: <https://www.apa.org/topics/trauma>

Rối loạn giấc ngủ

Một số nạn nhân bị mua bán gặp vấn đề rối loạn giấc ngủ và lặp lại các cơn ác mộng thường xuyên. Rối loạn giấc ngủ thường xuất hiện ở thời gian đầu khi nạn nhân mới trở về hoặc được giải cứu và có thể giảm dần sau năm đầu tiên (Susan và cộng sự, 2015). Theo một kết quả khảo sát của Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Hoa Kỳ tiến hành năm 2008, 67% nạn nhân bị MBN có những vấn đề về rối loạn giấc ngủ và thường xuyên trải qua các cơn ác mộng về giai đoạn họ bị mua bán (Erin và cộng sự, 2008).

Các cơn ác mộng của nạn nhân thường gặp là sống lại những trải nghiệm bị mua bán hoặc rơi vào tình trạng bị tái mua bán. Nạn nhân thường có giấc mơ về việc họ vẫn đang ở tại các cơ sở mại dâm, nơi cưỡng bức lao động hoặc nơi giam giữ trái phép và lặp lại những hình ảnh đau thương. Một số nạn nhân chia sẻ rằng khi gặp giấc mơ đáng sợ, họ thường có biểu hiện run rẩy và sợ hãi, khó chìm vào giấc ngủ một lần nữa. Cũng theo nghiên cứu của Erin và cộng sự (2008), việc nạn nhân từng sử dụng các chất kích thích như ma túy và cần sa cũng một yếu tố tác động đến việc nạn nhân gặp các vấn đề sức khỏe tinh thần, trong đó có chứng rối loạn giấc ngủ.

Ám ảnh về quá khứ bị mua bán

Một số nạn nhân khi đã thoát khỏi tình trạng bị mua bán, trở về địa phương vẫn bị ám ảnh bởi quá khứ. Họ liên tục hồi tưởng lại quá khứ đau thương và cảm giác kinh hoàng như thể họ vẫn đang ở trong giai đoạn bị mua bán. Một số người vẫn nhớ lại rất rõ ràng những điều đã xảy ra trong quá trình mua bán như họ bị đánh đập, tra tấn bằng vũ lực, bóc lột tình

dục và cưỡng bức lao động bởi người chủ hay khách hàng, thậm chí là người chồng, người trong gia đình chồng. Những ám ảnh về những điều đã xảy ra quá sức chịu đựng của nạn nhân và khiến họ không thể ngủ, sinh hoạt và làm việc bình thường, thậm chí rất khó khăn để thoát ra khỏi cảm giác này (Susan và cộng sự, 2015).

Liên tục hồi tưởng lại quá khứ kinh hoàng hoặc gặp các cơn ác mộng về trải nghiệm khi bị mua bán khiến nạn nhân nhạy cảm và thường né tránh các kích thích liên quan đến sang chấn tâm lý. Họ thường cố gắng tránh suy nghĩ hay nói những chuyện liên quan đến các sự kiện, hoạt động, địa điểm, âm thanh, và màu sắc có thể gợi nhớ đến những sự kiện đã từng xảy ra.

Lo ngại bị kì thị

Những người từng bị mua bán thường lo sợ bị gia đình hoặc cộng đồng ngại tiếp xúc hoặc xa lánh vì họ đã từng bị mua bán (Moskowitz, 2008; UNODC, 2008). Nhận nhận của cộng đồng về những nạn nhân bị mua bán là một trong những yếu tố khiến nạn nhân lo ngại bị kì thị khi trở về. Thực tế qua công tác hỗ trợ nạn nhân cũng như các kết quả nghiên cứu, có nhiều nạn nhân đã phải trải qua cảm giác bị kì thị bởi chính gia đình và cộng đồng của mình. Những người ở tuổi vị thành niên trở về bị ảnh hưởng nặng nề nhất khi hàng xóm và gia đình cho rằng họ đã tham gia hoạt động mại dâm.

Sự kì thị từ gia đình và cộng đồng khiến những người bị mua bán không muốn công nhận hoặc thừa nhận bản thân là nạn nhân. Một số người muốn được nhìn nhận là người di cư trái phép hoặc kém may mắn trong quá trình di cư, chứ họ không muốn được coi là nạn nhân bị

mua bán. Sự kì thị đối với các nạn nhân có thể được giải thích thông qua lăng kính giới và chuẩn mực xã hội khác biệt đối với nam và nữ (Jean, 2002).

Có nạn nhân nam cho rằng, việc họ được coi là nạn nhân bị mua bán nghe giống như một sự xúc phạm, những người xung quanh có thể chế nhạo họ (ICMPD, 2007). Điều này cũng có thể do những định kiến về nam tính và họ cảm thấy miễn cưỡng khi coi mình là “nạn nhân” cần được hỗ trợ (IOM, 2007).

Không chỉ có nam giới, một số nạn nhân nữ cũng không muốn coi mình là nạn nhân bị mua bán. Nguyên nhân có thể do quan niệm sai lầm rằng, MBN là liên quan đến bóc lột tình dục mà loại trừ các hình thức bóc lột lao động khác (IOM 2007). Thêm vào đó, nạn nhân nữ bị mua bán thường e ngại việc bị mua bán có thể ảnh hưởng tới cuộc sống hôn nhân của họ khi trở về. Họ lo ngại người chồng hiện tại hoặc người chồng tương lai có thể không chấp nhận; hoặc khi cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, người chồng có thể đem chuyện quá khứ bị mua bán ra để phán xét, đánh giá tiêu cực về họ. Từ những lo ngại này, họ băn khoăn không biết có nên nói với người bạn đời của mình về quá khứ bị mua bán hay không và nói vào thời điểm nào thì hợp lý. Thậm chí, có nạn nhân không muốn kết hôn vì nghĩ rằng cuộc sống của họ sẽ tốt hơn khi không kết hôn (Susan và cộng sự, 2015).

Đánh giá bản thân thấp và cảm giác tội lỗi

Hầu hết các nạn nhân bị mua bán nhìn nhận và đánh giá bản thân thấp kém và có cảm giác tội lỗi. Họ tự cho mình là không có giá trị và không có gì để khao khát trong tương lai (Susan và cộng sự, 2015).

Họ thấy mình thấp kém hơn người khác (Kara và Elizabeth, 2019). Theo nghiên cứu từ những nạn nhân đã trở về, Cathy and Nicola (2013) đã chỉ ra rằng, nạn nhân thường tự trách bản thân vì đã “ngu ngốc”, “cả tin” hoặc “đã mắc sai lầm rất lớn” vì đã tin theo lời dụ dỗ và lừa gạt của những kẻ MBN.

Mức độ và cảm giác tội lỗi, xấu hổ này của từng nạn nhân cũng khác nhau tùy thuộc theo giới tính, hình thức bị bóc lột và lạm dụng mà họ đã trải qua. Một số nạn nhân nam thường bị bắt ép làm công việc trái phép hoặc vi phạm pháp luật, và có thể đã trở thành “tội phạm” với tội danh được quy định. Khi trở về quê hương, nạn nhân thường cảm thấy mặc cảm, đau khổ vì họ đã mắc sai lầm và cảm thấy mình tội lỗi vì đã mang tiếng xấu hoặc rắc rối cho gia đình, dòng họ (UNODC, 2008). Đối với nạn nhân nữ, đa phần bị mua bán với hình thức bóc lột tình dục, họ cảm thấy mình không còn “sạch sẽ”, “trong trắng” vì đã từng tham gia các dịch vụ mại dâm. Họ thường có cảm giác tội lỗi tội đồ, không xứng đáng khi được giúp đỡ, hỗ trợ từ tổ chức, gia đình và những người xung quanh tại cộng đồng (Cathy and Nicola, 2013).

Sự gắn kết đau thương (trauma bonding)

Trong một số trường hợp MBN, mối quan hệ giữa nạn nhân và đối tượng MBN có thể tạo ra sự gắn kết đau thương (trauma bonding) hay “hội chứng Stockholm” ở nạn nhân bị mua bán. Hội chứng này là một phản ứng tâm lý mà ở đó, nạn nhân có thể trở nên gắn bó về mặt tình cảm, cảm thông với những kẻ bắt giữ họ và trung thành bảo vệ họ (Hiệp hội Cảnh sát trưởng quốc gia, 2010). Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có những thông tin chính xác về mức độ phổ biến của hiện

tượng này ở trong các trường hợp MBN và không phải tất cả nạn nhân bị mua bán đều trải qua hội chứng này.

Sự gắn kết đau thương được hiểu một cách phổ biến nhất là việc đối tượng MBN sử dụng các phần thưởng và hình phạt trong quá trình lạm dụng, bóc lột nạn nhân để tăng cường mối liên kết tình cảm mạnh mẽ với nạn nhân. Đối tượng MBN có thể đảm nhận vai trò người bảo vệ để kiểm soát nạn nhân, điều này đã tạo ra sự nhầm lẫn và phát triển mối quan hệ hoặc sự gắn bó với nạn nhân, có thể khiến nạn nhân cảm thấy trung thành hoặc yêu kẻ buôn người. Sự gắn kết đau thương này trở nên đặc biệt mạnh mẽ khi nỗi sợ hãi về kẻ buôn người đi đôi với lòng biết ơn đối với bất kỳ lòng tốt nào được thể hiện ở họ (Liên bang Hoa Kỳ, 2020).

Tiếp xúc với chấn thương nhiều lần có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của não và cách suy nghĩ của một người, thường dẫn đến việc nạn nhân trở nên tê liệt và mất kết nối với chính họ. Đôi khi, việc bị lạm dụng và bị làm tổn thương được lặp đi lặp lại nhiều đến mức nạn nhân có thể cảm thấy quen thuộc và nảy sinh tình cảm đối với đối tượng MBN. Chính điều này cũng có thể làm giảm những ảnh hưởng tiêu cực của sang chấn tâm lý vì những khoảnh khắc nạn nhân cảm thấy được yêu thương, được chăm sóc từ đối tượng MBN có thể bù đắp cho những trải nghiệm lo lắng, sợ hãi.

Phát triển lòng biết ơn và sự gắn bó với kẻ MBN như một cơ chế phản ứng của cơ thể để nạn nhân có thể tồn tại trong bối cảnh họ bị kẻ MBN cô lập, đe dọa khiến họ cảm thấy kiệt sức và cảm thấy bất lực, không thể trốn thoát. Do đó, khi có bất kì một sự “giúp đỡ” hay “lòng tốt” nào của

kẻ MBN cũng có thể có tác động tới nạn nhân khiến họ đáp ứng lại bằng lòng biết ơn và sự gắn bó.

Có một số yếu tố có thể làm phát triển mối liên hệ phụ thuộc và gắn kết của nạn nhân với kẻ MBN. Ví dụ như việc nạn nhân thiếu khả năng tiếp cận với các nguồn lực hỗ trợ, dịch vụ như nhà ở, chăm sóc y tế, việc làm, thu nhập, giáo dục có thể khiến họ phải phụ thuộc vào kẻ MBN nhiều hơn. Hay hoàn cảnh kinh tế và xã hội gặp nhiều khó khăn của nạn nhân như sự nghèo đói, hoàn cảnh bị bạo hành, xâm hại ở quá khứ có thể góp phần củng cố cảm giác tin tưởng và lòng trung thành của nạn nhân với kẻ MBN.

Khi rời khỏi mối quan hệ gắn kết đau thương, nạn nhân có thể cảm thấy mất an toàn. Họ có thể giận dữ, buồn bã và tê liệt, suy nghĩ tiêu cực về tương lai, rối loạn về tâm trí và nạn nhân có thể quay trở lại với kẻ MBN. Do đó, việc nạn nhân “tái mua bán” với kẻ buôn người nên được xem xét trong kế hoạch hỗ trợ.

Hiện tượng gắn kết đau thương này có thể khiến nạn nhân có các hành vi như bảo vệ kẻ mua bán, chậm khai báo hay không sẵn sàng hợp tác với các cơ quan chức năng. Những phản ứng này có thể khiến cơ quan chức năng nhìn nhận đây như một sự “đồng phạm” hoặc không hợp tác của nạn nhân.

Tức giận, oán hận kẻ mua bán

Đối với kẻ MBN, nạn nhân khi trở về vẫn còn những cảm xúc tức giận, bất bình, và oán hận kẻ mua bán họ. Họ muốn đánh, muốn tống những kẻ MBN vào tù. Có những nạn nhân cảm thấy rằng họ không bao giờ có thể quên và tha thứ cho những việc đã xảy ra với họ (Susan và

cộng sự, 2015). Điều này thường xảy ra đối với những nạn nhân đã từng trải qua thời gian dài bị bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động và sự uy hiếp, thủ đoạn của những kẻ MBN đối với gia đình và bản thân nạn nhân. Mức độ tức giận với kẻ MBN thường tăng lên sau những lần chạy trốn không thành công hoặc mất hy vọng tại những nơi giam giữ và mua bán nạn nhân.

Sang chấn tâm lý ở nạn nhân là trẻ em

Rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vấn nạn MBN đã để lại những sang chấn tâm lý cho nạn nhân là trẻ em ở các mức độ khác nhau. Khi bị mua bán, trẻ bị tách khỏi gia đình và cộng đồng, trẻ bị lạm dụng thể chất, tình cảm và tình dục; trẻ bị đe dọa, cô lập hay chứng kiến cảnh người khác bị lạm dụng (Mitchels, 2004).

Các tổn thương tâm lý được ghi nhận ở những trẻ bị bỏ rơi, bị lạm dụng thể chất, tâm lý và tình dục thường thấy như trẻ bị trầm cảm, lo âu, căng thẳng (Browne & Finkelhor, 1986; Kendall-Tackett, Williams, và Finkelhor, 2001; ECPAT, 2006a; Kiss và cộng sự, 2015); có ý định tự sát (Kiss và cộng sự, 2015; Dykman và cộng sự, 1997; Kaufman, 1991; Nelson và cộng sự, 2002; Sneddon, 2003); rối loạn căng thẳng sau sang chấn (Browne & Finkelhor, 1986; Kendall-Tackett, Williams, & Finkelhor, 2001; Dykman và cộng sự, 1997; Kaufman, 1991; Nelson và cộng sự, 2002; Sneddon, 2003); đánh giá bản thân thấp, thiếu tự tin và thu mình (ECPAT, 2006a; Bousha & Twentyman, 1984). Nếu trẻ bị mua bán hoặc bị mua bán nhiều lần khi còn nhỏ có nhiều nguy cơ mắc các bệnh tâm thần khi trưởng thành (Read, 1997; Edwards, Holden, Felitti, & Anda, 2003; Horwitz, Widom, Loughlin, & White, 2001; Widom, 1999).

Nghiên cứu của Greene Ross W và J. Stuart Ablon (2006) chỉ ra rằng, sang chấn tâm lý tác động tới sự phát triển của não cũng như hành vi của trẻ em và vị thành niên. Điều này có thể ảnh hưởng đến các kỹ năng giao tiếp như khả năng diễn tả cảm xúc, điều chỉnh cảm xúc hay thể hiện cảm xúc phù hợp với tình huống, kỹ năng tổ chức, lập kế hoạch cũng như các kỹ năng xã hội như nhận biết tác động của hành vi đối với người khác.

Qua các nghiên cứu cho thấy, sang chấn tâm lý ở nạn nhân bị MBN là rất phổ biến với các mức độ biểu hiện, ảnh hưởng khác nhau ở từng nhóm nạn nhân. Cần đánh giá mức độ nghiêm trọng và thời gian của các lạm dụng, bóc lột của tình trạng MBN và có thời gian phục hồi phù hợp (Mazeda và cộng sự, 2010).

3. Một số rào cản tâm lý của nạn nhân khi tham gia vào quá trình tư pháp hình sự của các vụ án mua bán người

Nạn nhân bị mua bán thường trải qua sang chấn tâm lý ở mức độ khác nhau. Những tổn thương tâm lý này có thể có ảnh hưởng sâu sắc, lâu dài đến nạn nhân, do đó họ có thể không hỗ trợ và tham gia vào quá trình tố tụng hình sự, ít nhất là trong giai đoạn đầu (UNODC, 2009a). Phần này sẽ phân tích một số yếu tố cản trở việc nạn nhân tham gia vào quá trình tư pháp hình sự trong các vụ án MBN.

Sợ chính quyền

Trong quá trình bị mua bán, nạn nhân thường rơi vào tình trạng không có giấy phép cư trú, giấy phép lao động hoặc tham gia vào các hoạt động trái phép như mại dâm, sử dụng ma túy, trồng cần sa trái phép... Trong một số trường hợp, kẻ MBN đã đưa ra các thông tin khiến nạn nhân sợ chính quyền như nạn nhân sẽ bị

bắt bỏ tù, trục xuất, bị truy tố vì tình trạng cư trú bất hợp pháp hoặc các hoạt động bất hợp pháp mà họ tham gia vào trong quá trình bị mua bán (UNODC, 2009a). Do đó, họ lo sợ bị ngược đãi, trục xuất hoặc những rủi ro đối với sự an toàn cá nhân của bản thân hoặc gia đình họ (ICMPD 2006; IOM 2007; UNODC 2009b).

Ngoài ra, trong quá trình tư pháp hình sự, nạn nhân thường cảm thấy sợ hãi, lo lắng khi tiếp xúc và làm việc với các cán bộ điều tra. Sau chấn thương, nạn nhân thường đưa ra những thông tin thiếu nhất quán hoặc không đầy đủ. Họ cũng có thể tìm cách che giấu hoặc giảm thiểu các hành vi không tốt vì sợ rằng họ sẽ không được tin tưởng hoặc rằng họ sẽ bị đổ lỗi cho hành vi của mình. Việc cán bộ điều tra nghi ngờ hay chất vấn những thông tin không nhất quán này có thể làm ảnh hưởng không tốt tới tâm lý của nạn nhân và hiệu quả của các cuộc điều tra (Tổ chức theo dõi quyền con người, 2013).

Sợ bị lộ thông tin cá nhân và quá khứ bị mua bán

Theo UNODC (2009b), một trong số các rào cản khiến nạn nhân không chấp nhận tham gia vào các quá trình tư pháp hình sự là bị lộ danh tính, thông tin cá nhân và gia đình. Một số trường hợp, danh tính và thông tin cá nhân của nạn nhân đã vô tình bị tiết lộ trong quá trình điều tra, làm việc tại địa phương; hoặc trong quá trình khởi tố và xét xử do cán bộ chuyên trách hoặc các đơn vị báo chí.

Ngoài ra, nạn nhân cũng thường lo sợ về quá khứ bị mua bán của mình sẽ bị công khai, bị cộng đồng xã hội kỳ thị và xa lánh, đặc biệt là các nạn nhân bị cưỡng bức lao động và bóc lột tình dục. Chính tâm lý này và việc bị kì thị tại cộng đồng

dẫn tới việc họ không muốn mình được nhìn nhận như những nạn nhân bị mua bán, hoặc không muốn tiếp tục tham gia các quá trình tư pháp hình sự (UNODC, 2008; Moskovitz, 2008).

Sợ bị trả thù

Để an toàn và tránh những rắc rối, nạn nhân sẽ thường từ chối không tham gia vào các quá trình điều tra, tố giác tội phạm MBN. Đa phần nạn nhân cảm thấy lo sợ nếu trình báo với cơ quan chính quyền và tố giác tội phạm sẽ bị những kẻ buôn người trừng phạt, trả thù bản thân và gây hại cho gia đình (Đội đặc nhiệm Quốc gia về Phòng chống MBN)³.

Ngoài ra, tội phạm MBN thường là người thân thiết, quen biết hoặc có mối quan hệ gia đình với nạn nhân. Do đó, nạn nhân thường ngại ngần và tránh tham gia quá trình tư pháp hình sự để bảo vệ người thân trong gia đình mặc dù họ đã trải qua những đau thương trong suốt quá trình MBN.

Sang chấn và tái sang chấn tâm lý

Việc kể lại sự việc bị mua bán có thể khiến nạn nhân có những căng thẳng tâm lý, hồi tưởng lại quá khứ khiến nạn nhân hoảng sợ, tái sang chấn, hiệu động (mất ngủ, tức giận bộc phát hoặc cáu kỉnh, cảnh giác quá mức, v.v.) (Susan và cộng sự, 2015). Do đó, sự sẵn sàng hợp tác của nạn nhân bị mua bán trong quá trình tố tụng hình sự cũng có thể bị ảnh hưởng bởi những lo ngại liên quan đến việc kể lại trải nghiệm trong quá trình trở thành nạn nhân (Moskowitz, 2008; UNODC, 2008). Trong quá trình điều

³ Đội đặc nhiệm Quốc gia về Phòng, chống mua bán người, Thông tin chung về mua bán người. Xem tại: https://nj.gov/oag/dcj/humantrafficking/downloads/NJHTTF_FS_Understanding-Victims.pdf.

tra, xét xử, các cơ quan chức năng cần lấy lời khai của nạn nhân về các sự việc đã diễn ra để làm bằng chứng kết tội kẻ MBN. Việc kể lại những trải nghiệm này có thể khiến nạn nhân cảm thấy căng thẳng, bất an hay tái sang chấn. Thậm chí, một số nạn nhân chỉ cần nghe tên hoặc nhìn hình ảnh của kẻ mua bán cũng trở nên mất kiểm soát, không tập trung và tổn thương tâm lý.

Do ảnh hưởng của các tổn thương tâm lý, nạn nhân thường bị trí nhớ gián đoạn, khó hồi tưởng lại những diễn biến trong quá khứ, không tập trung, có thể nhớ sai lệch, dẫn đến việc không tự tin khi tham gia quá trình tư pháp hình sự.

Mất niềm tin vào cơ quan chức năng và các tổ chức trợ giúp

Do trong quá trình bị mua bán, nạn nhân bị kẻ MBN và người môi giới lừa dối trong thời gian dài nên đã mất niềm tin vào bản thân, vào các cơ sở trợ giúp và các lực lượng chức năng. Theo báo cáo của Bộ Y tế và dịch vụ Nhân sinh Hoa Kỳ, những kẻ MBN thường dùng nhiều thủ đoạn và hình thức khác nhau để “tẩy não” nạn nhân, làm họ hiểu sai lệch về các đơn vị thực thi pháp luật (Heather và cộng sự, 2008). Điều này đã có những tác động tiêu cực tới niềm tin của nạn nhân vào tương lai và vào người khác, ngay cả với cán bộ của các cơ quan chức năng đang cố gắng giúp đỡ họ. Những tổn thương đã trải qua có thể khiến nạn nhân mất lòng tin với các cơ quan chức năng (ICMPD 2006; IOM 2007; UNODC 2009b). Họ không tin tưởng việc tham gia vào quá trình tư pháp hình sự có thể mang lại công bằng cho họ và có thể giúp họ vượt qua được những khó khăn mà họ đang phải đối mặt. Ngoài ra, điều

này cũng có thể liên quan đến những trải nghiệm không tốt của nạn nhân khi tham gia vào các quá trình tư pháp hình sự trước đây (Đội đặc nhiệm Quốc gia về Phòng, chống MBN).

4. Phương pháp tiếp cận nạn nhân bị mua bán trong quá trình điều tra, xét xử và giải quyết các vụ án mua bán người

Từ những kết quả nghiên cứu và các hoạt động can thiệp với nạn nhân bị mua bán trong công tác phòng, chống MBN, các nhà nghiên cứu, lập pháp và hoạt động xã hội trên thế giới đã đưa ra một số cách tiếp cận có hiệu quả với nạn nhân bị mua bán. Bằng những cách tiếp cận này, công tác hỗ trợ nạn nhân và điều tra xét xử vụ án về MBN sẽ trở nên có hiệu quả hơn.

Áp dụng phương pháp tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm

Phương pháp tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm là cách tiếp cận dựa trên hiểu biết về nhu cầu của nạn nhân và vì lợi ích tốt nhất của nạn nhân. Nạn nhân của tội phạm có nhu cầu được an toàn, nhu cầu được chia sẻ về cảm xúc và nhu cầu được biết về “điều gì sẽ xảy ra tiếp theo” khi tham gia vào quá trình điều tra, truy tố, xét xử (Hiệp hội Cảnh sát trưởng quốc gia, 2010). Tiếp cận dựa trên hiểu biết về nhu cầu và lợi ích của nạn nhân sẽ giúp cán bộ điều tra, xét xử tránh được việc vô tình đưa ra những bình luận hay đặt câu hỏi gây tổn thương cho nạn nhân hay đổ lỗi cho nạn nhân (Hiệp hội Cảnh sát trưởng quốc gia, 2010). Khi nạn nhân được tôn trọng, được quan tâm nhu cầu và được bảo vệ lợi ích, họ sẽ tin tưởng và hợp tác với cơ quan chức năng trong việc cung cấp các thông tin về tội phạm để giúp cơ quan chức năng kết tội được kẻ phạm tội.

Sự sẵn sàng khai báo tội phạm và tham gia vào quá trình điều tra tội phạm của nạn nhân bị mua bán thường phụ thuộc vào cách ứng xử của các cán bộ thực thi pháp luật và sự sẵn sàng hỗ trợ của các cơ quan thực thi pháp luật. Do đó, tổ chức IOM khuyến khích sự chuyển đổi từ cách tiếp cận thực thi pháp luật truyền thống sang cách tiếp cận tập trung vào lợi ích của nạn nhân như một phương tiện tốt nhất để đảm bảo công lý (IOM, 2009).

ASEAN (2011) đã xây dựng các hướng dẫn thực hành tốt nhất cho các chủ thể thực thi pháp luật làm việc với nạn nhân bị mua bán. Hướng dẫn khuyến khích các quan chức đảm bảo các quyền và nhu cầu của những người bị mua bán được đáp ứng trong suốt quá trình điều tra và bất kỳ thủ tục tố tụng tiếp theo của Tòa án.

Theo hướng dẫn của tiến trình Bali dành cho việc hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân bị MBN tại khu vực châu Á Thái Bình Dương⁴, cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm nhấn mạnh một số lưu ý sau đây:

Không phán xét: Một trong những rào cản hạn chế nạn nhân tham gia vào quá trình tư pháp hình sự là sợ bị đánh giá, sợ bị đổ lỗi và sợ bị kết tội. Do đó, các cán bộ tham gia vào quá trình điều tra cần tạo ra một môi trường không phán xét bằng cách trấn an nạn nhân. Cần cho nạn nhân biết rằng, cán bộ ở đó không phải để phán xét hành vi của nạn nhân, và khẳng định với nạn nhân rằng không

có hành vi nào từ phía nạn nhân có thể cho phép kẻ nghi phạm tấn công và bóc lột họ.

Được đảm bảo quyền riêng tư và bí mật: Những thông tin của cá nhân cần được đảm bảo giữ bí mật và được tuân thủ bởi tất cả các cán bộ tư pháp hình sự và những người có liên quan hoặc làm việc trực tiếp với nạn nhân.

Được tiếp cận và thông báo những thông tin liên quan đến quyền của nạn nhân và quá trình tư pháp hình sự: Những thông tin về quyền lợi và nghĩa vụ của nạn nhân và trình tự quá trình tư pháp hình sự phải được thông báo đầy đủ với nạn nhân bằng văn bản hoặc lời nói. Đảm bảo rằng họ đã cung cấp thông tin đầy đủ trước khi tiến hành các quá trình xác định, điều tra, truy tố và bảo vệ nạn nhân.

Tiếp cận dựa trên hiểu biết về sang chấn tâm lý

Tiếp cận dựa trên hiểu biết về sang chấn tâm lý là việc thừa nhận sự hiện diện của sang chấn tâm lý và những hậu quả mà chấn thương tâm lý gây ra đối với nạn nhân và gia đình của họ. Các phản ứng tư pháp hình sự dựa trên hiểu biết về sang chấn tâm lý có thể giúp tránh gây tái sang chấn tâm lý cho nạn nhân, tăng sự an toàn cho nạn nhân và giúp hỗ trợ cho quá trình hồi phục của nạn nhân.

Các cán bộ tham gia vào quá trình tư pháp hình sự cần được đào tạo để có hiểu biết về sang chấn tâm lý của nạn nhân và tác động của sang chấn tâm lý đối với nạn nhân và gia đình họ. Cán bộ cần nhận thức rằng nạn nhân cũng có thể đã trải qua sang chấn nặng trong quá khứ, họ có thể đã vượt qua hoặc hiện tại vẫn bị ảnh hưởng bởi những sang chấn này; từ đó, cán bộ điều tra, xét xử có những phản ứng

⁴ Tiến trình Bali, *Nâng cao và củng cố cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm*, Tài liệu hướng dẫn dành cho cán bộ, người thực thi pháp luật trong quá trình xác định, hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân bị mua bán tại Khu vực Châu Á, Thái Bình Dương, xuất bản năm 2016. https://www.baliprocess.net/UserFiles/baliprocess/File/RSO-CIFAL-curriculum%20Enhancing%20a%20Victim-Centered%20Approach_A4_Final_2017-02-14_for-web.pdf

phù hợp, tránh gây tái sang chấn tâm lý cho nạn nhân.

Để hạn chế phải kể lại nhiều lần trải nghiệm bị mua bán có thể khiến nạn nhân căng thẳng, hoảng sợ hoặc tái sang chấn, cơ quan điều tra, xét xử có thể ghi âm lại các cuộc phỏng vấn lấy lời khai của nạn nhân. Ngoài ra, việc ghi âm quá trình lấy lời khai của nạn nhân cũng giúp cho cán bộ điều tra ghi lại những phản ứng tức thời của nạn nhân do sang chấn tâm lý (Tổ chức theo dõi quyền con người, 2013).

Trong quá trình tham gia điều tra, truy tố, xét xử, nạn nhân có thể phải đối mặt với kẻ MBN. Việc đối mặt này có thể gây ra tâm lý sợ hãi cho nạn nhân. Dự án Phòng, chống MBN khu vực châu Á đã xác định một loạt các biện pháp có thể được sử dụng để khắc phục tâm lý sợ hãi của nạn nhân bị mua bán khi có mặt của kẻ buôn người, để giảm bớt tổn thương cho nạn nhân của tội phạm tình dục khi đang làm chứng trong các quy trình của Tòa án. Các biện pháp bao gồm: Dựng một màn hình tạm thời tại tòa để bảo vệ nạn nhân chứng tránh phải khai trực diện trước bị cáo, cho phép họ làm chứng từ xa thông qua liên kết video, tiến hành các thủ tục của phiên tòa trong camera và cho phép nộp tiền trước khi xét xử, giúp loại bỏ sự cần thiết phải xuất hiện của người bị mua bán trong quá trình xét xử (Smith, 2010).

Nạn nhân là nhân chứng quan trọng nhất để cung cấp bằng chứng trong quá trình tố tụng hình sự chống lại những kẻ MBN và để kết tội kẻ tội phạm (UNODC, 2008a). Để tăng sự sẵn sàng và khả năng tham gia của nạn nhân trong việc hỗ trợ phát hiện và truy tố kẻ MBN, tất cả nạn nhân bị mua bán cần được hỗ trợ và điều trị tâm lý. Điều này nên được chính thức

đưa vào luật pháp hoặc chính sách của quốc gia để chống lại nạn MBN, bất kể nạn nhân có sẵn sàng hỗ trợ tố tụng hình sự ban đầu hay không (ASEAN, 2011). *“Các nạn nhân nên được ổn định trước khi họ được phỏng vấn chi tiết về những gì đã xảy ra với họ”* - điều này có nghĩa là họ có thể cần tiếp cận một loạt các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ xã hội, nhà ở ổn định và an toàn, hỗ trợ tài chính (UNODC, 2009a).

Những cân nhắc đặc biệt khác

Nhạy cảm về giới: Các hướng dẫn thực hành tốt về tiếp cận nạn nhân trong quá trình tư pháp hình sự chỉ ra rằng, cần có sự nhạy cảm về giới trong việc tiếp cận với nạn nhân. IOM (2018) cũng có khuyến nghị về việc nên áp dụng cách tiếp cận về giới để trong quá trình giải quyết tất cả các vụ án MBN, áp dụng với tất cả các nạn nhân, và cần được đảm bảo rằng các nạn nhân đều được đối xử công bằng, không phân biệt giới tính của họ. Ví dụ như việc lựa chọn giới tính của cán bộ tiếp xúc và làm việc với nạn nhân cũng là một cân nhắc quan trọng đối với các cơ quan chức năng liên quan. Theo Hiệp hội Cảnh sát trưởng Mỹ (2010), cảnh sát đã sử dụng người phiên dịch là nữ không phải là cán bộ địa phương hay thuộc cơ quan điều tra trong các cuộc phỏng vấn với nạn nhân nữ. Hay trong quá trình tiếp cận với nạn nhân nữ có những phản ứng nhạy cảm với nam giới, cần phân công cán bộ nữ hoặc có cán bộ nữ tham gia vào quá trình làm việc với nạn nhân. Do đó, nhiều tổ chức, chương trình quốc tế cũng đề nghị các cán bộ thực thi pháp luật phải được đào tạo về cách tiếp cận nhạy cảm giới nhằm giúp quá trình tư pháp hình sự được thuận lợi, đồng thời bảo vệ quyền của nạn nhân một cách tốt nhất (IOM, 2018).

Những cân nhắc đặc biệt đến trẻ em: Mặc dù nhiệm vụ của các cơ quan thực thi pháp luật là đưa tội phạm MBN ra trước vành móng ngựa và chịu những trừng phạt thích đáng về hành vi của họ, nhưng đơn vị này vẫn phải làm việc chặt chẽ với các cơ quan bảo vệ trẻ em để đảm bảo quyền của trẻ em là nạn nhân của các vụ án MBN vẫn được xem xét và cân nhắc (IOM, 2018). Một số lưu ý và cân nhắc đặc biệt dành cho nạn nhân bị mua bán là trẻ em bao gồm: a) Lợi ích tốt nhất của trẻ em là điều tối quan trọng và cần được cân nhắc mọi lúc, mọi thời điểm; b) Tất cả vụ án MBN liên quan đến trẻ em đều có yếu tố nhạy cảm và đòi hỏi mức độ chăm sóc đặc biệt; c) Sự an toàn và nhu cầu của trẻ em luôn được ưu tiên hơn các nhu cầu về điều tra vụ án MBN; d) Trong quá trình bảo vệ và hỗ trợ trong các vụ án MBN, cán bộ thực thi pháp luật cần đảm bảo rằng không một nạn nhân nào là trẻ em bị bỏ lại và lãng quên; e) Nên có những lưu tâm cần trọng trong quá trình điều tra, truy tố vụ án MBN, đảm bảo rằng trẻ em sẽ không bị tổn thương tâm lý hoặc tái sang chấn (IOM, 2018; IOM, 2007).

5. Kết luận và một số đề xuất

Các kết quả nghiên cứu trên cho thấy những biểu hiện sang chấn tâm lý tồn tại khá phổ biến ở nạn nhân bị mua bán. Sang chấn tâm lý có ở cả nạn nhân nam, nạn nhân nữ, đặc biệt nghiêm trọng với nạn nhân là trẻ em. Tác động của MBN đến tâm lý của mỗi cá nhân là khác nhau tùy thuộc vào độ tuổi, giới tính và hình thức bóc lột, lạm dụng và thời gian bị bóc lột, lạm dụng.

Các cán bộ tham gia vào quá trình tư pháp hình sự của các vụ án MBN cần nhận

thức được tính phổ biến, mức độ nghiêm trọng và ảnh hưởng của sang chấn tâm lý ở nạn nhân bị MBN. Từ đó, đưa ra những đáp ứng dựa trên hiểu biết về sang chấn tâm lý của nạn nhân để tránh làm tổn thương thêm và gây tái sang chấn tâm lý cho nạn nhân.

Nạn nhân khi tham gia vào quá trình điều tra, truy tố, xét xử có nhu cầu được đảm bảo an toàn, bí mật danh tính, được nói lên tiếng nói của mình và được cung cấp thông tin đầy đủ về quá trình tham gia của họ. Sự hợp tác và phối hợp của nạn nhân trong các quá trình này cũng tùy thuộc một phần lớn vào thái độ và cách ứng xử của cán bộ chức năng. Cách tiếp cận dựa trên nhu cầu và lợi ích của nạn nhân đã chỉ ra là có hiệu quả tốt nhất giúp nạn nhân tham gia tích cực vào việc truy tố tội phạm. Do đó, cán bộ các cơ quan liên quan cần được đào tạo để hiểu biết về những tác động của MBN đến tâm lý, nhu cầu của nạn nhân và phương pháp làm việc tập trung vào lợi ích của nạn nhân.

Mặc dù các khuyến nghị của các tổ chức quốc tế đưa ra là nạn nhân cần được trị liệu tâm lý trước khi tham gia vào quá trình tư pháp hình sự nhưng tại Việt Nam, việc hỗ trợ và phục hồi về sức khỏe tinh thần cho các nạn nhân còn gặp nhiều khó khăn do còn thiếu các chuyên gia và dịch vụ hỗ trợ tâm lý có chất lượng. Do đó, các cơ quan chức năng cần đặc biệt quan tâm việc tăng cường khả năng ứng phó với sang chấn tâm lý cho nạn nhân bị MBN. Điều này sẽ hỗ trợ cho các cơ quan thực thi pháp luật thực hiện nhiệm vụ của mình hiệu quả hơn thông qua sự hợp tác của nạn nhân cũng như khả năng phục hồi của nạn nhân./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrevski, H, Larsen, J & Lyneham, S 2013, “Những rào cản trong quá trình tham gia tố tụng hình sự của nạn nhân bị mua bán – Nghiên cứu điển hình tại In-đô-nê-xi-a”, *Các xu hướng và vấn đề liên quan tới tội phạm và tư pháp hình sự*, Viện Nghiên cứu Quốc gia Ô-xtrây-li-a về Tội phạm học, số. 451. Xem <https://www.aic.gov.au/publications/tandi/tandi451>
2. Andrew, K 2009, “Nghiên cứu về những tác động của Bạo lực gia đình hiện nay: Dành cho cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan truy tố, và thẩm phán”, *Báo cáo nghiên cứu Viện tư pháp quốc gia*. Xem <https://www.ojp.gov/pdffiles1/nij/225722.pdf>
3. Antonio, P, Jean, K, & Orrin- Porter, M 2019, “Làm việc cùng với nạn nhân bị mua bán”, *Tạp chí Trị liệu tâm lý đương đại*, số. 47, tr. 51-59.
4. Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, 2020, Báo cáo về MBN năm 2020, Xem: <https://www.state.gov/wp-content/uploads/2020/06/2020-TIP-Report-Complete-062420-FINAL.pdf>
5. Cathy, Z & Nicola, P, 2013, “Mua bán người và Sức khỏe tâm thần: Những vết thương của tôi ở bên trong tôi – Chúng không biểu hiện bên ngoài”, *Tạp chí Brown về các vấn đề thế giới*, tập. 19, số. 2, tr. 265-280.
6. Erin, W, Nicloe, D & Heather, C 2008, “Điều trị sức khỏe tâm thần dựa trên bằng chứng dành cho nạn nhân bị MBN”, *Bộ Y tế và dịch vụ dân sinh Hoa Kỳ*, tr.1-13.
7. Greene, W & Stuart, A 2016, “Cách tiếp cận dựa trên trên việc phối hợp giải quyết vấn đề”, *Tạp chí Guilford*, New York, tr. 9-18.
8. Heather, C, Amy, S & Lisa, G, 2008, “Điều trị những tổn thương tiềm ẩn: Điều trị sang chấn tâm lý và phục hồi sức khỏe tâm thần dành cho nạn nhân bị mua bán người”, *Bộ Y tế và dịch vụ dân sinh Hoa Kỳ*.
9. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 2011, “Báo cáo tiến độ về các ứng phó tư pháp hình sự đối với buôn bán người trong khu vực ASEAN”, Jakarta, ASEAN. Xem: <http://www.artipproject.org/>.
10. Hiệp hội cảnh sát trưởng quốc gia 2010, “Ứng phó ban đầu với nạn nhân là tội phạm MBN: Sách hướng dẫn cho cán bộ thực thi pháp luật”, Truy cập ngày 27/5/2021, Xem: <http://ojp.gov/ovc/publications/infores/pdftxt/FirstResponseGuidebook.pdf>.
11. Jean, C 2002, “Buôn bán người: Quan điểm về giới và quyền”, Văn phòng Liên Hợp Quốc về ma túy và tội phạm (UNODC), số. 8.
12. Jeanette, H, Colleen, O, Hanna, L, Lilly, Y, Evelyn, M, Abbey, F, & Kyla, W 2015, “Hướng tới công lý: Các nhận thức về công lý những nạn nhân bị mua bán”, Văn phòng dịch vụ về tham chiếu Tư pháp hình sự quốc gia, Chương trình Quốc gia về tư pháp hình sự, truy cập ngày 30/5/2021, Xem: <https://www.ojp.gov/pdffiles1/nij/grants/251631.pdf>.
13. John, M 2014, “Giải quyết các vụ án MBN tại Tòa án tiểu bang: Bối cảnh và cách tiếp cận” trong *Hướng dẫn về mua bán người dành cho Tòa án Tiểu bang*, Human trafficking and the state counts collaborative, tr. 5-36.
14. Kara, A & Elizabeth, Y 2019, “Thấp sáng Hy vọng: Di cư, bóc lột và nạn buôn bán trẻ em và thanh thiếu niên ở Việt Nam”.

15. Kerr, L 2016, “Điều trị sang chấn trong bối cảnh MBN: sự giao thoa của các yếu tố tâm lý, xã hội và văn hóa”, trong Ghafoori B, Caspi Y, Smith S, Quan điểm quốc tế về căng thẳng và sang chấn, Nhà xuất bản Khoa Học Nova, New York, tr. 199–221.

16. Kiss, L, Pocock, N & Naisanguansri, V 2015, “Sức khỏe của nam giới, nữ giới và trẻ em hậu MBN tại Cam-pu-chia, Thái Lan và Việt Nam”, Tạp chí sức khỏe thế giới Lancet, số. 3, tr. 154–161.

17. Livia, O, Patrick, S, Hitesh, S, Daniel, S, Johnny, D & Sian, O 2018, “Hậu quả tâm lý của mua bán trẻ em: Một nghiên cứu thuần về các trẻ em là nạn nhân của MBN tiếp xúc với các dịch vụ sức khỏe tâm thần thứ cấp”, Tạp chí PLoS One., tập 13, số. 3 DOI: 10.1371/journal.pone.0192321.

18. Macias-Konstantopoulos, W 2016, “Mua bán người: Vai trò của y học trong việc làm gián đoạn chu kỳ lạm dụng và bạo lực”, Ann Intern Med, số. 165(8), tr. 582– 588, DOI:10.7326/M16-0094.

19. Mazeda, H, Cathy, Z, Melanie, A, Miriam, L, & Charlotte, W 2010, “Mối quan hệ của chấn thương và rối loạn tâm thần của trẻ em gái và phụ nữ là nạn nhân bị mua bán và bóc lột tình dục”, Am J Public Health., số. 100(12), tr. 2442–2449. Xem: <https://ajph.aphapublications.org/doi/10.2105/AJPH.2009.173229>.

20. Moskowitz, A 2008, “Những thách thức và ưu tiên trong việc truy tố và xử lý các vụ án mua bán người”. Diễn đàn nghiên cứu và dữ liệu về mua bán người, truy cập ngày 28/5/2021, Xem: http://www.artipproject.org/artip-project/documents/Paper_J&P-Challenges-TIP_22Oct08_fnl.pdf

21. “Cải thiện ứng phó tư pháp chon anh nhân là nhân chứng: Các tài liệu dành cho công tố viên về Bạo lực đối với phụ nữ”, Aequitas, truy cập ngày 27/5/2021, Xem: <http://aequitasresource.org/Improving-the-Justice-System-Response-to-Witness-Intimidation.cfm>.

22. Smith, G 2010, “Ứng phó tư pháp hình sự đối với MBN: Sự phát triển gần đây ở tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng”, UNIAP, Thái Lan.

23. Susan, K, Madhavi, L, Janelle, K, Lich. L, Hanh. T, & Chinh. N, 2015, “Những nạn nhân bị MBN tại Miền Bắc Việt Nam: Hậu quả về tâm lý và xã hội”.

24. Temilosa, S, Mollie, G, John, C, & Phuong, N 2018, “Liệu pháp thường được sử dụng trong việc điều trị các di chứng tâm lý do sang chấn của nạn nhân bị mua bán?”, Tạp chí Tâm lý thực hành, tập. 24, số. 2.

25. Tổ chức di cư quốc tế (IOM) 2007, “Sổ tay hướng dẫn hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân bị mua bán người”. IOM, Geneva. Xem: <https://publications.iom.int/books/iom-handbook-direct-assistance-victims-trafficking-0>.

26. Tổ chức di cư quốc tế (IOM) 2009, “Hướng dẫn thực thi pháp luật và bảo vệ nạn nhân bị mua bán trong các vụ án mua bán người”, IOM, Jakarta, Indonesia. Xem: <http://www.iom.or.id/publications.jsp?lang=eng>

27. Tổ chức di cư quốc tế (IOM) 2018, “Điều tra các vụ án mua bán người bằng cách tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm: Sổ tay hướng dẫn giảng viên về phòng, chống mua bán người, để nâng cao năng lực thực thi pháp luật tại Antigua and Barbuda, Belize, Jamaica, and Trinidad and Tobago”.

28. Tổ chức theo dõi quyền con người (HRW) 2013, *“Cải thiện cách ứng phó của cảnh sát đối với tấn công tình dục”*, truy cập ngày 30/5/2021, Xem: http://www.hrw.org/sites/default/files/reports/improving-SAINvest_0.pdf.

29. Tsutsumi A, Izutsu T, Poudyal AK, Kato S & Marui E 2008, *“Sức khỏe tinh thần của nạn nhân bị mua bán tại Nê-pan”*. Tạp chí Soc Sci Med, số 8, tr. 1841–1847

30. Trung tâm phát triển chính sách di cư quốc tế (ICMPD) 2007, *“Lắng nghe từ nạn nhân: Kinh nghiệm từ việc xác định, trao trả và hỗ trợ tại Đông Nam Châu Âu”*, Xem <https://nexushumantrafficking.files.wordpress.com/2015/03/listening-to-victims.pdf>

31. Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC) 2009b, *“Luật mẫu về phòng chống MBN”* truy cập ngày 21/5/2021, Xem: http://www.unodc.org/documents/human-trafficking/UNODC_Model_Law_on_Trafficking_in_Persons.pdf

32. Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC) 2009a. *“Sổ tay hướng dẫn dành cho cán bộ tư pháp”*. Vienna: UNODC. Truy cập ngày 21/5/2021, Xem: 2021, <http://www.unodc.org/unodc/en/human-trafficking/2009/anti-human-traffick>.

33. Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC) 2008a, *“Hành trình đến công lý – Cẩm nang về can thiệp tâm lý”*, truy cập ngày 25/5/2021, Xem https://www.unodc.org/documents/humantrafficking/India_Training_material/Journey_to_Justice_-_Manual_on_Psychosocial_Intervention.pdf

34. Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC) 2008b, *“Bộ công cụ về phòng chống mua bán người”*, Vienna: UNODC, truy cập ngày 21/5/2021, Xem: http://www.unodc.org/documents/human-trafficking/HT_Toolkit08_English.pdf

35. Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC), *“Cẩm nang phòng chống mua bán người dành cho những cán bộ tư pháp hình sự, Chương 12; Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân trong các vụ án mua bán người, Chương 13; Nhu cầu của nạn nhân trong quá trình tố tụng hình sự trong các vụ án mua bán người, Chương 11”*.

36. Viktoria Kristiansson & Olga Trujillo, *“Tích hợp cách ứng phó với sang chấn”*, xem video được ghi lại: <http://www.aequitasresource.org/trainingDetail.cfm?id=112>.

37. Williamson, E, Dutch, N, & Clawson, H 2017, *“Điều trị sức khỏe dựa trên bằng chứng dành cho nạn nhân mua bán người”*, Bộ Y tế và dân sinh Hoa Kỳ, Washington DC, truy cập ngày 31/5/2021, <https://aspe.hhs.gov/report/evidence-based-mental-health-treatment-victims-human-trafficking>

38. Yvonne, R 2008, *“Tác động của buôn bán trẻ em, góc độ tâm lý, chính sách và xã hội”*, tập. 2, số. 1, tr. 13–18.

39. Zimmerman, C, Hossain, M, & Watts C 2011, *“Mua bán người và sức khỏe: Một mô hình khái niệm để cung cấp thông tin về chính sách can thiệp và nghiên cứu”*, Soc Sci Med., số. 73, tr. 327–335.

TÁC ĐỘNG TÂM LÝ ĐỐI VỚI NẠN NHÂN DƯỚI 18 TUỔI KHI LẤY LỜI KHAI TRONG VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI

LƯƠNG HẢI YẾN*

Nạn nhân trong vụ án mua bán người dưới 18 tuổi là những người chưa phát triển hoàn thiện cả về thể chất lẫn tinh thần nên nhận thức về quyền hạn và trách nhiệm khi tham gia tố tụng cũng như khả năng tập trung lắng nghe, khai báo còn nhiều hạn chế. Do đó, việc nắm bắt tâm lý và có các phương pháp tác động tâm lý phù hợp đối với đối tượng này trong vụ án mua bán người là yếu tố quan trọng giúp cho các chủ thể tiến hành lấy lời khai thu thập được lời khai của nạn nhân một cách đầy đủ, khách quan nhất.

Từ khóa: Vụ án mua bán người, tội phạm mua bán người, nạn nhân dưới 18 tuổi.

Ngày nhận bài: 09/6/2021; Biên tập xong: 10/6/2021; Duyệt đăng: 17/6/2021

Victims of human trafficking under the age of 18 are those who have not yet fully developed both physically and mentally. They may have limitations in knowing their rights and responsibilities when participating in legal proceedings; and may be limited in their ability to provide statements. Understanding the victims', their psychological impacts and having a appropriate approach is an important factor to help the relevant agencies to obtain comprehensive and objective testimonies, especially of victims under the age of 18.

Keywords: Human trafficking cases, human trafficking crimes, victim under the age of 18.

Trong quá trình giải quyết vụ án mua bán người, các chủ thể thực thi pháp luật phải sử dụng rất nhiều biện pháp thu thập chứng cứ, trong đó có biện pháp lấy lời khai của nạn nhân. Đây là biện pháp thu thập chứng cứ hiệu quả nhưng cũng gặp nhiều khó khăn trong thực tế, nhất là đối với nạn nhân dưới 18 tuổi. Bởi lẽ, đối tượng nạn nhân này trong vụ án mua bán người dễ tổn thương và có thể bị ảnh hưởng nặng nề (về cả thể chất và tâm lý) do bị xâm hại hoặc bóc lột. Họ gặp nhiều khó khăn trong việc điều chỉnh cảm xúc và thường thiếu độ trưởng thành về tâm lý khi đối mặt với những áp lực về mặt cảm xúc trong quá trình khai báo ở cả giai đoạn điều tra, truy tố hoặc xét xử. Vì vậy, việc nắm bắt tâm lý đối với nạn nhân dưới 18

tuổi có ý nghĩa vô cùng quan trọng để các chủ thể thực thi pháp luật sử dụng các biện pháp tác động tâm lý phù hợp trong quá trình lấy lời khai.

Lấy lời khai nạn nhân dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người là hoạt động điều tra thu thập chứng cứ thông qua việc tiếp xúc tâm lý, đặt câu hỏi để nạn nhân trả lời về đối tượng thực hiện hành vi phạm tội mua bán người và các tình tiết khác của vụ án nhằm chứng minh làm sáng tỏ sự thật vụ án mua bán người. Nạn nhân dưới 18 tuổi là một trong số nhóm người dễ bị tổn thương nên trong quá trình lấy lời khai, bên cạnh việc sử dụng các chiến thuật, thủ thuật, các cán bộ thực thi pháp luật cần phải có cách tiếp

** Tiến sĩ, Trưởng khoa Tội phạm học và Điều tra tội phạm, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

cận đặc biệt để nắm bắt được các yếu tố tâm lý của nạn nhân. Việc này có ý nghĩa rất lớn trong ứng xử và điều chỉnh giao tiếp cho phù hợp. Quá trình lấy lời khai nạn nhân dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người cần đảm bảo sự tiếp xúc tâm lý thân thiện, tạo bầu không khí tin cậy, an toàn để nạn nhân khai báo một cách thoải mái, tự tin, chính xác, đầy đủ nhất.

Việc lấy lời khai của nạn nhân dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người là một hoạt động điều tra mang tính nhạy cảm và phức tạp, bởi nạn nhân sẽ có hàng loạt các phản ứng về tâm lý và cảm xúc phải trải qua khi vụ việc xảy ra cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Một số nhà khoa học khi nghiên cứu về tác động tâm lý cho rằng: Tác động tâm lý là hoạt động tích cực và chủ động của con người, biểu thị phương thức tác động của cá nhân hay của bộ phận người này đến một cá nhân hay một bộ phận người khác trên phương diện tâm lý nhằm làm chuyển biến, hình thành hay xóa bỏ những đặc điểm nào đó trong đời sống tâm lý của họ.

Như vậy, tác động tâm lý khi lấy lời khai nạn nhân là người dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người chính là hệ thống tác động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch của các chủ thể thực thi pháp luật nhằm tác động đến tâm lý làm thay đổi, hình thành hay xóa bỏ hiện tượng tâm lý nào đó ở nạn nhân giúp nạn nhân khai báo, đầy đủ và chính xác về hành vi phạm tội của đối tượng thực hiện hành vi phạm tội mua bán người cũng như các tình tiết khác của vụ án.

Từ thực tiễn giải quyết các vụ án mua

bán người có nạn nhân dưới 18 tuổi cho thấy, nạn nhân là người dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người thường có những yếu tố tâm lý phổ biến như sau:

- Không nhận ra, không biết mình là nạn nhân, tin tưởng vào đối tượng thực hiện hành vi phạm tội; là người quen, họ hàng với đối tượng thực hiện hành vi phạm tội nên lảng tránh, không khai báo các tình tiết của vụ án mà nạn nhân biết;

- Hoảng sợ, tức giận, mất niềm tin, xấu hổ nên không muốn khai báo hoặc khai báo không khách quan;

- Tự cô lập, cảm thấy mình khác biệt hoặc tự tách biệt, ngại tiết lộ những thông tin liên quan đến vụ án;

- Chấp nhận việc bị xâm hại, không tin tưởng vào chủ thể lấy lời khai, lảng tránh không khai báo các tình tiết của vụ án mà nạn nhân biết;

- Rối loạn, căng thẳng, trí nhớ bị ảnh hưởng nên khai báo không đầy đủ;

- Phủ nhận hoặc thay đổi lời khai do lo sợ thủ phạm trả thù, hoặc không nhận được sự cảm thông của gia đình, bạn bè, sợ bị bạn bè kỳ thị, xa lánh...

Theo quan điểm của một số nhà khoa học nghiên cứu về tâm lý tư pháp và xuất phát từ những yếu tố tâm lý của nạn nhân là người dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người, trong quá trình lấy lời khai, các chủ thể có thể sử dụng linh hoạt rất nhiều các phương pháp tác động tâm lý. Tuy nhiên, tùy theo tâm lý của nạn nhân trong mỗi vụ án cụ thể, khi tiến hành lấy lời khai nạn nhân là người dưới 18 tuổi, các chủ thể lấy lời khai sẽ

sử dụng các biện pháp tác động tâm lý phù hợp. Có rất nhiều các phương pháp tác động tâm lý nhưng một số phương pháp tác động tâm lý mang tính hiệu quả và thường được áp dụng là phương pháp truyền đạt thông tin và phương pháp thuyết phục.

Phương pháp truyền đạt thông tin

Phương pháp truyền đạt thông tin là phương pháp sử dụng những thông tin có liên quan đến các vấn đề nạn nhân đang quan tâm để tác động, thay đổi nhận thức của họ làm xuất hiện những cảm xúc nhất định và dẫn đến những thay đổi trong thái độ và hành vi của nạn nhân. Các thông tin này sau khi được tiếp nhận sẽ đi sâu vào quá trình trí tuệ, làm xuất hiện những xúc cảm và dẫn đến những thay đổi trong thái độ và hành vi của người tiếp nhận thông tin. Phương thức truyền đạt thông tin đến nạn nhân có thể tác động bằng ngôn ngữ nói, bằng ngôn ngữ viết, có thể dùng tài liệu, hình ảnh, băng ghi hình, băng ghi âm hoặc những đồ vật cụ thể...

Khi sử dụng phương pháp truyền đạt thông tin, chủ thể tiến hành lấy lời khai sẽ cung cấp một số thông tin liên quan đến vụ án và đặt các câu hỏi đối với nạn nhân. Các thông tin được đưa ra phải liên quan tới vụ án mua bán người, có giá trị trong hoạt động lấy lời khai nhưng không thể là những tình tiết khiến nạn nhân bị ảnh hưởng, sang chấn tâm lý khi nhớ lại những sự việc đã xảy ra với mình, đặc biệt là nạn nhân dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người đã từng bị đánh đập, xâm hại tình dục...

Khi đặt câu hỏi đối với nạn nhân, cần lựa chọn các câu hỏi phù hợp với lứa tuổi, điều chỉnh cách đặt câu hỏi và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi và mức độ phát triển của nạn nhân, tránh hỏi đi hỏi lại nhiều lần một câu hỏi, sử dụng các câu hỏi dài, câu hỏi mang tính gợi ý, khó hiểu. Không nên hỏi vòng vo mà hỏi thẳng vào vấn đề cần hỏi hoặc hỏi lần lượt từng chi tiết cụ thể nhằm giúp nạn nhân gợi nhớ lại các tình tiết của vụ án.

Bên cạnh đó, trong quá trình lấy lời khai, chủ thể tiến hành lấy lời khai nên điều chỉnh ngôn ngữ cơ thể, thường xuyên sử dụng giao tiếp bằng ánh mắt, cử chỉ thân thiện như gật đầu hưởng ứng, nghiêng người thể hiện sự lắng nghe, cảm thông, chia sẻ khi tiếp nhận lời khai của nạn nhân, khiến nạn nhân cảm thấy được tôn trọng, thân thiện, quan tâm, từ đó nạn nhân sẽ có thái độ tích cực hơn trong quá trình khai báo.

Phương pháp truyền đạt thông tin được áp dụng trong trường hợp cần làm tăng tri thức, hiểu biết của nạn nhân, giúp nạn nhân tái hiện những tình tiết bị quên hoặc nhầm lẫn, tạo khả năng nhớ lại những tình tiết của vụ án hoặc khi cần làm xuất hiện những xúc cảm, tình cảm nhất định, hoặc thay đổi trạng thái cảm xúc của nạn nhân.

Phương pháp thuyết phục

Đây là phương pháp dùng lập luận, phân tích, giải thích nhằm giúp nạn nhân nhận thức rõ đúng, sai về các vấn đề liên quan tới hành vi mà đối tượng tội phạm thực hiện; tác động vào lĩnh vực tình cảm,

gọi lên những xúc cảm, tình cảm tích cực, có lợi cho việc tác động vào thái độ khai báo của nạn nhân.

Khi sử dụng phương pháp thuyết phục cần chú ý: Luận điểm đưa ra phải rõ ràng, sự phân tích các luận điểm cần có những dẫn chứng cụ thể, minh họa dễ hiểu; lời nói phải ngắn gọn và có trọng tâm, không nên dài dòng, tràn lan; ngôn ngữ và cách lập luận phải phù hợp với khả năng nhận thức theo lứa tuổi của từng nạn nhân. Khi thuyết phục, cần tôn trọng nạn nhân bằng cách bình tĩnh lắng nghe; động viên, khuyến khích... Bên cạnh đó, chủ thể lấy lời khai phải nghiên cứu, nắm vững các đặc điểm tâm lý, hoàn cảnh gia đình, môi trường sống, học tập... để động viên, khích lệ, tác động đến nạn nhân một cách tích cực nhất.

Trước khi thuyết phục nạn nhân, chủ thể lấy lời khai cần có sự tiếp xúc tâm lý, tạo sự tin cậy của nạn nhân. Vì vậy, kỹ năng được đào tạo một cách bài bản và việc lựa chọn giới tính của những cán bộ lấy lời khai là vấn đề hết sức quan trọng, tạo nên sự thành công trong quá trình lấy lời khai bị hại là người dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người.

Bên cạnh các phương pháp tác động tâm lý nêu trên, quá trình lấy lời khai nạn nhân là người dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người cần chú ý một số vấn đề sau:

- Cần kiên nhẫn nếu nạn nhân là người dưới 18 tuổi trả lời các câu hỏi của chủ thể tiến hành lấy lời khai một cách chậm chạp. Trong trường hợp này, không nên thúc giục nạn nhân mà cần dùng lời lẽ

động viên hoặc để họ suy nghĩ, nhớ lại các tình tiết của vụ án; không ngắt lời khi nạn nhân đang khai báo đảm bảo việc không làm nạn nhân thiếu tập trung hoặc sợ hãi không trả lời;

- Cho phép nạn nhân kể lại toàn bộ sự việc trước khi tiến hành hỏi chi tiết; nếu cần làm rõ các tình tiết của vụ án thì kiên nhẫn chờ nạn nhân tường thuật lại sự việc đã xảy ra.

Như vậy, tác động tâm lý đối với nạn nhân là người dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người là một quá trình phức tạp, đòi hỏi các chủ thể tiến hành lấy lời khai cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về điều kiện hoàn cảnh diễn ra tác động tâm lý của nạn nhân, cách thức tác động. Bên cạnh việc phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự, các chủ thể tiến hành lấy lời khai nạn nhân là người dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người cần căn cứ vào đặc điểm, lứa tuổi, tâm lý của nạn nhân để thực hiện việc tác động tâm lý. Ngoài ra, chủ thể tiến hành lấy lời khai phải sử dụng tri thức, hiểu biết về quy luật phát triển và biểu hiện của các hiện tượng tâm lý; đặc điểm tâm lý của người dưới 18 tuổi; xác định rõ mục đích và kế hoạch tác động, dự đoán quá trình tác động... Từ đó, có thái độ và hành động phù hợp trước những phản ứng của nạn nhân dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người trong quá trình lấy lời khai, đảm bảo tính tích cực đối với tâm lý của nạn nhân và tôn trọng các nguyên tắc đạo đức trong quá trình tác động tâm lý./.

BẢO ĐẢM CÔNG LÝ ĐỐI VỚI TRẺ EM LÀ NẠN NHÂN TRONG CÁC VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI: GÓC NHÌN TỪ VƯƠNG QUỐC ANH

HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC*

Trẻ em được xác định là một trong những đối tượng yếu thế dễ dàng trở thành nạn nhân của nạn mua bán người trên khắp thế giới. Vương Quốc Anh là một trong những quốc gia có tỷ lệ nạn nhân của mua bán người cao, trong đó có phụ nữ và trẻ em. Bài viết sẽ phân tích các vấn đề lý luận về tiếp cận công lý, thực tiễn tình hình mua bán người và các quy định cùng những cách thức mà Vương Quốc Anh đã làm để phòng, chống mua bán người, bảo vệ và bảo đảm công lý đối với trẻ em là nạn nhân của nạn mua bán người.

Từ khóa: Nạn nhân, mua bán người, công lý, Vương Quốc Anh.

Ngày nhận bài: 08/6/2021; Biên tập xong: 20/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

Children are identified as one of the vulnerable groups easily becoming victims of human trafficking around the world. The United Kingdom (UK) is one of the countries with a high percentage of victims of human trafficking, including women and children. The article will analyze the theoretical issues of access to justice, the practice of human trafficking and the regulations and ways that the UK has taken to prevent trafficking, protect and ensure justice for children who are victims of human trafficking.

Keywords: Victims, human-trafficking, justice, the United Kingdom.

1. Tổng quan về mua bán người và mua bán trẻ em

Mua bán người là tội phạm có tổ chức mang tính toàn cầu, những cá nhân hay tổ chức thực hiện hành vi này đều có mục đích tìm kiếm lợi nhuận từ việc bóc lột, lợi dụng và xâm hại các quyền cơ bản của con người. Loại tội phạm này diễn ra nhiều nơi trên thế giới với các thủ đoạn hoạt động tinh vi, xuyên quốc gia và thường nhắm vào các đối tượng là người yếu thế.

Trong phạm vi bài viết, với những thông tin và số liệu tổng quan, tác giả sẽ chủ yếu khai thác từ các tổ chức của Liên Hợp Quốc (LHQ) trong một vài năm trở lại đây bởi những thông tin đó được thu thập trên phạm vi toàn cầu, đảm bảo tính khái quát và tính kịp thời của số liệu. Số liệu có thể không phản ánh con số chính xác nhất

tình hình thực tiễn (bởi cả lý do chủ quan và khách quan khi thu thập số liệu từ các quốc gia) nhưng ít nhiều vẫn thể hiện được bản chất và phản ánh được tỷ lệ gần tương ứng với thực trạng và tình hình về hoạt động mua bán người và mua bán trẻ em trên thế giới trong những năm gần đây.

Thứ nhất, về khái niệm

Hành vi *mua bán người* (human-trafficking) đã được LHQ nêu rõ là “việc mua bán, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người nhằm mục đích bóc lột bằng cách sử dụng hay đe dọa sử dụng vũ lực hay bằng các hình thức ép buộc, bắt cóc, gian lận, lừa gạt, hay lạm dụng quyền lực hoặc vị thế để bị tổn thương hay bằng việc đưa hay nhận

* Thạc sĩ, Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. Nghiên cứu sinh Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

tiền hay lợi nhuận để đạt được sự đồng ý của một người đang kiểm soát những người khác. Hành vi bóc lột sẽ bao gồm, ít nhất, việc bóc lột mại dâm những người khác hay những hình thức bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hay phục vụ cưỡng bức, nô lệ hay những hình thức tương tự nô lệ, khổ sai hoặc lấy các bộ phận cơ thể¹.

Trẻ em trong Nghị định thư của LHQ được xác định “là bất kì người nào dưới 18 tuổi”, hay trong Điều 1 Công ước về Quyền trẻ em ghi rõ “Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn”. Có thể thấy rằng, khi đưa ra định nghĩa về trẻ em hay người chưa thành niên, pháp luật quốc tế không dựa vào đặc điểm tâm sinh lý hay sự phát triển thể chất, tinh thần... mà trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua việc xác định độ tuổi. Theo đó, trẻ em và người chưa thành niên đều giới hạn là dưới 18 tuổi; đồng thời, pháp luật quốc tế mở cho các quốc gia khả năng, tùy điều kiện kinh tế - xã hội, văn hoá, truyền thống của mình, có thể quy định độ tuổi đó sớm hơn².

Mua bán trẻ em (children-trafficking) là một hình thức mua bán người và cũng được LHQ giải thích là hành vi “mua, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp, và/hoặc nhận, bắt cóc một đứa trẻ với mục đích nô lệ, cưỡng bức lao động và bóc lột”. Loại tội phạm này diễn ra giữa nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới với các thủ đoạn, hoạt động tinh vi và thường nhắm vào các đối tượng là người yếu thế, đặc biệt là trẻ em.

Thứ hai, về thực tiễn tình hình hoạt động mua bán trẻ em trên thế giới

¹ Điều 3, Nghị định thư Palermo, ngày 15/11/2000.

² Nguyễn Thị Lan Anh, Hà Lệ Thủy (2017), *Quan niệm về tuổi chịu trách nhiệm hình sự của trẻ em*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 17(345).

Theo Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF), trẻ em là nạn nhân chiếm gần 1/3 (2018)³ trong tổng số các nạn nhân của tội mua bán người và UNICEF còn cho rằng con số thực tế có thể lớn hơn nhiều. Đồng thời, trong báo cáo của tổ chức UNODC năm 2018⁴, cứ 10 nạn nhân thì sẽ có 05 người phụ nữ, 02 trẻ em gái; 1/3 tổng số nạn nhân được tìm thấy là trẻ em (trong đó: 46% phụ nữ, 19% trẻ em gái, 15% trẻ em trai). Người thực hiện hành vi mua bán nói chung và mua bán trẻ em nói riêng thường nhắm đến các mục tiêu (nạn nhân) thuộc nhóm yếu thế hoặc đang ở trong các tình trạng khó khăn nhất định, ví dụ như phụ nữ, trẻ em sống ở vùng sâu, vùng xa, người có hoàn cảnh gia đình khó khăn, người bị hạn chế nhận thức, trẻ em thiếu sự giám sát của cha mẹ, trẻ có vấn đề về sức khỏe và nhận thức.

Trẻ em khi trở thành nạn nhân của các vụ án mua bán người thường bị tổn hại rất lớn về cả thể chất lẫn tinh thần, để lại nhiều hậu quả về sau như bị kiệt sức, nhận thức bị hạn chế, thường xuyên cảm thấy sợ hãi và cô đơn, sử dụng các chất gây nghiện, tự sát,... Hậu quả của hành vi mua bán trẻ em tác động rất lớn đến quyền của trẻ em, đồng thời đặt ra nhiều thách thức đối với các quốc gia, vùng lãnh thổ cũng như các tổ chức phi chính phủ trên toàn cầu. Có thể thấy, trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm liên quan đến mua bán người và mua bán trẻ em, kể từ khi Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền ra đời cho đến nay đã có các văn bản pháp lý được ban hành bởi các tổ chức quốc tế như LHQ, Quỹ Nhi đồng

³ Số liệu từ UNICEF, <https://www.unicef.org/press-releases/children-account-nearly-one-third-identified-trafficking-victims-globally>.

⁴ UNODC (2020), Báo cáo Toàn cầu về Mua bán người, https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/tip/2021/GLOTiP_2020_15jan_web.pdf

LHQ, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Ủy hội châu Âu (Council of Europe),... góp phần tạo ra các cơ sở pháp lý có giá trị nền tảng đối với các quốc gia và khu vực trên toàn cầu. Bên cạnh các cơ sở pháp lý quốc tế nêu trên thì còn có cơ sở pháp lý do các quốc gia. Mỗi quốc gia tùy thuộc vào tình hình kinh tế - xã hội, tình hình tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về mua bán người sẽ tự ban hành những cơ sở pháp lý trong nước nhằm mục đích phòng, chống tội phạm về mua bán người, mua bán trẻ em và các vấn đề liên quan đến tội phạm này.

2. Bảo đảm công lý đối với trẻ em là nạn nhân trong các vụ án mua bán người

Theo LHQ, công lý là một khái niệm có nguồn gốc lâu đời, xuất hiện hầu hết từ trong tất cả mọi nền văn hóa và truyền thống của các quốc gia trên thế giới. Các quốc gia đã áp dụng và thực thi công lý trong cả các cơ chế tư pháp chính thức và các cơ chế giải quyết tranh chấp không chính thức⁵. Theo đó, công lý được diễn giải là “sự bảo vệ xác đáng các quyền của con người và đồng thời chống lại những hành động ngược đãi đến các quyền con người một cách công bằng và có trách nhiệm. Công lý bảo vệ cho quyền của các bị cáo, lợi ích của các nạn nhân nói riêng và hơn hết là bảo vệ cho sự ổn định của xã hội nói chung”⁶. Và tiếp cận công lý được xác định “vừa là quyền cơ bản của con

người và vừa là phương tiện để thực hiện các quyền con người khác”⁷.

Cụ thể hơn, quyền tiếp cận công lý của trẻ em đã được Cao ủy LHQ về Quyền con người (the UN High Commissioner for Human Rights - OHCHR) diễn giải: “Tiếp cận công lý là khả năng tìm kiếm và đạt được một giải pháp khắc phục công bằng và kịp thời đối với những xâm hại về quyền trên cơ sở pháp lý quốc gia và quốc tế, bao gồm cả Công ước về Quyền trẻ em. Khả năng tiếp cận này áp dụng trong lĩnh vực dân sự, hành chính, hình sự... và tất cả các thủ tục tố tụng liên quan, ảnh hưởng đến trẻ em (không giới hạn trường hợp) – bao gồm cả những trẻ em bị buộc tội, trẻ là nạn nhân, nhân chứng hay bất kì trường hợp nào khác”⁸.

Khả năng tiếp cận công lý được kiến tạo và bảo đảm dựa trên các yếu tố nền tảng quan trọng mà theo Chương trình phát triển của LHQ (UNDP) những nền tảng đó bao gồm: (1) Khuôn khổ các quyền và nghĩa vụ công dân (hay còn gọi là sự bảo vệ pháp lý - *legal protection*); (2) Khuôn khổ thiết chế (*institutional framework*); (3) Và khả năng cung cấp và đòi hỏi sự khắc phục cho những bất công hay thiệt hại mà mình phải gánh chịu (*capacity to provide & demand justice remedies*). Dựa vào những nền tảng trên, tác giả cho rằng các yếu tố này là các yếu tố quan trọng thiết yếu trong bảo đảm công lý cho mọi người, đặc biệt là đối với trẻ em - nạn nhân trong các vụ án mua bán người. Bởi lẽ:

⁵ Thực thể Liên Hợp Quốc vì Bình đẳng giới và Nâng cao vị thế Phụ nữ UNIFEM – Phụ nữ Liên hợp quốc (UN Women), *Thông tin về tầm quan trọng của quyền tiếp cận công lý và luật gia đình cho Phụ nữ (Fact Sheet on the importance of women's access to justice and family law)*, tr.1.

⁶ Hội đồng Bảo An Liên hợp quốc (Security Council – United Nations) (2004), *Pháp quyền và quá độ công lý trong xã hội mâu thuẫn và hậu mâu thuẫn (the rule of law and transitional justice in conflict and post conflict societies)*, S/2004/616, đoạn 7.

⁷ Thực thể Liên hợp quốc vì Bình đẳng giới và Nâng cao vị thế Phụ nữ UNIFEM – Phụ nữ Liên hợp quốc (UN Women), *Thông tin về tầm quan trọng của quyền tiếp cận công lý và luật gia đình cho Phụ nữ (Fact Sheet on the importance of women's access to justice and family law)*, tr.1.

⁸ Human Rights Council, “Access to justice for children,” Report of the United Nations High Commissioner for Human Rights, UN Doc. A/HRC/25/35, 16 December 2013, para. 4.

Cơ sở pháp lý chính là nền tảng quan trọng đầu tiên để đảm bảo sự tiếp cận tối công lý của mọi người, cơ sở pháp lý được xây dựng dựa trên các chuẩn mực xã hội quốc gia và quốc tế, từ đó tạo ra các khuôn khổ về quyền và nghĩa vụ pháp lý của công dân. Mọi người dân, đặc biệt là trẻ em có thể dựa vào những cơ sở pháp lý này để đòi hỏi những giải pháp khắc phục hợp pháp cho những thiệt hại hay bất công mà họ đã và đang gặp phải.

Đồng thời, *khuôn khổ thiết chế* là thiết chế để đưa nền tảng thứ nhất vào thực tiễn. “Một khuôn khổ bảo vệ pháp lý đầy đủ và phù hợp là cần thiết, nhưng chúng chỉ là lý thuyết nếu không có một hệ thống các cơ quan được thiết lập để thực hiện và bảo đảm việc thực hiện chúng một cách đúng đắn... Khuôn khổ thể chế về tiếp cận công lý không chỉ được tạo lập bởi hệ thống tư pháp chính quy (các tòa án, cơ quan công tố, cơ quan điều tra...) mà còn bởi hệ thống tư pháp không chính quy (informal justice system) và một hệ thống các cơ quan giám sát (oversight system, bao gồm các cơ quan dân cử, các tổ chức xã hội...). Nhiệm vụ của tất cả các hệ thống này là để hiện thực hóa những giải pháp công bằng cho các tranh chấp đã được quy định trong pháp luật chính thống và không chính thống. Mỗi cơ quan trong từng hệ thống này có những chức năng, nhiệm vụ khác nhau, và do đó, có vai trò khác nhau trong việc bảo đảm tiếp cận công lý.”⁹

Cuối cùng, nền tảng thứ ba là *khả năng cung cấp và đòi hỏi sự khắc phục đối với những bất công*. Nền tảng này phản ánh đến hai yếu tố cơ bản, “đó là sự hiểu biết pháp luật (*legal awareness*) của quần chúng và sự sẵn có cùng tính hiệu quả

của hệ thống trợ giúp và tư vấn pháp lý (*legal aid and legal counsel system*)”¹⁰. Theo tác giả, nền tảng thứ ba này đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong trường hợp trẻ em là nạn nhân của hoạt động mua bán người, bởi những trẻ em là nạn nhân thường được phát hiện khi những trẻ em đó đang ở một nơi xa lạ, không phải đất nước nơi mình sinh ra. Khi rơi vào trường hợp đó, trẻ em thường không có đủ hiểu biết để xác định được địa vị pháp lý và gặp nhiều rào cản trong tiếp cận công lý, ví dụ như hạn chế về ngôn ngữ, văn hóa, nhận thức pháp lý, sự xung đột giữa các chính sách nhập cư với việc xác định những lợi ích tốt nhất cho trẻ em, giới hạn về sự tương tác giữa trẻ em và người trợ giúp pháp lý do Nhà nước chỉ định, khó khăn trong việc tìm kiếm người giám hộ hợp pháp (trường hợp nạn nhân là trẻ em không có người giám hộ đi kèm). Nạn nhân là trẻ em phải đối mặt với nhiều cán bộ tư pháp, điều này có thể làm cho trẻ em cảm thấy sợ hãi và thiếu sự tin tưởng, thiếu hợp tác. Bởi những lý do này, trẻ là nạn nhân của mua bán người cần được hỗ trợ đặc biệt hơn để có thể vượt qua những khó khăn trẻ gặp phải. Trợ giúp pháp lý chính là yếu tố quan trọng trong bảo đảm tiếp cận công lý và quyền được áp dụng các biện pháp khắc phục hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh nạn nhân bị hạn chế về thông tin và các hình thức hỗ trợ, quan hệ cộng đồng còn yếu và gặp nhiều rào cản.

Tiếp cận công lý chính là quyền con người của trẻ em, giúp trẻ em tìm kiếm một giải pháp khắc phục hiệu quả đối với bản thân, đặc biệt trong trường hợp trẻ em trở thành nạn nhân của hoạt động mua bán người. Để thực hiện tốt những yếu tố bảo đảm cho trẻ có thể tiếp cận được công lý nêu trên đặt ra nhiều thách thức lớn, đòi

⁹ Vũ Công Giao (2009), *Tiếp cận công lý và nguyên lý của nhà nước pháp quyền*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học 25, tr.190.

¹⁰ Vũ Công Giao (2009), *Tlđđ*, tr.190.

hỏi sự nỗ lực của các quốc gia, các tổ chức quốc tế trong công tác phòng, chống tội phạm mua bán người nói chung và bảo đảm quyền đối với trẻ em là nạn nhân của mua bán người nói riêng.

3. Góc nhìn từ Vương quốc Anh trong bảo đảm công lý đối với nạn nhân là trẻ em trong các vụ án mua bán người

Khái quát tình hình nạn mua bán trẻ em ở Vương quốc Anh và mối liên hệ với Việt Nam

Vương quốc Anh¹¹ (sau đây gọi tắt là VQA) là một trong số các quốc gia có số lượng trẻ em là nạn nhân của mua bán người được tìm thấy rất lớn; những nạn nhân này chủ yếu đến từ một số quốc gia vùng châu Á, châu Phi, Đông Âu, trong đó quốc gia đứng đầu danh sách là Việt Nam. Theo số liệu báo cáo của Bộ Ngoại vụ Anh năm 2020, “trong tổng số 2,874 vụ mua bán người, có 246 nạn nhân là trẻ em được phát hiện đến từ Việt Nam”. Do vậy, giữa hai quốc gia Việt Nam và Anh có một sợi dây liên kết vô hình quan trọng trong công tác phòng, chống tội phạm mua bán người và mua bán trẻ em. Có một “lộ trình mua bán người” mà trong đó, Việt Nam chính là điểm xuất phát của đường dây tội phạm, và VQA chính là đích đến¹². Số liệu của Cơ quan Tội phạm quốc gia (National Crime Agency), VQA cho thấy con số nạn nhân là trẻ em của mua bán người đến từ Việt Nam vẫn tăng lên sau mỗi năm và chưa có dấu hiệu giảm¹³.

¹¹ Tên đầy đủ: Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland (United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland).

¹² Lộ trình mua bán người giữa Việt Nam và Anh thường là xuất phát từ Việt Nam đi qua các quốc gia ở châu Á và châu Âu như Trung Quốc, Latvia, Nga, Belarus -> qua Ba Lan -> qua C.H.Séc -> qua Đức -> qua Pháp/Bỉ/Hà Lan -> điểm đến: Anh. (Trích: Báo cáo ECPAT..., tr.58)

¹³<http://www.nationalcrimeagency.gov.uk/>

Với số lượng nạn nhân của mua bán người cao, đặc biệt là trẻ em, cùng với hệ thống tư pháp ổn định, phát triển, VQA đã có những hành động quyết liệt để phòng chống và giảm thiểu tối đa số lượng tội phạm cũng như nạn nhân liên quan đến nạn mua bán người. Việc gia tăng sự thấu hiểu và sự hợp tác giữa hai quốc gia một cách hiệu quả sẽ mang lại nhiều giá trị quan trọng, góp phần hạn chế tội phạm và bảo đảm quyền con người và công lý đối với nạn nhân của nạn mua bán người nói chung và trẻ em nói riêng.

Bảo đảm công lý cho nạn nhân của mua bán trẻ em theo kinh nghiệm Vương quốc Anh (trình bày dựa trên các yếu tố nền tảng của tiếp cận công lý)

(1) Cơ sở pháp lý:

VQA được cấu tạo bao gồm bốn khu vực (England, Northern Ireland, Scotland, Wales), ngoài những Đạo luật chung áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ thì mỗi khu vực cũng có những đạo luật riêng áp dụng trong phạm vi quản lý hành chính của khu vực đó. Trong hầu hết các văn bản pháp luật¹⁴ ở cả bốn khu vực, trẻ em được xác định là người dưới 18 tuổi. Quy định này có sự tương đồng với hầu hết các Công ước quốc tế có liên quan liên quan đến trẻ em và mua bán người. Phòng chống nạn mua bán người là một trong những vấn đề quan trọng được Chính phủ Anh quan tâm và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản dưới luật và những bộ chỉ dẫn liên quan trực tiếp đến phòng, chống mua bán trẻ em nhằm chống lại vấn nạn này, cụ thể như sau:

[publications/national-referral-mechanism-statistics](https://www.gov.uk/government/publications/national-referral-mechanism-statistics)

¹⁴ The Children Act 1989, The Children (Northern Ireland) Order 1995; the Children and Young People (Scotland) Act 2014; the Social Services and Well-being (Wales) Act 2014, <<https://learning.nspcc.org.uk/child-protection-system/children-the-law#article-top>>

Loại văn bản	Khu vực /Cơ quan ban hành	Tên văn bản
Công ước/ Hướng dẫn quốc tế	Ủy hội châu Âu	Công ước về hành động chống mua bán người
		Chỉ thị số 2011/36/EU về phòng chống mua bán người và bảo vệ nạn nhân
Đạo Luật	Vương quốc Anh	Đạo luật về Biên giới, Công dân và Nhập cư năm 2009 (The Borders, Citizenship and Immigration Act 2009)
	England và Wales	Quy định về Mua bán người để bóc lột năm 2013 (the Trafficking People for Exploitation Regulations 2013)
		Đạo luật về Nô lệ hiện đại năm 2015 (The Modern Slavery Act 2015),
	Northern Ireland	Đạo luật về Mua bán người và Bóc lột (Tư pháp hình sự và Hỗ trợ nạn nhân) năm 2015 [The Human trafficking and Exploitation (Criminal Justice and Support for Victims) Act]
	Scotland	Đạo luật về mua bán người và bóc lột năm 2015 (The Human trafficking and Exploitation Act 2015)
	Vương quốc Anh	Đạo luật Bảo vệ sự tự do năm 2012 (the Protection of Freedoms Act 2012)
Bộ chỉ dẫn	Bộ nội vụ, Vương quốc Anh	Bộ chỉ dẫn về Nâng cao nhận thức về nô lệ thời hiện đại và xác minh danh tính nạn nhân năm 2017 (the Modern slavery awareness and victim identification guidance)
	England	Hướng dẫn về Chăm sóc trẻ em nhận cư không có người giám hộ và trẻ em là nạn nhân của nô lệ hiện đại năm 2017 (Guidance for Care of unaccompanied migrant children and child victims of modern slavery 2017)
		Hướng dẫn Bảo vệ trẻ em bị buôn bán năm 2011 (Safeguarding children who may have been trafficked 2011)
	Northern Ireland	Thỏa thuận làm việc vì phúc lợi và bảo vệ trẻ em là nạn nhân mua bán người năm 2011 (Working arrangements for the welfare and safeguarding of child victims of human trafficking 2011)
	Scotland	Chỉ dẫn Bảo vệ trẻ em ở Scotland bị mua bán năm 2009 và Hướng dẫn liên ngành về mua bán trẻ em năm 2013 (Safeguarding children in Scotland who may have been trafficked 2009 and Inter-agency guidance for child trafficking 2013)
		Wales

Bên cạnh các cơ sở pháp lý của khu vực và quốc gia, VQA cũng là thành viên của LHQ, Liên minh châu Âu - tham gia và trở thành thành viên của các Hiệp ước quan trọng về phòng, chống mua bán trẻ em và bảo vệ trẻ em khác do LHQ và Liên minh châu Âu triển khai.

Tất cả những cơ sở pháp lý này sẽ

được bảo đảm, thực thi và áp dụng vào thực tiễn thông qua các thiết chế trong xã hội, bao gồm các cơ quan, tổ chức chính phủ và các tổ chức xã hội khác. Các thiết chế đó chính là nền tảng quan trọng thứ hai trong bảo đảm tiếp cận công lý đối với người dân nói chung và đối với trẻ em là nạn nhân mua bán người nói riêng.

(2) Khuôn khổ thiết chế

Theo hướng giải thích mới về tiếp cận công lý của UNDP thì tiếp cận công lý không chỉ giới hạn trong việc đảm bảo các quyền liên quan đến xét xử mà phạm vi của nó đã được mở rộng ra rất nhiều. Ngoài đảm bảo những quyền liên quan đến xét xử thì còn phải đảm bảo các quyền khác (ví dụ như quyền được bảo vệ tính mạng, nhân phẩm, danh dự, sức khỏe; quyền được tiếp cận thông tin; quyền được trợ giúp pháp lý;...) để chung quy lại có thể cung cấp được một sự đền bù xác đáng cho những người chịu thiệt hại đã phải gánh chịu.

Do vậy, các thiết chế tham gia vào chuỗi các hoạt động bảo vệ công lý cho nạn nhân mua bán người không chỉ có Tòa án, Viện Công tố, Cảnh sát mà còn có sự tham gia tích cực của các thiết chế chính thức như Chính phủ, Bộ Nội vụ, Cơ quan Biên giới Anh (UKBA), Cơ quan Tội phạm Quốc gia (NCA), Cơ chế Giới thiệu Quốc gia (NRM), Sở Y tế, Sở Giáo dục, Cơ quan Phòng chống tội phạm nguy hiểm có tổ chức (SOCA), Văn phòng Nước ngoài và Khối thịnh vượng chung (FCO), Cơ quan Phát triển quốc tế (DfID); Và một số các thiết chế xã hội khác như: Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc ở Anh (UNICEF UK), Hội chữ thập đỏ (BRC), Hiệp hội quốc gia về phòng chống hành vi tàn ác với trẻ em (NSPCC), Tổ chức Chống mua bán người để bảo vệ trẻ em (ECPAT), Tổ chức Ân xá quốc tế tại Anh (Amnesty international UK), Tổ chức chống nô lệ quốc tế (Anti-Slavery International)... Các thiết chế nhà nước và thiết chế xã hội đã cùng nhau phối hợp thực hiện các hoạt động với mục đích nhằm đảm bảo khả năng cung cấp cũng như nâng cao khả năng đòi hỏi sự

khắc phục đối với những bất công mà nạn nhân mua bán người nói chung và mua bán trẻ em nói riêng phải gánh chịu. Các thiết chế chính thức đã tập trung vào các hoạt động chung nhằm chống lại nạn mua bán người và đồng thời hỗ trợ, chăm sóc nạn nhân - Chiến lược chung của Chính phủ đó là để đảm bảo: (1) Nâng cao năng lực định danh và chăm sóc nạn nhân; (2) Tăng cường phản ứng nhanh; (3) Nâng cao hiệu quả hoạt động khu vực biên giới; (4) Nâng cao hiệu quả phối hợp thực thi pháp luật; (5) Bảo vệ các nạn nhân của hoạt động mua bán trẻ em được phát hiện và tìm thấy trên lãnh thổ VQA. Nhìn vào những mục tiêu chiến lược này có thể thấy VQA tập trung vào ba vấn đề chính, đó là công tác ngăn chặn hoạt động mua bán trẻ em, nâng cao khả năng định danh và bảo vệ nạn nhân của hoạt động này.

Chi tiết các hoạt động được thể hiện cụ thể trong Báo cáo của Chính phủ về Chiến lược phòng chống mua bán người¹⁵, có thể thấy Chính phủ Anh mà trong đó cụ thể là các cơ quan như Bộ Nội vụ, Cơ quan Biên giới Anh, Cơ chế Chuyển tuyến Quốc gia, Cảnh sát, Sở Giáo dục, Sở Y tế và các cơ quan tổ chức liên quan khác phối hợp thực hiện các hoạt động phòng, chống mua bán người nói chung và bảo vệ trẻ em là nạn nhân mua bán người nói riêng. Các hoạt động đó tập trung nhiều đến mục đích phòng chống, giải quyết các vấn đề nguồn con và bảo vệ, chăm sóc trẻ em là nạn nhân, giải quyết các vấn đề về hậu quả của hoạt động mua bán trẻ em. Đây được xem như là vấn đề “gốc rễ” và vấn

¹⁵ UK Government (2011), *Human Trafficking: The Government's Strategy*, https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/97845/human-trafficking-strategy.pdf.

để “ngọn” của chuỗi hoạt động phòng chống mua bán người. Thông qua việc xác định đúng trọng tâm hoạt động, các thiết chế chính thức hay các thiết chế xã hội sẽ định hướng được hoạt động; tương ứng với các mục tiêu hoạt động của Chiến lược là những hoạt động cụ thể được thực hiện bởi các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, cá nhân và các tổ chức khác nhằm đảm bảo các quyền thuộc về nạn nhân, đảm bảo quyền cho nạn nhân cũng chính là đảm bảo sự tiếp cận đến công lý cho chính họ.

(3) Khả năng cung cấp và đòi hỏi sự khắc phục đối với những thiệt hại mà nạn nhân đã trải qua

Nạn nhân của mua bán người là một trong những chủ thể được cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý miễn phí. Có nhiều hình thức để nạn nhân có thể tìm kiếm và đạt được sự trợ giúp từ các tổ chức của Chính phủ và các tổ chức xã hội khác, như là:

Cơ chế Chuyển tuyến Quốc gia (NRM)

Trong khuôn khổ các hoạt động hỗ trợ nạn nhân mua bán người thì không thể không nói đến vai trò chủ chốt của NRM. Cơ chế này được xem như là một quy trình đặc thù do Chính phủ thiết lập theo tinh thần của Công ước của Hội đồng Châu Âu về Hoạt động chống mua bán người (2008) nhằm mục đích chính là để xác định các nạn nhân bị mua bán và hỗ trợ, bảo vệ các nạn nhân của nạn mua bán người ở VQA.

Quy trình này được thực hiện cụ thể như sau: Nạn nhân hoặc những người phát hiện ra nạn nhân có thể trình báo đến các “cơ quan phản hồi ban đầu” về tình trạng của mình hoặc của người khác. Các cơ quan phản hồi ban đầu này có thể là các thiết chế chính thức như Cảnh sát,

lực lượng Biên phòng, chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ. Những cơ quan này sau khi nhận được thông tin, sàng lọc và thu thập thông tin sẽ giới thiệu những trường hợp này sang với quy trình của NRM.

Sau khi được tiếp nhận, các trường hợp nạn nhân được xem xét sẽ trải qua hai bước quyết định:

(1) Xác định “cơ sở phù hợp” (reasonable grounds)

Các bộ phận có thẩm quyền thuộc NRM sẽ nghiên cứu và quyết định trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được giấy giới thiệu từ những cơ quan phản hồi ban đầu. NRM phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, NCA và UK Visas để xác định những “cơ sở phù hợp”, từ đó xác định một người có phải là nạn nhân hay không. Trường hợp nào thỏa mãn các căn cứ phù hợp thì sẽ được chuyển sang giai đoạn xem xét thứ hai, gọi là giai đoạn xác định “cơ sở kết luận”.

(2) Xác định “cơ sở kết luận” (conclusive grounds)

Quá trình này kéo dài 45 ngày, trong thời gian này NRM sẽ tiến hành xác minh chi tiết tình trạng và hồ sơ nạn nhân, nếu đạt đủ điều kiện thì quy trình sẽ cho phép kéo dài thêm 45 ngày nữa để hỗ trợ chuyển tiếp. Giai đoạn này đồng thời cũng được xem là giai đoạn hỗ trợ hồi phục đối với nạn nhân, bởi nạn nhân sẽ được đảm bảo tiếp cận và đảm bảo về chỗ ở sạch sẽ và an toàn, chăm sóc sức khỏe về cả thể chất và tinh thần, tư vấn pháp lý (về các vấn đề như bồi thường, nhập cư...), hỗ trợ phiên dịch ngôn ngữ và đưa ra quyết định về việc có hỗ trợ quá trình điều tra và truy tố đối với tội phạm mua bán người hay không.

Nạn nhân là người nước ngoài (không phải công dân Anh Quốc) không tự động được cấp quyền lưu trú tại Anh, mỗi trường hợp đều được xem xét kỹ càng. Kết quả sau khi được Chính phủ xem xét, nạn nhân có thể có thể gặp những trường hợp sau:

- Tiếp tục ở lại VQA trong vòng một năm nếu tham gia hợp tác điều tra tội phạm mua bán người cùng cơ quan cảnh sát. Trường hợp xét thấy cần thiết, Chính phủ có thể gia hạn thời gian này.

- Hỗ trợ thủ tục và tài chính để giúp quay lại quê hương nếu họ không được cho tị nạn hoặc cấp quyền lưu trú tại VQA.

- Nếu nạn nhân không được cho tị nạn hoặc cấp quyền lưu trú tại VQA, nạn nhân có thể yêu cầu sự trợ giúp từ hệ thống trợ giúp pháp lý hoặc sự trợ giúp của các tổ chức phi chính phủ để chứng minh với Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền về các rủi ro nạn nhân có thể phải đối mặt nếu nạn nhân quay trở lại quê hương họ (ví dụ bị những kẻ trong đường dây mua bán làm hại,...) để nộp hồ sơ xin tị nạn.

- Nếu nạn nhân có đủ điều kiện để được cho phép ở lại dưới dạng tị nạn, được cấp quyền cư trú thì nạn nhân là trẻ em sẽ được phân công người giám hộ, hỗ trợ tài chính cho sinh hoạt hằng ngày và giáo dục, y tế. Cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi trở lên, trẻ có thể được ra ở riêng tại các khu nhà ở xã hội, được chu cấp một khoản tiền cố định hằng tháng, được đáp ứng các nhu cầu về học tập, chăm sóc y tế, và chịu sự quản lý của chính quyền địa phương trong suốt thời gian đó.

- Sau 05 năm kể từ thời điểm trẻ được chính thức cho phép tị nạn và sinh sống ở VQA, nếu thỏa mãn các điều kiện trong thời gian thử thách 05 năm đó, trẻ có thể

làm hồ sơ xin nhập tịch và trở thành công dân Anh Quốc.

Các hình thức trợ giúp khác

- Ủy ban Trẻ em thuộc Hội đồng Người tị nạn (RCCP)¹⁶: RCCP cung cấp các dịch vụ hỗ trợ đối với trẻ em (không có người đi cùng) xin tị nạn tại VQA, dịch vụ này được cung cấp thông qua các hình thức như: (i) Tạo điều kiện để giúp nạn nhân tiếp cận đại diện pháp lý; (ii) Tư vấn và hỗ trợ nạn nhân trong quá trình xin tị nạn; (iii) Đi cùng với trẻ (nếu cần thiết) đến các cuộc phỏng vấn, các phiên điều trần tại Tòa án và các Hội đồng xem xét việc tị nạn; (iv) Đi cùng trẻ em (nếu cần thiết) để làm việc với các tổ chức khác như về sức khỏe, các dịch vụ phúc lợi xã hội khác.

- Tư vấn pháp lý và Đại diện pháp luật: Tòa án có thể sẽ chỉ định một luật sư công để hỗ trợ, hướng dẫn để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ trong một số trường hợp như: Nộp đơn xin nhà ở, tư vấn pháp lý và đại diện pháp lý cho trẻ trong quá trình xin tị nạn.

- Phân công một cán bộ Tòa án phụ trách bảo vệ quyền lợi cho trẻ em là nạn nhân: Một cán bộ Tòa án sẽ được phân công hỗ trợ, hướng dẫn và giúp đỡ trẻ trong quá trình thực hiện các thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, cán bộ tòa án không tham gia hỗ trợ trong các giai đoạn xin tị nạn ban đầu, chỉ cho đến khi UKBA phỏng vấn hoặc trước phiên Tòa xin tị nạn thì cán bộ tòa án mới bắt đầu tham gia.

- Phân công Người giám hộ hoặc Người giám hộ đặc biệt thực hiện các

¹⁶ Bộ Nội Vụ Anh (2008), *Home Secretary Moves to Rafity the Council Of Europe Convention Against Trafficking in 2008*, truy cập <<http://press.homeoffice.gov.uk/press-releases/Trafficking>>

quyền hạn giống như bố mẹ của nạn nhân trong các phiên điều trần: Người giám hộ được phân công và chỉ định bởi Tòa án, trường hợp trẻ không có người lớn đi cùng, trẻ được phân công người giám hộ, và người giám hộ sẽ chịu trách nhiệm như bố mẹ của đứa trẻ.

Sự giúp đỡ từ các Tổ chức xã hội khác

Trường hợp trẻ em là nạn nhân không tìm kiếm sự giúp đỡ chính thức từ các tổ chức chính phủ thì trẻ vẫn có thể tiếp cận và tìm kiếm sự trợ giúp từ các tổ chức như: BEACON, ECPAT, NSPCC, AFRUCA, Quỹ Mua bán người (Human Trafficking Foundation), UNICEF UK, Tổ chức Ân xá,...

Những tổ chức này sẽ hoạt động phối hợp với các cơ quan chính phủ để phát hiện đường dây mua bán người, phát hiện nạn nhân, hỗ trợ chăm sóc và bảo vệ nạn nhân thông qua một số hoạt động cụ thể như: Phân công người trợ giúp nạn nhân, giới thiệu nạn nhân tới những chuyên gia tư vấn hợp lý, hỗ trợ phục hồi, hỗ trợ bảo đảm an ninh cá nhân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với nạn nhân, ...

4. Kết luận

Trong Báo cáo của Chính phủ về tình hình phòng chống mua bán người ở Vương Quốc Anh năm 2020¹⁷, Chính phủ VQA đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tối thiểu để xóa bỏ nạn mua bán người. Chính phủ vẫn đã và đang tiếp tục thể hiện những nỗ lực nghiêm túc và bền vững trong suốt thời gian dài. Mặc dù Chính phủ đã đáp ứng các tiêu chuẩn hoạt động tối thiểu, các cơ chế bảo vệ đối với nạn nhân là trẻ em

vẫn cần được tăng cường quan tâm và nguồn lực hơn nữa. Chính phủ tự nhận thấy hoạt động chăm sóc dài hạn và quá trình hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng đối với nạn nhân vẫn còn chưa đủ và cần được đảm bảo tính hiệu quả trong thực tế nhiều hơn nữa.

Bảo đảm công lý chưa bao giờ là vấn đề dễ dàng, nó luôn là thách thức đối với mọi quốc gia, đặc biệt là đối với trẻ em là nạn nhân của hoạt động mua bán người. Tình hình tội phạm mua bán người ngày càng gia tăng cả về số lượng, quy mô lẫn tính chất mức độ nguy hiểm, điều này sẽ đặt ra nhiều bài toán khó đối với các quốc gia và cả thế giới trong công cuộc phòng và chống mua bán người. Với sự hiểu biết và kinh nghiệm của tác giả, tác giả đã lựa chọn VQA để phân tích bởi tác giả cho rằng, VQA là một trong những quốc gia có số lượng trẻ em là nạn nhân của mua bán người khá lớn, và quan trọng hơn những gì nước Anh đã nỗ lực thực hiện trong gần hai thập kỉ qua đã được thể hiện một cách khái quát ở trên, xứng đáng để các quốc gia khác nghiên cứu và xem xét học tập, áp dụng. Trẻ em là đối tượng thuộc nhóm yếu thế, do đó, việc đảm bảo tiếp cận công lý đối với trẻ em sẽ có những đặc thù nhất định. Tuy nhiên, nhìn chung, để đảm bảo quyền tiếp cận công lý cho mọi người nói chung hay trẻ em là nạn nhân của mua bán người nói riêng cũng cần phải thỏa mãn các yếu tố cấu thành quan trọng để đảm bảo quyền tiếp cận công lý. Một khi các yếu tố cấu thành được bảo đảm thì khả năng tìm kiếm công lý, hay nói cách khác khả năng tìm kiếm sự đền bù đối với những thiệt hại mà nạn nhân đã chịu đựng sẽ dễ dàng đạt được./.

¹⁷ Truy cập: <https://www.state.gov/reports/2020-trafficking-in-persons-report/united-kingdom/>

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC HỖ TRỢ NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI: KINH NGHIỆM CỦA HUNGARY

PHẠM VIỆT NGHĨA*

Hungary là quốc gia nguồn và trung chuyển của tội phạm mua bán người với mục đích chính là bóc lột tình dục và bóc lột lao động. Tổ chức Cảnh sát Liên minh châu Âu (Europol) đã liệt kê Hungary cùng với Bulgaria, Romania và Nigeria là bốn quốc gia trọng điểm của nạn mua bán người để bóc lột tình dục trong những năm gần đây. Xuất phát từ tình hình của một quốc gia thường phải đối mặt với nguy cơ gia tăng nhập cư bất hợp pháp, Nhà nước Hungary đã có những chính sách nhằm hạn chế những rủi ro cũng như cung cấp những dịch vụ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người, khắc phục những hậu quả mà loại tội phạm này mang đến.

Từ khóa: Hỗ trợ nạn nhân, nhà nước, Hungary, tội phạm mua bán người.

Ngày nhận bài: 09/6/2021; Biên tập xong: 20/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

Hungary is a source and transit country of human trafficking, for the primary purpose of sexual and labor exploitation. The European Union Agency for Law Enforcement Cooperation (Europol) has listed Hungary together with Bulgaria, Romania and Nigeria as four hot spot countries of human trafficking for sexual exploitation in recent years. Given the fact that Hungary is a country that often faces increases in illegal immigration, the Hungarian State has adopted policies to limit these risks, provide support services, and help victims of human trafficking overcome the consequences that this type of crime brings.

Keywords: Victims assistance, the state, Hungary, human trafficking crimes.

1. Các kênh cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người

Ở Hungary, các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân được cung cấp rộng rãi và miễn phí ở tất cả các văn phòng chính phủ của từng hạt và thủ đô (Budapest). Từ ngày 01/3/2020, các văn phòng này sẽ có quyền trực tiếp cung cấp gói hỗ trợ về tài chính tức thời ngay sau khi xác nhận được danh tính nạn nhân. Trong trường hợp nạn nhân có đủ các điều kiện để nhận được tiền viện trợ của Nhà

nước, các văn phòng này đóng vai trò là cơ quan hỗ trợ (như hỗ trợ các nạn nhân trong việc nộp đơn); trong đó, chỉ văn phòng Chính phủ tại thủ đô là cơ quan duy nhất có thẩm quyền quyết định các trường hợp nạn nhân có đủ các điều kiện nhận khoản tiền viện trợ này.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp Hungary đã thành lập sáu Trung tâm hỗ trợ nạn nhân ở Budapest (tháng 6/2017), Szombathely, Miskolc (tháng 3/2018), Pécs (tháng 7/2020), Szeged và Kecskemét (tháng 12/2020) với mục đích làm cho các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân được biết đến với phạm vi rộng nhất có thể trong xã hội và ở mức cao nhất có thể cho các nạn nhân. Nhiệm vụ chính của các trung tâm này là cung

¹ https://ec.europa.eu/anti-trafficking/member-states/hungary_en;

² Trong 6 tháng đầu năm 2020, các cơ quan chức năng của Hungary đã phát hiện 13.189 trường hợp tìm cách nhập cảnh bất hợp pháp vào Hungary và đã khởi tố 161 đối tượng liên quan hoạt động buôn người. Nguồn: <https://baotintuc.vn/the-gioi/hungary-canh-bao-nguy-co-gia-tang-nhap-cu-bat-hop-phap-20200630110626236.htm>.

* Thạc sĩ, Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

cấp cho người dân những thông tin chi tiết về hệ thống, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân và các tổ chức đối tác tham gia hỗ trợ nạn nhân. Bộ Tư pháp Hungary cũng nâng cao khả năng hỗ trợ nạn nhân thông qua các khóa đào tạo, hội nghị và hợp tác với các tổ chức đối tác.

Ngoài ra, trong khuôn khổ của hoạt động hỗ trợ nạn nhân, Bộ Tư pháp Hungary đã thiết lập Tổng đài hỗ trợ nạn nhân (+36-80-225-225) vào năm 2011, có thể liên lạc miễn phí và hoạt động liên tục 24 giờ mỗi ngày. Nhiệm vụ chính của đường dây này là để đảm bảo tính kết nối và khả dụng liên tục của dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, giúp nạn nhân có thể nhận được thông tin và được tư vấn kịp thời vào bất kỳ thời điểm nào phù hợp với tình hình cá nhân của họ. Với khoảng 10.000 cuộc gọi mỗi năm, Tổng đài hỗ trợ nạn nhân được xem là hình thức dịch vụ hỗ trợ nạn nhân lớn nhất trong cả nước.

Tính từ đầu năm 2020 đến ngày 01/11/2020, có 1.723 nạn nhân đã liên hệ trực tiếp với các Trung tâm hỗ trợ nạn nhân, 1.042 nạn nhân đã sử dụng các dịch vụ hỗ trợ của các văn phòng chính phủ, Tổng đài hỗ trợ nạn nhân đã nhận được 9.693 cuộc gọi³.

2. Các loại dịch vụ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người

Tất cả các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người tại Hungary hiện được cung cấp theo cách thức “tuỳ chọn”, nghĩa là trên cơ sở thông tin nhận được từ cảnh sát hay do nạn nhân tự tìm kiếm được qua các nguồn khác nhau, nạn nhân có thể tự quyết định có liên hệ với các dịch vụ hỗ trợ này để nhận được sự giúp đỡ hay không. Các loại dịch vụ hỗ trợ cụ thể cũng được xác định dựa trên tính chất,

mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng trường hợp phạm tội mua bán người cụ thể, tác động của tội phạm đối với nạn nhân hay hoàn cảnh của nạn nhân...

2.1. Hỗ trợ về tư vấn

Hỗ trợ về tư vấn là dịch vụ giúp đỡ nạn nhân của tội phạm mua bán người nhận biết được các thông tin cần thiết và thực hiện các quyền cơ bản của họ như chăm sóc sức khoẻ, bảo hiểm y tế, phúc lợi xã hội, các trợ cấp của Nhà nước... tùy theo tình trạng và mức độ cần thiết với nhu cầu của họ. Các hình thức hỗ trợ về tư vấn phổ biến bao gồm: Cung cấp thông tin, tư vấn pháp lý, tư vấn tâm lý và những tư vấn khác.

Cung cấp thông tin: Dịch vụ hỗ trợ cung cấp thông tin có thể được cung cấp cho bất kỳ người nào, bao gồm nạn nhân của tội phạm và kể cả những người muốn biết thêm thông tin về các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân và cách thức hoạt động của các trung tâm hỗ trợ. Những người quan tâm có thể nhận được những thông tin này tại các quầy thông tin, khu vực khách hàng hoặc cũng có thể thông qua tổng đài và email. Họ có thể được cung cấp những thông tin này mà không cần phải có bất kỳ văn bản, giấy chứng nhận nào của các cơ quan có thẩm quyền.

Tư vấn pháp lý: Nạn nhân của tội phạm mua bán người sẽ được cung cấp thông tin về các quyền và lợi ích cơ bản của họ; đồng thời, nhận được những tư vấn pháp lý sơ bộ khi họ cần sự trợ giúp để tố cáo những hành vi phạm tội hoặc khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền.

Tư vấn tâm lý: Dịch vụ hỗ trợ nạn nhân cũng cung cấp những hỗ trợ về mặt tinh thần, tâm lý của nạn nhân. Trong một số trường hợp cần thiết, sẽ có chuyên gia tâm lý giúp đỡ nạn nhân trong việc vượt qua

³ <https://csalad.hu/projektek/ke-t-uj-aldozatsegito-kozpont-nyilik>.

những tổn thương về tâm lý do hành vi phạm tội gây ra.

Những tư vấn khác: Những loại tư vấn khác bao gồm giúp nạn nhân liên hệ với các công ty bảo hiểm, hỗ trợ nạn nhân trong việc tải xuống và điền các mẫu văn bản, sắp xếp các cuộc hẹn với các cơ quan có thẩm quyền hoặc các tổ chức khác cho nạn nhân...

2.2. Hỗ trợ về tài chính tức thời

Nhà nước Hungary hằng năm đều có gói trợ cấp về tài chính tức thời nhằm khắc phục kịp thời tình trạng “khủng hoảng” của nạn nhân trong vòng 08 ngày kể từ khi hành vi phạm tội xảy ra. Sự hỗ trợ này có thể được cung cấp để giúp nạn nhân giảm bớt những chi phí liên quan đến chỗ ở, quần áo, chi phí đi lại và sinh hoạt, cũng như những chi phí y tế. Hỗ trợ về tài chính tức thời khác với dịch vụ viện trợ về tài chính của Nhà nước vì mục đích của nó không phải là để làm giảm bớt những thiệt hại về tinh thần hoặc thể chất mà hành vi phạm tội đã gây ra cho nạn nhân. Số tiền hỗ trợ được xác định dựa trên cơ sở hoàn cảnh cụ thể của từng nạn nhân và dựa vào khoảng thời gian bao lâu nạn nhân không thể tự giải quyết được các vấn đề tài chính của mình.

Mức viện trợ tối đa bằng 43% tổng thu nhập bình quân hằng tháng theo nền kinh tế quốc dân do Cục Thống kê Trung ương Hungary công bố. Mức viện trợ tối đa cho mỗi nạn nhân vào các năm 2020 và 2021 lần lượt là 141.875 Forint (tương đương 11.000.000 đồng) và 158.168 Forint (tương đương 12.260.000 đồng)⁴.

2.3. Hỗ trợ xác nhận tình trạng là nạn nhân của tội phạm

Nạn nhân của tội phạm mua bán người có thể gửi yêu cầu đến các trung tâm dịch vụ hỗ trợ nạn nhân để xin các giấy tờ,

tài liệu chứng nhận họ là nạn nhân của tội phạm. Nạn nhân có thể yêu cầu giấy chứng nhận này vào bất cứ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do gì. Việc được cung cấp giấy xác nhận tình trạng của nạn nhân sẽ giúp họ có thể sử dụng được các viện trợ khác của Nhà nước hoặc của các cơ quan, tổ chức khác, được xin cấp lại những giấy tờ, tài liệu cá nhân đã bị mất...

2.4. Trợ giúp pháp lý

Dịch vụ trợ giúp pháp lý bắt đầu hoạt động từ ngày 01/4/2004 nhằm tạo ra một dịch vụ trợ giúp dành cho những nạn nhân của tội phạm, trong đó có nạn nhân của tội phạm mua bán người. Họ có thể nhận được những sự trợ giúp pháp lý chuyên sâu trong khi giải quyết những tranh chấp hoặc trong quá trình tố tụng hình sự. Khác với những tư vấn pháp lý trong dịch vụ hỗ trợ về tư vấn đã nêu, dịch vụ trợ giúp pháp lý chỉ được cung cấp tại các văn phòng Chính phủ ở các hạt và thủ đô. Việc yêu cầu nhận sự trợ giúp pháp lý cũng cần đến giấy xác nhận tình trạng là nạn nhân của tội phạm được nêu ở trên.

Trong trường hợp nạn nhân cần nộp các đơn yêu cầu, đơn tố cáo... để bắt đầu các thủ tục tố tụng hoặc để yêu cầu khắc phục những thiệt hại do tội phạm gây ra cho họ hoặc thiệt hại đến các quyền hoặc lợi ích liên quan đến họ thì các việc trợ giúp soạn ra các loại đơn này cũng được cung cấp miễn phí nếu thu nhập hằng tháng của nạn nhân được chứng minh là không vượt quá hai lần mức lương cơ bản. Vào các năm 2020 và 2021, số tiền này lần lượt là 283.750 Forint (tương đương 22.000.000 đồng) và 316.336 Forint (tương đương 24.525.000 đồng)⁵.

2.5. Tiền viện trợ từ Nhà nước

Nạn nhân của tội phạm mua bán người cũng có thể yêu cầu Nhà nước cung

⁴https://www.ecpat.org/wp-content/uploads/2021/02/ECO_HUNGARY_Final-version-HUNG_2February2021.pdf.

⁵ https://www.ecpat.org/wp-content/uploads/2021/02/ECO_HUNGARY_Final-version-HUNG_2February2021.pdf.

cấp một khoản tiền viện trợ cho những thiệt hại về tinh thần hoặc thể chất của họ. Tuy nhiên, Nhà nước chỉ cung cấp những khoản viện trợ này cho những nạn nhân đáp ứng được các yêu cầu nhất định, đó là những người có mức bình quân thu nhập hằng tháng không vượt quá hai lần mức lương cơ bản hoặc là những người đang bị phụ thuộc về mặt xã hội như đang nhận tiền trợ cấp tuổi già, đang chăm sóc trẻ nhỏ tại gia đình, đang tị nạn tại Hungary... Trong những trường hợp này, nạn nhân phải có giấy xác nhận là nạn nhân của tội phạm mua bán người, các giấy tờ, tài liệu giám định thương tật cần thiết.

Số tiền viện trợ tối đa từ Nhà nước dành cho mỗi nạn nhân vào các năm 2019 và 2020 lần lượt là 1.915.755 Forint (tương đương 148.300.000 đồng) và 2.128.125 Forint (tương đương 165.000.000 đồng)⁶.

2.6. Hỗ trợ chỗ ở

Nhà nước cung cấp dịch vụ hỗ trợ chỗ ở (có sự bảo vệ nếu cần thiết) cho một người được xác định là nạn nhân của tội phạm mua bán người, là người có quốc tịch Hungary hoặc là người nước ngoài có thể cư trú ở Hungary, bất kể các thủ tục tố tụng hình sự đã được tiến hành hay chưa. Các chỗ ở dành cho nạn nhân này không phải do các văn phòng chính phủ hoặc Trung tâm hỗ trợ nạn nhân cung cấp mà do các cơ sở lưu trú được Nhà nước ký hợp đồng.

OKIT⁷ (+36-80-205-520) là một tổng đài dịch vụ điện thoại khẩn cấp 24/24 do Bộ Nguồn nhân lực Hungary quản lý, giúp làm cầu nối liên lạc giữa nạn nhân với các cơ sở lưu trú để cung cấp cho nạn nhân những thông tin về các điều kiện và quy

định của cơ sở đó. Tại OKIT, các nhân viên xã hội được đào tạo đặc biệt sẽ trả lời các cuộc gọi và sàng lọc ra các trường hợp có thể nhận được dịch vụ trợ giúp về chỗ ở.

Trong trường hợp nạn nhân của tội phạm mua bán người quyết định sử dụng một chỗ ở trong các cơ sở lưu trú được cung cấp, nhân viên của OKIT sẽ liên hệ với những người điều hành các cơ sở đó và hỗ trợ liên lạc với nạn nhân để đảm bảo sự an toàn của nạn nhân trong quá trình di chuyển và việc tiếp nhận nạn nhân vào cơ sở lưu trú.

Dịch vụ này có thể được cung cấp cho nạn nhân của tội phạm mua bán người để giúp họ bắt đầu tái hòa nhập với xã hội nhưng trong thời hạn lưu trú tối đa là 90 ngày. Thời hạn này có thể được gia hạn thêm một lần, tối đa là 90 ngày.

Hungary có một quy định đặc biệt được áp dụng cho các trường hợp nạn nhân là công dân của nước thứ ba (không phải là người có quốc tịch Hungary hoặc là người nước ngoài đang có thể cư trú ở Hungary). Nếu nạn nhân của tội phạm mua bán người là công dân của nước thứ ba, họ có thời gian suy nghĩ là một tháng để quyết định có hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của Hungary trong việc phát hiện tội phạm hay không. Họ được cấp giấy phép cư trú tạm thời trong thời gian suy nghĩ và trong thời gian hợp tác với chính quyền. Ý nghĩa của thời gian suy nghĩ này nằm ở việc sau khi được xác định là nạn nhân, họ sẽ được đưa tới một chỗ ở an toàn và có một môi trường phục hồi để bình tĩnh lại. Một tháng là thời gian đủ để nạn nhân bị sang chấn tâm lý có thể tổng hợp lại suy nghĩ của mình và đưa ra những lời khai hữu ích cho các cơ quan có thẩm quyền. Thời gian suy nghĩ chỉ có thể phát huy tác dụng nếu nạn nhân dành khoảng thời gian này trong một môi trường mà họ nhận được sự hỗ trợ, tránh xa môi trường mà họ đã trở thành nạn nhân./

⁶https://www.ecpat.org/wp-content/uploads/2021/02/ECO_HUNGARY_Final-version-HUNG_2February2021.pdf;

⁷ Országos Kríziskezelő és Információs Telefonszolgálat (tạm dịch: Tổng đài Thông tin và Quản lý khủng hoảng quốc gia).

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN HÀNH TỔ TỤNG HÌNH SỰ

NGUYỄN VĂN OANH*

Trong những năm gần đây, thực hiện nguyên tắc lấy nạn nhân làm trung tâm trong các chính sách, chương trình hành động phòng, chống mua bán người, công tác hỗ trợ nạn nhân ngày càng được quan tâm hơn ở nước ta. Bài báo phân tích hoạt động hỗ trợ nạn nhân mua bán người trong quá trình tố tụng hình sự và những hạn chế của hoạt động này trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Nạn nhân, mua bán người, hỗ trợ, tố tụng hình sự.

Ngày nhận bài: 13/6/2021; Biên tập xong: 15/6/2021; Duyệt đăng: 22/6/2021

In recent years, application of the victim-centered approach in policies and programs to prevent and combat human trafficking and support victims has received more and more attention in our country. This article analyzes the activities that support human trafficking victims during the criminal procedures and also highlights the limitations of these activities.

Keywords: Victims, human trafficking, support, criminal procedures.

Nạn nhân của tội phạm mua bán người là những người đã bị mua bán để phục vụ nhiều mục đích bóc lột khác nhau như: Khai thác tình dục, cưỡng bức lao động hay lấy bộ phận cơ thể người... Những người này không chỉ bị thiệt hại về sức khỏe thể chất mà còn thiệt hại về sức khỏe tinh thần. Chính vì vậy, việc hỗ trợ cho nạn nhân của tội phạm mua bán người được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng và thể hiện giá trị nhân văn.

Thực hiện theo tinh thần của Nghị định thư về ngăn chặn, đàn áp và trừng phạt buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em cũng như các văn bản quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia; hệ thống pháp luật trong nước đã xây dựng những quy định cụ thể về việc hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người như Luật phòng, chống mua bán người năm 2011, Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019

quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (gọi tắt là Thông tư số 84/2019)...

Nạn nhân của tội phạm mua bán người được hỗ trợ trong bất kỳ giai đoạn nào sau khi được phát hiện, xác minh và xác định. Việc hỗ trợ nạn nhân có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự để bảo đảm quá trình điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội được hiệu quả, làm rõ những tình tiết của vụ án mua bán người một cách khách quan và toàn diện. Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống quy định pháp luật Việt Nam, phỏng vấn một số cán bộ công tác tại Cục Cảnh sát hình sự - Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) và cán bộ của Sở Lao động, Thương binh &

** Tiến sĩ, Khoa Cảnh sát hình sự, Học viện Cảnh sát nhân dân*

Xã hội (LĐTBXH) của tỉnh Quảng Ninh, VKSND Thành phố Hà Nội, bài viết giới thiệu và cung cấp chi tiết những hoạt động hỗ trợ cho nạn nhân của tội phạm mua bán người trong các giai đoạn tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời chỉ ra một số hạn chế của hoạt động này.

Trong quá trình tiến hành điều tra, truy tố và xét xử tội phạm mua bán người, việc hỗ trợ nạn nhân nhằm hướng tới đảm bảo sự an toàn về thể chất, ổn định về mặt tâm lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tố tụng. Sự hỗ trợ cho nạn nhân cũng rất đa dạng, phụ thuộc vào từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Tuy nhiên, những sự hỗ trợ sau đây được coi là cấp thiết, cần bản và phổ biến để đảm bảo vấn đề nhân quyền của nạn nhân.

Thứ nhất, nạn nhân được hỗ trợ về nơi ở

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mua bán người, nạn nhân được cung cấp chỗ ở, nơi tạm trú an toàn để làm việc với các cơ quan tiến hành tố tụng. Theo chia sẻ của nhiều cán bộ được phỏng vấn, nạn nhân cần đến sự hỗ trợ về nơi ở thường là những nạn nhân có hộ khẩu thường trú ở tỉnh khác với địa bàn được phát hiện, những nạn nhân không nhớ được quê quán của mình hoặc những người lang thang. Chính vì vậy, việc cung cấp chỗ ở là rất cần thiết để họ có thể tạm thời hoặc lâu dài lưu trú, vừa bảo đảm sự an toàn về con người, vừa đảm bảo tính nhân đạo. Hoạt động cung cấp chỗ ở giúp cho các cơ quan và người tiến hành tố tụng thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động tố tụng như: Lấy lời khai của nạn nhân nhằm làm rõ đối tượng phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong vụ án mua bán người; giám định độ tuổi nạn nhân để điều tra, truy tố, xét xử đúng tội danh; đánh giá mức độ

thương tật hay tổn hại sức khỏe của nạn nhân để truy tố đúng khung, khoản của tội danh được truy tố...

Trong một số trường hợp, nếu nạn nhân không được lưu trú thì có thể bị các đối tượng phạm tội đe dọa, mua chuộc nhằm thay đổi lời khai, thậm chí tiếp tục bị bán hoặc thay đổi chỗ ở (tiếp tục đi lang thang). Để tránh những vấn đề trên, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể đề nghị với Phòng/ Sở LĐTBXH hoặc các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế hỗ trợ để cung cấp nơi ở cho nạn nhân của tội phạm mua bán người. Những chỗ ở này đều bảo đảm sự an toàn và thoải mái cho nạn nhân cũng như thuận lợi cho quá trình cộng tác với chính quyền sở tại khi cần. Tuy nhiên, việc cung cấp chỗ ở trong một thời gian dài hay ngắn còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như nguyện vọng của nạn nhân hay điều kiện cơ sở vật chất của nơi cung cấp hỗ trợ...

Thứ hai, nạn nhân được cung cấp thức ăn, quần áo và các vật dụng khác

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án mua bán người, nạn nhân được hỗ trợ thức ăn, đồ uống để đảm bảo điều kiện sức khỏe về thể chất và tinh thần trong quá trình làm việc với các cơ quan tiến hành tố tụng. Có như vậy, kết quả lấy lời khai hay giám định mới đảm bảo tính pháp lý, khách quan và chính xác. Những sự hỗ trợ này gắn liền với chỗ ở nạn nhân được cung cấp. Thông thường, nạn nhân được cung cấp các khẩu phần ăn đảm bảo các tiêu chí của pháp luật và quy định của nơi hỗ trợ. Nguồn kinh phí để cung cấp thức ăn cho nạn nhân cũng từ ngân sách của Nhà nước và sự hỗ trợ kinh phí từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ có mối quan hệ phối hợp. Những quy định này được áp dụng hoàn toàn khác biệt với những người được hưởng chế độ của người lang thang, người già hay trẻ em theo đúng tinh thần của Thông tư số 84/2019.

Tương tự như vậy, nạn nhân cũng được hỗ trợ đầy đủ quần áo dùng trong sinh hoạt. Nhiều nạn nhân ở giai đoạn bóc lột, khai thác, quần áo bị rách do chạy trốn, do bị trừng phạt; hoặc quần áo bẩn, nhiễm khuẩn do bị giam giữ ở những nơi mất vệ sinh; hoặc quần áo không đủ ấm khi đã đổi mùa. Do đó, việc trang cấp quần áo cho nạn nhân là vô cùng cần thiết để họ có thể đảm bảo sức khỏe và cảm giác an toàn khi làm việc với cơ quan chức năng.

Cũng cần chú ý rằng, đối với những nạn nhân là phụ nữ và trẻ em gái, họ còn được cung cấp một số vật dụng thuộc về giới như quần áo lót hay băng vệ sinh. Trong nhiều trường hợp, nạn nhân có con nhỏ đi cùng thì các chính sách chung vẫn được áp dụng cho hai mẹ con; ngoài ra, em bé còn được trang cấp sữa, bím và tiêm chủng theo định kỳ. Những chính sách hỗ trợ này đảm bảo đáp ứng các nhu cầu cần thiết của nạn nhân.

Thứ ba, nạn nhân được cung cấp các dịch vụ y tế

Đây được xem là một trong những sự hỗ trợ cấp bách cho nạn nhân của tội phạm mua bán người ở bất kỳ giai đoạn nào. Thực tiễn chỉ ra rằng, nạn nhân phải đối mặt với nhiều mối nguy hiểm về sức khỏe trong quá trình bị mua bán. Họ có thể phải hứng chịu những nỗi đau về thể chất do bị đánh đập, khai thác. Không chỉ vậy, nhiều nạn nhân có những biểu hiện sang chấn tâm lý nặng sau những cú sốc tâm lý liên tiếp được tạo ra bởi các đối tượng phạm tội. Nhiều nạn nhân mắc các bệnh liên quan đến tình dục hay suy sụp tinh thần, có biểu hiện trầm cảm, chán nản cuộc sống. Đây là những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng, nếu không có biện pháp khám chữa bệnh kịp thời thì nạn nhân có thể không bao giờ hồi phục hoặc sẽ bị chết. Do đó, nạn nhân cần được khám sức

khỏe sàng lọc hoặc chữa trị các bệnh liên quan đến tình dục, sức khỏe tâm thần liên quan đến việc họ bị mua bán.

Về những chấn thương thể chất, cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cơ quan y tế chăm sóc và chữa trị đến khi khỏi hẳn hoặc nạn nhân yêu cầu dừng điều trị. Những chấn thương phổ biến là gãy tay, gãy chân, gãy xương sườn, gãy răng, phù nề chân tay hay cơ thể... Nạn nhân có thể được điều trị ngay tại cơ sở của nhà tạm lánh hoặc được đưa tới các bệnh viện địa phương.

Đối với những thiệt hại về tinh thần, cần có sự tham gia của các chuyên gia tâm lý để hỗ trợ khắc phục và chữa trị cho những nạn nhân có biểu hiện sang chấn tâm lý từ đơn giản như sợ hãi, lo lắng cho đến phức tạp như trầm cảm, tự ti, không nhận thức được cảm giác. Những biện pháp này có thể chỉ tiến hành trong các giai đoạn tố tụng nhưng cũng có thể phải kéo dài sang giai đoạn tái hòa nhập cộng đồng. Nhiều trường hợp, người tiến hành tố tụng còn liên lạc với chính gia đình nạn nhân để động viên và tác động tích cực tới quá trình điều trị, giúp nạn nhân hồi phục sức khỏe trong thời gian sớm nhất có thể.

Dịch vụ y tế cũng phải được cung cấp cho con của nạn nhân trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tội phạm mua bán người. Nhiều trường hợp, nữ nạn nhân đang mang thai và sinh con ngay khi được giải cứu hoặc con còn nhỏ khi được giải cứu khỏi nơi bóc lột. Các chính sách y tế đều được áp dụng cho mẹ, đặc biệt chú ý đến các dịch vụ y tế cho con như khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng hoặc khám chữa bệnh khi bất thường để bảo đảm nạn nhân có đủ sức khỏe tinh thần, tâm lý và thể chất, cung cấp các thông tin chính xác, khách quan trong các giai đoạn tố tụng.

Thứ tư, nạn nhân được hỗ trợ pháp lý

Khi nạn nhân được phát hiện, họ có thể đối mặt với nhiều rắc rối liên quan đến vấn đề pháp lý. Nhiều nạn nhân được đưa vào một quốc gia tiếp nhận bằng con đường hợp pháp như có visa du lịch, visa lao động, nhưng họ có thể có những hành vi vi phạm pháp luật ở quốc gia đó như ở lại quá hạn visa, có hành vi hoạt động bán dâm. Tuy nhiên, phần lớn nạn nhân được đưa vào quốc gia khác một cách bất hợp pháp, không có giấy tờ tùy thân. Chính vì vậy, nhiều vấn đề pháp lý liên quan tới những người này sẽ nảy sinh khi tiến hành các hoạt động tố tụng.

Một số hoạt động hỗ trợ về pháp lý cho nạn nhân gồm:

- Cấp lại giấy tờ tùy thân cho các nạn nhân. Trong nhiều trường hợp, nạn nhân sử dụng các giấy tờ giả hoặc không có giấy tờ để nhập cảnh vào một quốc gia trung chuyển hay quốc gia tiếp nhận. Một số trường hợp khác, các đối tượng tiến hành tịch thu hết các tài liệu, giấy tờ tùy thân của nạn nhân khi họ vừa được sang nước khác. Các giấy tờ được cấp lại gồm hộ chiếu và căn cước công dân của nạn nhân đã được xác định. Những giấy tờ này được xem là hành lang pháp lý quan trọng cho nạn nhân khi họ tham gia tư cách tố tụng cũng như bắt đầu một cuộc sống mới. Việc cấp giấy tờ pháp lý như giấy khai sinh còn áp dụng cho cả con của nạn nhân.

- Đảm bảo có người bào chữa, người giám hộ theo quy định của pháp luật. Nếu nạn nhân là người dưới 18 tuổi, cơ quan tiến hành tố tụng phải đảm bảo người giám hộ để thực hiện các hoạt động tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Trong một số trường hợp, nạn nhân yêu cầu có người bào chữa để đảm bảo quyền và lợi ích của mình khi tham gia hoạt động tố tụng theo đúng quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

- Hỗ trợ giải quyết các vấn đề dân sự như đòi bồi thường thiệt hại do hành vi mua bán người gây ra, tranh chấp quyền nuôi con, giải quyết quyền thừa kế, hỗ trợ thủ tục xin học lại... Trên thực tiễn, các cơ quan chức năng thường liên hệ với Hội luật sư cấp tỉnh, Sở giáo dục và đào tạo hay các tổ chức phi chính phủ để tìm cách giải quyết phù hợp với những nhu cầu chính đáng này một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Thứ năm, nạn nhân được hỗ trợ về chi phí đi lại

Trong quá trình tố tụng, khi được yêu cầu đến làm việc với cơ quan chức năng, nạn nhân được hỗ trợ tiền tàu xe. Việc này áp dụng với những vụ án mua bán người đã khởi tố, nạn nhân trở về sinh sống cùng gia đình ở địa phương. Nhiều cán bộ phòng vẫn chia sẻ, việc yêu cầu nạn nhân đi từ nhà đến cơ quan tố tụng sẽ là một gánh nặng kinh tế vì họ thường là những người nghèo và đi lại nhiều mất thời gian làm việc của họ. Chính vì vậy, nạn nhân thường nhận được sự hỗ trợ về chi phí đi lại từ các cơ quan chức năng khi họ tham gia tố tụng.

Thứ sáu, nạn nhân được hỗ trợ ngôn ngữ khi tham gia hoạt động tố tụng

Hoạt động hỗ trợ phiên dịch cho nạn nhân của tội phạm mua bán người thường áp dụng cho nạn nhân là đồng bào dân tộc ít người ở Việt Nam như: H'mông, Nùng, Sán Dìu, Kơ-me, Kơ Mú... Các cơ quan tố tụng cần linh hoạt cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ thông qua sự giúp đỡ của các thầy cô giáo các trường dân tộc nội trú, già làng, trưởng bản. Sự hỗ trợ này đảm bảo cho nạn nhân của tội phạm mua bán người có thể cung cấp đầy đủ, chính xác và khách quan những chứng cứ của vụ án.

Tuy nhiên, qua trao đổi với một số cán bộ thực tiễn cho thấy, hoạt động hỗ trợ

nạn nhân của tội phạm mua bán người trong giai đoạn truy tố còn có những hạn chế nhất định. Cụ thể là:

Một là, những quy định của pháp luật về việc hỗ trợ nạn nhân còn thiếu hoặc chưa rõ ràng, do đó các cơ quan chức năng gặp nhiều khó khăn trong việc vận dụng để hỗ trợ nạn nhân. Ví dụ: Hiện nay, quy định hỗ trợ chi phí đi lại cho nạn nhân chỉ áp dụng khi nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú sau khi được giải cứu nhưng không có quy định cho việc hỗ trợ khi nạn nhân đi lại trong quá trình tiến hành tố tụng của vụ án mua bán người.

Hai là, quy định về kinh phí cho việc hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người còn thấp so với chi phí thực tiễn để cơ quan chức năng vận dụng hỗ trợ nạn nhân. Ví dụ: Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân được quy định là 10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.

Ba là, mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình hỗ trợ nạn nhân trong giai đoạn truy tố còn chưa gắn kết, còn hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm. Điều này có thể xuất phát từ việc thiếu quy chế phối hợp liên ngành ở nhiều địa phương trên cả nước trong quá trình hỗ trợ nạn nhân cũng như từ chính tâm lý và nhận thức của người tiến hành hỗ trợ. Ví dụ: Có tư tưởng chỉ những nạn nhân nào chịu phối hợp với cơ quan tố tụng thì mới được hỗ trợ và ngược lại, không hỗ trợ cho nạn nhân nếu họ từ chối hợp tác.

Bốn là, các cơ quan chức năng chủ động, linh hoạt cung cấp những hỗ trợ thiết yếu đáp ứng nhu cầu của nạn nhân bị mua bán. Việc hỗ trợ cho nạn nhân chỉ có ý nghĩa nếu cơ quan chức năng giải quyết, đáp ứng đúng nhu cầu của họ. Mặc dù về lý thuyết, các nhu cầu của nạn

nhân là giống nhau nhưng cán bộ thực thi pháp luật cũng cần có sự phân biệt và dựa vào từng hoàn cảnh cụ thể. Ví dụ: Người H'mông ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam không giao du, quan hệ với những người không nằm trong cộng đồng H'mông nên việc hỗ trợ nạn nhân là người H'mông nên chú ý đến sự trợ giúp của các trưởng bản - người có tiếng nói uy tín và sức mạnh huy động đồng bào người H'mông trong các hoạt động cộng đồng.

Có thể thấy, những nhu cầu của nạn nhân thường rất phức tạp và đa dạng, đòi hỏi những dịch vụ hỗ trợ phải phù hợp và mở rộng dù ở giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử hay tái hòa nhập cộng đồng. Việc hỗ trợ nạn nhân có thể kéo dài vài tuần, vài tháng hoặc lâu hơn nữa, điều đó phụ thuộc vào từng đặc điểm riêng biệt của mỗi nạn nhân. Các cơ quan tiến hành tố tụng cũng nhận thức rằng những thách thức trong việc hỗ trợ nạn nhân nhanh chóng, chính xác, kịp thời luôn được đặt ra liên tục. Việc phân tích những hoạt động hỗ trợ nạn nhân và những hạn chế của hoạt động này gợi mở cho các cơ quan chức năng ở Việt Nam cần chú ý khắc phục trong thời gian tới để có thể hỗ trợ nạn nhân hiệu quả trong bất kể giai đoạn nào./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người;
2. Luật phòng, chống mua bán người năm 2011;
3. Luật trợ giúp pháp lý năm 2017.

MUA BÁN NGƯỜI QUA MẠNG INTERNET VÀ MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC KHI GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI QUA MẠNG INTERNET

TRẦN VĂN TUÂN*

Sử dụng mạng Internet là một trong những thủ đoạn và đồng thời là cách thức để các đối tượng tiếp cận dễ dàng hơn với nạn nhân trong các vụ án mua bán người. Trong bối cảnh hiện nay, người dân sử dụng mạng Internet như một nhu cầu tất yếu và cần thiết phục vụ cho công việc, sinh hoạt, giải trí với mức độ và số lượng người dùng ngày càng tăng. Do đó, các đối tượng cũng lợi dụng mạng Internet để tiếp cận, dụ dỗ, lừa gạt nạn nhân dưới nhiều hình thức khác nhau nên rất khó phát hiện để kịp thời ngăn chặn, xử lý.

Từ khóa: Mua bán người, mạng Internet, vụ án mua bán người, mua bán người qua mạng Internet.

Ngày nhận bài: 08/6/2021; Biên tập xong: 10/6/2021; Duyệt đăng: 17/6/2021

Using the Internet has become habitual and is a way for criminals to easily access victims. In the current context, people use the Internet as an indispensable and necessary need for work, living, and entertainment. The level of usage and number of users has skyrocketed globally which allows criminals to take advantage of to approach, seduce and deceive victims in many different forms. This means it is also difficult to promptly detect, prevent and address the crime. This article explores some of the difficulties and obstacles in solving human trafficking cases via the Internet.

Keywords: Human trafficking, the Internet, human trafficking cases, human trafficking via the Internet

1. Vấn đề mua bán người qua mạng Internet hiện nay

Trong những năm gần đây, tội phạm mua bán người có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là nạn mua bán phụ nữ và trẻ em vẫn đang là một vấn đề nhức nhối ở nước ta. Hành vi mua bán người xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân; ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần, tính mạng của nạn nhân, đến đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục; đồng thời tác động xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Nhân kỉ niệm ngày Phòng, chống mua bán người năm 2020 (ngày 30/7), Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Antonio Guterres đã phát biểu: “Đại dịch COVID-19 đã bộc lộ và làm trầm trọng thêm nhiều bất bình

đẳng trên toàn cầu, tạo ra nhiều rào cản trên con đường đạt mục tiêu phát triển bền vững. Việc này cũng đã khiến hàng triệu người có nguy cơ bị mua bán vì mục đích mại dâm, lao động cưỡng bức, hôn nhân cưỡng ép và các tội phạm khác. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em chiếm hơn 70% số nạn nhân mua bán người được phát hiện và họ cũng là nhóm người bị ảnh hưởng tiêu cực nhất trong đại dịch. Các cuộc suy thoái trước đây cho thấy phụ nữ thường gặp nhiều khó khăn hơn khi tìm kiếm việc làm sau khủng hoảng, vì vậy đây là thời điểm cần hết sức cảnh giác”.

Năm 2020 và đầu năm 2021, Việt Nam cùng các nước trên thế giới phải chống chọi với đại dịch COVID-19. Các quốc gia tăng cường nhiều biện pháp phòng chống dịch

* Tiến sĩ, Phó trưởng Khoa Tội phạm học và Điều tra tội phạm, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

bệnh, trong đó có giãn cách xã hội, thắt chặt công tác kiểm soát số người xuất cảnh, nhập cảnh. Trong bối cảnh đó, tình hình tội phạm mua bán người có chiều hướng giảm nhưng vì lợi nhuận nên nhiều đối tượng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi, thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn nhằm trốn tránh sự kiểm tra, phát hiện của các lực lượng chức năng. Thậm chí, các đối tượng còn cấu kết hình thành nhiều đường dây, băng nhóm xuyên quốc gia với quy mô, tính chất ngày càng phức tạp.

Số vụ, số nạn nhân bị mua bán người trong những năm gần đây có xu hướng giảm, cụ thể: Năm 2016: 383 vụ, 523 đối tượng, 600 nạn nhân; năm 2017: 376 vụ, 491 đối tượng, 900 nạn nhân; năm 2018: 211 vụ, 276 đối tượng, 386 nạn nhân; năm 2019: 192 vụ, 256 đối tượng, 309 nạn nhân². Sáu tháng đầu năm 2020, trên cả nước số vụ mua bán người giảm 31,5%, số nạn nhân giảm 39,7%, tuy nhiên số đối tượng được phát hiện tăng 40% so với cùng kỳ năm 2019. Nạn nhân trong các vụ mua bán người chủ yếu vẫn là phụ nữ và trẻ em.

Phương thức, thủ đoạn của các đối tượng mua bán người sử dụng rất tinh vi, xảo quyệt. Chúng hình thành các đường dây mua bán liên tỉnh và xuyên quốc gia dưới nhiều hình thức khác nhau. Các đối tượng có sự cấu kết chặt chẽ giữa bên mua và bên bán, thậm chí có sự tham gia, giúp sức của bên môi giới, dẫn dắt. Hiện nay, một số thủ đoạn mà các đối tượng thường thực hiện trong các vụ mua bán người như:

- Tiếp cận với phụ nữ, trẻ em ở các vùng nông thôn nghèo, lợi dụng nạn nhân là những người có trình độ học vấn thấp, ít kiến thức về xã hội, các cô gái mới lớn. Với nạn nhân có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phụ nữ trong các gia đình không có

điều kiện học hành, thất nghiệp, các đối tượng hứa hẹn sẽ tìm việc làm thích hợp cho họ ở thành phố với mức thu nhập ổn định, sau đó lừa bán qua biên giới cho các chủ chứa mại dâm hoặc các tổ chức tội phạm ở nước ngoài.

- Lợi dụng kẻ hở trong quy định của pháp luật, nhiều trường hợp núp bóng hình thức tư vấn môi giới hôn nhân với người nước ngoài. Một số đối tượng người Việt Nam cấu kết với người nước ngoài tổ chức tuyển chọn, tìm kiếm phụ nữ ở các vùng quê, đưa lên thành phố hoặc tỉnh giáp ranh với nước bạn để tổ chức xem mặt, chọn vợ, rồi tổ chức kết hôn bất hợp pháp với người nước ngoài.

- Bằng các hình thức đưa người xuất nhập cảnh sang nước ngoài, đi xuất khẩu lao động, đi thăm thân, tham quan du lịch. Lợi dụng chính sách mở cửa hội nhập của nước ta hoặc kẻ hở trong quy định của pháp luật, các đối tượng hướng tới những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, muốn thay đổi cuộc sống bằng cách tiếp cận, làm quen, tạo mối quan hệ thân thiện, tạo sự tin tưởng từ phía nạn nhân, thậm chí có trường hợp giả vờ muốn kết hôn khiến nạn nhân và gia đình hoàn toàn không nghi ngờ, sau đó lừa đưa sang nước ngoài để bán.

- Tiếp cận những phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn rồi thuê họ để sinh con, sau đó lừa bán cả mẹ lẫn con. Các đối tượng tìm những phụ nữ có con nhỏ hoặc đang mang thai nhưng hoàn cảnh éo le, khó khăn về kinh tế để môi giới cho, nhận con nuôi hoặc cho con sau khi sinh để bán các cháu nhỏ, tổ chức xuất cảnh trái phép sang nước ngoài rồi bán trẻ em cho các đối tượng nước ngoài.

- Nhiều trường hợp, các đối tượng lợi dụng sở hỏ của các gia đình để bắt cóc, chiếm đoạt trẻ rồi mang trẻ bán ra nước

² Nguồn: Cục cảnh sát hình sự (C02) – Bộ Công an.

ngoài; hoặc tìm đến các trung tâm bảo trợ xã hội, các cơ sở nuôi dưỡng trẻ mồ côi, lợi dụng kẽ hở của pháp luật và sơ hở trong công tác quản lý của những nơi này để thực hiện hoạt động mua bán trẻ em.

- Đối với hành vi mua bán người trong nước, các đối tượng cũng tìm cách tiếp cận nạn nhân với các thủ đoạn như trên, sau đó đưa nạn nhân từ các tỉnh vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn ra thành phố, tới các khu đô thị, các khu du lịch, khu nghỉ mát để dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc họ đến các cơ sở dịch vụ việc làm, nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, quán karaoke, massage, cắt tóc, gội đầu... để cưỡng ép lao động cực nhọc, làm mại dâm...

- Tiếp cận những gia đình khó khăn, đang trong cảnh nợ nần túng quẫn để cho họ vay tiền, trả nợ giúp họ; hoặc tạo ra hoàn cảnh khó khăn cho gia đình nạn nhân, khiến họ bị lệ thuộc rồi từ đó ép buộc, mua chuộc, đe dọa để phụ nữ, trẻ em trong các gia đình này phải theo chúng.

- Lợi dụng sự phát triển của công nghệ thông tin, thông qua hệ thống mạng Internet, mạng điện thoại di động để thực hiện hành vi mua bán người. Trước đây, để tiếp cận nạn nhân thì các đối tượng phải trực tiếp gặp để rủ rê, lôi kéo, tạo lòng tin. Tuy nhiên trong những năm gần đây, các đối tượng thông qua các trang mạng xã hội, qua thông tin trên các trang web, sử dụng điện thoại di động để tiếp cận nạn nhân với nhiều cách thức khác nhau nhằm hạn chế tiếp xúc trực tiếp với nạn nhân và những người xung quanh, tránh bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn. Đây là một thủ đoạn khá phổ biến hiện nay, gây khó khăn cho công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Trong số các thủ đoạn mà đối tượng mua bán người thường thực hiện thì việc

sử dụng mạng Internet là phổ biến nhất. Đây vừa là thủ đoạn để tiếp cận, tạo lòng tin của nạn nhân trong vụ mua bán người và cũng vừa là phương tiện để các đối tượng dễ dàng hơn trong thực hiện các thủ đoạn khác.

Ngày 12/6/2018, Quốc hội ban hành Luật An ninh mạng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, trong đó quy định các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng tại điểm d khoản 1 Điều 8: *“Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”*. Tại Điều 9 quy định: *“Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, hành vi mua bán người bằng cách sử dụng không gian mạng là hành vi bị cấm theo Luật An ninh mạng năm 2018 và bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015.

Mạng Internet hiện nay được sử dụng rất phổ biến và không thể thiếu trong quá trình phát triển xã hội. Thuật ngữ “Internet” lần đầu tiên được sử dụng vào năm 1974 bởi nhà khoa học máy tính người Mỹ – Vint Cerf trong quá trình làm việc tại DARPA³. Internet là một hệ thống thông tin toàn cầu có thể được truy nhập công cộng gồm các mạng máy tính được kết nối với nhau và sử dụng một tiêu chuẩn hệ thống toàn cầu được gọi là Giao thức điều khiển truyền hoặc Bộ giao thức Internet (viết tắt TCP và IP). Hệ thống TCP và IP hữu ích như một giao thức trao đổi

³ Trang The Marketing Corner, *Sự phát triển của Internet & Internet Việt Nam*. Nguồn truy cập: <https://themarketingcorner.org/su-phat-trien-cua-internet-internet-viet-nam/>

thông tin có thể được sử dụng bởi hàng tỷ người dùng Internet trên toàn thế giới⁴.

Việt Nam chính thức hòa mạng Internet toàn cầu vào ngày 19/11/1997. Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng Internet ngày càng phổ biến và cần thiết cho hoạt động lao động, sản xuất và sinh hoạt của người dân trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Theo số liệu thống kê, tính đến tháng 01/2020, Việt Nam có tổng số 68,17 triệu người đang sử dụng dịch vụ Internet (chiếm 70% dân số), trong đó có khoảng 94% người dùng Việt Nam sử dụng Internet thường xuyên với thời gian sử dụng trung bình lên tới 06 tiếng mỗi ngày⁵. Con số này tiếp tục tăng khi vào tháng 01/2021 có 68,72 triệu người Việt Nam sử dụng Internet, tăng 551.000 người so với cùng kỳ năm 2020. Đồng thời, số người sử dụng mạng xã hội cũng tăng hơn 7 triệu người so với năm 2020. Bên cạnh đó, theo số liệu thống kê thì tính đến cuối năm 2020, Việt Nam có 132,52 triệu thuê bao, trong đó thuê bao di động không sử dụng dữ liệu (data) mà chỉ dùng dịch vụ thoại và tin nhắn là 58,68 triệu thuê bao, còn thuê bao hoạt động có sử dụng dữ liệu (data) là 73,8 triệu.

Do người dân có thói quen sử dụng mạng Internet hằng ngày nên dễ dàng tiếp cận các thông tin hơn, có nhiều hình thức liên lạc với nhau hơn. Lợi dụng đặc điểm này, các đối tượng mua bán người cũng dành nhiều thời gian hơn để truy

cập mạng Internet, đặc biệt là sử dụng các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Instagram, Wechat... để tìm kiếm và tiếp cận nạn nhân. Hình thức mua bán người qua mạng xã hội hiện nay hoạt động đang ngày càng tinh vi và khó kiểm soát. Đối tượng lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của người dân để trục lợi, nhất là phụ nữ và trẻ em. Các đối tượng tội phạm hình thành nhiều đường dây, băng nhóm liên tỉnh, xuyên quốc gia với tính chất, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của gia đình và nhà trường, thông qua các trang mạng xã hội để thực hiện hành vi của mình. Cách thức mà các đối tượng mua bán người sử dụng mạng Internet để đạt được mục đích của mình như:

- Lập các tài khoản cá nhân trên mạng xã hội, kết bạn hoặc tham gia các hội, nhóm trên Facebook để tiếp cận, làm quen với nạn nhân là phụ nữ, các em gái mới lớn. Ngoài ra, các đối tượng còn sử dụng tên, địa chỉ không đúng và nhiều số điện thoại khác nhau để làm quen, tán tỉnh, vờ yêu đương, hẹn hò với nạn nhân; khi đã tạo được lòng tin thì rủ đi chơi hoặc làm ở những nơi có thu nhập cao hơn, đưa nạn nhân đến khu vực biên giới rồi bán ra nước ngoài.

- Giả danh lực lượng chức năng bằng cách lập các tài khoản cá nhân giả trên Facebook, Zalo, tìm kiếm trên mạng Internet hình ảnh của lực lượng Công an, Biên phòng để làm ảnh đại diện. Sau đó, tìm cách làm quen với các em gái mới lớn nhằm dụ dỗ, lừa gạt để đưa sang nước ngoài bán.

- Đối tượng đến các phiên chợ vùng cao, công trường học để tiếp cận, làm quen với phụ nữ, các em học sinh là người dân tộc thiểu số rồi xin số điện thoại, kết bạn qua Facebook, Zalo, sau đó thường xuyên trò chuyện, tán tỉnh qua tin nhắn

⁴ Trang ICT Sai Gon, *Internet là gì? Lịch sử phát triển của Internet?* Nguồn truy cập: <https://thietbichothue.info/internet-la-gi-lich-su-phat-trien-cua-internet/>

⁵ Hồng Vân, *Thành tựu phát triển Internet ở Việt Nam: Đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân*, Trang VOV5 World – Đài tiếng nói Việt Nam – Ban đối ngoại. Nguồn truy cập: <https://vovworld.vn/vi-VN/binh-luan/thanh-tuu-phat-trien-internet-o-viet-nam-dam-bao-quyen-tiep-can-thong-tin-cua-nguoi-dan-932648.vov>

để tạo thiện cảm, giả vờ yêu đương rồi rủ đi chơi, đi du lịch, đi mua sắm hoặc đi làm một công việc với thu nhập cao, sau đó lừa bán nạn nhân.

- Liên lạc với nhau qua điện thoại, mạng xã hội nhưng không trực tiếp xuất hiện mà nhờ một người khác đến gặp nạn nhân hoặc gọi điện thoại trực tiếp cho nạn nhân để đưa dẫn nạn nhân đến khu vực biên giới rồi bán ra nước ngoài.

- Đăng tin tuyển dụng trên các trang báo mạng hợp pháp dưới vỏ bọc là một doanh nghiệp đã đăng kí kinh doanh, đồng thời tạo cho mình vẻ bề ngoài là người thành đạt, có thể tin tưởng được để tiếp cận các nạn nhân trong các gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có mong muốn đi làm để cải thiện kinh tế gia đình và trả nợ. Các đối tượng thường cho nạn nhân vay một khoản tiền nhất định, sau đó bằng nhiều cách thức để nạn nhân bị lệ thuộc rồi bán cho người khác. Các đối tượng cũng lợi dụng mạng xã hội như Facebook để đăng tin tìm kiếm người yêu là sinh viên và hứa hẹn công việc có thu nhập cao, các lần mua sắm và các chuyến du lịch ở nước ngoài rồi bán họ vào những cơ sở kinh doanh hoạt động tình dục.

- Ngoài các thủ đoạn tinh vi trên, đã có những đường dây mua bán người chuyên thực hiện hành vi bằng cách lên mạng tìm kiếm, “chat” với các bạn gái chơi bời, làm quen rồi kết nghĩa anh em, hoặc “cứu net”. Khi đã tiếp cận được với các bạn gái này, chúng dùng tình cảm, vật chất để cám dỗ, sau đó lừa bán sang nước ngoài.

- Cũng thông qua mạng Internet, kết hợp với sử dụng điện thoại di động, các đối tượng liên hệ với nhau để bàn tính các phương thức, thủ đoạn, phân công nhiệm vụ, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cũng như tiến hành giao dịch trong các vụ mua

bán người, hẹn thời gian, địa điểm giao hàng...

2. Một số khó khăn, vướng mắc khi giải quyết các vụ án mua bán người qua mạng Internet

Việc sử dụng mạng Internet để thực hiện hành vi phạm tội mua bán người như hiện nay đã gây ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử như:

- Tội phạm mua bán người vốn đã tồn tại nhiều dưới dạng ẩn, rất khó khăn cho việc phát hiện, nhiều trường hợp nạn nhân hay người nhà nạn nhân không tố giác. Trong khi đó, do các đối tượng sử dụng Internet để tiếp cận nạn nhân nhằm thực hiện hành vi trót lọt mà vẫn hạn chế được tối đa việc tiếp xúc với nạn nhân nên rất khó phát hiện, ngăn chặn ngay từ đầu.

- Đối tượng thực hiện hành vi mua bán người không chỉ là người Việt Nam mà còn có người nước ngoài, đang sinh sống bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Thông qua mạng Internet, những người này liên lạc với nhau để lên kế hoạch, phân công nhiệm vụ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình lừa gạt, tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, giao dịch trong các vụ mua bán người. Với sự câu kết chặt chẽ, lên kế hoạch tỉ mỉ nhằm tránh sự phát hiện của lực lượng chức năng, các đối tượng ở nước ngoài không xuất hiện cũng như không trực tiếp thực hiện hành vi nên rất khó bị phát hiện, bắt giữ.

- Tội phạm mua bán người thường mang tính truy xét, rất ít trường hợp bị bắt quả tang. Nhiều trường hợp là do bị hại trốn về được và trình báo với cơ quan công an, lúc này đối tượng phạm tội mới bị phát hiện. Việc thu thập chứng cứ chủ yếu dựa vào lời khai của nạn nhân. Mặc dù trước đó nạn nhân và đối tượng có thể liên lạc với nhau nhiều lần qua điện thoại,

qua mạng xã hội nhưng khi đưa nạn nhân đến nơi bán thì các đối tượng đã thu giữ hết điện thoại, giấy tờ của nạn nhân nên họ không có cách nào cầu cứu sự trợ giúp. Khi vụ việc được điều tra thì cũng khó có thể xác định được danh tính của các đối tượng này. Hoặc nhiều vụ xảy ra đã lâu, sau đó mới phát hiện thì những thông tin trên mạng xã hội cũng không thể tìm lại được.

- Các đối tượng lập tài khoản cá nhân trên mạng xã hội bằng thông tin giả, lấy ảnh đại diện của người khác để thực hiện hành vi phạm tội, lập các trang web với thông tin không rõ ràng, không chính xác, sử dụng sim “rác” để liên lạc, hoặc các thủ đoạn giả mạo thông tin khác, gây khó khăn cho quá trình điều tra xác minh. Thậm chí, nếu bị tố giác thì các đối tượng vẫn tìm cách chối vì cho rằng khó có cơ sở để chứng minh các tài khoản hoặc trang web đó là của mình. Trong trường hợp máy chủ đặt ở nước ngoài thì việc điều tra xác minh thông tin còn gặp nhiều khó khăn hơn nữa.

3. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người qua mạng Internet

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa như hiện nay, việc sử dụng mạng Internet là một nhu cầu không thể thiếu của người dân các nước trên thế giới nhưng cũng từ đó, các đối tượng đã lợi dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, sự phát triển hệ thống mạng Internet toàn cầu để thực hiện hành vi phạm tội. Việc này đã gây khó khăn không nhỏ cho hoạt động phát hiện, xử lý hành vi mua bán người trong thời gian qua. Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả trong phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mua bán người qua mạng Internet, trong thời gian tới các cơ quan chức năng cần đẩy mạnh thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, sử dụng mạng Internet như một kênh tuyên truyền hiệu quả để người dân nâng cao ý thức trong phòng ngừa tội phạm mua bán người. Trong thời đại hiện nay, người dân sử dụng điện thoại thông minh có kết nối mạng Internet rất phổ biến, vì vậy các cơ quan, tổ chức cần tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên các trang web, trên các thông báo của ứng dụng mạng xã hội để người dân hiểu hơn về các quy định của pháp luật. Đồng thời, tuyên truyền để người dân nắm được các thông tin về tổ chức và hoạt động phòng, chống mua bán người của Nhà nước, của các tổ chức phi chính phủ; bên cạnh đó, để người dân nắm được các thủ đoạn mà các đối tượng mua bán người thường sử dụng và những nhóm người có nguy cơ trở thành nạn nhân của loại tội phạm này; tuyên truyền, chia sẻ những bài báo hoặc thông tin liên quan đến vấn đề mua bán người thông qua các trang mạng xã hội để người dân có ý thức hơn về phòng ngừa tội phạm, nhắc nhở người thân, con, em mình về mối nguy hiểm tiềm ẩn qua mạng xã hội, giúp mọi người có thể tự bảo vệ bản thân. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền phòng, chống mua bán người cũng giúp người dân có những kỹ năng xử lý khi họ hoặc người thân, người quen của họ rơi vào hoàn cảnh là nạn nhân của các vụ mua bán người để họ chủ động tố giác tội phạm, thu thập và lưu giữ thông tin, tài liệu để cung cấp cho Cơ quan điều tra.

Thứ hai, tăng cường kiểm soát, xác thực các tài khoản cá nhân trên mạng xã hội, các thông tin trên trang web. Theo quy định của Luật An ninh mạng thì: “Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại

Việt Nam có trách nhiệm sau đây: a) Xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số; bảo mật thông tin, tài khoản của người dùng; cung cấp thông tin người dùng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng”⁶. Trách nhiệm của Bộ Công an cũng được xác định là: “Phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm mạng”, “Bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng; xây dựng cơ chế xác thực thông tin đăng ký tài khoản số; cảnh báo, chia sẻ thông tin an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng”⁷. Để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi có nguy cơ trên không gian mạng, đồng thời thực hiện các quy định của Luật An ninh mạng, các cơ quan, tổ chức có liên quan cần tăng cường rà soát các tài khoản cá nhân được lập mới, xây dựng cách thức xác thực thông tin cá nhân đối với mỗi tài khoản một cách chính xác, đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất khả năng các đối tượng có thể lập tài khoản ảo, giả mạo thông tin người khác để thực hiện hành vi lừa gạt nạn nhân.

Bên cạnh đó, hiện nay các đơn vị cung cấp dịch vụ mạng viễn thông ở Việt Nam đã và đang tăng cường các biện pháp nhằm loại bỏ tình trạng sử dụng sim “rác” như xác thực khách hàng trước khi kích hoạt thuê bao mới, việc kích hoạt thuê bao được thực hiện trên hệ thống tập trung của doanh nghiệp, áp dụng công nghệ video call (cuộc gọi hình ảnh) để xác thực khách hàng trước khi kích hoạt thuê bao... Ngoài ra, các công ty viễn thông cũng có quy định xử lý cá nhân, đơn vị nếu để xảy ra sai phạm. Với những biện

pháp trên đã loại bỏ được rất nhiều tình trạng sim “rác”, tuy nhiên vẫn chưa xử lý được triệt để. Vì vậy, trong thời gian tới, các công ty cung cấp dịch vụ viễn thông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần có nhiều biện pháp mạnh tay hơn nữa để loại bỏ tình trạng sử dụng sim “rác”. Việc này hỗ trợ rất nhiều cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội phạm mua bán người.

Thứ ba, lực lượng chức năng cần tăng cường tuần tra, kiểm soát ở các khu vực biên giới, các nhà ga, bến xe, tăng cường công tác quản lý xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu quốc tế để kịp thời phát hiện đối tượng mua bán người và những trường hợp có nghi vấn nhằm ngăn chặn hành vi phạm tội, giải cứu nạn nhân ngay trên lãnh thổ Việt Nam.

Thứ tư, tăng cường hợp tác với Công an, Bội đội biên phòng các nước trong khu vực, nhất là các nước như Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Lào... để phối hợp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm mua bán người. Cần có cơ chế phối hợp giữa lực lượng chức năng các nước để thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình, đối tượng, thủ đoạn của tội phạm mua bán người. Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp, hợp tác quốc tế để kịp thời phát hiện các đường dây mua bán người xuyên quốc gia; ngăn chặn và xử lý các đối tượng, đặc biệt là các đối tượng người nước ngoài, chủ mưu, cầm đầu đường dây. Bên cạnh đó, việc tăng cường mối quan hệ hợp tác song phương và đa phương giữa các quốc gia góp phần mở rộng phạm vi phòng ngừa, phát hiện tội phạm, tận dụng được các nguồn lực và sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các Chính phủ trong đào tạo, tập huấn, cung cấp trang thiết bị cho lực lượng đấu tranh chống tội phạm mua bán người./.

⁶ Luật An ninh mạng năm 2018, Điều 26.

⁷ Luật An ninh mạng năm 2018, Điều 36.

THỦ ĐOẠN SỬ DỤNG CÁC ỨNG DỤNG MẠNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG ĐỂ PHẠM TỘI MUA BÁN NGƯỜI VÀ VIỆC PHÒNG NGỪA, PHÁT HIỆN, XỬ LÝ

NGUYỄN ĐỨC HẠNH*

Trong những năm gần đây, bên cạnh cách thức tổ chức và thực hiện tội phạm truyền thống của tội phạm mua bán người, các đối tượng còn sử dụng các phương tiện, công nghệ thông tin truyền thông trong việc chuẩn bị thực hiện tội phạm, tổ chức thực hiện tội phạm và che giấu tội phạm. Điều này khiến mức độ nguy hiểm của tội phạm tăng lên, số lượng người bị hại nhiều hơn, sau khi thực hiện tội phạm để trốn tránh pháp luật hơn. Vì vậy, yêu cầu trong việc nghiên cứu thủ đoạn phạm tội giúp phòng ngừa, phát hiện tội phạm ứng dụng mạng công nghệ thông tin và truyền thông là hết sức cần thiết, cấp bách hiện nay.

Từ khóa: Tội phạm mua bán người; công nghệ thông tin; phòng, chống mua bán người.

Ngày nhận bài: 22/6/2021; Biên tập xong: 28/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

In recent years, in addition to the traditional modes of organizing and carrying out human trafficking, criminals also use technology to facilitate, organize and hide their illegal activities. This increases the seriousness of the crimes and the number of victims. Also, after committing the crimes, with the support of technology, it is easier for criminals to abscond the law. This article explores how human traffickers use technology to expand their networks, and how technology can be used to prevent, detect and handle trafficking in persons cases.

Keywords: Human trafficking crimes, information technology, human trafficking prevention.

Tội phạm mua bán người (MBN) trong những năm gần đây diễn biến phức tạp với tính chất, quy mô và thủ đoạn hoạt động phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức chặt chẽ giữa người mua và người bán, môi giới, dẫn dắt, hình thành các đường dây tội phạm liên tỉnh và xuyên quốc gia. Tội phạm MBN đã được phát hiện xảy ra trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố; nạn nhân không chỉ là phụ nữ, trẻ em mà đã xuất hiện tình trạng mua bán nam giới, trẻ sơ sinh, bào thai, mua bán nội tạng, đẻ thuê...¹ Mặc dù giảm về số lượng bị phát hiện, xử lý nhưng tình hình tội phạm

MBN vẫn diễn biến phức tạp, thủ đoạn tội phạm hết sức tinh vi, xảo quyệt với sự tham gia của các đối tượng được tổ chức thành đường dây; có sự phân công, phối hợp chặt chẽ và rất chuyên nghiệp gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong quá trình điều tra, truy tố².

Bên cạnh cách thức tổ chức và thực hiện tội phạm truyền thống, các đối tượng MBN còn sử dụng các phương tiện, công nghệ thông tin truyền thông trong việc chuẩn bị thực hiện tội phạm, tổ chức thực hiện tội phạm và che giấu tội phạm khiến mức độ nguy hiểm

¹ Báo cáo Bộ Công an “Tình hình thực hiện pháp luật về phòng chống mua bán người giai đoạn 2012-2017”.

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

² Báo cáo Ban chỉ đạo 138/CP năm 2019.

của tội phạm tăng lên, số lượng người bị hại nhiều hơn, sau khi thực hiện tội phạm để trốn tránh pháp luật hơn. Ví dụ như việc các đối tượng phạm tội sử dụng Internet để tìm kiếm, phát hiện nạn nhân; sử dụng điện thoại di động, Email, Facebook, Zalo... để liên lạc đưa nạn nhân di chuyển trong lãnh thổ, ra nước ngoài; sử dụng chứng minh thư giả để mở tài khoản, dùng hình thức thanh toán trực tuyến chuyển và rút tiền; lập các trang web đen để quảng cáo, tiếp thị, tìm kiếm khách hàng; giả danh lực lượng chức năng để lừa gạt, cưỡng ép nạn nhân nhằm bán sang biên giới³. Thậm chí, có những trường hợp dùng tên, hình ảnh đại diện giả trên Facebook mặc lễ phục Công an, Bộ đội Biên phòng làm quen, kết bạn và lừa bán nạn nhân bên cạnh chiêu trò lừa đảo yêu đương...

Để góp phần nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý tội phạm MBN có sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông, bài viết trình bày, phân tích những yếu tố của mạng thông tin, truyền thông mà các đối tượng phạm tội MBN có thể khai thác, thực hiện tội phạm cũng như những nội dung liên quan đến việc sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông để phòng ngừa và chống tội phạm MBN. Từ đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm MBN có sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông.

³ Ngày 10/9/2020, Công an Lào Cai khởi tố Sùng A Chó (SN 1991, trú tại xã Mường Toong, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên); Thảo Seo Hòa (SN 1976, trú tại huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang); Chang A Vương (SN 1987, trú tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu) cùng đồng bọn về 02 hành vi mua bán người và mua bán người dưới 16 tuổi.

1. Một số yếu tố gắn với mạng công nghệ thông tin, truyền thông mà các đối tượng phạm tội mua bán người thường khai thác sử dụng trong việc thực hiện hành vi phạm tội

- Mạng thông tin, truyền thông có khả năng giúp cho việc giao tiếp, trao đổi thông tin giữa người dùng với tốc độ cao, dễ dàng vượt qua biên giới quốc gia mà không chịu sự kiểm soát của các cơ quan chức năng. Lợi dụng đặc điểm này, các đối tượng phạm tội MBN đã sử dụng mạng thông tin, truyền thông để kết nối với các nạn nhân trên khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

- Việc thiết lập và sử dụng các trang web bất hợp pháp dễ dàng, các hồ sơ trực tuyến ẩn danh, các thiết bị dùng một lần luôn sẵn có đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc che giấu các giao tiếp, giao dịch thông qua môi trường mạng khi các mạng lưới tội phạm được thực hiện, giúp các đối tượng này dễ dàng che giấu tội phạm, trốn tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Do đó, các đối tượng MBN thường khai thác triệt để yếu tố này để tiếp cận nạn nhân, tránh sự phát hiện, can thiệp của gia đình và cơ quan chức năng.

- Việc phát hiện, thu thập dữ liệu điện tử để có chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội thông qua môi trường mạng đòi hỏi phải có các nguồn lực và thiết bị công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại. Vì vậy, với các quốc gia kém phát triển và đang phát triển (thường là các quốc gia có nạn nhân bị mua bán), đây là một thách thức không nhỏ khiến các đối tượng MBN không ngừng khai thác tính năng này khi thực hiện tội phạm.

- Thủ đoạn phổ biến mà các đối tượng phạm tội MBN có thể khai thác, sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông khi thực hiện các hành vi phạm tội là:

+ Thông qua mạng thông tin, truyền thông, các đối tượng MBN dễ dàng tìm kiếm, xác định các khu vực có thể có nạn nhân để tuyển mộ, khống chế, kiểm soát khi vận chuyển, chứa chấp, tiếp nhận và chuyển giao. Việc sử dụng công nghệ thông tin của các đối tượng tội phạm có thể từ những giai đoạn đầu tiên nhằm xác định những nạn nhân tiềm năng thông qua các quảng cáo trên mạng đến những giai đoạn cuối cùng là che giấu hành vi phạm tội. Rửa tiền có thể được thực hiện từ hành vi phạm tội này.

+ Việc sử dụng công nghệ có thể áp dụng cho tất cả các hình thức MBN như Internet giúp cho những đối tượng MBN có thể tiếp cận với số lượng lớn các nạn nhân tiềm năng so với việc thực hiện thông qua điện thoại, tin nhắn, liên hệ trực tiếp.

+ Các thủ đoạn tuyển mộ của những đối tượng MBN có thể được thực hiện thông qua sử dụng các trang web để thiết lập liên hệ ban đầu với nạn nhân trên phạm vi rộng, nhiều nhóm người dùng Internet. Các trang web này có thể giúp trò chuyện, trao đổi thông tin dưới dạng tin nhắn, văn bản, video, trao đổi hình ảnh, hẹn hò và các hoạt động khác. Ngoài ra, những diễn đàn mạng cũng cung cấp cho kẻ mua bán người thông tin về các lỗ hổng từ máy tính của nạn nhân, cơ sở dữ liệu của nạn nhân để có thể khai thác nhằm lấy được lòng tin và sự tự tin của nạn nhân.

+ Trên các trang web và ứng dụng mạng xã hội, các đối tượng MBN có thể

ngghiên cứu, tìm hiểu về nạn nhân và dễ dàng theo dõi những lượt thích và không thích. Điều này giúp những đối tượng MBN có thể điều chỉnh cách tiếp cận với từng nạn nhân và khai thác điểm yếu của nạn nhân. Nắm bắt nhu cầu lao động, các nạn nhân có thể được tuyển mộ thông qua các lời mời làm việc, thường là thông qua các trang web tuyển dụng giả mạo, quảng cáo trực tuyến, các cơ quan tuyển dụng giả hay thông qua các trang mạng xã hội.

+ Các đối tượng MBN thường xác định nạn nhân nhờ điện thoại thông minh (smartphone) bởi hầu hết ở các quốc gia, điện thoại thông minh đều có khả năng truy cập Internet. Trong khi tùy thuộc vào kiến thức của người dùng mà việc sử dụng các cài đặt quyền riêng tư, bảo mật là rất khác nhau, nhiều nạn nhân không biết cách cài đặt nên đã bị các đối tượng phạm tội có thể khai thác, lấy cắp thông tin và tìm cách tiếp cận. Các ứng dụng, phương tiện truyền thông xã hội và các nền tảng trực tuyến khác cung cấp cho những đối tượng MBN quyền truy cập vào một loạt thông tin hữu ích có thể được sử dụng nhằm đánh lừa nạn nhân, bao gồm: Dữ liệu về vị trí, thông tin chi tiết nhận dạng, lối sống, thói quen, hình ảnh, địa chỉ liên lạc... Ở các quốc gia phát triển, điện thoại thông minh được thanh thiếu niên sử dụng phổ biến và trong một số trường hợp, các ứng dụng trong điện thoại thông minh đã giúp các đối tượng phạm tội dễ tiếp cận và khống chế các nạn nhân nhỏ tuổi hơn.

Dưới đây là bảng thông tin tổng quan về các trang web tuyển dụng và kết nối thường được những đối tượng MBN sử dụng:

	Xem & bình luận trang web	Các địa điểm chuyển đổi	Các trang web	Các trang web quảng cáo và bán hàng
Các trang web thường được sử dụng	Facebook, Instagram (đăng ảnh lên trang cá nhân của chúng, có thể bình luận về ảnh khác, nhận tin nhắn riêng tư và có tài khoản thứ hai mà cha mẹ không biết gọi là “finstagram” hoặc instagram giả), Snapchat (nhắn tin và đăng ảnh công khai, biến mất sau khi đã mở và chức năng chia sẻ tin nhắn/hình ảnh/video riêng tư)	Tinder (ứng dụng hẹn hò để trò chuyện với những người bạn phù hợp, tin nhắn riêng tư để liên lạc, gặp gỡ và hẹn hò); Blendr (ứng dụng hẹn hò với trò chuyện riêng tư, định vị GPS để định vị người khác); WhatsApp (ứng dụng nhắn tin được mã hóa nơi các nhà cung cấp dịch vụ không lưu bản sao tin nhắn của họ trên máy chủ và chỉ hai người đang giao tiếp mới có thể truy cập các tin nhắn đó); KIK (ứng dụng nhắn tin không được kết nối với số điện thoại, tin nhắn không được lưu trên máy chủ để truy cập bên ngoài cuộc trò chuyện).	Trò chuyện roulette hoặc Omegle (webcam với người lạ một cách riêng biệt, người dùng có thể xoay qua nhiều người lạ và webcam có hộp trò chuyện riêng tư dưới màn hình webcam)	Hướng dẫn thành phố (rao vặt, trang đi kèm với quảng cáo) Skipthegames, Bedpage (đi kèm trang web với cá nhân quảng cáo dịch vụ) Seekingarrangement (hẹn hò, trang web thông tin tương tự như hồ sơ hẹn hò có nhắn tin); Sugar-baby (trang web quảng cáo cho cô gái có hồ sơ cho các johns / sugar daddies duyệt và nhắn tin)
Các trang web ít phổ biến hơn	YikYak (đăng bài ẩn danh với phần bình luận, vị trí GPS cho phép người khác xác định vị trí của người dùng trong một bán kính nhất định); Whisper (đăng bài ẩn danh với khả năng bình luận và gửi tin nhắn ẩn danh cho người dùng)	Màu vàng (ứng dụng hẹn hò / bạn bè dành cho giới trẻ có chức năng vuốt, “tinder cho trẻ em”); # 1 Chat Avenue (phòng trò chuyện dành cho trẻ em với người lạ trong một nhóm lớn, một người có thể nhắn tin trong một nhóm lớn hoặc nhắn tin riêng tư)	Monkey (webcam với người lạ trong số giây có hạn, thanh niên cần tìm người dùng khác làm bạn trong thời gian không giới hạn, được quảng cáo dành riêng cho giới trẻ)	Các trang web ít phổ biến hơn không thể xác định vì đã có nhiều thay đổi
Quá trình	Những đối tượng MBN có thể thực hiện các thao tác thông qua mạng như thích, nhận xét, đề nghị kết bạn và thu thập thông tin mà sau đó sử dụng để tuyển mộ và thu hút thanh niên.	Trò chuyện với người trẻ, có thể sau khi thu thập thông tin trên một trang web xem và nhận xét. Việc tán tỉnh, gạ gẫm có thể xảy ra trên các ứng dụng và trang web nhắn tin này, thuyết phục ai đó gửi một bức ảnh nhạy cảm và sau đó sử dụng nó để tống tiền họ.	Lấp các lỗ hổng, xây dựng lòng tin và khiến họ chia sẻ nhiều hơn về cơ thể của họ bằng hình ảnh. Di chuyển chúng từ trang được giám sát sang trang ít được giám sát hơn.	Chuyển họ từ chia sẻ sang bán ảnh trực tuyến của chính họ.

Nguồn: Ryan Kunz, Meredith Baughman, Rebecca Yarnell and Celia Williamson (2018), Social Media and Sex Trafficking Responses, University of Toledo

- Một xu hướng liên quan khác trong việc tuyển mộ nạn nhân là việc sử dụng các nền tảng chơi game trực tuyến. Máy chơi game tiên tiến cung cấp chức năng tương tự như máy tính để bàn và ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong các vụ phạm tội. Bên cạnh đó, còn xuất hiện những thủ đoạn khác như:

+ Việc kiểm soát, khống chế nạn nhân có thể diễn ra dưới nhiều hình thức, trong đó có ép buộc, dụ dỗ và đưa các nạn nhân rời khỏi nhà của họ, kiểm soát tài chính và tổng tiền. Các đối tượng MBN sử dụng công nghệ để tránh tiếp xúc trực tiếp với nạn nhân. Đây cũng là thách thức khiến việc điều tra tội phạm MBN ngày càng trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên, “kiểm soát ảo” nạn nhân là một công cụ phổ biến. Việc kiểm soát có thể bao gồm theo dõi nạn nhân thông qua kiểm tra thủ công hồ sơ điện thoại hoặc truy cập các ứng dụng điện thoại thông qua các ứng dụng dựa trên đám mây hoặc bằng cách triển khai phần mềm gián điệp. Ngay cả sau khi nạn nhân không còn nằm trong tầm kiểm soát của những đối tượng MBN (ví dụ như họ đã trốn thoát được), họ vẫn có thể bị theo dõi bằng các ứng dụng theo dõi vị trí trên điện thoại di động của mình. Những đối tượng MBN cũng có thể gửi thông tin liên lạc đe dọa đến những nạn nhân tìm cách trốn thoát nhằm duy trì hoặc giành lại quyền kiểm soát họ.

+ Sử dụng mạng để lừa đảo, đe dọa và thực hiện hành vi gian dối khác có thể được những đối tượng MBN áp dụng khi có được những thông tin có thể gây tổn hại cho nạn nhân (hình ảnh hoặc video) như một phương tiện để giành quyền khống chế, kiểm soát. Ví dụ, bằng cách hứa hẹn công việc người mẫu và yêu cầu chụp ảnh khỏa thân từ các người mẫu, các đối tượng đưa ra những lời đe dọa. Điều

này không đòi hỏi phải có sự tiếp xúc trực tiếp giữa những kẻ MBN và nạn nhân mà mọi thứ có thể đạt được trong không gian ảo. Một thủ đoạn khác là những đối tượng MBN chiếm đoạt mạng xã hội của nạn nhân và thêm nội dung gợi ý sự đồng ý khai thác, cùng với nội dung khiêu dâm để làm tổn hại danh tiếng và uy tín của nạn nhân hoặc xâm nhập giả tạo tư cách người khiếu nại, khiến tài khoản của họ bị nhà cung cấp dịch vụ đóng, bị cô lập, mất danh tính kỹ thuật số và mất liên lạc với gia đình và cộng đồng.

+ Thông qua mạng Internet, các đối tượng MBN rao bán người trực tuyến với những quảng cáo được đăng tải trên các trang web không chính thống, nội dung thường được bảo vệ bằng mật khẩu và mã hóa. Hành vi này đã được sử dụng cho các hoạt động bất hợp pháp và gây ra những cản trở không nhỏ đối với hoạt động điều tra của cơ quan tố tụng về hành vi MBN. Trường hợp khác, đối tượng phạm tội cũng có thể rao bán người trên các trang web thông thường khác bằng cách núp dưới dạng dịch vụ mát-xa với việc sử dụng tiếng “lóng”. Ví dụ: Biểu tượng cảm xúc (chẳng hạn như hoa anh đào để xác định nạn nhân là một trinh nữ) và các cụm từ khác trong mô tả của các quảng cáo ngấm hiểu làm hoạt động mại dâm (ví dụ: “trải nghiệm bạn gái”) hoặc trẻ vị thành niên được quảng cáo với cụm từ “tôi có một người bạn trẻ hơn”.

+ Lợi nhuận mà các đối tượng MBN có được có thể chuyển dưới dạng tiền điện tử như đồng tiền điện tử Bitcoin để dễ thanh khoản, dễ cất giấu hơn so với tiền tệ thật bởi chúng không bị quản lý và không được hỗ trợ bởi các ngân hàng. Mặt khác, các đối tượng sử dụng tiền kỹ thuật số sẽ không bị phụ thuộc vào biên giới quốc gia và có thể phục vụ trao đổi với cả các tổ

chức tội phạm khác, thực hiện các loại tội phạm khác không phải MBN. Các loại tiền kỹ thuật số mà các đối tượng phạm tội có được không cần phải thực hiện hành vi rửa tiền, vốn khó khăn hơn ở hầu hết các quốc gia do các quy định về báo cáo tiền mặt ngày càng nghiêm ngặt và tuân thủ quy định chống rửa tiền. Các khoản tiền ở dạng kỹ thuật số có thể được vận chuyển qua biên giới một cách dễ dàng, do đó vượt qua giới hạn chuyển tiền mặt giữa các khu vực pháp lý. Việc sử dụng nhiều “ví tiền” kỹ thuật số (mỗi ví tiền riêng cho mỗi giao dịch) tạo thêm thách thức cho cảnh sát và cơ quan chống rửa tiền trong việc theo dõi và giám sát các giao dịch. Các loại tiền kỹ thuật số cung cấp tính ẩn danh tương đối. Việc sử dụng tiền điện tử liên quan đến các yếu tố khác chẳng hạn như “nhà giao dịch tiền điện tử”, “người trộn tiền điện tử”, “người trao đổi tiền điện tử” và “sàn giao dịch tiền điện tử”... Nếu các nhà hoạch định chính sách và thực thi pháp luật trên toàn cầu chưa bổ sung các quy định điều chỉnh quan hệ này thì việc điều tra, xử lý sẽ gặp phải nhiều thách thức.

- Sử dụng công nghệ trong thực hiện hành vi đưa người di cư trái phép trước khi thực hiện hành vi phạm tội MBN

+ Theo số liệu của Ủy ban Châu Âu, năm 2016, “việc sử dụng mạng xã hội để thực hiện việc đưa người di cư trái phép đã tăng trưởng theo cấp số nhân trong những năm gần đây”. Năm 2016, 10 quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu (EU) đã xác nhận mạng xã hội được sử dụng để quảng cáo các dịch vụ đưa người di cư trái phép, cung cấp thông tin về các tuyến đường di cư và tạo điều kiện giao tiếp giữa những đối tượng thực hiện hành vi đưa người di cư trái phép và các nạn nhân. Năm 2017, Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tị nạn (UNHCR) đã công

bố nghiên cứu về việc sử dụng mạng xã hội của người nói tiếng Ả Rập, cũng như người tị nạn và di cư Afghanistan. Các nhà nghiên cứu đã theo dõi hàng trăm trang Facebook trong khoảng thời gian 10 tháng, ghi lại dữ liệu định tính về trao đổi thông tin giữa những người di cư, lời đề nghị của những kẻ tổ chức đưa người di cư trái phép - đối tượng rất dễ trở thành nạn nhân của tội phạm MBN và trên thực tế đã có nhiều người di cư trái phép trở thành nạn nhân của tội phạm MBN.

+ Đối với việc quảng cáo đưa người di cư trái phép, các đối tượng phạm tội có thể chọn tiếp thị dịch vụ của họ trực tuyến thông qua các trang mạng xã hội và quảng cáo “truyền miệng” giữa người di cư hay những đối tượng tổ chức sử dụng điện thoại thông minh. Những đối tượng phạm tội quảng cáo dịch vụ trên Facebook giống như “bất kỳ công ty du lịch hợp pháp nào”. Nghiên cứu của UNHCR năm 2017 cho thấy, có hàng trăm trang Facebook cung cấp cả dịch vụ hợp pháp và bất hợp pháp với đầy đủ thông tin liên lạc. Công nghệ giúp các đối tượng phạm tội tiếp cận nạn nhân trong phạm vi cộng đồng rộng lớn hơn mà không nhất thiết các đối tượng này phải có sự hiện diện thực tế. Sau khi những người di cư tự mình di chuyển ra nước ngoài, các đối tượng MBN tiếp tục thực hiện các công đoạn phạm tội khác như cách truyền thống.

+ Điện thoại thông minh, email, nền tảng mạng xã hội và ứng dụng được những đối tượng phạm tội sử dụng để liên lạc với người di cư và cho phép chúng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho quá trình đưa người qua biên giới, phản ứng, đối phó với các cơ quan chức năng dễ hơn. Thậm chí, những đối tượng đưa người di cư trái phép không phải đi cùng những người di cư qua lại giữa các biên giới. Giao

tiếp điện tử cũng cho phép những người di cư trái phép (và những người chuẩn bị di cư trái phép) biết được các thông tin của những kẻ tổ chức thông qua các trang mạng xã hội trực tuyến, mức độ an toàn của tuyến đường sẽ được sử dụng, mong muốn của quốc gia đến và tình hình kiểm soát biên giới.

+ Bên cạnh việc thanh toán bằng tiền mặt thông qua sử dụng người bảo lãnh là bên thứ ba (thành viên gia đình) thì phương thức thanh toán còn có thể được thực hiện bằng trả góp trên các hệ thống thanh toán trực tuyến. Tiền điện tử có thể giúp những đối tượng phạm tội và các nhóm tội phạm có tổ chức dễ dàng nhận việc thanh toán, cất giấu và chuyển tiền, hỗ trợ rửa tiền hay chuyển tiền qua biên giới quốc gia mà tránh bị chính quyền điều tra và bắt giữ bởi tiền điện tử có tính năng ẩn danh; mặt khác, giúp người di cư không cần thiết phải mang theo số lượng lớn tiền mặt.

+ Những đối tượng tổ chức đưa người di cư trái phép và người di cư cũng có thể sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để cung cấp, trao đổi thông tin khi tội phạm được chuẩn bị thực hiện. Ví dụ: Xác định các loại dịch vụ được cung cấp, thời gian, ngày tháng và giá cả của dịch vụ, nghiên cứu biên giới nào có tình hình an ninh lỏng lẻo/nghiêm ngặt hơn và thời gian đến trong ngày để thu hút ít sự chú ý nhất...

+ Công nghệ trong chừng mực nhất định làm mờ ranh giới giữa người nhập cư trái phép và đối tượng tổ chức di cư trái phép.

2. Việc sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông để phòng ngừa và phát hiện, xử lý tội phạm mua bán người

- Những tiến bộ trong công nghệ, đặc biệt là công nghệ truyền thông thông tin

nhờ điện thoại thông minh và Internet đã được các đối tượng phạm tội MBN tận dụng triệt để, tạo ra rào cản, khó khăn, thách thức trong việc phát hiện và điều tra. Tuy nhiên, sự phát triển này cũng góp phần không nhỏ trong việc giúp các cơ quan tố tụng khai thác tính năng, tác dụng nhằm ngăn chặn, phát hiện tội phạm MBN như:

+ Công nghệ ngày càng được ứng dụng, triển khai mạnh mẽ trong việc giúp quản lý đường biên giới, cửa khẩu tại các khu vực biên giới. Hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan tố tụng phát hiện những đối tượng di chuyển trái phép qua biên giới, hơn nữa giúp ghi lại, lưu trữ, phân tích và trao đổi thông tin liên quan đến các nạn nhân bị mua bán.

+ Các dữ liệu điện tử cung cấp các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội như sự biến động tài khoản ngân hàng, dữ liệu trong điện thoại, hình ảnh, âm thanh lưu trữ được trong các thiết bị kỹ thuật số. Những thông tin khác có được trên mạng xã hội như hình ảnh, video, địa chỉ liên hệ, vị trí và thông tin khác, lịch sử trình duyệt trên máy tính cá nhân và địa chỉ IP là nguồn chứng cứ rất quan trọng.

+ Các lực lượng chức năng có thể tạo các bẫy tội phạm có tổ chức hoạt động trực tuyến và có thể cho phép thu thập bằng chứng kỹ thuật số như một phần của cuộc điều tra. Trở ngại chính đối với các cuộc điều tra là áp lực về thời gian tiến hành điều tra phải nhanh chóng, kịp thời nên công nghệ có thể được tận dụng giúp giảm thời gian xác định đối tượng phạm tội và nạn nhân. Ví dụ, chatbot có thể được sử dụng để tham gia vào các cuộc trò chuyện với hàng nghìn kẻ lạm dụng trực tuyến cùng một lúc.

+ Dữ liệu GPS có thể được sử dụng để theo dõi vị trí và lịch sử thiết bị phục vụ hoạt động điều tra.

+ Các tổ chức chống MBN sử dụng các nền tảng truyền thông xã hội, ví dụ như Facebook và Twitter để truyền đạt thông tin về tội phạm MBN, đăng thông tin hoặc liên kết với các tổ chức khác có mục tiêu tương tự, tạo cơ hội cho mọi người dân trong xã hội tham gia vào các chiến dịch phòng ngừa và chống MBN. Các tổ chức này cũng sử dụng các nền tảng chia sẻ video (chẳng hạn như YouTube) để giáo dục người dân về tội phạm MBN. Ví dụ: Dự án Polaris - một tổ chức phi chính phủ hoạt động để chống lại và ngăn chặn nạn MBN - sử dụng các nền tảng chia sẻ video và truyền thông xã hội để nâng cao nhận thức, đồng thời ra mắt dịch vụ nhắn tin (BeFree) hoạt động 24/7 để hỗ trợ nạn nhân của tội phạm MBN được giải cứu và sống sót.

+ Cơ chế thông tin cho nhân chứng và nạn nhân qua điện thoại hoặc Internet đã được thiết lập để giúp đỡ những người từ nước ngoài đến làm việc ở nước khác hiểu được mình có đang thuộc dạng đối tượng bị bóc lột hay không.

+ Các biện pháp điều tra sử dụng mạng thông tin, truyền thông giúp xác định vị trí của các đối tượng phạm tội và nạn nhân. Ví dụ: Bahrain đã phát thẻ SIM cho người lao động khi đến nước này nhằm giúp người lao động có thể sử dụng tin nhắn văn bản để liên hệ với cơ quan quản lý ngay lập tức nếu có vấn đề liên quan đến lao động của họ. Những cách tiếp cận như vậy cũng cho phép Nhà nước theo dõi người di cư.

+ Thông qua mạng viễn thông giúp cho các cơ quan chức năng thu thập được các dữ liệu hỗ trợ việc phát hiện, điều tra

và truy tố các đối tượng phạm tội, đồng thời có thể hỗ trợ và dự đoán các hình thức tội phạm cũng như dự đoán các hoạt động với mục đích phòng, chống tội phạm. Dữ liệu được thu thập có thể giúp tăng cường hợp tác điều tra ở cấp quốc gia và đa quốc gia. Khi có sự chia sẻ dữ liệu, hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật của các nước thì hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm MBN sẽ được nâng cao.

3. Một số kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm mua bán người có sử dụng công nghệ thông tin để phạm tội

Để nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm MBN có sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông như một công cụ, phương tiện khi thực hiện tội phạm, chúng tôi cho rằng cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Các quốc gia trên thế giới và khu vực cần tăng cường phối hợp trong thực hiện các Hiệp ước đa phương, song phương về đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm MBN, tội phạm mạng và tội phạm công nghệ cao.

- Các cơ quan chức năng Việt Nam tiếp tục có các biện pháp nhằm tuyên truyền, tổ chức thực thi một cách có hiệu quả Luật công nghệ thông tin năm 2006, Luật công nghệ cao năm 2008, Luật an toàn thông tin mạng năm 2015 và Luật an ninh mạng năm 2018 gắn với việc tuyên truyền, tổ chức thực hiện Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

- Hoàn thiện các quy định pháp lý liên quan khác đến quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử từ các thiết bị điện tử, phương tiện điện tử, phần mềm... để đảm bảo tính liên quan, khách quan, hợp pháp của chứng cứ điện tử trong những trường

hợp dữ liệu điện tử được khôi phục sau khi bị xóa; phát hiện, bảo quản, sao lưu dữ liệu điện tử trước khi đưa đi giám định; thu giữ các dữ liệu điện tử đang truyền trong không gian mạng...

- Xây dựng cơ chế phối hợp và cung cấp thông tin giữa các công ty hoạt động trong lĩnh vực thông tin truyền thông không đặt trụ sở chính trên lãnh thổ quốc gia như Facebook, Microsoft, Instagram, Google... với các cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan tố tụng nhằm ngăn chặn, phát hiện, xử lý các hành vi sử dụng mạng máy tính, công nghệ thông tin truyền thông để phạm tội MBN.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia trong các cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan tố tụng có khả năng sử dụng những tiến bộ của công nghệ thông tin, truyền thông để phòng ngừa, phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm có sử dụng công nghệ cao nói chung và tội phạm MBN có sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông nói riêng.

- Trang bị cơ sở vật chất cho các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có các phương tiện điện tử, thiết bị điện tử, phần mềm uy tín để hỗ trợ việc tìm kiếm, phát hiện, ghi nhận, thu thập, bảo quản, củng cố, đánh giá, sử dụng các dữ liệu điện tử, chứng cứ điện tử trong giải quyết vụ án hình sự. Củng cố chứng cứ khai thác từ các nguồn chứng cứ khác thông qua nguồn dữ liệu điện tử và ngược lại.

- Đầu tư nguồn lực, đào tạo lực lượng trong các cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để có khả năng phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm MBN gắn với các thủ đoạn phạm tội mới trong tương lai có thể xuất hiện như:

+ Tội phạm MBN có sử dụng trí tuệ nhân tạo để tìm kiếm bị hại, thực hiện tuyển mộ, tiếp nhận, chuyển giao và trốn tránh trách nhiệm hình sự cá nhân;

+ Các đối tượng phạm tội MBN có sử dụng trợ lý là các cá nhân ảo để thực hiện hành vi phạm tội và che giấu tội phạm;

+ Đối tượng MBN sử dụng các công cụ như robot, máy bay không người lái và phương tiện tự vận hành trong việc giám sát người lao động; đồng thời cản trở, trốn tránh việc bị các cơ quan thực thi pháp luật phát hiện, bắt giữ;

+ Khi các nền tảng và cấu trúc bảo mật ngày càng trở nên tinh vi, một tổ chức tội phạm có thể núp bóng hoạt động kinh doanh hợp pháp và khiến các cơ quan chức năng rất khó phát hiện;

+ Môi trường bóc lột trực tuyến có thể tạo ra những phương thức, thủ đoạn phạm tội mới đối với các tổ chức tội phạm, cũng như những hình thức phạm tội có tổ chức mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Bộ công an về “Tình hình thực hiện pháp luật về phòng chống mua bán người giai đoạn 2012-2017”;
2. Báo cáo của Ban chỉ đạo 138/CP năm 2019;
3. Nguyễn Đức Hạnh (2020), “Khai thác chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử phục vụ việc buộc tội, tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa”, Tạp chí Kiểm sát, số 2/2021, tr.42-50;
4. Ryan Kunz, Meredith Baughman, Rebecca Yarnell and Celia Williamson (2018), *Social Media and Sex Trafficking Responses*, University of Toledo;
5. UNODC (2020). *Modul 14: Link between Cybercrime, Trafficking in Persons and Smuggling of Migrants*, University Modul Series Cybercrime, E4J.

VAI TRÒ CỦA GIÁM ĐỊNH DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG ĐIỀU TRA ÁN MUA BÁN NGƯỜI

NGÔ MINH DŨNG*

Bài viết phân tích vai trò của hoạt động giám định dữ liệu điện tử và những khó khăn khi thu giữ dữ liệu điện tử, từ đó kiến nghị cách thức thu giữ dữ liệu điện tử nhằm nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mua bán người nói riêng và tội phạm nói chung.

Từ khóa: Dữ liệu điện tử, giám định dữ liệu điện tử, tội phạm mua bán người.

Ngày nhận bài: 14/6/2021; Biên tập xong: 18/6/2021; Duyệt đăng: 22/6/2021

This article analyzes the role of electronic data examination, the difficulties in the collection of electronic data, and proposes ways to collect online data to improve the efficiency of investigating and prosecuting human trafficking cases and in prevention of other crimes in general.

Keywords: Electronic data, electronic data examination, human trafficking crimes.

Trong điều tra các vụ án mua bán người, Điều tra viên thường phải đối diện với các trường hợp bằng chứng, lời khai không chính xác từ bị can, bị hại, nhân chứng, thậm chí phải đối diện với các bằng chứng bị sửa đổi bởi nhiều lý do khác nhau. Để kiểm chứng các bằng chứng, lời khai này có chính xác không, Điều tra viên phải chủ động yêu cầu hoặc trực tiếp thu thập các chứng cứ từ các nguồn khác và đánh giá tính hợp pháp của chúng. Trong số các nguồn thu thập chứng cứ hiện nay, phổ biến là thu thập các chứng cứ là dữ liệu điện tử trong các phương tiện thông tin điện tử của nạn nhân, bị can, nhân chứng nhằm xác minh tính chân thực của các lời khai hay mối quan hệ giữa các đối tượng. Ngoài ra, một nguồn thu thập chứng cứ dữ liệu điện tử khác là các thông tin âm thanh, hình ảnh, video lưu tại các địa điểm mà bị can, bị hại từng có mặt, hay thông tin chuyển tiền mua bán giữa các đối tượng.

Công tác giám định dữ liệu điện tử có nhiệm vụ là phân tích dữ liệu điện tử thu thập được nhằm tìm ra các chứng cứ chứng minh hành vi mua bán người phục vụ quá trình điều tra và xét xử tội phạm. Thực tế,

dữ liệu điện tử là một nguồn chứng cứ mới nên công tác thu thập, trưng cầu giám định dữ liệu điện tử còn gặp không ít khó khăn đối với nhiều cán bộ điều tra.

Khoản 3 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 quy định: “*Khi nhận được quyết định trưng cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thực hiện phục hồi, tìm kiếm, giám định dữ liệu điện tử*”. Như vậy, việc phục hồi, tìm kiếm thông tin từ các thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính thu giữ được thực hiện trước khi tiến hành giám định dữ liệu điện tử.

Thực tế hoạt động giám định cho thấy, việc khôi phục, tìm kiếm, trích xuất thông tin từ các thiết bị điện tử thu giữ là chức năng, nhiệm vụ của cơ quan giám định. Điều này xuất phát từ thực tế là nhiều Cơ quan điều tra không đủ năng lực kỹ thuật cũng như không được trang bị máy móc, công cụ phần mềm cần thiết để thực hiện khôi phục, trích xuất dữ liệu từ các thiết bị điện tử được thu giữ. Ngoài ra, để đảm bảo tính khách quan của chứng cứ, các cơ quan

* Đại tá, Tiến sĩ, Nguyên Trưởng phòng 6, Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an

tổ tụng chỉ trung cầu cơ quan giám định thực hiện khôi phục, trích xuất dữ liệu từ các thiết bị điện tử được giao nộp. Hiện một số Cơ quan điều tra đã đủ nhân lực cũng như được trang bị các công cụ kỹ thuật cần thiết để tiến hành khôi phục, trích xuất dữ liệu từ các thiết bị điện tử ngay khi thu giữ để kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, Viện kiểm sát với chức năng giám sát các hoạt động điều tra vẫn thường yêu cầu cơ quan giám định thực hiện lại toàn bộ quá trình khôi phục, trích xuất dữ liệu này để chứng minh tính khách quan khi thu thập dữ liệu. Do vậy, rất nhiều trung cầu giám định yêu cầu khôi phục, tìm kiếm, trích xuất dữ liệu điện tử với nhiều mẫu điện thoại, máy tính thu giữ được trong các vụ án nói chung và các vụ án mua bán người nói riêng được gửi tới cơ quan giám định.

Để khôi phục, trích xuất được dữ liệu từ máy tính, điện thoại di động, cần phải truy cập vào bộ nhớ của thiết bị điện tử này. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp việc truy cập vào bộ nhớ của thiết bị gặp khó khăn do các hệ thống bảo mật, mã hóa hiện đang trở nên phổ biến đối với các thiết bị điện tử thông thường. Việc giải mã các mật khẩu trở nên khó khăn hơn do các thiết bị ngày càng có cấu hình mạnh hơn nên được tăng cường khả năng bảo mật bằng các thuật toán mã hóa có độ phức tạp cao. Đây là thách thức lớn nhất cho công tác khôi phục, trích xuất dữ liệu. Để cố gắng không phải giải mã mật khẩu, khi thu giữ thiết bị điện tử có khả năng đặt mật khẩu như điện thoại di động, máy tính bảng thì tuyệt đối không cho phép tắt máy và nhanh chóng chuyển về chế độ máy bay hoặc cho vào túi cách ly “điện trường” để tránh bị truy cập từ xa xóa mất dữ liệu.

Hiện nay, công nghệ điện toán đám mây đang rất phổ biến, dữ liệu điện tử của mỗi cá nhân giờ không chỉ có trong các thiết bị điện tử như điện thoại hay máy tính mà

còn có trên các máy chủ mạng và thường được quản lý thông qua các tài khoản người dùng của các ứng dụng trên nền tảng Internet. Việc khôi phục, trích xuất dữ liệu điện tử do vậy không chỉ từ thiết bị điện tử cá nhân mà cả trên các máy chủ mạng và thực tế rất khó thành công. Rất nhiều trường hợp dữ liệu của các tài khoản cá nhân lưu trên các máy chủ mạng đã bị xóa, bị ghi đè lên trước khi thực hiện giám định tìm kiếm, trích xuất dữ liệu mặc dù khi kiểm tra, bắt giữ, dữ liệu của tài khoản đó vẫn còn. Thậm chí, nhiều thiết bị điện tử cá nhân như máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại di động cũng bị xóa dữ liệu không thể khôi phục khi thu giữ nhưng không ngắt kết nối mạng ngay. Nguyên nhân là do trước đó tài khoản người dùng hoặc do tài khoản admin (người quản trị) đã truy cập và xóa từ thiết bị khác.

Để khắc phục hiện tượng này, cách tốt nhất là sao chép các tệp dữ liệu từ tài khoản người dùng đang được kiểm tra ngay khi phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật ra các phương tiện lưu trữ ngoài. Theo khoản 2 Điều 99, khoản 1 Điều 107 và khoản 1 Điều 196 BLTTHS năm 2015, việc thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử do người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện và trường hợp không thể thu giữ được thì phải sao lưu vào phương tiện lưu trữ và thu giữ như đối với vật chứng. Trường hợp không thể sao lưu tệp dữ liệu (thường do không thể tải tệp dữ liệu từ đám mây điện toán về máy đang kiểm tra) thì có thể sao lưu màn hình nội dung hiển thị dữ liệu ngay khi kiểm tra phát hiện thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật của tài khoản người dùng đó. Các tệp ảnh lưu hình ảnh dữ liệu hiển thị trên màn hình hoàn toàn có giá trị như nội dung dữ liệu điện tử vì suy cho cùng, muốn hiểu được nội dung của dữ liệu điện tử cũng phải hiển thị thành dạng hiểu được và nhìn thấy được trên màn hình và các tệp

ảnh màn hình này cũng được lập biên bản và thu giữ như đối với vật chứng.

Vai trò thứ hai là giám định xác thực dữ liệu điện tử. Hoạt động thực tiễn cho thấy, các cơ quan tố tụng đặc biệt chú trọng đến tính pháp lý của dữ liệu điện tử thu giữ được. Điều này thể hiện ở một trong những vấn đề được các cơ quan tố tụng quan tâm đầu tiên khi trưng cầu giám định dữ liệu điện tử, đó là dữ liệu điện tử thu giữ có đảm bảo nguyên vẹn như khi chúng được khởi tạo hay không. Về cơ sở pháp lý, khoản 3 Điều 99 BLTTHS năm 2015 xác định rõ dữ liệu điện tử thu giữ chỉ có giá trị pháp lý khi bảo đảm được tính toàn vẹn của chúng. Phân tích, tìm kiếm, đánh giá các dấu hiệu có khả năng là kết quả của việc chỉnh sửa dữ liệu điện tử chính là công tác giám định xác thực tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử.

Để xác thực tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử từ khi chúng được khởi tạo, cần làm rõ khái niệm khởi tạo của dữ liệu điện tử.

Về cơ sở khoa học, do dữ liệu điện tử được tổ chức lưu giữ trong các phương tiện điện tử dưới dạng các tệp (tập) tin dữ liệu nên việc khởi tạo dữ liệu thường được hiểu là việc khởi tạo tệp dữ liệu lưu giữ dữ liệu điện tử. Do vậy, rất nhiều trưng cầu giám định yêu cầu xác định thời gian, cách thức khởi tạo tệp dữ liệu cần giám định. Tuy nhiên, thuộc tính thời gian khởi tạo tệp dữ liệu phụ thuộc vào hệ điều hành của hệ thống và hoàn toàn có thể chỉnh sửa được bằng các phần mềm chuyên dụng nên sử dụng thời gian khởi tạo tệp dữ liệu làm thời gian khởi tạo dữ liệu sẽ không chính xác.

Một cách tiếp cận khác, có thể hiểu dữ liệu điện tử lưu các thông tin về hoạt động vi phạm pháp luật được khởi tạo trong không gian số (được thiết bị số ghi nhận) ngay tại thời điểm hành vi vi phạm pháp luật được thực hiện. Khi đó, tùy thuộc vào phần mềm của hệ thống ghi nhận mà việc khởi tạo tệp dữ liệu lưu thông tin về hành

vi phạm được thực hiện theo những cách thức khác nhau, có thể ngay khi tạo ra như tệp dữ liệu nhật ký (file log) hoặc tạo tệp dữ liệu khi người khởi tạo thực hiện lệnh sao chép. Dù bằng cách nào thì dữ liệu điện tử lưu các thông tin về hoạt động vi phạm pháp luật từ thời điểm khởi tạo đến khi được ghi nhận dưới dạng tệp dữ liệu là không đổi trong bộ nhớ của thiết bị điện tử ghi nhận. Vấn đề chỉnh sửa tệp dữ liệu nếu có thì sẽ chỉ xảy ra từ thời điểm sao lưu vào phương tiện lưu trữ để thu giữ đến khi đưa ra trước tòa như là vật chứng để chứng minh hành vi vi phạm pháp luật.

Để chứng minh cho quá trình từ thời điểm sao lưu tệp dữ liệu vào phương tiện lưu trữ đến khi đưa ra trước tòa, dữ liệu điện tử vẫn đảm bảo tính toàn vẹn thì ngay trước khi thực hiện sao lưu, cần gán cho tệp dữ liệu đó một giá trị duy nhất sao cho bất kỳ sự thay đổi nào dù nhỏ nhất đối với tệp dữ liệu thì giá trị duy nhất đó cũng sẽ bị thay đổi. Trong công nghệ thông tin, thực hiện một hàm băm (ví dụ MD5) trên một tệp dữ liệu sẽ tạo ra một chuỗi ký tự có độ dài cố định và duy nhất cho tệp dữ liệu đó. Vì vậy, chuỗi ký tự này có thể được sử dụng để kiểm tra tính nguyên vẹn của một tệp dữ liệu vì chỉ một thay đổi bất kỳ trong nội dung dữ liệu lưu trong tệp sẽ làm thay đổi giá trị chuỗi ký tự này. Đây là phương pháp xác thực tính nguyên vẹn của dữ liệu đáng tin cậy và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới.

Như vậy, để chứng minh tính nguyên vẹn của dữ liệu điện tử từ khi được khởi tạo đến khi được sử dụng làm chứng cứ trước tòa, cần thực hiện tạo giá trị một hàm băm cho tệp dữ liệu ngay trước khi sao chép vào phương tiện lưu trữ để thu giữ như là vật chứng. Khi đó, giá trị hàm băm luôn được đính kèm tệp dữ liệu cũng như trong các biên bản giao nhận như một sự đảm bảo tính nguyên vẹn của tệp dữ liệu đó. Trường hợp dữ liệu điện tử được giao

nộp dưới dạng các tệp dữ liệu lưu trong các phương tiện lưu trữ thì trước khi nhận, cán bộ điều tra cần kiểm tra ngay giá trị hàm băm của tệp đó có đúng không. Nếu chưa có thì phải tạo giá trị hàm băm và được giao nhận như một phần đính kèm không thể thiếu của tệp dữ liệu đó. Tuy nhiên, lúc này giá trị hàm băm chỉ có tác dụng xác định tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử kể từ thời điểm giao nhận, còn trước đó vẫn cần phải thực hiện giám định xác thực sự toàn vẹn dữ liệu được giao nộp.

Vai trò thứ ba là phân tích dữ liệu điện tử. Giám định phân tích dữ liệu điện tử theo các yêu cầu của Cơ quan điều tra nhằm chỉ ra chứng cứ, chứng minh có hay không có hành vi vi phạm pháp luật, đó cũng là chức năng, nhiệm vụ của cơ quan giám định.

Với việc camera an ninh ngày càng trở nên phổ biến, nhiều hoạt động do việc mua bán người mang lại như cưỡng bức lao động, bóc lột sức lao động, mại dâm,... đã bị camera ghi hình, ghi âm. Khi đó, nhiều yêu cầu giám định liên quan đến dữ liệu video như yêu cầu làm nét hình ảnh để xác định rõ đặc điểm của đối tượng xuất hiện trong video, mô tả nội dung video hay nhận dạng hình ảnh người... được gửi đến trung tâm giám định. Quá trình thực hiện giám định loại hình này không phải lúc nào cũng tiến hành được do chất lượng hình ảnh thu được nhiều khi không được tốt do thiếu sáng hoặc ghi hình ở khoảng cách quá xa... Ngoài ra, việc thu mẫu so sánh hình ảnh khuôn mặt không phải lúc nào cũng phù hợp với mẫu giám định để làm nổi lên đặc điểm đặc trưng của hình ảnh mặt người so sánh, dẫn đến quá trình giám định gặp nhiều khó khăn và một số trường hợp không thể ra được kết luận giám định. Kinh nghiệm cho thấy, việc thu mẫu hình ảnh so sánh càng giống với các điều kiện ghi hình thì khả năng nhận dạng chính xác càng cao.

Trong các vụ án về mua bán người, nhiều trường hợp thu được các đoạn ghi âm có thể do các đối tượng ghi âm lại khi trao đổi với nhau. Cơ quan điều tra khi trưng cầu giám định các tệp ghi âm này, ngoài yêu cầu giám định xác thực thì thường đặt ra 02 câu hỏi: Người nói trong tệp ghi âm này là ai và nói nội dung gì? Để trả lời câu hỏi ai nói cần phải có mẫu giọng nói so sánh. Việc thu mẫu giọng nói của những người nghi vấn cần tuân thủ theo đúng quy định của quy trình giám định âm thanh người nói. Nhiều trường hợp do cán bộ điều tra không tuân thủ đúng quy định về thu mẫu tiếng nói so sánh nên việc giám định nhận dạng người nói không thể tiến hành được, phải thu lại mẫu so sánh và trong nhiều trường hợp không thu lại được, gây khó khăn cho quá trình điều tra vụ án. Do vậy, với các vụ án liên quan đến giám định âm thanh, tiếng nói, cán bộ điều tra cần thực hiện đúng quy định thu mẫu tiếng nói so sánh hoặc liên hệ với giám định viên âm thanh nhờ tư vấn trước khi tiến hành thu mẫu so sánh. Việc chuyển nội dung ghi âm thành văn bản cũng gặp không ít khó khăn về thời gian giám định do trong nhiều vụ án, thời lượng ghi âm lớn và chất lượng ghi âm kém.

Tóm lại, với sự phổ biến của các thiết bị điện tử viễn thông cũng như mạng Internet trong mọi mặt hoạt động đời sống xã hội, chứng cứ là dữ liệu điện tử thu được ngày càng nhiều trong các vụ án về mua bán người. Công tác giám định dữ liệu điện tử vì thế đóng vai trò ngày càng lớn trong việc chứng minh hành vi phạm tội bằng những chứng cứ điện tử. Do đây là loại chứng cứ mới nên cần thiết phải hoàn thiện các quy định pháp lý khi điều tra, xét xử các vụ án có liên quan đến dữ liệu điện tử như sớm ban hành các quy định về thu giữ dữ liệu điện tử hay các quy trình giám định pháp lý liên quan. Cán bộ điều tra cũng cần thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về lĩnh vực này để có thể đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đặt ra./.

NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, HẠN CHẾ VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT KHẮC PHỤC TRONG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA, TRUY TỐ CÁC TỘI DANH VỀ MUA BÁN NGƯỜI VÀ MỘT SỐ TỘI DANH CÓ LIÊN QUAN: CƯỠNG BỨC LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

MAI ĐẮC BIÊN*

Kiểm sát viên Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong các vụ án mua bán người và một số tội danh có liên quan nhằm bảo đảm việc truy tố, buộc tội đúng quy định của pháp luật. Bài viết trình bày những khó khăn vướng mắc của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong các vụ án mua bán người và một số tội danh có liên quan; đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng công tác này, góp phần hoàn thành xuất sắc chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát nhân dân.

Từ khóa: Mua bán người; tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại; cưỡng bức lao động.

Ngày nhận bài: 06/7/2021, Biên tập xong: 06/7/2021, Duyệt đăng: 06/7/2021

Prosecutors exercise their rights in the judicial activities of human trafficking cases to ensure the prosecution and accusation of crimes in accordance with law. This article presents the difficulties and challenges faced by Prosecutors when exercising their rights in human trafficking cases and also proposes recommendations to improve the quality of this work, to fulfil the functions and tasks of the People's Procuracy.

Keywords: Human trafficking, organization of surrogacy for commercial purposes, forced labor.

1. Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra, truy tố các tội danh về mua bán người và một số tội danh có liên quan: Cưỡng bức lao động, Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại

1.1. Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế

Theo quy định của Bộ luật hình sự (BLHS) Việt Nam năm 2015, các tội phạm về mua bán người gồm: Tội mua bán người (Điều 150); Tội mua bán người dưới 16 tuổi¹ (Điều 151); Tội đánh tráo người dưới 16 tuổi (Điều 152); Tội chiếm

đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153); Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154). Một số tội danh có liên quan là Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại (Điều 187); Tội cưỡng bức lao động (Điều 297). Khách thể của tội phạm trong nhóm tội này là quyền được bảo hộ về tự do, an toàn thân thể, danh dự, nhân phẩm của con người². Hành vi khách quan của tội phạm bao gồm nhiều loại hành vi xâm hại tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của

^{*} Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

² Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thị Như Huyền, Bàn về tội mua bán người trong Bộ luật hình sự năm 2015, Tạp chí Kiểm sát số 06 (tháng 3/2019), tr. 41-47.

¹ Theo quy định tại Điều 1 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em là người dưới 16 tuổi.

con người như: Dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác để mua, bán người, chiếm đoạt người hoặc mua, bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người; cưỡng bức lao động, tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại. Mặt chủ quan của tội phạm là người phạm tội với lỗi cố ý: Người phạm tội nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả và mong muốn cho hậu quả xảy ra. Chủ thể của tội phạm là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (người từ đủ 14 tuổi trở lên), có năng lực trách nhiệm hình sự. Đối với tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154 BLHS năm 2015) thì chủ thể phải là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự thuộc về Cơ quan điều tra³, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra⁴ (sau đây gọi chung là Cơ quan điều tra). Cơ quan điều tra có nhiệm vụ, quyền hạn cũng như trách nhiệm phát hiện kịp thời mọi tội phạm, hành vi phạm tội, khởi tố vụ án, thực hiện mọi biện pháp điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội. Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, thực

hiện việc truy tố, buộc tội và kiểm sát hoạt động tư pháp của Cơ quan điều tra, Tòa án trong các vụ án hình sự nhằm bảo đảm cho việc điều tra, truy tố và xét xử được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra tình trạng oan sai và bỏ lọt tội phạm.

Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án về mua bán người trong điều tra, truy tố, Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát theo quy định tại các điều 42, 159, 160, 161, 165, 166 BLTTHS năm 2015; Quy chế Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố (*Ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, sau đây gọi tắt là Quy chế Kiểm sát điều tra*); Chỉ thị số 09/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về “Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa”; Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 10/7/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về “Tăng cường các biện pháp phòng chống oan, sai và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự”; Chỉ thị về “Tăng cường trách nhiệm công tố trong giải quyết các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm” (*Ban hành kèm theo Quyết định số 05/CT-VKSTC ngày 27/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao*) và một số văn bản khác.

Khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án về mua bán người trong điều tra, truy tố, Kiểm sát viên kiểm sát việc điều tra của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, cán

³ Theo Điều 134 BLTTHS năm 2015 và Điều 4 Luật tổ chức Cơ quan điều tra năm 2015, Cơ quan điều tra gồm: 1. Cơ quan Điều tra của Công an nhân dân, 2. Cơ quan Điều tra trong Quân đội nhân dân, 3. Cơ quan Điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

⁴ Theo Điều 145 BLTTHS năm 2015, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm: a) Các cơ quan của Bộ đội biên phòng; b) Các cơ quan của Hải quân; c) Các cơ quan của Kiểm lâm; d) Các cơ quan của lực lượng Cảnh sát biển; đ) Các cơ quan của Kiểm ngư; e) Các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; g) Các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

bộ điều tra; nghiên cứu hồ sơ vụ án để kiểm tra, xác định tính có căn cứ, tính hợp pháp của các lệnh, quyết định, hoạt động của Cơ quan điều tra; đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh, yêu cầu điều tra; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án, kiểm sát, Kiểm sát viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc thay đổi, hủy bỏ các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra; xử lý mọi vi phạm pháp luật trong điều tra, truy tố các vụ án về mua bán người. Trong giai đoạn truy tố, Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ, đánh giá kết quả điều tra, trên cơ sở đó báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, bị can; trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung và một số quyết định khác để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Mục đích của thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án về mua bán người trong điều tra, truy tố nhằm nhanh chóng phát hiện, xử lý kịp thời mọi tội phạm, người phạm tội, bảo đảm việc khởi tố, điều tra, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Trong những năm gần đây, mặc dù đã được kiểm soát nhưng tình hình tội phạm mua bán người vẫn còn diễn biến phức tạp, gia tăng về mức độ với những phương thức, thủ đoạn hết sức tinh vi, xảo quyệt, có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đối tượng ở trong nước với đối tượng ở nước ngoài. Ngoài ra, các đối tượng thực hiện tội phạm này còn hình thành các đường dây mua bán người từ Việt Nam sang các nước trong khu vực như Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Đài

Loan... với mục đích chính là bán vào các ổ mại dâm và cưỡng bức lao động. Từ 01/12/2016 đến 30/5/2020, toàn quốc đã phát hiện, khởi tố, điều tra tổng số 432 vụ/724 bị can về Tội mua bán người. Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã quyết định truy tố tổng số 369 vụ/643 bị can về Tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi; đã thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm 387 vụ/648 bị cáo về Tội mua bán người (trong đó có các vụ án tồn từ năm 2015)⁵.

Trong những năm qua, Kiểm sát viên đã thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về mua bán người, góp phần tích cực vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, thực tiễn công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc điều tra, truy tố các vụ án về mua bán người và một số tội có liên quan như Tội cưỡng bức lao động, Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại cho thấy còn có những khó khăn, vướng mắc sau đây:

Thứ nhất, khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc phát hiện, khởi tố, điều tra đối với các tội về mua bán người, cưỡng bức lao động, tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại

Các vụ án về mua bán người, cưỡng bức lao động, tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại chủ yếu thuộc loại tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng nên người phạm tội

⁵ Lê Minh Long, *Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các vụ án mua bán người*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát số Chuyên đề 02/2020; tr.96-100.

trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội đều có những thủ đoạn rất tinh vi, nguy hiểm để che giấu tội phạm, xóa dấu vết. Có thể kể đến như hành vi dụ dỗ, mua chuộc, cưỡng ép bị hại, cha mẹ bị hại; lựa chọn địa điểm là những nơi vắng người, thời gian phạm tội là thời điểm vắng người qua lại, trong đêm tối, mưa bão, vùng biên giới để chuyển giao người bị hại; trong bệnh viện, trạm y tế để đánh tráo người dưới 01 tuổi, chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; lừa dối đưa ra mức lương cao để đưa người lao động đến nơi xa xôi, vắng vẻ, ra nước ngoài để cưỡng bức lao động; tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại...

Việc phát hiện tội phạm gặp khó khăn vì khi chuẩn bị phạm tội, người phạm tội có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ các công cụ, phương tiện phạm tội như hóa trang, đeo khẩu trang, kính đen che mặt, giả tiếng nói địa phương để tránh phát hiện trong khi chuyển giao bị hại, nhất là đưa qua biên giới, đưa vào các cơ sở mua bán dâm, các nơi lao động cưỡng bức. Khi thực hiện các tội phạm như Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người, Tội cưỡng bức lao động, người phạm tội thường dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để đánh đập bị hại; dùng thủ đoạn khác như đánh thuốc mê, chuốc rượu, chất kích thích mạnh khác khiến bị hại không còn tỉnh táo, có khả năng kháng cự và suy sụp về tinh thần hoặc lợi dụng việc chữa bệnh, phẫu thuật để lén lút chiếm đoạt bộ phận cơ thể người. Trong một số trường hợp, người phạm tội còn thực hiện hành vi phạm tội khác trước hành vi chuyển giao bị hại cho người mua, người tiếp nhận như dùng hung khí đánh mạnh vào đầu cho nạn nhân bất tỉnh (có trường

hợp dẫn đến tử vong) sau đó thực hiện việc chuyển giao.

Đối với Tội mua bán người, Tội mua bán người dưới 16 tuổi, Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, Tội cưỡng bức lao động, người phạm tội thường phạm tội dưới dạng đồng phạm có tổ chức, có sự cấu kết chặt chẽ với nhau trong hành động phạm tội, che giấu tội phạm giữa người môi giới, người bán, người mua, người sử dụng lao động với người cung cấp lao động, người thuê và người được thuê để thuê, với cả những tổ chức phạm tội nước ngoài. Hành vi phạm tội được che giấu, ngụy trang, hợp thức hóa dưới dạng hợp đồng cho, nhận con nuôi, làm giấy tờ giả, hợp đồng đi lao động nước ngoài... Sau khi thực hiện hành vi phạm tội như mua bán người dưới 16 tuổi, chiếm đoạt người dưới 16 tuổi và các tội phạm khác, người phạm tội còn có những hành vi không chế để ngăn chặn bị hại hoặc người nhà bị hại tố cáo như dụ dỗ, đe dọa, cho tiền hoặc hứa hẹn đem lại một lợi ích nào đó. Một số trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng như phạm tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi, chiếm đoạt người dưới 16 tuổi, tội chiếm đoạt mô, người phạm tội còn có những hành vi như bỏ trốn ra nước ngoài để che giấu tội phạm, trốn tránh sự trừng phạt. Với những đặc điểm trên, việc phát hiện tội phạm đối với nhóm tội này gặp nhiều khó khăn hơn các tội phạm thông thường khác.

Một đặc điểm gây khó khăn trong việc thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm đối với loại tội phạm này là việc bị hại là người dưới 16 tuổi, có trường hợp chỉ là trẻ sơ sinh nên việc lấy lời khai của bị hại

nhiều khi là không thể hoặc độ tin cậy không cao do bị hại còn ít tuổi nên hoảng sợ, không nhớ. Bị hại ít tuổi nên việc ghi nhớ những đặc điểm của người phạm tội để phục vụ việc tố cáo sau này rất kém, do vậy, khi lấy lời khai của họ cũng rất khó để xác định những đặc điểm của người phạm tội để truy xét, bắt giữ. Một số trường hợp đặc biệt, sau khi bị xâm hại, mua bán, nạn nhân đã rất sợ hãi, suy sụp tinh thần hoặc tự sát, bỏ trốn nên không lấy được lời khai hoặc nội dung lời khai rất lộn xộn, khó xác định sự thật. Đối với Tội cưỡng bức lao động, nhiều trường hợp tội phạm chỉ bị phát hiện sau khi bị cưỡng bức ra nước ngoài lao động đã bỏ trốn về nước tố cáo, hành vi phạm tội đã trải qua một thời gian, người phạm tội đã bỏ trốn nên việc bắt giữ, xử lý rất khó khăn. Đối với Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, thông thường chỉ bị phát hiện khi người được thuê mang thai hộ tố cáo do những mâu thuẫn giữa người thuê và người được thuê mang thai nên tỷ lệ phát hiện, xử lý còn thấp. Trong quá trình xử lý vụ án, hai bên lại tự thỏa thuận được với nhau nên bị hại bãi nại, rút đề nghị khởi tố, không yêu cầu xử lý. Từ những lý do trên nên người phạm tội có thể lợi dụng để chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội.

Thứ hai, khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc xác định tuổi của người bị hại, tuổi của người phạm tội

Một đặc điểm riêng biệt của các tội về mua bán người là trong một số tội, người bị hại phải là người dưới 16 tuổi như Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151), Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152), Tội chiếm đoạt người dưới 16 (Điều 153). Đối với Tội cưỡng bức lao động, người bị

hại là người dưới 16 tuổi là tình tiết định khung tăng nặng. Do vậy, khi giải quyết vụ án hình sự về loại tội này, các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định chính xác tuổi của người bị hại để quyết định việc định tội, định khung, có ý nghĩa trong đường lối giải quyết vụ án sau này.

Trong một số trường hợp, việc xác định tuổi của bị hại có những khó khăn nhất định do không có giấy tờ để xác định tuổi (giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu...). Nguyên nhân có thể là do cha mẹ chưa kịp làm giấy khai sinh, không làm giấy khai sinh, chứng minh nhân dân hoặc bị thất lạc, mất mát hoặc người phạm tội cố tình che giấu. Cũng có trường hợp do bị hại còn nhỏ tuổi nên không nhớ hoặc không biết được những thông tin về nhân thân của mình. Trong những trường hợp trên, cơ quan tiến hành tố tụng gặp rất nhiều khó khăn để xác định tội danh, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, áp dụng điều khoản truy tố. Điều tra viên, Kiểm sát viên cần áp dụng các biện pháp điều tra để xác định tuổi như lấy lời khai của người phạm tội, người bị hại, người thân, thu thập giấy chứng sinh, học bạ, trích lục tàng thư lưu trữ cũng như các giấy tờ tài liệu khác. Trường hợp những biện pháp trên không có kết quả thì phải tiến hành giám định pháp y để xác định tuổi. Tuy nhiên, trong kết luận giám định tuổi, cơ quan giám định chỉ có thể xác định độ tuổi chênh lệch trong thời hạn khoảng 06 tháng chứ không thể đưa ra chính xác độ tuổi (Ví dụ: Người được giám định có độ tuổi từ 15 tuổi 9 tháng đến 16 tuổi 3 tháng). Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì trong trường hợp trên, đối

với người phạm tội thì phải lấy độ tuổi thấp nhất, còn đối với người bị hại thì phải lấy độ tuổi cao nhất để áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, do đó có thể xảy ra việc xử lý không đúng tội. Hơn nữa, việc đưa người bị hại đi giám định đôi khi gặp phải sự phản đối, không hợp tác của họ.

Thứ ba, khó khăn, vướng mắc và hạn chế đối với Kiểm sát viên trong việc đề xuất phê chuẩn, không phê chuẩn, thay đổi, hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra

Sau khi ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các quyết định khác, Cơ quan điều tra chuyển quyết định cùng toàn bộ hồ sơ đến Viện kiểm sát để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các quyết định khác. Trong thời hạn 03 ngày theo quy định của BLTTHS năm 2015, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát phải tiến hành nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các hoạt động tố tụng của Điều tra viên trong việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can để báo cáo Lãnh đạo Viện phê chuẩn hoặc hủy bỏ, thay đổi quyết định khởi tố bị can. Đối với các quyết định khác như lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh gia hạn tạm giữ, tạm giam, lệnh khám xét..., Kiểm sát viên phải kịp thời, nhanh chóng nghiên cứu, đánh giá tính có căn cứ hoặc tính hợp pháp của các quyết định để báo cáo Lãnh đạo Viện quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn, thay đổi, hủy bỏ. Trong thời gian qua, việc phê chuẩn, không phê chuẩn, thay đổi, hủy bỏ các quyết định của Cơ quan điều tra vẫn còn xảy ra một số trường hợp chưa chính xác, chưa kịp thời, còn để xảy ra tình trạng

khởi tố vụ án, khởi tố bị can sau đó phải đình chỉ, khởi tố sai tội danh, bỏ lọt tội phạm.

Thứ tư, khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong việc đề ra yêu cầu điều tra

Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên là đề ra yêu cầu điều tra để yêu cầu Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thực hiện việc điều tra một cách đúng đắn, đầy đủ nhằm làm rõ tội phạm, người phạm tội, các tình tiết khác có liên quan đến giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, không để xảy ra tình trạng khởi tố, điều tra, truy tố oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Yêu cầu điều tra có thể được thực hiện nhiều lần bằng văn bản hoặc bằng lời nói, trong đó Kiểm sát viên yêu cầu những nội dung cụ thể để Điều tra viên thực hiện, tập trung vào việc phát hiện, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội. Điều tra viên có trách nhiệm thực hiện nhanh chóng, đầy đủ yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên trong toàn bộ quá trình điều tra, truy tố.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc đề ra yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên còn nhiều hạn chế như hồ sơ không có bản yêu cầu điều tra hoặc có nhưng nội dung còn chung chung, sơ sài, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu của việc điều tra, chậm đề ra yêu cầu điều tra... Do vậy, Điều tra viên không thực hiện đầy đủ các yêu cầu thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội, vi phạm trình tự thủ tục tố tụng, vi phạm thời hạn điều tra, xâm phạm đến quyền con người của người bị buộc tội, việc điều tra không đúng đắn, vi phạm những quy định khác của pháp luật. Đây cũng chính là một trong các lý do dẫn đến oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm,

làm hồ sơ vụ án phải điều tra kéo dài hoặc phải trả để điều tra bổ sung nhiều lần.

Thứ năm, khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong giai đoạn truy tố của Kiểm sát viên: Còn tình trạng truy tố không đúng tội danh, truy tố quá thời hạn, Tòa án trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần

Kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố⁶, gửi kết luận, quyết định cùng toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát để Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, quyết định việc truy tố. Kiểm sát viên tiếp tục nghiên cứu hồ sơ, xác định, kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp của quyết định khởi tố, đề nghị truy tố để báo cáo đề xuất Lãnh đạo Viện quyết định. Về cơ bản, việc truy tố của Viện kiểm sát được thực hiện đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp truy tố sai tội danh hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục hoặc chứng cứ chứng minh tội phạm còn chưa bảo đảm dẫn đến việc Tòa án trả hồ sơ, yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần.

1.2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc và hạn chế

Những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra, truy tố các tội danh về mua bán người, Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, Tội cưỡng bức lao động có nhiều nguyên nhân được xem xét, đánh giá ở nhiều góc độ, cấp độ khác nhau. Trong đó, có những nguyên nhân cơ bản và chủ yếu sau:

⁶ Trường hợp có căn cứ đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra đối với bị can theo quy định của pháp luật thì Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra.

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự còn nhiều bất cập, chậm sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn, giải thích

Nhiều điều luật của BLHS đã quy định nhưng cần phải có hướng dẫn nội dung điều luật, hướng dẫn về các tình tiết định khung tăng nặng để các cơ quan tư pháp áp dụng thống nhất trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Quy chế kiểm sát điều tra còn nhiều nội dung cụ thể chưa được quy định cũng gây khó khăn cho hoạt động nghiệp vụ của Kiểm sát viên.

Thứ hai, nhận thức và áp dụng các quy định của pháp luật cũng như trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm, bản lĩnh nghề nghiệp của một số Điều tra viên, Kiểm sát viên còn hạn chế

Một số Điều tra viên, Kiểm sát viên còn hạn chế trong trình độ pháp lý, chưa hiểu đúng và đủ những quy định của pháp luật, nhất là pháp luật hình sự nên còn lúng túng, khó khăn ngay trong việc định tội, định khung khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Một số Điều tra viên, Kiểm sát viên có kiến thức thực tế nhưng kiến thức về lý luận chưa thực sự logic, nhận thức không đầy đủ về pháp luật do chỉ quan tâm tới những kinh nghiệm thực tiễn, còn xa rời lý luận dẫn tới khi gặp các loại án mới, án khó thì giải quyết không đúng đắn.

Kiểm sát viên chưa thực sự đề cao trách nhiệm, nghiên cứu chưa sâu, thực hiện không đầy đủ quy trình nghiệp vụ, còn lo ngại phải chịu trách nhiệm theo Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố

tụng hình sự gây ra, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nếu để xảy ra oan sai. Hoặc do áp lực từ dư luận, cơ quan ngôn luận, của những người có quyền lực hoặc thân quen nên một số Kiểm sát viên đã bộc lộ tư tưởng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu kiên quyết trong đấu tranh với tội phạm nói chung và tội phạm về mua bán người nói riêng. Những hạn chế trên dẫn đến tình trạng không kịp thời phát hiện tội phạm, không thu thập, lưu giữ đúng và đầy đủ chứng cứ, vi phạm trình tự thủ tục tố tụng, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài, có trường hợp oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ ba, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc điều tra, truy tố còn hạn chế

Mặc dù trong những năm qua, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã được Nhà nước quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn hạn chế. Việc trụ sở cơ quan còn chật hẹp, phương tiện đi lại, tác nghiệp còn chưa đủ đã ảnh hưởng đến chất lượng điều tra, truy tố các vụ án về mua bán người. Vấn đề lương, phụ cấp cho Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng còn bất cập, chưa tương xứng so với mặt bằng chung trong xã hội. Điều này cũng ảnh hưởng đến trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực thi nhiệm vụ.

Những khó khăn, vướng mắc, hạn chế nêu trên đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nhất là Viện kiểm sát, Kiểm sát viên cần nhận thức đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm về mua bán người, sớm có nhiều giải pháp tăng cường hiệu quả công tác phát hiện, điều tra, truy tố tội phạm. Các biện pháp đó có thể là sửa đổi, bổ sung

những quy định của pháp luật cho phù hợp hơn nữa, tăng cường văn bản hướng dẫn, tăng cường nhận thức, trách nhiệm cũng như đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ cho Điều tra viên, Kiểm sát viên; tăng cường những điều kiện cơ sở vật chất bảo đảm hoạt động nghiệp vụ. Làm tốt công tác điều tra, truy tố trong các vụ án về mua bán người không chỉ góp phần bảo vệ bị hại khỏi sự xâm hại của tội phạm mà còn góp phần bảo đảm tốt nhất quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

2. Một số đề xuất khắc phục những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong thực hành quyền công tố giai đoạn điều tra, truy tố các tội danh về mua bán người và một số tội danh có liên quan

2.1. Quán triệt, yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên nắm vững những quy định của pháp luật về tội phạm mua bán người, về thực hành quyền công tố trong điều tra, truy tố các vụ án hình sự về mua bán người

BLHS và BLTTHS năm 2015 về cơ bản đã khắc phục được những hạn chế, khiếm khuyết của pháp luật về các tội phạm về mua bán người cũng như trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án này. Các cơ quan tư pháp Trung ương cũng đã kịp thời ban hành một số Thông tư liên ngành hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cũng đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn về thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự như: Quy chế kiểm sát điều tra; Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 27/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về

“Tăng cường trách nhiệm công tố trong giải quyết các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm” và một số văn bản khác. Do vậy, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cần tăng cường quán triệt, yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên nắm vững quy định của BLHS về các tội trong nhóm tội mua bán người và một số tội danh có liên quan, cấu thành tội phạm của từng tội cụ thể để xác định đúng đắn về điều, khoản khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Nắm vững các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản dưới luật, quy chế nghiệp vụ của ngành về trình tự thủ tục tố tụng, các kỹ năng nghiệp vụ để thực hiện tốt các hoạt động điều tra, truy tố và thực hành quyền công tố đối với nhóm tội này.

2.2. Tăng cường trách nhiệm, chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức của Kiểm sát viên

Tăng cường trách nhiệm thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên trong điều tra, truy tố các vụ án về mua bán người để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm. Quan tâm đào tạo, giáo dục, xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên có đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện nâng cao kỹ năng, có tinh thần đấu tranh với tội phạm, người phạm tội. Người Kiểm sát viên phải có phẩm chất trong sáng, trọng danh dự, tâm huyết, không bị vật chất cám dỗ, hết lòng phục vụ Nhà nước, phục vụ nhân dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là của người bị buộc tội.

2.3. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Kiểm sát viên

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các cơ sở đào tạo của Ngành để nâng cao hơn nữa trình độ pháp luật, kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp của Kiểm sát viên. Trước mắt, cần đổi mới công tác giảng dạy theo đúng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong Ngành là trang bị kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, phương pháp làm việc, kinh nghiệm xử lý công việc hiệu quả và theo nhu cầu của Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tăng cường kỹ năng công tác nghiệp vụ, đào tạo chuyên sâu về thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát phải được đầu tư và quan tâm đúng mức, các tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng phải trở thành một trong các điều kiện bắt buộc để bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên, chức danh quản lý lãnh đạo của Ngành. Kết hợp giảng lý luận với đi thực tế để tìm hiểu, tiếp cận các vụ án điển hình, trọng điểm được dư luận quan tâm. Tăng cường thảo luận, trao đổi tọa đàm về những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra nhằm rút ra bài học kinh nghiệm, kỹ năng giải quyết các vụ án về mua bán người. Phối hợp với các cơ sở đào tạo của Bộ Công an tổ chức mở các lớp học về phương pháp, chiến thuật điều tra các loại tội này.

Ngoài ra, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Ngành cần tăng cường hỗ trợ công tác tự đào tạo, bồi dưỡng tại Viện kiểm sát nhân dân các địa phương thông qua việc trao đổi, tọa đàm, rút kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Đồng

thời, cũng cần đưa các vụ án có vi phạm trong hoạt động điều tra, trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra để các Kiểm sát viên rút kinh nghiệm, không mắc phải các vi phạm đã xảy ra nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Tổ chức cho cán bộ, Kiểm sát viên tham dự phiên tòa xét xử các vụ án về mua bán người có Luật sư bào chữa để lắng nghe nhiều ý kiến phản biện trái chiều, từ đó tổng kết, tích lũy kỹ năng nghề nghiệp. Viện kiểm sát các cấp thường xuyên tổng kết, bổ sung, hoàn thiện lý luận về thực hành quyền công tố, kiểm sát các vụ án về mua bán người, xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ như: Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố vụ án hình sự, trực tiếp điều tra trong trường hợp luật định; yêu cầu điều tra... Tổ chức hội nghị cho các cán bộ, Kiểm sát viên học tập, trao đổi, rút kinh nghiệm, trang bị lại cho tất cả các Kiểm sát viên, cán bộ làm công tác nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ nhận thức, phương pháp, nội dung và quy trình thực hiện nhiệm vụ.

2.4. Tăng cường kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra, truy tố

Kiểm sát hoạt động tư pháp trong điều tra, truy tố là một trong hai chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát, có quan hệ máu thịt với thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm cho việc khởi tố, điều tra, truy tố đúng quy định của pháp luật, thực hiện mục đích chống oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Viện kiểm sát cần chủ động kiểm sát chặt chẽ hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, của Điều tra viên, bảo đảm mọi thông tin về tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đều được Viện kiểm sát nắm bắt, kiểm sát.

Khi kiểm sát hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cần kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra như lấy lời khai, hỏi cung bị can, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, các biện pháp khám xét, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra; kịp thời và chủ động đề ra các yêu cầu điều tra giúp các Điều tra viên định hướng điều tra từng vụ án, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao trong hoạt động điều tra.

2.5. Tăng cường giáo dục, nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân là vô cùng quan trọng. Cần tăng cường hoạt động truyền thông, giải thích rộng rãi đến mọi tầng lớp dân cư, mọi lứa tuổi để mọi người hiểu biết các quy định của pháp luật về tội phạm, về Tội mua bán người, Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, Tội cưỡng bức lao động để nhân dân chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm. Giáo dục pháp luật là hoạt động định hướng có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục tác động lên đối tượng giáo dục nhằm mục đích hình thành sâu sắc và mở rộng ở họ tri thức pháp luật, hình thành tình cảm và lòng tin đối với pháp luật, hình thành động cơ, hành vi và thói quen xử sự phù hợp với các yêu cầu của hệ thống pháp luật. Vì vậy, đối tượng cần được giáo dục pháp luật đó là cộng đồng dân cư, người bị tạm giữ, tạm giam, người bị giáo dục tại trường giáo dưỡng, cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan hữu quan có liên quan đến công tác quản lý, giáo dục, cải tạo người phạm tội./.

KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC LẬP HỒ SƠ ĐIỀU TRA VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI

LẠI VIẾT QUANG*

Hồ sơ điều tra vụ án mua bán người là toàn bộ những tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), do Điều tra viên lập nhằm chứng minh hành vi xảy ra là tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có liên quan đến vụ án. Nhằm đảm bảo tính khách quan, đầy đủ, đúng đắn của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời giúp cho Kiểm sát viên, Kiểm tra viên bám sát quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và quá trình điều tra, nắm vững hồ sơ vụ án mua bán người ngay trong quá trình phát hiện, thu thập chứng cứ, kịp thời đưa ra các yêu cầu điều tra và đề xuất việc phê chuẩn, giải quyết vụ án cũng như các vấn đề phát sinh một cách chính xác, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên cần có những kỹ năng cần thiết để kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án mua bán người.

Từ khóa: Kiểm sát, mua bán người, hồ sơ điều tra.

Ngày nhận bài: 17/6/2021; Biên tập xong: 22/6/2021; Duyệt đăng: 22/6/2021

Investigation dossiers of human trafficking cases consist of all documents and evidence collected during the investigation of the case according to the provisions of the Criminal Procedure Code. These are prepared by Investigators to prove the crime, the person who committed the crime and other circumstances related to the case. Understanding the case throughout all stages from detecting to investigation, requires appropriate skills of Prosecutor assistants and Prosecutors. This will ensure the objectivity, completeness, and accuracy of documents and evidence contained in the dossiers, and at the same time, it also helps Prosecutors and Prosecutors assistants to closely follow the process of dealing with denunciations, crime reports, and the investigation process. This article discusses the necessary skills required to prosecute the preparation of investigation dossiers for human trafficking cases.

Keywords: Prosecution, human trafficking, investigation dossiers.

Hồ sơ điều tra vụ án mua bán người có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án mua bán người bởi lẽ tất cả các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ trong vụ án mua bán người đều phải được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Để đảm bảo tính khách quan, đầy đủ, đúng đắn của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hình sự nói chung và vụ án mua bán người nói riêng, BLTTHS năm 2015 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát (trực tiếp là Kiểm sát viên, Kiểm tra viên)

có trách nhiệm kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra (CQĐT), cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Thực hiện các quy định trên, thực tế, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên đã kiểm sát chặt chẽ các tài liệu làm cơ sở và căn cứ ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, các lệnh, quyết định CQĐT và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đảm bảo về mặt hình thức, chặt chẽ về mặt trình tự, thủ tục tố tụng và nội dung;

** Tiến sĩ, Vụ trưởng Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao*

kiểm sát các biên bản về hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ về cả nội dung và hình thức để tài liệu vừa đảm bảo về trình tự, thủ tục pháp lý, vừa có giá trị chứng minh tội phạm và những tình tiết vụ án...

Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết vụ án mua bán người vẫn còn có những tồn tại, hạn chế liên quan đến kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án mua bán người như: Tài liệu điều tra khi chuyển sang Viện kiểm sát chưa đóng dấu bút lục của CQĐT, không có bảng thống kê tài liệu kèm theo; Kiểm sát viên còn bị động, ngồi chờ CQĐT chuyển hồ sơ sang thì mới nghiên cứu; một số Kiểm sát viên còn thiếu kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, nghiên cứu hồ sơ không đầy đủ, phiến diện, không khách quan, chỉ chú trọng đến chứng cứ lời khai mà không chú trọng đến những chứng cứ vật chất hoặc ngược lại... Do đó, chúng tôi cho rằng, để nâng cao chất lượng kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án mua bán người, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên cần có những kỹ năng sau:

Thứ nhất, kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án mua bán người của Điều tra viên nhằm đảm bảo hồ sơ được thiết lập, xây dựng một cách hợp pháp, đầy đủ, chính xác theo tiến độ giải quyết vụ án, đúng với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên cần kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án mua bán người của Điều tra viên, bảo đảm từng trang tài liệu trong hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm mua bán người; hồ sơ phê chuẩn tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp; hồ sơ mà CQĐT hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thiết lập khi thực hiện các biện pháp điều tra vụ án mua bán người theo quy định của BLTTHS như hồ

sơ khám nghiệm hiện trường, bắt bị can, hồ sơ khởi tố vụ án, hồ sơ khởi tố bị can... Các hồ sơ vụ án mua bán người phải được đóng dấu bút lục của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và kèm theo bảng kê đầy đủ tên tài liệu, số trang tài liệu và lưu trong hồ sơ vụ án mua bán người.

Khi CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đề nghị phê chuẩn các quyết định thì phải kèm theo hồ sơ; các hồ sơ này phải được đánh số bút lục của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và có bảng kê tài liệu với đầy đủ tên tài liệu, số trang. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến các căn cứ mà Viện kiểm sát phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; là cơ sở để xác định trách nhiệm của Điều tra viên trong việc chuyển giao tài liệu cho Viện kiểm sát khi đề nghị phê chuẩn các quyết định tố tụng hình sự.

Sau khi kết thúc việc phê chuẩn, Kiểm sát viên thụ lý giải quyết vụ án phải đóng dấu bút lục của Viện kiểm sát vào các tài liệu đó và chuyển cho CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để đưa vào hồ sơ vụ án mua bán người. Việc đóng dấu bút lục của Viện kiểm sát vào các tài liệu xét phê chuẩn của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm bảo đảm CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không đưa tài liệu ra khỏi hồ sơ, thay đổi tài liệu làm căn cứ khởi tố, phê chuẩn quyết định khởi tố đã gửi tới Viện kiểm sát.

Tất cả các tài liệu thu thập trong quá

trình điều tra vụ án mua bán người phải được đưa vào hồ sơ vụ án. Đây là một yêu cầu có tính chất nguyên tắc. Khi kết thúc điều tra, các tài liệu phải được đánh số bút lục một cách thống nhất một lần và theo đúng thứ tự, đồng thời phải có bảng kê tài liệu với đầy đủ tên và số trang tài liệu.

Thứ hai, trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm mua bán người hay quá trình khởi tố, điều tra vụ án mua bán người, các tài liệu của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc của Viện kiểm sát thu thập đều phải được đưa vào hồ sơ vụ án mua bán người theo đúng trình tự tố tụng hình sự. Sau khi kết thúc điều tra, các tài liệu trong hồ sơ vụ án mua bán người do CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thống nhất đánh số thứ tự một lần và lập bảng thống kê đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án từ 01 cho đến hết.

Thứ ba, kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án mua bán người là quá trình kiểm sát việc thiết lập các tài liệu, thu thập chứng cứ của Điều tra viên, cán bộ điều tra thông qua việc kiểm sát nội dung và hình thức của các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mua bán người. Trong đó, cần chú ý đến nội dung các biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai người làm chứng, người bị hại; biên bản đối chất, nhận dạng; biên bản khám xét, biên bản khám nghiệm, thực nghiệm điều tra; quyết định trưng cầu giám định, kết quả giám định, biên bản thu giữ tài sản, tang vật..., đảm bảo các tài liệu này phải được thiết lập theo đúng trình tự mà BLTTHS quy định và đảm bảo tính chặt chẽ về nội dung.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải chú ý đến các biên bản hỏi cung bị can trong

vụ án mua bán người. Để đảm bảo tính khách quan của các biên bản này, Kiểm sát viên phải yêu cầu Điều tra viên thực hiện đúng các quy định của Điều 183 và Điều 184 BLTTHS năm 2015 quy định về hỏi cung bị can và biên bản hỏi cung bị can. Để tránh việc “phản cung”, chối tội của bị can trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử (nhất là tại phiên tòa) trong vụ án mua bán người thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải yêu cầu Điều tra viên, cán bộ điều tra sau khi hỏi cung bị can xong phải để bị can tự đọc và tự viết (nếu bị can biết chữ) vào cuối biên bản bị can tự ghi “Tôi đã tự đọc lại biên bản, công nhận đúng nội dung lời khai của mình” hoặc mời người làm chứng, chứng kiến việc Điều tra viên, cán bộ điều tra đọc lại biên bản (với bị can không biết chữ). Những nội dung biên bản hỏi cung quan trọng cần thiết phải cho bị can viết bản tường trình, bản tự khai kèm theo. Khi nghiên cứu hồ sơ thấy những biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung còn nhiều chỗ trống thì phải yêu cầu Điều tra viên, cán bộ điều tra gạch chéo để tránh tình trạng ghi thêm; nếu có tẩy xóa phải có xác nhận của bị can, người đã khai báo; các trang biên bản phải có đầy đủ chữ ký của người khai báo...

Việc lấy lời khai và các hoạt động thu thập chứng cứ, thiết lập hồ sơ sau khi khởi tố vụ án mua bán người phải do Điều tra viên, cán bộ điều tra được phân công điều tra vụ án thực hiện. Nếu do cán bộ điều tra tiến hành thì cũng chỉ được thể hiện là người giúp việc ghi biên bản, còn chủ trì các hoạt động đó phải là Điều tra viên. Các tài liệu được thu thập trước khi khởi tố vụ án và không phải do Điều tra viên tiến hành (nhất là các lời khai) thì cần yêu cầu Điều tra viên thẩm định lại sau khi khởi tố (trừ trường hợp vì lý do khách

quan không thể thực hiện được). Có như vậy, các tài liệu thu thập được mới có giá trị về mặt pháp lý. Chính vì vậy, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải chú ý kiểm sát tính khách quan và sự phù hợp về thời gian, địa điểm trong các tài liệu do Điều tra viên thu thập. Thời gian, địa điểm hỏi cung hoặc ghi lời khai không được mâu thuẫn với nhau, vì thực tế có những hồ sơ vụ án đã thể hiện một Điều tra viên hay cán bộ điều tra tiến hành nhiều hoạt động điều tra cùng một thời gian, hoặc trong cùng một thời gian nhưng ở những địa điểm khác nhau.

Thứ tư, kiểm sát chặt chẽ, yêu cầu Điều tra viên cung cấp đầy đủ tài liệu khi kiểm sát việc lập hồ sơ hoặc khi xem xét phê chuẩn các quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo đúng quy định của BLTTHS. Cụ thể:

- Đối với hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm mua bán người phải gồm các tài liệu:

+ Quyết định phân công nhiệm vụ của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT hay cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý mà tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm mua bán người thuộc quyền hạn điều tra của cơ quan mình;

+ Các văn bản thể hiện hoạt động tiến hành kiểm tra, xác minh, quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự về tội phạm mua bán người;

+ Văn bản thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm mua bán người theo quy định.

- Đối với hồ sơ xét phê chuẩn việc giữ

người trong trường hợp khẩn cấp phải gồm các tài liệu:

+ Công văn đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp;

+ Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp (ghi rõ trong trường hợp nào, theo quy định tại điều khoản nào của BLTTHS);

+ Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp;

+ Tin báo, tố giác về tội phạm mua bán người;

+ Các tài liệu có liên quan làm căn cứ cho việc quyết định giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với từng trường hợp như: Căn cứ xác định người đó chuẩn bị thực hiện tội phạm mua bán người; biên bản ghi lời khai người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mua bán người và tài liệu hoặc căn cứ khác chứng minh người đó sẽ bỏ trốn; tài liệu xác định có dấu vết, tài liệu, đồ vật liên quan đến tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở, nơi làm việc của người bị nghi thực hiện tội phạm mua bán người;

+ Tài liệu về nhân thân người bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp (thường là thông tin ban đầu về người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp);

+ Lời khai của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (nếu có);

+ Bản kê tên các tài liệu trong hồ sơ và từng trang có đóng dấu bút lục của CQĐT.

- Đối với hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và phê chuẩn lệnh tạm giam trong trường hợp người đang bị tạm giữ bị khởi tố bị can trong vụ án mua bán người phải gồm các tài liệu:

+ Công văn đề nghị xét phê chuẩn

quyết định khởi tố bị can và đề nghị phê chuẩn lệnh tạm giam bị can;

+ Quyết định tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giữ (nếu có); lệnh tạm giam bị can;

+ Quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can;

+ Biên bản giao quyết định khởi tố bị can có chữ ký hoặc điểm chỉ của bị can;

+ Biên bản lấy lời khai người bị tạm giữ, biên bản hỏi cung bị can (nếu có);

+ Các tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị can;

+ Các tài liệu về nhân thân bị can;

+ Bản kê tên các tài liệu trong hồ sơ và từng trang tài liệu được đóng dấu bút lục của CQĐT.

- Hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can (trường hợp không bị tạm giữ), quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can phải gồm các tài liệu:

+ Công văn đề nghị xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can;

+ Quyết định khởi tố vụ án, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án mua bán người;

+ Quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can;

+ Biên bản giao quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can;

+ Các tài liệu làm căn cứ khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can;

+ Biên bản ghi lời khai của người bị

ngghi thực hiện tội phạm mua bán người, biên bản hỏi cung bị can (nếu có);

+ Lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ, người làm chứng, người bị hại (nếu có);

+ Bảng kê tên các tài liệu trong hồ sơ và từng trang tài liệu được đóng dấu bút lục của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Nếu có điều kiện thì khi xét phê chuẩn các quyết định hoặc khi nghiên cứu hồ sơ vụ án mua bán người, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nên phô tô những tài liệu quan trọng để lưu vào hồ sơ kiểm sát, như vậy vừa đảm bảo tính chặt chẽ, vừa giúp cho Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thuận lợi trong quá trình nghiên cứu và thiết lập hồ sơ kiểm sát. Tuy nhiên, cũng cần tránh tình trạng lấy việc phô tô thay cho việc trích cứu tài liệu trong hồ sơ chính của vụ án mua bán người khi lập hồ sơ kiểm sát.

Thứ năm, kiểm sát việc tuân thủ các thủ tục tố tụng của các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mua bán người, bao gồm:

Kiểm sát hình thức và nội dung các quyết định tố tụng như: Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định phục hồi điều tra vụ án, bị can, quyết định tạm giữ và lệnh tạm giam... đảm bảo cho các quyết định này được thiết lập đúng theo các quy định của tố tụng hình sự; đúng mẫu ban hành; do người có thẩm quyền ra quyết định; đủ căn cứ ban hành quyết định; thể hiện rõ nội dung hành vi; điều khoản áp dụng, con dấu, chữ ký, dấu chức danh cũng phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn có liên quan (Ví dụ: Dấu

tròn đóng trong quyết định tố tụng phải là dấu của CQĐT, không được sử dụng dấu của cơ quan công an quận, huyện; dấu chức danh phải là Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT mà không được sử dụng dấu chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Công an huyện, Phó Trưởng Công an huyện...).

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên cần đặc biệt chú ý kiểm sát nội dung hành vi bị khởi tố và điều luật áp dụng trong các quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can vì trong thực tế, Điều tra viên, cán bộ điều tra thường không để ý và có sai sót dẫn đến vi phạm tố tụng. Ví dụ: Ghi không đầy đủ các sự kiện phạm tội, hành vi phạm tội, không ghi đúng hoặc ghi không đủ tội danh trong quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can. Chỉ phát hiện một hành vi phạm tội thoả mãn dấu hiệu một tội danh nhưng Điều tra viên, cán bộ điều tra lại ghi tất cả các tội danh trong điều luật được viện dẫn vào quyết định khởi tố. Những quyết định như vậy là vi phạm pháp luật và phải được Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phát hiện, yêu cầu khắc phục kịp thời ngay từ khi kiểm sát việc khởi tố.

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải kiểm sát việc tổng đạt, giao nhận, thông báo các quyết định tố tụng tới các đối tượng có liên quan và những người tham gia tố tụng khác nhằm đảm bảo các quyền lợi và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, như: Tổng đạt các quyết định khởi tố bị can; quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can và các quyết định khác của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, các quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn của Viện kiểm sát tới bị can. Trong thực tế

của hoạt động tố tụng, đã có trường hợp Điều tra viên không thực hiện việc thông báo các hoạt động tố tụng, các quyết định tố tụng cho gia đình, chính quyền nơi bị can cư trú như: Thông báo về việc bắt khẩn cấp, bắt bị can để tạm giam, áp dụng biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú...; thông báo kết quả điều tra cho những người tham gia tố tụng. Hoặc có trường hợp tuy Điều tra viên thực hiện việc thông báo nhưng lại không thể hiện đầy đủ tài liệu trong hồ sơ, dẫn đến tình trạng khiếu nại của luật sư hoặc bị Toà án trả lại hồ sơ do vi phạm tố tụng. Do đó, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên vừa đồng thời kiểm sát nội dung, hình thức các quyết định tố tụng vừa phải kiểm sát quá trình triển khai, tổng đạt, giao nhận, thông báo các quyết định đó và các hoạt động này phải được lập thành văn bản thể hiện trong hồ sơ vụ án mua bán người.

Như vậy, có thể thấy, hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án mua bán người có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng. Thông qua hoạt động này, Kiểm sát viên kiểm tra và nắm chắc được các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên thu thập trong từng giai đoạn điều tra để từ đó đề ra yêu cầu điều tra, định hướng điều tra nhằm kịp thời bổ sung chứng cứ và hoàn thiện các thủ tục tố tụng của vụ án; phát hiện những vi phạm của Điều tra viên khi tiến hành tố tụng để kiến nghị khắc phục. Kết quả hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án mua bán người là căn cứ để Viện kiểm sát thực hiện “quyền công tố”, quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn trong quá trình điều tra vụ án mua bán người./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TỐ TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ MUA BÁN NGƯỜI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LÊ MINH LONG*

Tội phạm mua bán người trong những năm qua diễn biến còn phức tạp, đa dạng, quy mô và thủ đoạn hoạt động ngày càng nghiêm trọng, tinh vi; nhiều vụ phạm tội có tổ chức, có sự cấu kết chặt chẽ và có tính xuyên quốc gia, có sự cấu kết giữa các đối tượng trong nước và nước ngoài. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong công tác thực hành quyền công tố trong quá trình giải quyết các vụ án này ở một số Viện kiểm sát vẫn còn tồn tại, thiếu sót. Việc nghiên cứu các nguyên nhân để đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng công tố trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự mua bán người đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết.

Từ khóa: Tội phạm, mua bán người, thực hành quyền công tố, Viện kiểm sát.

Ngày nhận bài: 22/6/2021; Biên tập xong: 29/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

Human trafficking in recent years is still complicated and diverse. The scale and methods are becoming more and more serious and sophisticated. In many cases, there has been the involvement of organized crimes with close collusion and activities between domestic and foreign entities. However, the Procuracy may still experience some shortcomings to exercise the right to prosecution in handling human trafficking cases. It is essential to study these causes and recommend solutions to improve the quality of prosecution in the process of handling human trafficking cases.

Keywords: Crimes, human trafficking, exercise the right to prosecution, the Procuracy.

Để đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm mua bán người, ngày 31/12/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2546/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 - 2020. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chương trình phòng chống, mua bán người của Chính phủ, trong những năm qua, các cơ quan tiến hành tố tụng đã phối hợp chặt chẽ, áp dụng đồng bộ các biện pháp đấu tranh, kịp thời phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử nghiêm minh đối với loại tội phạm này. Kết quả từ năm 2016 đến năm 2020, toàn quốc đã phát hiện, khởi tố, điều tra tổng số 508 vụ/930 bị can về Tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi. Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) các cấp đã quyết định

truy tố và thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử 502 vụ/918 bị can về Tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi; trong đó có nhiều bị cáo đã bị tuyên phạt với mức án cao, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng răn đe, giáo dục, được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ. Ngoài ra, các tội phạm khác liên quan đến mua bán người cũng được kịp thời phát hiện và xử lý. Kết quả các cơ quan tiến hành tố tụng đã phát hiện, khởi tố 266 vụ/460 bị can; truy tố 193 vụ/304 bị can và xét xử là 189 vụ/306 bị cáo phạm các tội: Tội mua bán chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người¹; Tội tổ chức mang thai hộ vì

** Tiến sĩ, Vụ trưởng Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án trật tự xã hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.*

¹ Khởi tố, truy tố và xét xử: 08 vụ/ 09 bị can.

mục đích thương mại²; Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, tội ở lại Việt Nam trái phép³; Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép⁴; Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép⁵.

Đạt được những kết quả trên là do nỗ lực của cơ quan tiến hành tố tụng các cấp. Trong đó, ngành Kiểm sát nhân dân đã thực hiện có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng hoạt động công tố trong quá trình giải quyết các vụ án mua bán người. Lãnh đạo VKSND các cấp thực hiện hoạt động công tố sớm hơn, chủ động, sâu sát, toàn diện, trách nhiệm hơn. VKSND các cấp đã kiểm sát chặt chẽ hoạt động xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra, thận trọng trong việc xét phê chuẩn các quyết định tố tụng, đặc biệt là các quyết định liên quan đến quyền con người, quá trình kiểm sát đã ban hành các yêu cầu điều tra để hỗ trợ Cơ quan điều tra làm rõ sự thật vụ án. Kiểm sát viên đã tăng cường thực hiện biện pháp trực tiếp xác minh tố giác, hỏi cung bị can, lấy lời khai để đánh giá tính khách quan của các chứng cứ đã thu thập được, kịp thời phát hiện những thiếu sót vi phạm của Điều tra viên, cán bộ điều tra trong việc thu thập chứng cứ và kiên quyết kiến nghị, kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm. Kết quả nâng cao chất lượng công tố đã bảo vệ tốt quyền con người trong tố tụng hình sự, không để xảy ra vụ án mua bán người nào

khởi tố điều tra, truy tố sau đó phải đình chỉ điều tra do không phạm tội hoặc Tòa án tuyên do không phạm tội. Điều này đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức, góp phần nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, hạn chế đáng kể các trường hợp oan, sai và bỏ lọt tội phạm... VKSND ngày càng khẳng định được vai trò, vị trí quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung, các vụ án mua bán người nói riêng, từng bước củng cố niềm tin của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với ngành Kiểm sát nhân dân.

Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm mua bán người nói riêng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Quốc hội về công tác này, Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 27/4/2020 về “Tăng cường trách nhiệm công tố trong giải quyết các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống tội phạm” (gọi tắt là Chỉ thị số 05) nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xác minh tố giác tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm, kiên quyết không để xảy ra oan, sai.

Ngay sau khi ban hành, Chỉ thị số 05 đã được quán triệt, triển khai tới các Kiểm sát viên, Điều tra viên trong toàn ngành Kiểm sát nhân dân để thống nhất nhận thức về sự cần thiết và ý nghĩa của việc tăng cường trách nhiệm công tố trong giải quyết các vụ án hình sự. Khi xây dựng kế hoạch công tác năm, VKSND các cấp phải xác định nội dung tăng cường trách nhiệm công tố trong giải quyết các vụ án

² Khởi tố 09 vụ/18 bị can, truy tố 07 vụ/17 bị can và xét xử 06 vụ/15 bị cáo.

³ Khởi tố 08 vụ/13 bị can, truy tố 06 vụ/11 bị can và xét xử 06 vụ/11 bị cáo.

⁴ Khởi tố 44 vụ/89 bị can, truy tố 18 vụ/33 bị can và xét xử 17 vụ/32 bị cáo.

⁵ Khởi tố 197 vụ/331 bị can, truy tố 154 vụ/234 bị can và xét xử 152 vụ/239 bị cáo.

hành sự là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá và nghiêm túc triển khai thực hiện. Nhiều Viện kiểm sát địa phương đã chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp xây dựng Quy chế phối hợp trong quá trình xác minh tố giác, tin báo tội phạm, khởi tố điều tra, truy tố các vụ án hình sự nhằm đấu tranh với các loại tội phạm, bảo đảm thực chất, hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong công tác này ở một số Viện kiểm sát vẫn còn tồn tại, thiếu sót, đó là: Hoạt động kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm mua bán người còn nhiều hạn chế, chưa thực hiện tốt quyền công tố trong giai đoạn này; vẫn còn tình trạng xác minh tố giác, tin báo bị kéo dài, quá thời hạn giải quyết, dẫn đến số vụ việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ còn cao; Kiểm sát viên còn thụ động, không giám sát chặt chẽ hoạt động của Điều tra viên, dẫn đến nguy cơ bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Lãnh đạo một số đơn vị Viện kiểm sát chưa thực hiện tốt việc chỉ đạo Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nên số vụ án phải trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung với lý do thiếu chứng cứ quan trọng còn cao (như chưa xác định được hành vi mua bán người; vị trí, vai trò của người thực hiện tội phạm trong các vụ án có đồng phạm, tính có tổ chức; động cơ gây án của bị can; căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự của bị can; chưa thu giữ được vật chứng quan trọng của vụ án...).

Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại nêu trên là: Còn một số chế định pháp luật áp dụng chế tài tùy nghi, trong đó có các quy định về hành vi cấu thành tội phạm mua bán người nhưng việc giải thích, hướng dẫn pháp luật chưa kịp thời dẫn đến nhận thức, áp dụng pháp luật không

thống nhất. Ở một số địa phương, lãnh đạo Cơ quan điều tra chưa quan tâm đúng mức công tác chỉ đạo xác minh tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố, công tác khởi tố, điều tra các vụ án mua bán người; một số Điều tra viên, cán bộ điều tra chưa làm hết trách nhiệm được giao, chưa phối hợp chặt chẽ với Kiểm sát viên. Điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị, kinh phí phục vụ bảo đảm tăng cường công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra còn hạn chế; chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ Kiểm sát viên, Điều tra viên chưa phù hợp, chưa tương xứng với khó khăn, phức tạp của công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án hình sự. Một số lãnh đạo Viện kiểm sát địa phương chưa nêu cao trách nhiệm người đứng đầu, chưa quan tâm đúng mức đến công tác này; chưa thực sự đổi mới nâng cao chất lượng công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; mối quan hệ phối hợp với Cơ quan điều tra, đôi lúc còn thiếu chặt chẽ, mang tính hình thức. Vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm. Khi phát hiện Cơ quan điều tra, Điều tra viên có vi phạm, thiếu sót đã không kiên quyết kiến nghị yêu cầu khắc phục, thậm chí còn bao che, bỏ qua không xử lý. Một số Kiểm sát viên ý thức trách nhiệm chưa cao, còn thụ động, phụ thuộc vào Điều tra viên trong giải quyết án.

Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, phân tích làm rõ những tồn tại, thiếu sót và nguyên nhân để qua đó nâng cao và thực hiện hiệu quả hơn nữa công tác này trong thời gian tới, cần có một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, VKSND các cấp phải tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn, gắn chặt với Cơ quan điều tra trong quá trình thực

hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố trong khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự mua bán người. Trong quá trình giải quyết, nếu có khó khăn vướng mắc thì cần kịp thời phối hợp thống nhất giải quyết ngay, đảm bảo đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ hai, Lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp, thủ trưởng đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án trật tự xã hội thuộc VKSND tối cao cần nâng cao trách nhiệm người đứng đầu. Thực hiện đổi mới nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành thực hiện tốt chế độ, quy trình duyệt án, báo cáo án bảo đảm cơ chế giám sát chặt chẽ; phải thận trọng hơn, kiên quyết hơn trong việc xét phê chuẩn, ban hành các quyết định tố tụng; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh và lương tâm nghề nghiệp cho đội ngũ Kiểm sát viên, công chức trong ngành. Quan tâm đúng mức và thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra bảo đảm liêm chính, công khai, minh bạch để phòng ngừa có hiệu quả tham nhũng, tiêu cực trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát việc xác minh tố giác, tin báo tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự.

Thứ ba, Kiểm sát viên Viện kiểm sát các cấp phải thường xuyên đổi mới phương pháp thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, trong đó có các vụ án mua bán người để đảm bảo thực hành quyền công tố sớm và chặt chẽ ngay từ khi xác minh tố giác, tin báo tội phạm và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án. Phải nắm chắc đặc điểm hình sự, tính đặc thù của loại tội phạm mua bán người, các dạng

hành vi phạm tội, dấu hiệu pháp lý của loại tội phạm này; nắm chắc phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm và che giấu hành vi phạm tội mua bán người, từ đó đề ra các phương pháp thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án mua bán người đạt hiệu quả.

Trong giai đoạn xác minh tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố các vụ án mua bán người, Kiểm sát viên phải phối hợp chặt chẽ với Điều tra viên thực hiện kiểm sát chặt chẽ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra thụ lý, giải quyết. Nâng cao trách nhiệm trong việc nghiên cứu xét, phê chuẩn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp cưỡng chế, phải chủ động đề ra các yêu cầu xác minh để làm rõ sự việc, kiên quyết yêu cầu hoặc đề nghị lãnh đạo Viện kiểm sát ra quyết định huỷ bỏ các quyết định khởi tố vụ án hình sự không đúng pháp luật của Cơ quan điều tra. Khi phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, phải khẩn trương báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát để tiến hành trực tiếp xác minh tố giác theo quy định tại khoản 3 Điều 145 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án, Kiểm sát viên phải nắm chắc tiến độ điều tra vụ án, chủ động đề ra yêu cầu điều tra chính xác để hỗ trợ Điều tra viên thu thập chứng cứ làm rõ hành vi phạm tội mua bán người; thận trọng khi đề xuất xét, phê chuẩn các lệnh, quyết định tố tụng. Trường hợp người bị bắt, người bị khởi tố không nhận tội, khai báo quanh co hoặc tài liệu, chứng cứ có mâu thuẫn, Kiểm sát viên phải trực tiếp lấy lời khai, hỏi cung bị can trước khi đề nghị lãnh đạo phê chuẩn, bảo đảm chống oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm; thực hiện nghiêm và đầy đủ biện pháp

trực tiếp kiểm sát khi Điều tra viên tiến hành các hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét trong quá trình điều tra các vụ án mua bán người. Kiểm sát chặt chẽ và tuân thủ nghiêm túc việc hỏi cung bị can, lấy lời khai có ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh tại trụ sở Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát các cấp và các cơ sở giam giữ; phải kiểm sát chặt chẽ việc ban hành các quyết định đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra các vụ án mua bán người (miễn trách nhiệm hình sự hoặc do hành vi không cấu thành tội phạm), kiên quyết yêu cầu hoặc trực tiếp huỷ bỏ Quyết định đình chỉ không đúng pháp luật của Cơ quan điều tra.

Trong giai đoạn truy tố, Kiểm sát viên phải phúc tra lại các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, đánh giá chính xác, khách quan cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội. Trước khi quyết định việc truy tố, nếu cần thiết thì trực tiếp hỏi cung bị can, ghi lời khai người làm chứng, người bị hại, trực tiếp xem xét các dấu vết, vật chứng; nâng cao chất lượng bản Cáo trạng, bảo đảm việc truy tố bị can phải đúng người, đúng tội danh, đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đúng thời hạn luật định.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án, Kiểm sát viên phải nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa; phải nắm chắc nội dung của vụ án, các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Kiểm sát viên phải chuẩn bị đề cương xét hỏi, thống kê các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội chi tiết, đầy đủ; phải dự kiến các vấn đề cần xét hỏi để làm rõ các tình tiết của vụ án; tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo phạm tội mua bán người. Phải chuẩn bị dự thảo luận tội; xây dựng

kế hoạch tranh luận, đối đáp tại phiên tòa. Nội dung luận tội phải sắc bén, có tính thuyết phục, sử dụng các chứng cứ quy kết hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải chủ động xét hỏi, tranh luận làm rõ các tình tiết của vụ án. Khi tranh luận, Kiểm sát viên cần lưu ý đưa ra những chứng cứ tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và đồng phạm để lập luận, đối đáp đầy đủ các ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Thứ tư, VKSND tối cao cần phối hợp liên ngành tư pháp Trung ương ban hành các thông tư hướng dẫn áp dụng pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tố tụng thực hiện tốt hoạt động xác minh tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố, thực hiện tốt hoạt động khởi tố, điều tra thu thập chứng cứ nhằm làm rõ sự thật vụ án mua bán người; tạo điều kiện cho Viện kiểm sát các cấp thực hiện có hiệu quả chủ trương tăng cường công tố trong giải quyết các vụ án hình sự mua bán người.

Thứ năm, quan tâm xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ Kiểm sát viên, bảo đảm đủ biên chế, tạo điều kiện cho Viện kiểm sát các cấp tăng cường hoạt động công tố trong giải quyết các vụ án hình sự nói chung, các vụ án mua bán người nói riêng. Quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, đào tạo tại chỗ; tăng cường tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết các vụ án mua bán người để từng bước nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ cho Kiểm sát viên, công chức làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết loại án này, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TRONG KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI TRÊN CƠ SỞ TIẾP CẬN LẤY NẠN NHÂN LÀM TRUNG TÂM

TRẦN ĐÌNH HẢI*

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm mua bán người (MBN), việc nâng cao chất lượng mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết các vụ án này là hết sức cần thiết. Bài viết chỉ ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án MBN trên cơ sở lấy nạn nhân làm trung tâm.

Từ khóa: Tội phạm mua bán người, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra, Tòa án.

Ngày nhận bài: 31/5/2021; Biên tập xong: 31/5/2021; Duyệt đăng: 07/6/2021

Due to the complicated developments of human trafficking crimes, it is essential to improve the collaboration and competencies of agencies in solving these cases. This article points out solutions to improve the quality of the coordination relationship between competent agencies in receiving information about crimes, the initiation of criminal cases, and the investigation, prosecution, and adjudication human trafficking cases based on the victim-centered approach.

Keywords: Human trafficking crimes, the Procuracy, the Investigation Agency, the Court.

1. Sự cần thiết phải tăng cường chất lượng mối quan hệ phối hợp trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án mua bán người với mục tiêu lấy nạn nhân làm trung tâm

Hiện nay, tội phạm MBN đang trở thành một vấn nạn mang tính thời sự nóng bỏng, gây bức xúc trong xã hội không chỉ ở Việt Nam mà còn trên phạm vi toàn thế giới. Tội phạm này có diễn biến ngày càng phức tạp, thủ đoạn hoạt động tinh vi, tính chất nghiêm trọng, nhiều vụ án có tổ chức chặt chẽ và có tính xuyên quốc gia. Tuy vậy, việc phát hiện, xử lý tội phạm MBN lại thường chỉ mang tính truy xét, rất ít trường hợp bị bắt quả tang bởi phần lớn các vụ án MBN được phát hiện, điều tra khám phá thông qua đơn thư tố cáo của gia đình nạn nhân hoặc chỉ khi nạn nhân trốn được về địa phương trình

báo, từ thời điểm xảy ra tội phạm đến khi nạn nhân trở về cũng thường là vài tháng đến vài năm... Điều này khiến cho việc thu thập chứng cứ thường chỉ có thể dựa vào lời khai của người bị hại cũng như lời khai nhận tội của đối tượng phạm tội, nhất là khi đối tượng bị buộc tội đang ở nước ngoài. Hơn nữa, việc xác định thiệt hại, giá trị vụ lợi cũng gặp nhiều khó khăn do hoạt động mua bán được thỏa thuận riêng giữa người mua và người bán. Các yếu tố trên làm cho chứng cứ có giá trị chứng minh không cao và tiềm ẩn nguy cơ thiếu khách quan. Ngoài ra, việc tổ chức bắt giữ, xử lý đối tượng phạm tội thường trong thời gian dài, tốn nhiều công sức và kinh phí do nhiều nạn nhân còn mặc cảm, ngại giao tiếp, không muốn

** Thạc sĩ, Khoa Tội phạm học và Điều tra tội phạm, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

khai báo hoặc tố giác tội phạm, hay khi nạn nhân trở về không có giấy tờ, không ở lại địa phương... Việc bảo đảm quyền lợi của các nạn nhân MBN cũng bị ảnh hưởng, nhất là trong công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân do hậu quả của hành vi MBN để lại đã gây ra nỗi ám ảnh. Thêm vào đó là sự ảnh hưởng nặng nề của tình trạng phân biệt, kỳ thị vẫn còn tồn tại trong xã hội, nạn nhân không đủ tự tin để tái hòa nhập với cộng đồng...

Mặc dù nhận thức được những khó khăn, trở ngại nêu trên nhưng về cơ bản, các hoạt động tố tụng vẫn phải phụ thuộc nhiều vào hiệu quả thu thập, đánh giá và sử dụng lời khai của cả đối tượng bị hại và gia đình, người thân. Tuy nhiên, với sức ép từ các đối tượng phạm tội, nạn nhân của tội MBN thường không dám khai báo về hành vi phạm tội, bản thân gia đình bị hại cũng còn tâm lý e dè, muốn “gói kín” sự việc. Do đó, để giải quyết thành công vụ án, đảm bảo thu thập đầy đủ chứng cứ để chứng minh sự việc, các cơ quan tiến hành tố tụng một mặt vừa phải tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật, mặt khác phải luôn tiếp cận các hoạt động nghiệp vụ trên cơ sở lấy nạn nhân làm trung tâm.

Trong đó, mọi hoạt động từ giải quyết nguồn tin ban đầu đến suốt quá trình tố tụng tiếp theo đòi hỏi các chủ thể có chức năng giải quyết phải chủ động tạo môi trường thân thiện, cởi mở trong việc động viên, an ủi và chia sẻ, cảm thông với người bị hại, kích thích lòng tự trọng, tự tôn, nhân phẩm, khơi dậy lòng căm thù tội phạm để họ mạnh dạn cung cấp thông tin. Đồng thời, phải tạo niềm tin trong công tác hỗ trợ, bảo vệ, phối hợp chặt chẽ với gia đình, người thân và các tổ chức xã hội, đảm bảo không khí thoải

mái, gần gũi để động viên họ tự tin khai báo. Để làm được điều này, ngoài lực lượng nòng cốt trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, việc phát hiện, xử lý các hành vi MBN, còn cần có sự chung tay của nhiều lực lượng khác trong triển khai chức năng, nhiệm vụ đặc thù của mình như: Các cơ quan y tế, cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội, lực lượng Công an phường, thị trấn, Công an xã, Đoàn Công an, các đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan giám định, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân có liên quan khác. Nói cách khác, hiệu quả của hoạt động tố tụng phụ thuộc rất lớn vào chất lượng mối quan hệ phối hợp của nhiều cơ quan có thẩm quyền. Theo đó, “quan hệ” được hiểu là “sự gắn liền về mặt nào đó giữa hai hay nhiều sự vật khác nhau, khiến sự vật này có biến đổi, thay đổi thì có thể tác động đến sự vật kia”¹, còn “phối hợp” là “cùng hành động hoặc hoạt động hỗ trợ lẫn nhau”². Chủ nghĩa duy vật biện chứng đã khẳng định các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan không tồn tại biệt lập mà luôn có mối quan hệ tác động qua lại, ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau. Do đó, các chủ thể trong quá trình hoạt động đều có mối quan hệ với các chủ thể khác; chất lượng, hiệu quả hoạt động của mỗi chủ thể không chỉ phụ thuộc vào bản thân chủ thể đó mà còn phụ thuộc vào mối quan hệ với những chủ thể mà nó liên hệ.

Trong giải quyết các vụ án MBN, các cơ quan tham gia vào việc điều tra, truy tố, xét xử tuy có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều cùng có mục đích chung là phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi phạm tội nên sự phối hợp giữa các cơ quan này

¹ Nxb Đà Nẵng (2004), *Từ điển tiếng Việt*, tr. 799.

² Nxb Đà Nẵng (2004), *Từ điển tiếng Việt*, tr. 786.

là tất yếu, khách quan. Với bối cảnh tội phạm MBN diễn biến ngày càng nghiêm trọng về tính chất và gia tăng về mức độ, tinh vi về thủ đoạn, việc thu thập chứng cứ có liên quan giữa nhiều cơ quan, đơn vị, nhiều địa bàn từ nội địa đến biên giới, thậm chí cả ở nước ngoài, việc giải cứu, khám chữa bệnh, ổn định tâm lý đối với nạn nhân luôn là đòi hỏi cấp bách. Điều này một lần nữa cho thấy sự vào cuộc của nhiều cơ quan, đơn vị chức năng để cùng phối hợp giải quyết càng là đòi hỏi mang tính khách quan. Trọng tâm của mối quan hệ phối hợp này nhằm bảo đảm giải quyết kịp thời các vấn đề ngay từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, tránh bỏ lọt tội phạm, thực hiện các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân, các biện pháp thu thập chứng cứ để chứng minh tội phạm một cách kịp thời... Mặc dù mỗi cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng hoạt động của mỗi chủ thể có tác động trực tiếp đến hoạt động chung và ngược lại. Tính chất, mức độ, hình thức của hoạt động phối hợp đóng vai trò quyết định đến hiệu quả phối hợp, nếu sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ thì hoạt động phối hợp có hiệu quả; nếu hoạt động phối hợp chồng chéo hoặc không chặt chẽ thì hiệu quả phối hợp hạn chế. Mặt khác, nếu trong hoạt động phối hợp, quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của các bên hữu quan không được xác định cụ thể, rõ ràng thì sẽ dẫn đến tình trạng không làm tròn hoặc đùn đẩy trách nhiệm, không phát huy được sức mạnh tổng hợp, làm cho công tác phối hợp không hiệu quả. Việc phối hợp trước hết thể hiện nhận thức đúng tính chất và yêu cầu cấp bách của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm MBN, áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật, thông tin kịp thời, khẩn trương phát hiện, điều tra, truy tố và đưa ra xét

xử nhanh chóng, nghiêm minh các hành vi phạm tội.

Trong những năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng, đặc biệt trong phát huy mối quan hệ phối hợp nên việc giải quyết các vụ án đạt tỷ lệ cao và chất lượng hoạt động tố tụng ngày càng được đảm bảo, án tồn đọng và quá hạn luật định được hạn chế tối đa. Việc xét xử các vụ án MBN về cơ bản đã đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nhiều vụ án nghiêm trọng đã được phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án để khẩn trương bảo vệ, giải cứu nạn nhân, điều tra, thu thập chứng cứ, đưa ra xét xử công khai, nghiêm minh; các hình phạt áp dụng đối với người phạm tội nghiêm khắc, đúng mức, được dư luận nhân dân đồng tình, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được bảo đảm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, thời gian qua công tác phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định làm giảm hiệu quả của quá trình tố tụng như:

- Nội dung trao đổi thông tin chưa sâu, chưa thường xuyên, chưa cụ thể, còn mang tính đơn lẻ của từng vụ việc; việc xác lập, đấu tranh chuyên án MBN còn khiêm tốn, chưa đáp ứng với tình hình thực tiễn;

- Sau khi kết thúc các vụ việc chưa tổ chức tổng kết, trao đổi, rút kinh nghiệm;

- Chưa xây dựng kế hoạch chung để triển khai thực hiện mà mỗi lực lượng còn làm theo cách riêng của mình;

- Đặc biệt, phối hợp trong công tác nghiệp vụ còn chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ, trong đó công tác tiếp nhận nguồn tin chưa triệt để, nhanh chóng, một số vụ việc công an cơ sở xử lý chưa chính xác,

giữ lại tự giải quyết trái thẩm quyền hoặc chuyển chậm, gây mất dấu vết, chứng cứ, lộ bí mật, gây khó khăn cho việc điều tra, xác minh tội phạm. Nhiều trường hợp Điều tra viên không chủ động trao đổi với Kiểm sát viên, Kiểm sát viên không nắm được đầy đủ về vụ án, bị lúng túng, đề xuất xử lý không chuẩn xác, dẫn đến bị trả hồ sơ điều tra bổ sung, Tòa án xử không tội hoặc bị huỷ án. Bên cạnh đó, cơ sở pháp lý của quan hệ phối hợp không rõ ràng, không có quy định phối hợp đến đâu là đủ khiến một số vụ án có sự ỷ lại, trông chờ nhau dẫn đến chậm tiến độ. Nhiều vụ việc còn thể hiện việc phối hợp chưa đúng mức, vi phạm tính độc lập của mỗi cơ quan, có vụ án phải hợp nhiều lần, làm giảm tính chủ động của mỗi ngành, các vụ án khó xác định tội danh, có quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ, mỗi cơ quan đều muốn giữ nguyên tắc bảo vệ quan điểm của mình dẫn đến vụ án bị kéo dài...

Nguyên nhân của tình trạng trên chủ yếu là do chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, chuyên môn, nghiệp vụ, thẩm quyền khác nhau của các lực lượng. Nhưng điều đặc biệt không thể phủ nhận là do nhận thức về quan hệ phối hợp chưa thống nhất, chưa thật sự tin tưởng lẫn nhau, chưa có cơ chế phối hợp đồng bộ, toàn diện trên toàn tuyến để xác định trách nhiệm của từng lực lượng phối hợp. Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ còn yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ dẫn đến ngại phối hợp, làm ảnh hưởng đến yêu cầu chung.

Vì vậy, việc nâng cao chất lượng phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở lấy nạn nhân làm trung tâm là đòi hỏi cấp thiết để đảm bảo các vụ án, vụ việc MBN được giải quyết kịp thời, nhanh chóng. Các vụ việc có dấu hiệu tội phạm

MBN phải được thụ lý điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ phải khởi tố vụ án hình sự để điều tra theo đúng quy định của pháp luật. Hiệu quả mối quan hệ phối hợp còn giúp cho công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm MBN bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại phải được bảo đảm tối đa, bị hại được tiếp nhận, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ kịp thời, hiệu quả, được giữ bí mật đời tư. Hạn chế tối đa hoạt động lấy lời khai nhằm tránh những sang chấn và tái sang chấn tâm lý cũng như các trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa ba cơ quan, bảo đảm không có trường hợp đình chỉ điều tra hoặc Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên không phạm tội.

2. Giải pháp nâng cao chất lượng mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án mua bán người trên cơ sở lấy nạn nhân làm trung tâm

Để nâng cao chất lượng mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án MBN trên cơ sở lấy nạn nhân làm trung tâm, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, về yêu cầu chung của mối quan hệ phối hợp

- Sự phối hợp phải được thực hiện trên cơ sở phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo, nhạy bén của mỗi cơ quan. Việc phối hợp phải dựa trên nguyên tắc bảo đảm tuân thủ pháp luật, phối hợp chặt chẽ, kịp thời, giải quyết nhanh chóng, làm cho quan hệ phối hợp trở nên thực chất, gắn bó trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của

mỗi ngành. Việc phối hợp phải toàn diện với sự tham gia của đầy đủ các lực lượng có liên quan trong công tác phòng, chống tội phạm. Công tác phối hợp nhằm bảo đảm tính khách quan và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, từng đơn vị nhưng không vì việc phối hợp mà bỏ qua cho nhau các vi phạm trong công tác nghiệp vụ.

- Ngay từ thời điểm xuất hiện nguồn tin về tội phạm, cơ quan tố tụng (đặc biệt là Cơ quan điều tra) phải phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ, chính quyền cơ sở tổ chức tiếp nhận, hỗ trợ ban đầu cho những nạn nhân bị buôn bán trở về; phối hợp với gia đình tạo điều kiện động viên về tinh thần để các nạn nhân ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng. Đồng thời, cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực chức năng của mình phải thực hiện tốt thỏa thuận hợp tác trao đổi thông tin với lực lượng chức năng nước bạn, kịp thời trao đổi thông tin tình hình, phối hợp giải quyết các vụ việc xảy ra trên tuyến biên giới. Giữa các cơ quan có chức năng tiếp nhận, xác minh nguồn tin phải đảm bảo thu thập nhanh chóng tài liệu, đồ vật, lời khai... theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ, tránh làm mất, hư hỏng dấu vết, vật chứng.

- Công tác phối hợp phải thực hiện thường xuyên, đồng bộ, kịp thời, bám sát nội dung quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phòng, chống MBN và các văn bản pháp luật có liên quan. Lãnh đạo các cơ quan phải thường xuyên, định kỳ họp thống nhất các biện pháp tổ chức phối hợp, tăng cường chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án MBN.

- Công tác phối hợp phải đảm bảo giữ bí mật cá nhân của bị hại và gia đình, loại

trừ những nguy cơ dẫn đến bị hại có thể tiếp tục bị mua bán. Ưu tiên, nhanh chóng thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, hỗ trợ ổn định tinh thần cho nạn nhân, bảo đảm giải quyết kịp thời quyền được bồi thường thiệt hại do hành vi MBN gây ra cũng như khẩn trương thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ, giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật.

- Cần khuyến khích các cơ quan có thẩm quyền tiến hành ký kết các quy chế phối hợp để tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ trong hoạt động thực tiễn, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy chế phối hợp giữa các lực lượng, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để có biện pháp xử lý. Tích cực tổ chức các hội thảo, hội nghị trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác phối hợp, mở các lớp tập huấn chung cho cán bộ chuyên trách phòng, chống tội phạm MBN về nghiệp vụ, pháp luật. Đồng thời, có biện pháp nâng cao trình độ, nghiệp vụ đi đôi với rèn luyện bản lĩnh, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức của đội ngũ cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết các vụ án MBN.

Thứ hai, đảm bảo nội dung phối hợp trong từng giai đoạn tố tụng với nhiệm vụ đặt nạn nhân vào vị trí trung tâm

Một là, trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm. Giai đoạn này, Điều tra viên phải đóng vai trò chủ trì và đảm bảo tính chủ động trong hoạt động phối hợp, bảo đảm tất cả các nguồn tin về tội phạm MBN đều phải được tiếp nhận, giải quyết. Theo đó, việc phối hợp phải chú trọng mối quan hệ với các chủ thể có vai trò quan trọng nhằm kịp thời giải cứu, khám chữa bệnh cho nạn nhân (nếu cần), thu thập đầy đủ chứng cứ,

tránh bỏ lọt tội phạm cũng như thực hiện các biện pháp khác nhằm hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân kịp thời. Do đó, trong giai đoạn này, Cơ quan điều tra phải tích cực phối hợp với các chủ thể như cơ quan y tế, cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội, lực lượng Công an phường, thị trấn, Công an xã, Đồn Công an, các đơn vị Bộ đội biên phòng, Viện kiểm sát, Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan giám định, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân có liên quan. Cụ thể:

- Cơ quan điều tra có trách nhiệm tiếp nhận tất cả các nguồn tin về tội phạm MBN do cá nhân, các cơ quan, tổ chức chuyển đến để thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

- Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố, kiểm sát ngay từ khi các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận nguồn tin về tội phạm. Trường hợp có người trực tiếp đến báo tin, tố giác tại trụ sở thì lập biên bản tiếp nhận, thông báo, chuyển ngay nguồn tin đã nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Nếu có người đưa nạn nhân đến trụ sở báo tin, tố giác thì cần thông báo ngay cho Cơ quan điều tra, Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội để cử người trực tiếp đến trụ sở Viện kiểm sát cùng phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Công an phường, thị trấn, Đồn Công an, Đồn Biên phòng, Trạm kiểm soát Biên phòng ở khu vực biên giới đất liền, bờ biển, hải đảo, Công an xã khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm MBN phải lập biên bản tiếp nhận. Đối với Công an phường, thị trấn, Đồn công an, Đồn Biên phòng, Trạm kiểm soát Biên phòng ở khu vực biên giới đất liền, bờ biển, hải đảo phải tiến hành lập biên bản tiếp nhận, kiểm

tra, xác minh sơ bộ; đối với Công an xã phải tiến hành lấy lời khai ban đầu người tố giác, lập biên bản thu giữ tài liệu vật chứng có liên quan đến hành vi MBN.

- + Nếu phát hiện nạn nhân bị thương tích thì phải đưa ngay đi khám, điều trị và chuyển nguồn tin về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong đúng thời hạn luật định.

- + Trường hợp quần chúng nhân dân đã bắt đối tượng phạm tội quả tang đưa đến trụ sở thì phải tiếp nhận, lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng có liên quan. Nếu nhận được nguồn tin đối tượng đang thực hiện hành vi MBN (đặc biệt đang vận chuyển) phải kịp thời bắt giữ người phạm tội quả tang, giải cứu và bảo vệ nạn nhân, bảo vệ người cung cấp thông tin, bảo vệ hiện trường, thu giữ ngay và bảo quản những tài liệu, đồ vật. Trường hợp nạn nhân bị thương tích thì đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất để cấp cứu, điều trị, đồng thời báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền và tiếp tục phối hợp, hỗ trợ trong quá trình giải quyết tiếp theo.

- + Trường hợp cơ quan Biên phòng nhận nguồn tin là người Việt Nam đang bị mua bán ở khu vực biên giới nước đối diện thì Đồn Biên phòng, Trạm kiểm soát Biên phòng ở khu vực biên giới đất liền, bờ biển, hải đảo phải thông báo ngay cho lực lượng bảo vệ biên giới nước đối diện biết và đề nghị giải cứu, bảo vệ nạn nhân; đồng thời báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiếp tục phối hợp, hỗ trợ trong quá trình giải quyết tiếp theo. Trường hợp đủ căn cứ khởi tố vụ án thì tiến hành theo quy định của pháp luật và thực hiện chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ

quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn luật định.

- Chính quyền địa phương khi tiếp nhận nạn nhân đến tố giác nếu phát hiện nạn nhân có thương tích phải đưa nạn nhân tới cơ sở y tế để điều trị thương tích và thông báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất để giải quyết theo thẩm quyền.

- Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng đài quốc gia về bảo vệ trẻ em 111 hoặc các cơ quan, tổ chức xã hội khác khi tiếp nhận nguồn tin về MBN (trực tiếp hoặc qua điện thoại) cần hỏi rõ tên tuổi, địa chỉ nạn nhân và thực hiện ngay một số nội dung sau:

+ Nếu có người đến báo tin trực tiếp tại trụ sở thì hướng dẫn người báo tin hoặc đưa nạn nhân tới cơ sở khám chữa bệnh ngay (nếu cần) và thông báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất để giải quyết.

+ Ghi nhận các dấu vết trên người nạn nhân (nếu có); tạm bảo quản các dấu vết, đồ vật liên quan trong khi chờ cơ quan Công an đến tiếp nhận vụ việc.

+ Cung cấp đầy đủ các thông tin, bàn giao đầy đủ các dấu vết, đồ vật, các tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến hành vi MBN và phối hợp trong quá trình lấy lời khai nạn nhân khi cơ quan Công an đến tiếp nhận, giải quyết.

- Trường hợp cần thiết, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội phải phối hợp ngay với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai việc hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài khi tiếp nhận nạn nhân đến báo tin cần thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu về nạn nhân và phối hợp ngay với Bộ Công an trong việc xác minh nhân thân

của nạn nhân, cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa họ về nước.

Hai là, trong hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm. Ở giai đoạn này, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát phải phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để cùng bàn bạc, đề ra những giải pháp, biện pháp xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ nhanh chóng, hiệu quả. Hai cơ quan phải thực hiện đánh giá một cách khách quan, toàn diện và chính xác nguồn tin về tội phạm nhằm hướng đến một kết quả duy nhất là kịp thời xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm cũng như không làm oan người vô tội. Cụ thể:

- Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan điều tra phải gửi các quyết định tố tụng đến Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát; khẩn trương tổ chức lực lượng xác minh, thu thập chứng cứ, tạo điều kiện cho các cơ sở khám chữa bệnh, các cơ quan chức năng và tổ chức xã hội khác thực hiện các hoạt động khám, điều trị, hỗ trợ cho người bị xâm hại; thu giữ dấu vết, vật chứng có liên quan, trưng cầu giám định; bảo vệ nạn nhân và người thân của họ, người báo tin, người tố giác. Quá trình kiểm tra, xác minh phải bảo đảm hạn chế tối đa việc lấy lời khai nạn nhân bị mua bán. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm hỗ trợ Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình kiểm tra, xác minh nguồn tin.

- Kiểm sát viên phải kịp thời đề ra yêu cầu xác minh nguồn tin về tội phạm, nội dung yêu cầu kiểm tra, xác minh phải rõ ràng, cụ thể, tạo điều kiện hỗ trợ Điều tra viên làm rõ các tình tiết của sự việc. Điều tra viên phải thực hiện yêu cầu kiểm tra, xác minh và thông báo ngay cho Kiểm sát viên biết khi có kết quả. Nếu có tình

hướng phát sinh, có thay đổi so với dự kiến, Điều tra viên phải thông báo ngay cho Kiểm sát viên để cùng thống nhất kế hoạch kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ tiếp theo.

- Trước khi kết thúc việc kiểm tra, xác minh, ban hành quyết định giải quyết, Cơ quan điều tra phải có văn bản, kèm theo hồ sơ kiểm tra, xác minh gửi đến Viện kiểm sát để trao đổi, thống nhất nội dung giải quyết.

Ba là, phối hợp trong thực hiện các biện pháp thu thập chứng cứ trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Việc phối hợp trong tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ phải trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm thu thập đầy đủ chứng cứ nhưng không được tác động xấu tới tâm lý của nạn nhân. Cụ thể:

- Việc khám nghiệm hiện trường phải được thực hiện theo quy định tại Điều 201 BLTTHS năm 2015. Trước khi khám nghiệm, Điều tra viên chủ trì có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến vụ việc cần khám nghiệm cho Kiểm sát viên biết. Trong quá trình phát hiện, ghi nhận, thu giữ, bảo quản các dấu vết, vật chứng, tài liệu tại hiện trường thì Điều tra viên chủ động trao đổi thống nhất với Kiểm sát viên, Giám định viên, người có chuyên môn bảo đảm việc thực hiện đúng trình tự pháp luật. Kiểm sát viên phải kịp thời trao đổi, đề ra các yêu cầu điều tra để tạo điều kiện thuận lợi cho Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Giám định viên, người có chuyên môn khi thu thập chứng cứ.

- Việc xem xét dấu vết trên thân thể nạn nhân phải được ghi nhận đầy đủ trong Biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể, đánh dấu đầy đủ vị trí thương tích vào sơ đồ, chụp ảnh dấu vết thương tích. Trong

trường hợp cần thiết để bảo đảm ổn định tâm lý cho nạn nhân, Điều tra viên mời cán bộ y tế, chuyên gia tâm lý, người thân của nạn nhân cùng tham gia. Những cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham gia kiểm tra, xem xét dấu vết trên thân thể nạn nhân phải có trách nhiệm hỗ trợ Điều tra viên và giữ bí mật khi thực hiện việc xem xét dấu vết thân thể.

- Đối với hoạt động trung cầu giám định (đặc biệt đối với thương tích, các giấy tờ, tài liệu, dữ liệu điện tử lưu trong các thiết bị ngoại vi...), Cơ quan điều tra phải khẩn trương quyết định trung cầu giám định khi có căn cứ, đồng thời cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu có liên quan cho Giám định viên. Đặc biệt, nếu nạn nhân bị mua bán là người dưới 18 tuổi, cần mời và phối hợp với cha, mẹ, người thân trong gia đình, đại diện Nhà trường, chuyên gia tâm lý trong quá trình khám dấu vết nếu nhận thấy nạn nhân có biểu hiện bất thường, hoảng loạn về tâm lý. Cơ quan điều tra cần trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân dự kiến được trung cầu giám định và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi ra quyết định trung cầu giám định để thống nhất về nội dung trung cầu giám định, thời hạn giám định và vấn đề khác (nếu có). Đối với tổ chức giám định, Giám định viên cần khẩn trương giám định và ban hành kết luận trong thời gian sớm nhất và trao đổi ngay với Điều tra viên trước khi thực hiện giám định nếu nhận thấy nội dung yêu cầu giám định chưa rõ ràng và kịp thời giải thích cụ thể các vấn đề trong kết luận giám định khi có đề nghị của Cơ quan điều tra.

- Việc lấy lời khai của người bị hại cần lựa chọn địa điểm và bố trí theo cách thức thích hợp để họ cảm thấy an toàn, thoải mái. Khi lấy lời khai, Điều tra viên,

Kiểm sát viên có thể ghi âm, ghi hình và phải ghi vào biên bản để làm căn cứ hỗ trợ cho các chứng cứ khác, hạn chế phải lấy lời khai nhiều lần trong thời gian tiếp theo. Khi tiến hành lấy lời khai, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên phải có thái độ thân thiện, nhẹ nhàng, xem xét áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm đến mức thấp nhất thời gian, lần lấy lời khai, tạm dừng ngay việc lấy lời khai khi bị hại có biểu hiện mệt mỏi, ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ. Trường hợp bị hại có biểu hiện bất thường, hoảng loạn về tâm lý, Điều tra viên có thể mời thêm người thân trong gia đình, chuyên gia tâm lý, đại diện các tổ chức xã hội tham gia để phối hợp, hỗ trợ ổn định tâm lý cho bị hại. Người được mời tham gia trong buổi ghi lời khai có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Điều tra viên ổn định tâm lý cho bị hại trong suốt quá trình lấy lời khai và phải giữ bí mật thông tin liên quan đến việc ghi lời khai. Nếu bị hại là người dưới 18 tuổi, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên không nên mặc trang phục ngành khi lấy lời khai.

- Phối hợp trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói. Việc đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, nhận biết giọng nói phải được thực hiện theo đúng quy định tại các điều 189, 190, 204 BLTTHS năm 2015 và không được làm ảnh hưởng xấu tới tâm lý của bị hại. Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên trong thời hạn luật định, Kiểm sát viên phải có mặt, trường hợp vắng mặt phải thông báo cho Cơ quan điều tra trước khi tiến hành 02 giờ. Kết thúc việc thực hiện đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, Điều tra viên phối hợp cùng với Kiểm sát viên kiểm tra, đánh giá kết quả, xem xét sự phù hợp giữa kết quả của các hoạt động trên với các chứng cứ khác

đã thu thập được. Trong quá trình đối chất, nếu bị hại có biểu hiện sợ hãi, không dám đối diện với bị can thì Điều tra viên, Kiểm sát viên phải kịp thời trao đổi, thống nhất phương pháp đối chất cho phù hợp mà không nhất thiết phải tiếp xúc trực diện. Trường hợp cần thiết để không làm ảnh hưởng xấu tới tâm lý của bị hại, Cơ quan điều tra có thể chỉ cho bị hại nhận dạng qua ảnh, nhận biết giọng nói qua băng, đĩa ghi hình có âm thanh. Nếu bị hại là người dưới 18 tuổi, trong quá trình thực hiện, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên không nên mặc trang phục của ngành mình và có thể mời đại diện cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Nhà trường, chuyên gia tâm lý hoặc cán bộ trợ giúp khác tham gia. Những người được mời có trách nhiệm tham gia và phối hợp với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng để hỗ trợ, ổn định tâm lý cho bị hại và giữ bí mật thông tin.

- Trước khi kết thúc điều tra vụ án ít nhất 20 ngày, Điều tra viên chủ động trao đổi với Kiểm sát viên để rà soát, đánh giá toàn bộ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được. Nếu thấy cần bổ sung thêm chứng cứ thì Kiểm sát viên yêu cầu Điều tra viên bổ sung kịp thời. Đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, việc đánh giá chứng cứ khó khăn thì Điều tra viên và Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát hợp, thống nhất đánh giá toàn diện các tình tiết của vụ án. Nếu thấy còn mâu thuẫn chưa làm rõ thì Điều tra viên tiếp tục thu thập bổ sung các chứng cứ, đảm bảo việc kết thúc điều tra vụ án có căn cứ, đúng thời hạn luật định.

Bốn là, phối hợp trong giai đoạn truy tố. Trong giai đoạn này, Kiểm sát viên phải là người chủ động và đóng vai trò chủ trì trong thực hiện mối quan hệ

phối hợp. Kiểm sát viên cần đảm bảo việc nhận hồ sơ kết thúc điều tra nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật; chủ động và phối hợp nhịp nhàng với Điều tra viên trong triển khai các biện pháp trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra, cùng với Cơ quan điều tra rà soát, củng cố chứng cứ, kịp thời bổ sung tài liệu, chứng cứ trong trường hợp phát hiện thiếu sót, mâu thuẫn; giải quyết các vấn đề phát sinh để việc truy tố đúng pháp luật, hạn chế phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Cụ thể:

- Khi kiểm tra hồ sơ kết thúc điều tra, vật chứng, cần bảo đảm tạo thuận lợi cho cả hai cơ quan, khắc phục nhanh chóng nếu có thiếu sót, đảm bảo tiến độ giải quyết vụ án theo hướng tiếp tục nhận hồ sơ nếu sai sót không nghiêm trọng nhưng có đề nghị Cơ quan điều tra bổ sung, khắc phục trong thời hạn nhất định và chỉ không nhận hồ sơ nếu sai sót nghiêm trọng.

- Kiểm sát viên cần nghiên cứu tổng hợp các chứng cứ, bản kết luận điều tra, nếu có tình tiết còn mâu thuẫn chưa được làm rõ thì chủ động trao đổi với Điều tra viên để kiểm tra bổ sung chứng cứ. Điều tra viên có trách nhiệm nghiên cứu, yêu cầu bổ sung chứng cứ và chuyển ngay các tài liệu, chứng cứ sau khi thu thập, bổ sung được cho Kiểm sát viên. Trường hợp thấy cần thiết phải xem xét các vật chứng, dấu vết thì Kiểm sát viên trao đổi để Điều tra viên hỗ trợ thực hiện. Trường hợp cần làm rõ thêm các nội dung nêu trong kết luận giám định thì Kiểm sát viên trao đổi với Giám định viên, mời Điều tra viên cùng tham gia để nghe Giám định viên giải thích nội dung kết quả giám định. Giám định viên có trách nhiệm giải thích rõ những nội dung yêu cầu của Kiểm sát viên.

- Trường hợp Tòa án trả lại hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, Kiểm sát viên phối hợp với Điều tra viên rà soát, đánh giá toàn bộ yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án. Nếu thấy quyết định trả hồ sơ có căn cứ mà xét thấy không cần phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra thì Viện kiểm sát trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để bổ sung tài liệu, chứng cứ, Điều tra viên có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Kiểm sát viên trong việc tiến hành các hoạt động điều tra. Viện kiểm sát chỉ ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra nếu Viện kiểm sát không thể tự điều tra bổ sung được.

Năm là, phối hợp trong giai đoạn xét xử. Trong giai đoạn này, Tòa án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải chủ động trao đổi thông tin, thống nhất trong việc đánh giá các tình tiết với Viện kiểm sát và các cá nhân, tổ chức có liên quan nhằm bảo đảm việc xét xử được nhanh chóng, thân thiện, đúng pháp luật. Cụ thể:

- Thẩm phán được phân công thường xuyên có sự trao đổi nghiệp vụ với Kiểm sát viên nhằm tháo gỡ, khắc phục những thiếu sót có thể xảy ra. Kiểm sát viên chuẩn bị kỹ nội dung, đưa ra các luận cứ sắc bén buộc tội các bị can, nhất là các vụ án trọng điểm, án xét xử rút kinh nghiệm.

- Với các vụ án chuyển Tòa án để chuẩn bị xét xử có nhiều quan điểm khác nhau khi áp dụng điều khoản trong Cáo trạng thì Thẩm phán và Kiểm sát viên chủ động trao đổi, thống nhất về quan điểm và áp dụng điều luật. Lãnh đạo hai cơ quan tố tụng theo dõi chặt chẽ các vụ án và có hướng chỉ đạo kịp thời, trường hợp cần thiết thì Kiểm sát viên, Thẩm phán chủ động báo cáo Lãnh đạo hợp liên ngành

để cùng nhau tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, thống nhất quan điểm xử lý vụ án nhằm đảm bảo vụ án được xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm hay oan sai.

- Tòa án có trách nhiệm phân công cán bộ, Thẩm phán có năng lực, trình độ, kiến thức tâm lý và kinh nghiệm chuyên môn để xét xử các vụ án MBN; thường xuyên phối hợp, hợp bàn với các cơ quan tiến hành tố tụng để đề ra những biện pháp tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, đảm bảo nâng cao chất lượng xét xử các vụ án MBN, đảm bảo các vụ án này được tiến hành chính xác, đúng pháp luật, không để quá hạn luật định, tồn đọng; kiên quyết không xét xử oan hoặc bỏ lọt tội phạm.

- Trước khi mở phiên tòa, Tòa án phải kịp thời phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 279 BLTTHS năm 2015 trong các trường hợp cần bố trí phòng cách ly cho bị hại khi tham gia phiên tòa; cử chuyên gia tâm lý hỗ trợ bị hại; triệu tập Điều tra viên hoặc những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác đã tham gia thụ lý, giải quyết vụ án đến phiên tòa; áp dụng các biện pháp bảo vệ bị hại tại phiên tòa; cử luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân hoặc những người khác bảo vệ quyền lợi nếu bị hại dưới 18 tuổi; cung cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ phiên tòa để bảo đảm các quyền, lợi ích của bị hại đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm phán có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, rà soát tài liệu, chứng cứ trước khi đưa vụ án ra xét xử, hạn chế trả hồ sơ điều tra bổ sung, phối hợp với Viện kiểm sát trong việc Tòa án trực tiếp thực hiện

các hoạt động thu thập chứng cứ. Kiểm sát viên cần nghiên cứu yêu cầu bổ sung chứng cứ và chuyển ngay các tài liệu, chứng cứ sau khi thu thập, bổ sung được cho Tòa án.

- Tòa án và Viện kiểm sát phải phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức phiên tòa trên cơ sở rút ngắn thời hạn, đảm bảo thân thiện, giữ bí mật thông tin của bị hại. Đối với các tài liệu cần công bố bằng hình ảnh tại phiên tòa đã được số hóa, Kiểm sát viên phối hợp với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chuẩn bị các thiết bị phục vụ việc công bố. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tranh tụng nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất. Nếu bị hại là người dưới 18 tuổi, Tòa án cần đảm bảo các trình tự, thủ tục đặc biệt, bảo đảm sự có mặt của những thành phần bắt buộc theo quy định của pháp luật tại phiên tòa, bảo đảm sự có mặt tại phiên tòa của Điều tra viên, Giám định viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thụ lý, giải quyết vụ án và những người khác...

- Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải phối hợp với Viện kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm trong việc xử lý kháng cáo, kháng nghị trên cơ sở rút ngắn thời hạn giải quyết vụ án, tạo thuận lợi cho hai cơ quan, khắc phục nhanh chóng những vấn đề hồ sơ chưa hợp lệ, đảm bảo giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật.

Sáu là, phối hợp trong công tác tương trợ tư pháp về hình sự và bảo vệ bị hại. Với đặc thù của án MBN là nhu cầu thu thập chứng cứ và đề nghị yêu cầu tương trợ tư pháp tương đối phổ biến, cũng như quá trình giải quyết phải đảm bảo tránh làm ảnh hưởng tiêu cực tới tâm lý của bị hại

nên công tác phối hợp giữa các cơ quan phải đảm bảo thu thập chứng cứ nhanh chóng, kịp thời, tháo gỡ những khó khăn trong thực tiễn. Cụ thể:

- Trường hợp cần thu thập tài liệu để làm rõ nội dung vụ việc ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin tội phạm, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có thẩm quyền cần phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) để trao đổi, quyết định về sự cần thiết lập yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự. VKSNDTC phải cập nhật đầy đủ các mẫu liên quan đến văn bản ủy thác tư pháp, hướng dẫn việc lập yêu cầu tương trợ tư pháp phù hợp với pháp luật của nước được yêu cầu và đơn đốc phía nước ngoài thực hiện ủy thác tư pháp.

- Trường hợp qua kiểm tra phát hiện hồ sơ ủy thác tư pháp không hợp lệ, VKSNDTC chủ động thông báo và yêu cầu cơ quan lập ủy thác khắc phục, bổ sung kịp thời. Chỉ trả lại hồ sơ yêu cầu ủy thác nếu hết thời hạn thỏa thuận mà cơ quan lập hồ sơ ủy thác không thể bổ sung, khắc phục được. Cơ quan tố tụng lập yêu cầu phải phối hợp với VKSNDTC bổ sung, làm rõ thêm thông tin, tài liệu về việc ủy thác của mình khi nhận được đề nghị bổ sung của quốc gia được yêu cầu để việc thực hiện tương trợ đạt hiệu quả.

- Sau khi nhận được kết quả ủy thác tư pháp của phía nước ngoài, VKSNDTC phải nghiên cứu ngay nội dung, kịp thời chuyển trả kết quả cho cơ quan tố tụng lập yêu cầu và phối hợp với cơ quan lập yêu cầu thống nhất về những nội dung cần tiếp tục trao đổi với nước ngoài trong trường hợp kết quả tương trợ chưa đầy đủ hoặc chưa đáp ứng đúng yêu cầu.

- Trường hợp thực hiện những biện pháp tố tụng cần có sự trao đổi để chuẩn bị phối hợp thực hiện với nước ngoài, sử

dụng cầu truyền hình để lấy lời khai người tham gia tố tụng đang ở nước ngoài, nhận dạng người hoặc đồ vật... thì cơ quan tiến hành tố tụng chủ động liên hệ, phối hợp với VKSNDTC để thực hiện. VKSNDTC có trách nhiệm hỗ trợ tối đa cho cơ quan tiến hành tố tụng các địa phương trong hoạt động này.

- Nhằm bảo đảm tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị hại hoặc người thân thích của họ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại do việc cung cấp chứng cứ, tài liệu, thông tin liên quan đến tội phạm MBN thì ngoài các biện pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 486 BLTTHS năm 2015, cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng thêm các biện pháp sau đây: (1) Đề nghị các cơ quan thông tin, truyền thông gỡ các bài báo, thông tin trên mạng xã hội về nhân thân của bị hại; (2) Áp dụng các biện pháp hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo mật thông tin nhân thân, bảo vệ danh dự, nhân phẩm bị hại bị phát tán trên mạng Internet hoặc các mạng xã hội; (3) Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan, tổ chức xử lý theo thẩm quyền đối với người cố tình phát tán, đưa thông tin làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại; (4) Đối với người bào chữa, khi được tiếp xúc, nghiên cứu đơn thư tố giác, lời khai hoặc các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án có liên quan đến người đang được áp dụng các biện pháp bảo vệ, phải cam kết giữ bí mật bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết đó./.

HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI GIỮA VIỆT NAM VỚI NƯỚC NGOÀI

VŨ THỊ HẢI YẾN*

Trong những năm gần đây, tội phạm xuyên quốc gia nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng có nhiều diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, hoạt động tương trợ tư pháp giữa các quốc gia là một đòi hỏi khách quan trong quá trình toàn cầu hoá. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đánh giá thực trạng hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người của Việt Nam hiện nay và đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm về mua bán người trong thời gian tới.

Từ khóa: Tương trợ tư pháp về hình sự, tội phạm mua bán người, Viện kiểm sát nhân dân, Luật tương trợ tư pháp năm 2007.

Ngày nhận bài: 04/6/2021; Biên tập xong: 10/6/2021; Duyệt đăng: 10/6/2021

In recent years, transnational crimes and human trafficking crimes in particular have had many complicated developments. In that context, mutual legal assistance between countries is an objective requirement in the globalization process. Within the scope of this article, the author assesses the current activities of mutual legal assistance in criminal matters related to human trafficking in Viet Nam, and shares some recommendations.

Keywords: Criminal mutual legal assistance, human trafficking crimes, the People Procurocy, Law on Legal assistance on 2007.

Trong những năm gần đây, tội phạm mua bán người ngày càng có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, trở thành vấn nạn trên toàn cầu, nhiều quốc gia đã phải nâng cấp báo động tình trạng này. Trước đây, tội phạm mua bán người chỉ có buôn bán phụ nữ, nay đã xuất hiện tình trạng mua bán cả nam giới với mục đích mua bán để lấy tạng. Theo ước tính của Liên Hợp Quốc, mỗi năm trên thế giới có khoảng 800.000 đến 1.000.000 người bị mua bán, tương đương khoảng gần 3.000 người bị mua bán trong 01 ngày với lợi nhuận thu được vào khoảng 150 tỷ USD/năm¹.

Tình hình tội phạm mua bán người ở nước ta cũng diễn biến hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả số vụ cũng như tính chất nghiêm trọng về phương thức và thủ đoạn phạm tội. Ở Việt Nam, thủ đoạn của bọn tội phạm là lợi dụng những phụ nữ trẻ tuổi ở vùng sâu, vùng xa, có hoàn cảnh khó khăn, hạn chế về hiểu biết pháp luật, hoặc do sinh con ngoài ý muốn, lợi dụng sự nhẹ dạ, mất cảnh giác của các nữ sinh; của một số người có nhu cầu đi lao động nước ngoài hoặc tìm việc làm; lợi dụng kẽ hở trong công tác quản lý nhà nước để môi giới hôn nhân, nhận con nuôi

¹ Tham khảo tại Trang: Baoquocte.vn số ra ngày 28/10/2019 – Báo điện tử Thế giới và Việt Nam của Bộ Ngoại giao.

^{*} Thạc sĩ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

có yếu tố nước ngoài nhằm dụ dỗ, lừa gạt rồi bán nạn nhân ra nước ngoài hoặc đưa vào các tụ điểm trong nước ép làm gái mại dâm hoặc cưỡng bức lao động. Các đối tượng phạm tội hình thành nhiều đường dây băng nhóm liên tỉnh, xuyên biên giới, xuyên quốc gia lừa bán phụ nữ ép tham gia hoạt động mại dâm, bán làm vợ, để thuê, lừa bán nội tạng.

Tội phạm mua bán người chủ yếu là đưa người ra nước ngoài (chiếm khoảng gần 90%), tập trung chủ yếu qua các tuyến biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với Trung Quốc chiếm trên 75%, sang Lào và Campuchia chiếm khoảng 11%, còn lại là mua bán người sang một số nước khác như Thái Lan, Malaysia, Nga²... Tội phạm mua bán người biến các nạn nhân trở thành đối tượng của cưỡng bức lao động trong các ngành như: Xây dựng, ngư nghiệp, nông nghiệp, khai thác mỏ, công nghiệp hàng hải..., chủ yếu ở Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản; một số vùng ở châu Âu và Vương quốc Anh với mức độ ít hơn; hoặc bóc lột tình dục trước khi nạn nhân đến được đích cuối cùng; nhiều người bị lừa gạt về các cơ hội lao động và sau đó bị bán cho các nhà thổ ở vùng biên giới. Một số phụ nữ Việt Nam ra nước ngoài để kết hôn theo môi giới quốc tế hoặc làm việc trong các nhà hàng, cơ sở massage, quán bar, karaoke, đã trở thành nô lệ giúp việc gia đình hoặc nô lệ tình dục³. Gần đây, tội phạm mua bán người ngày càng tích cực sử dụng mạng Internet, các trang web chơi game và đặc biệt là mạng xã hội để dụ dỗ các nạn nhân, lan rộng hoạt động

mua bán người và kiểm soát nạn nhân bằng cách hạn chế cho họ truy cập mạng xã hội, mạo danh họ phát tán thông tin sai lệch trên mạng xã hội.

Nhiệm vụ phòng, chống mua bán người đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới. Thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước, tham gia tích cực và có trách nhiệm vào các diễn đàn hợp tác quốc tế đa phương, song phương về đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người; tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Tổ chức di cư quốc tế (IOM), Cao uỷ Liên Hợp Quốc về người tị nạn (UNHRC), Văn phòng Liên Hợp Quốc về phòng chống ma túy và tội phạm (UNODC), Tổ chức phụ nữ Liên Hợp Quốc (UN Women)... và các tổ chức phi chính phủ như: Quỹ toàn cầu nhằm chấm dứt tình trạng nô lệ hiện đại (GFEMS), Tổ chức tầm nhìn thế giới (World Vision) nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật, tài chính trong các hoạt động nâng cao năng lực phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

Do tội phạm mua bán người chủ yếu là đưa người ra nước ngoài nên đa số các vụ án xảy ra đều ít nhiều liên quan đến yếu tố nước ngoài và phải thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nhằm thu thập thông tin, chứng cứ hay thực hiện các thủ tục tố tụng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tương trợ tư pháp về hình sự là một kênh chính thức và hiệu quả để được hỗ trợ làm rõ các đối tượng đồng phạm ở nước ngoài và tình trạng của nạn nhân, qua đó chứng minh cho hành vi phạm tội của các đối tượng trong

² Theo Báo cáo tổng kết 09 năm thi hành Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 của Bộ Công an.

³ Theo Báo cáo thường niên về tình hình mua bán người năm 2020 của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đối với Việt Nam.

nước. Thực tiễn cho thấy, hoạt động này đã góp phần giải quyết triệt để các vụ án liên quan đến loại tội phạm này, tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức và chưa đảm bảo tính kịp thời so với đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu của quy định pháp luật tố tụng hình sự.

1. Cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

Pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự Việt Nam được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế có liên quan, cụ thể là:

1.1. Quy định của pháp luật trong nước

Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015.

Điều 17 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 quy định: Phạm vi tương trợ tư pháp được áp dụng cho cả yêu cầu tương trợ của Việt Nam gửi nước ngoài và của nước ngoài gửi Việt Nam, bao gồm: Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến các vụ việc hình sự; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ; truy cứu trách nhiệm hình sự; trao đổi thông tin; các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về hình sự.

Ngoài ra, theo quy định tại Phần thứ tám BLTTHS năm 2015 về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự (từ Điều 491 đến Điều 508), tương trợ tư pháp còn bao gồm: Việc tiến hành tố tụng của người có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người có thẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam (Điều 495); Sự có mặt của người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam ở nước ngoài; người làm chứng,

người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại nước ngoài ở Việt Nam (Điều 496); Xử lý tài sản do phạm tội mà có (Điều 502).

Quy định về Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam:

Theo quy định tại Điều 64 Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) có trách nhiệm “Tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự; xem xét, quyết định việc thực hiện và yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan điều tra có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự; từ chối hoặc hoãn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự theo thẩm quyền”. Theo đó, Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, VKSNDTC là đơn vị tham mưu cho Viện trưởng VKSNDTC thực hiện chức năng Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự.

Điều 493 BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể hơn vai trò của VKSNDTC trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, theo đó: Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự và các hoạt động hợp tác quốc tế khác.

1.2. Quy định của các điều ước quốc tế

Bên cạnh các quy định pháp luật trong nước, những điều ước quốc tế đa phương, song phương là hợp phần quan trọng của khung pháp lý điều chỉnh hoạt động tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài. Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự hoặc có các điều khoản về tương trợ tư pháp hình sự.

Việt Nam là thành viên của Công ước quốc tế của Liên Hợp Quốc về phòng, chống ma túy, Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Nghị định thư của Liên Hợp Quốc về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (năm 2021), Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người (năm 2015), Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN (năm 2004). Các Công ước đa phương UNCAC và UNTOC đều khuyến nghị các quốc gia thành viên dành cho nhau sự tương trợ tối đa trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và điều này cũng đã được ghi nhận trong nhiều Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự song phương mà Việt Nam đã ký kết.

Việt Nam hiện đã ký kết 14 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với các nước, trong đó có 09 Hiệp định tương trợ tư pháp điều chỉnh đa lĩnh vực gồm dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình và lao động⁴ (đây là các hiệp định đã ký ở giai đoạn trước những năm 2000) và 14 Hiệp định tương trợ tư pháp điều chỉnh riêng về lĩnh vực tương trợ tư pháp hình sự⁵.

Những điều ước quốc tế này là cơ sở pháp lý trực tiếp, có ràng buộc về nghĩa vụ, bao gồm những điều khoản cụ thể, đầy đủ, hài hòa hóa pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với các nước ký

kết; từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nhau. Trong thời gian tới, với nhiệm vụ được pháp luật quy định, VKSNDTC tiếp tục thúc đẩy các hoạt động đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với nước ngoài, nhất là các nước có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống, đối tác chiến lược, các quốc gia láng giềng trong khu vực và các nước có đông cộng đồng người Việt đang sinh sống, học tập và làm việc.

2. Tình hình hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người

2.1. Công tác tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng trong nước đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện

Theo số liệu thống kê của Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, VKSNDTC, trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, thông qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp đã tiếp nhận, giải quyết 67 yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người của các cơ quan tiến hành tố tụng trong nước gửi cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị thực hiện, chiếm khoảng hơn 10% trong tổng số yêu cầu đi trong giai đoạn này; trong đó có 32 yêu cầu liên quan đến hành vi tổ chức/môi giới đưa người ra nước ngoài trái phép, 35 yêu cầu liên quan đến hành vi mua bán người, bao gồm cả hành vi mua bán trẻ em dưới 16 tuổi. Địa phương có cơ quan tiến hành tố tụng lập nhiều yêu cầu loại này là các tỉnh có chung đường biên giới với Trung Quốc, Campuchia, các tỉnh miền tây Nam Bộ và một số tỉnh như: Bắc Ninh, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Bình...

⁴ Gồm: Hiệp định ký với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc (hiện là Cộng hòa Séc và Cộng hòa Slovakia kế thừa), Bulgaria, Ba Lan, Liên bang Nga, Trung Quốc, Ukraina, Mông Cổ, Belarus, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

⁵ Gồm: Hiệp định ký với Hàn Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, Algeria, Indonesia, Australia, Tây Ban Nha, Hungary, Pháp, Kazakhstan, Cuba, Mô-dăm-bích, Campuchia và Lào.

Các yêu cầu đề nghị nước ngoài thực hiện chủ yếu nhằm thu thập thông tin nhân thân và tiền án, tiền sự, thu thập chứng cứ (lấy lời khai, cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật), tổng đạt giấy tờ. Các yêu cầu liên quan đến tội phạm mua bán người đa số gửi cơ quan có thẩm quyền Trung Quốc đề nghị thực hiện; một số yêu cầu gửi đi các nước Lào, Campuchia, Singapore, Úc, Malaysia...

Số liệu thống kê cho thấy, nhiều đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đã thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp, kịp thời phối hợp với Cơ quan điều tra cùng cấp trong việc lập, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đề nghị nước ngoài thực hiện phục vụ quá trình giải quyết các vụ án về mua bán người. Kết quả thực hiện tương trợ của nước ngoài đã giúp cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về mua bán người của các cơ quan tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, góp phần tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

2.2. Công tác tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng nước ngoài đề nghị Việt Nam thực hiện liên quan đến tội phạm mua bán người

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, có 09 yêu cầu tương trợ liên quan đến tội phạm mua bán người của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài gửi Việt Nam đề nghị hỗ trợ thực hiện, trong đó có 04 yêu cầu liên quan đến hành vi vượt biên trái phép/tổ chức nhập cảnh trái phép; 04 yêu cầu về hành vi mua bán người và 01 yêu cầu của Malaysia đề nghị hỗ trợ triệu tập người làm chứng là công dân Việt

Nam để giải quyết vụ án mua bán người tại Malaysia. VKSNDTC đã quan tâm thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp trong quá trình tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định yêu cầu đến của nước ngoài và việc thực hiện tương trợ của các cơ quan tiến hành tố tụng trong nước. Việc thực hiện tương trợ về phía Việt Nam cơ bản đáp ứng về thời hạn, kết quả, thủ tục theo yêu cầu của phía nước ngoài, góp phần đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tội phạm về mua bán người, đồng thời khẳng định những nỗ lực của Việt Nam trong hợp tác quốc tế đấu tranh với loại tội phạm này. Ngoài ra, kết quả thực hiện tương trợ cho nước ngoài còn góp phần bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài, các trường hợp là nạn nhân của tội phạm mua bán người.

3. Một số khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp đối với các vụ án về mua bán người

3.1. Khó khăn, vướng mắc

Mặc dù hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người nói chung và tương trợ tư pháp liên quan đến tội phạm này nói riêng trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định nhưng thực tế vẫn còn nhiều hạn chế, vướng mắc, đó là:

- Thứ nhất, kết quả tương trợ chưa đảm bảo tính kịp thời. Tội phạm mua bán người chủ yếu là tội phạm ẩn, rất ít trường hợp bị bắt quả tang nên khi người bị hại trốn được về và có đơn tố cáo thì đối tượng phạm tội mới bị phát hiện, điều tra, truy tố, chủ yếu là án truy xét nên rất khó điều tra. Một số trường hợp xác định được người phạm tội nhưng không xác định

được nạn nhân (do nạn nhân vẫn đang ở nước ngoài nên không lấy được lời khai), dẫn đến một số vụ án phải tạm đình chỉ, đình chỉ liên quan đến nước ngoài hoặc kéo dài thời gian giải quyết. Hầu hết các vụ án mua bán người có yếu tố nước ngoài nên việc thu thập chứng cứ ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn, thậm chí nhiều vụ không thu thập được hoặc vi phạm thời hạn giải quyết vụ án dẫn đến vụ án không được xử lý một cách triệt để, toàn diện, nhất là không xử lý được các đối tượng là người nước ngoài và người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài. Trong khi đó, việc thực hiện các yêu cầu xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ do các cơ quan chức năng có thẩm quyền hai bên biên giới theo nguyên tắc có đi có lại, thậm chí sử dụng mối quan hệ ở địa phương thường nhanh hơn, thuận lợi hơn nhưng những tài liệu, thông tin có được bằng kênh này theo quy định của pháp luật thì không được sử dụng làm chứng cứ.

- *Thứ hai, hồ sơ yêu cầu tương trợ chưa đáp ứng đúng yêu cầu.* Chất lượng hồ sơ yêu cầu do nhiều cơ quan tiến hành tố tụng trong nước lập, gửi nước ngoài còn hạn chế, thiếu thông tin, tài liệu cần thiết, thông tin cá nhân người có liên quan không đầy đủ, không kèm theo bản dịch sang tiếng của nước được yêu cầu hoặc có bản dịch nhưng không bảo đảm chất lượng. Do đó, số lượng hồ sơ phải hướng dẫn lập lại còn nhiều, dẫn đến kéo dài thời gian đề nghị phía nước ngoài thực hiện tương trợ. Bên cạnh đó, phía nước ngoài yêu cầu phải đáp ứng đủ các điều kiện về mặt pháp lý theo quy định của pháp luật nước được yêu cầu. Quá trình trao đổi để bổ sung các thông tin, tài liệu theo đề nghị của nước ngoài cũng thường mất nhiều thời gian, ảnh hưởng không nhỏ đến thời hạn, tiến

độ giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam.

Đối với các vụ án mua bán người có bị can, bị cáo là người nước ngoài, việc lập yêu cầu tương trợ đề nghị nước ngoài cung cấp thông tin nhân thân và tiền án, tiền sự là bắt buộc để lập lý lịch bị can và làm căn cứ xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, nhiều trường hợp, cơ quan lập yêu cầu không nêu rõ lý do, mục đích của việc thu thập những thông tin này hoặc không có thông tin về địa chỉ, từ đó dẫn đến việc nước được yêu cầu không thể cung cấp thông tin về nhân thân của cá nhân do được bảo mật theo pháp luật nước đó nếu bên yêu cầu không nêu ra được lý do, mục đích của việc thu thập.

- *Thứ ba, kênh liên hệ.* Một số cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn lúng túng trong cách thức gửi yêu cầu tương trợ cho nước ngoài; không gửi yêu cầu tương trợ qua Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự theo quy định của pháp luật mà gửi tới các cơ quan khác như: Văn phòng Interpol Việt Nam, Sở Ngoại vụ, Cục Lãnh sự, Đại sứ quán hoặc Cơ quan lãnh sự nước ngoài hoặc gửi trực tiếp đến các cơ quan tiến hành tố tụng nước ngoài. Do đó, nhiều trường hợp yêu cầu tương trợ bị nước ngoài trả lại, không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng không bảo đảm giá trị pháp lý của kết quả tương trợ. Trong khi đó, VKSNDTC không nắm được thông tin để phối hợp, liên hệ đôn đốc thực hiện.

3.2. Nguyên nhân

Những khó khăn, vướng mắc nêu trên là do một số nguyên nhân chính sau đây:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Khác biệt về hệ thống pháp luật:

Ngoài việc lập, gửi yêu cầu tương trợ bảo đảm chất lượng, phù hợp với quy định của pháp luật trong nước và điều ước quốc tế có liên quan, việc thực hiện tương trợ có hiệu quả còn phụ thuộc nhiều vào thực tiễn thực thi pháp luật của các nước. Trong nhiều trường hợp, các cơ quan tố tụng lập yêu cầu tương trợ không thể đáp ứng được đòi hỏi của nước được yêu cầu về điều kiện, chuẩn mực pháp lý để việc tương trợ có thể thực hiện. Bên cạnh đó, yêu cầu tương trợ gửi đi phải đảm bảo nguyên tắc tội phạm kép. Đây là một nguyên tắc cơ bản được cộng đồng quốc tế thừa nhận và tuân thủ trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự. Qua theo dõi các yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự mà Việt Nam gửi đi nước ngoài thời gian qua có thể thấy, một số quốc gia vẫn áp dụng đầy đủ nguyên tắc tội phạm kép đối với các yêu cầu tương trợ.

Ví dụ, theo quy định của Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, hình sự năm 1998 giữa Việt Nam và Trung Quốc, VKSNDTC Trung Quốc là cơ quan đầu mối tiếp nhận, xử lý các yêu cầu tương trợ của Việt Nam. Điều này có nghĩa là khi tiếp nhận các yêu cầu tương trợ của Việt Nam, phía Trung Quốc sẽ nghiên cứu thẩm định hồ sơ yêu cầu, nếu xét thấy hành vi trong yêu cầu không cấu thành tội phạm theo quy định pháp luật Trung Quốc thì VKSNDTC Trung Quốc sẽ có công hàm yêu cầu Việt Nam bổ sung thông tin để chứng minh hành vi đó cũng cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Trung Quốc. Pháp luật Trung Quốc chỉ coi mua bán người làm nô lệ tình dục, cưỡng bức lao động để lấy bộ phận cơ thể là tội phạm, chưa công nhận mua

bán người để phục vụ kết hôn bất hợp pháp với người bản địa nên các yêu cầu của Việt Nam liên quan đến các tội này sẽ bị phía Trung Quốc từ chối thực hiện. Hoặc theo quy định của pháp luật Hàn Quốc, hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng không được coi là tội phạm hình sự mà chỉ là vấn đề dân sự giữa các bên nên các yêu cầu của Việt Nam liên quan đến các tội mua bán người vì mục đích này cũng sẽ bị Hàn Quốc từ chối thực hiện với lý do không cấu thành tội phạm theo quy định của phía nước bạn.

+ Tương trợ tư pháp được thực hiện không có thời hạn: Pháp luật tương trợ tư pháp và thông lệ quốc tế không quy định thời hạn thực hiện tương trợ. Vì vậy, kể cả trường hợp yêu cầu tương trợ của Việt Nam gửi cho nước ngoài thực hiện theo nghĩa vụ ràng buộc bởi các điều ước quốc tế thì việc có kết quả tương trợ trong thời hạn mong muốn vẫn còn gặp khó khăn. Việc có kết quả tương trợ sớm hay muộn hoàn toàn phụ thuộc vào thiện chí hợp tác của phía nước ngoài đối với ta. Thời gian gửi yêu cầu và nhận kết quả thực hiện cũng như thời gian mà cơ quan có thẩm quyền của phía nước ngoài tiếp nhận, xử lý, thực hiện nội dung yêu cầu tương trợ cũng thường kéo dài. Đặc biệt là khi đại dịch COVID-19 bùng phát ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, dịch vụ bưu chính quốc tế không đáp ứng chỉ tiêu về mặt thời gian, các cơ quan tư pháp nước ngoài cũng mất nhiều thời gian hơn để xử lý yêu cầu tương trợ của Việt Nam do ảnh hưởng của việc giãn cách xã hội.

+ Khung pháp lý về tương trợ tư pháp hình sự chưa hoàn thiện: Luật tương trợ tư pháp năm 2007 là cơ sở pháp lý của

hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong 10 năm qua. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy Luật này đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Luật điều chỉnh cả 04 lĩnh vực là tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Đây đều là những lĩnh vực có tính chuyên ngành cao, có phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng khác nhau nhưng lại quy định trong cùng một văn bản luật là chưa thực sự hợp lý. Kết cấu Luật như vậy làm hạn chế tính cụ thể, đầy đủ và có hệ thống của các quy định về tương trợ tư pháp hình sự và chưa thực sự tương thích với các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài.

+ Khác biệt về ngôn ngữ: Do yêu cầu tương trợ phải được dịch ra ngôn ngữ nước ngoài nên chất lượng lập, gửi, thực hiện yêu cầu cũng gặp nhiều ảnh hưởng; nhiều địa phương không sẵn có các đơn vị dịch thuật chuyên ngành; việc biên dịch tài liệu bằng các thứ tiếng không phổ biến như: Séc, Ba Lan, Lào, Campuchia... còn gặp nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Đối với các cơ quan tiến hành tố tụng: Nhận thức của một bộ phận cán bộ về ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động hợp tác quốc tế nói chung và hoạt động tương trợ tư pháp hình sự nói riêng còn chưa đầy đủ, chưa nắm vững về chuyên môn, nghiệp vụ và quy định pháp luật liên quan; từ đó ảnh hưởng nhiều đến chất lượng, hiệu quả của quá trình lập, gửi, thực hiện yêu cầu.

+ Cơ chế phối hợp liên ngành: Do thiếu cơ sở pháp lý, cơ chế phối hợp giữa

Cơ quan Trung ương, cơ quan tố tụng lập yêu cầu, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam trong quá trình lập, gửi, trao đổi thông tin, liên hệ đơn đốc giải quyết yêu cầu chưa thực sự thống nhất; từ đó phát sinh thêm khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động tương trợ.

4. Giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm về mua bán người

Trong thời gian tới, dự báo tình hình mua bán người tiếp tục diễn biến phức tạp và có xu hướng ngày càng gia tăng, do vậy các yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến tội phạm này cũng sẽ ngày càng nhiều. Để nâng cao hiệu quả giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nói chung và tội phạm liên quan đến mua bán người nói riêng, cần tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

- Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự trong đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên để nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác này. Trong đó, quán triệt và thực hiện tốt các quy định về tương trợ tư pháp hình sự trong Luật tương trợ tư pháp năm 2007, BLTTHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài; các điều ước quốc tế đa phương có điều khoản tương trợ tư pháp về hình sự, đặc biệt là Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000. Đây đều là các điều ước quốc tế đa phương có thể viện dẫn để lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đối với tội mua bán người để đề nghị nước ngoài thực hiện; xây dựng

quy trình riêng về lập, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người.

- *Hai là*, tăng cường công tác phối hợp liên ngành, đặc biệt tăng tính chủ động và kịp thời trong công tác phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, giữa hai cơ quan này với Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, VKSNDTC trong việc lập, gửi yêu cầu tương trợ cho nước ngoài; giữa Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự của Việt Nam và nước ngoài nhằm bảo đảm hiệu quả quá trình liên hệ, đôn đốc thực hiện, có kết quả tương trợ.

- *Ba là*, tiếp tục nâng cao chất lượng lập hồ sơ yêu cầu gửi nước ngoài đề nghị thực hiện. Đối với yêu cầu tương trợ đề nghị cung cấp thông tin lý lịch và tiền án, tiền sự của bị can, bị cáo, cần trình bày rõ lý do, mục đích của nội dung tương trợ này để nước được yêu cầu có cơ sở thực hiện. Đối với các yêu cầu gửi Trung Quốc, các thông tin trong văn bản yêu cầu phải đầy đủ, chính xác và được dịch sang tiếng Trung giản thể, đặc biệt là thông tin về tên và địa chỉ của cá nhân, tổ chức liên quan đến việc thực hiện tương trợ; cần gửi theo văn bản yêu cầu các tài liệu bằng tiếng Trung thể hiện danh tính của cá nhân, tổ chức đó để tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc thực hiện tương trợ.

- *Bốn là*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về tương trợ tư pháp. Trước mắt, cần tập trung nghiên cứu xây dựng Luật tương trợ tư pháp về hình sự tách khỏi Luật tương trợ tư pháp năm 2007; xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn các đạo luật có liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự, trong

đó có BLTTHS năm 2015 (Phần hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự); từ đó góp phần hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam.

- *Năm là*, tiếp tục kiện toàn bộ máy làm công tác tương trợ tư pháp; thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ cho cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp; tăng cường các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt hơn cho hoạt động tương trợ tư pháp.

- *Sáu là*, tăng cường đàm phán, ký kết và thực hiện có hiệu quả các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, các điều ước quốc tế đa phương, các thoả thuận quốc tế về phòng, chống mua bán người; đồng thời tích cực tham gia các các diễn đàn hợp tác quốc tế song phương, đa phương, hợp tác với các cơ quan Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế. Thông qua việc hợp tác này sẽ giúp tiếp cận và chia sẻ thông tin về công tác phòng, chống mua bán người trên thế giới, đồng thời tranh thủ nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật tiên bộ của các nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;
2. Bộ luật hình sự năm 2015;
3. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007;
4. Báo cáo tổng kết 09 năm thi hành Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 của Bộ Công an;
5. Báo cáo đánh giá thường niên về tình hình mua bán người năm 2020 của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đối với các nước và Việt Nam.

VIỆT NAM VỚI VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THÀNH VIÊN VỀ HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI THEO CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ ĐA PHƯƠNG VÀ KHU VỰC

DƯƠNG ĐÌNH CÔNG*

Theo thống kê của Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm Liên Hợp Quốc (UNODC), tội phạm mua bán người trên thế giới và khu vực ngày càng diễn biến phức tạp, đòi hỏi các quốc gia cũng như Việt Nam phải gia tăng các hoạt động hợp tác phòng, chống. Bài viết giới thiệu, phân tích khuôn khổ pháp lý và nghĩa vụ cơ bản của các quốc gia trong hợp tác phòng, chống mua bán người; việc thực hiện nghĩa vụ và đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

Từ khóa: Nghĩa vụ; hợp tác phòng, chống mua bán người; điều ước quốc tế.

Ngày nhận bài: 09/6/2021; Biên tập xong: 20/6/2021; Duyệt đăng: 30/6/2021

According to the United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC), human trafficking crimes across the world and in the region are increasingly complicated, requiring countries as well as Viet Nam to increase cooperation activities to prevent and combat crimes. This article introduces and analyzes the legal framework and basic obligations of countries in cooperation to prevent and combat human trafficking. It also reviews the implementation of obligations; and proposes some solutions to improve the effectiveness of activities to prevent and combat human trafficking in Viet Nam.

Keywords: Obligations, cooperation to counter human trafficking, international treaties.

1. Khuôn khổ pháp lý quốc tế và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia thành viên về hợp tác phòng, chống mua bán người

Theo báo cáo của UNODC cùng với tội phạm về ma túy, tội phạm mua bán người đã trở thành vấn đề nghiêm trọng nhất của thế giới¹ tạo ra khoản thu nhập bất hợp pháp khoảng 1.300 tỷ USD mỗi năm, tương đương với thu nhập của hơn 3 tỷ người nghèo cộng lại². Hàng năm, có khoảng gần 1 triệu người từ hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ bị mua bán với các

mục đích khác nhau. Trong những năm qua, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương bị ảnh hưởng sâu sắc bởi tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Các tội phạm phổ biến trong khu vực như tội phạm ma túy, buôn bán người, buôn bán động vật hoang dã... đã mang về khoản lợi nhuận hàng năm ước tính khoảng 90 tỷ USD³. Ông Antonio Maria Costa, Giám đốc Điều hành UNODC nhận định "Tội phạm xuyên quốc gia đã trở thành mối đe dọa đối với hòa bình và phát triển, thậm chí đối với chủ quyền của các quốc gia"⁴.

¹ Gottschalk, P. Policing Organized Crime: Intelligence Strategy Implementation. New York: CRC Press, 2009

² Đinh Xuân Nam (2009), Chuyên đề "Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự" trong Kỷ yếu Đề tài khoa học cấp bộ: Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù và các hoạt động khác về hợp tác quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, trang 01.

* Thạc sĩ, Phó Trưởng khoa pháp luật quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. Nghiên cứu sinh Trường Đại học Luật Hà Nội

³ Xem, Tom Obokata, *The Value of International Law in Combating Transnational Organized Crime in the Asia-Pacific*, Asian Journal of International Law, 7 (2017), pp. 39-60

⁴ Nguồn truy cập: <https://www.unodc.org/unodc/en/press/releases/2010/June/organized-crime-has-globalized-and-turned-into-a-security-threat.html>, truy cập ngày 25/5/2021

Trước thực trạng đó, cộng đồng quốc tế đã sớm quan tâm xây dựng khuôn khổ pháp lý quốc tế và khu vực nhằm tạo hành lang pháp lý cho đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người như: Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989; Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em năm 2000; Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000; Nghị định thư của Liên Hợp Quốc về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bổ sung cho Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, bổ sung cho Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia...

Dưới góc độ các điều ước quốc tế phổ cập toàn cầu về hợp tác phòng, chống mua bán người, Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về Phòng ngừa, trấn áp, trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em là một trong những văn bản pháp lý quan trọng nhất trong đấu tranh phòng, chống tội mua bán người. Mục đích của Công ước nhằm thúc đẩy hợp tác phòng và đấu tranh có hiệu quả với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và hy vọng các quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp phòng, chống có hiệu quả cũng như tăng cường hợp tác quốc tế. Mục đích này được làm rõ hơn ở các mục tiêu được ghi nhận trong các Nghị định thư kèm theo. Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em hướng đến việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm buôn bán người; bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bị buôn

bán và thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia thành viên⁵. Lời nói đầu của Nghị định thư về Phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc (UNTIP) khẳng định rằng: “Một hành động hiệu quả để ngăn ngừa và đấu tranh với việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, cần một cách tiếp cận quốc tế tổng thể tại các nước gốc, nước quá cảnh và nước đến, trong đó bao gồm cả những biện pháp để ngăn ngừa việc buôn bán người như vậy, để trừng trị những kẻ buôn bán như vậy và để bảo vệ các nạn nhân của những hành vi buôn bán như vậy bao gồm cả bảo vệ những con người được cộng đồng quốc tế thừa nhận”⁶.

Nghị định thư cũng quy định cụ thể các hoạt động hợp tác phòng, chống mua bán người bao gồm hồi hương nạn nhân bị buôn bán⁷, trao đổi thông tin và đào tạo⁸, các biện pháp tại biên giới; an ninh và kiểm soát giấy tờ đi lại và tương trợ tư pháp hình sự trong vụ án mua bán người⁹.

⁵ Xem: Điều 2, Nghị định thư về Phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc.

⁶ Xem: Nghị định thư về Phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc.

⁷ Xem: Điều 8, Nghị định thư về Phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc.

⁸ Xem: Điều 10, Nghị định thư về Phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc.

⁹ Tương trợ tư pháp hình sự được quy định trong Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Xem Điều 18 Công ước UNTOC.

Những quy định trong các văn kiện này xác định rõ nghĩa vụ của các quốc gia thành viên, đồng thời phản ánh sự thống nhất về ý chí của cộng đồng quốc tế và là sự ghi nhận thành quả của các quốc gia trong nỗ lực phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia nói chung, tội phạm mua bán người nói riêng.

Dưới góc độ các khuôn khổ pháp lý quốc tế khu vực mà Việt Nam là thành viên cũng ghi nhận các điều ước quốc tế khu vực quy định về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng. Các khuôn khổ pháp lý khu vực quy định chung như Tuyên bố ASEAN và Kế hoạch hành động của ASEAN về phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 1997, 1999, 2004, 2015; Hiệp định Tương trợ tư pháp hình sự của ASEAN năm 2004; Hiến chương ASEAN... Điều ước quốc tế khu vực quy định trực tiếp về mua bán người là Công ước ASEAN về phòng, chống buôn người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2015 (ACTIP). ACTIP quy định cụ thể mục đích, phạm vi, quyền và nghĩa vụ của quốc gia thành viên; vấn đề về quyền tài phán và hợp tác quốc tế trong phòng chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Trong lời nói đầu ACTIP ghi nhận, các thành viên cam kết trong việc hợp tác khu vực và quốc tế chặt chẽ và hiệu quả hơn chống hành vi buôn bán người có tính chất xuyên quốc gia, bao gồm nhưng không giới hạn các tội phạm được thực hiện bởi các nhóm phạm tội có tổ chức với nhận thức rằng sự cần thiết xây dựng một văn kiện của khu vực quy định riêng về buôn bán người với tính chất là một khung khổ pháp lý cho các hành động của khu vực trong phòng, chống buôn bán người, bao gồm việc bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán...

Do đó, ACTIP vừa có sự kế thừa các quy định của UNTIP, vừa có những quy định đặc thù, phù hợp với tính đa dạng trong thống nhất của khu vực ASEAN.

ACTIP ghi nhận các quốc gia là thành viên công ước sẽ thực hiện những nghĩa vụ gần giống như quy định trong UNTIP như phòng ngừa buôn bán người¹⁰, hợp tác, kiểm soát xuyên biên giới và hiệu lực của các giấy tờ¹¹, bảo vệ nạn nhân bị buôn bán¹², hồi hương và nhận trở lại nạn nhân¹³... Bên cạnh đó, ACTIP có các quy định khá cụ thể so với UNTIP như các quy định về thực thi¹⁴ và các vấn đề liên quan đến hợp tác quốc tế¹⁵. Như vậy, các quy định của ACTIP không chỉ là sự cụ thể và hài hoà hoá các quy định về nghĩa vụ thành viên của UNTOC và UNTIP về hợp tác trong đấu tranh phòng chống mua bán người mà trong nhiều điều khoản quy định của ACTIP còn được cụ thể hoá và tiêu chuẩn hoá ở mức cao hơn so với yêu cầu tối thiểu của UNTOC và UNTIP.

2. Quan điểm và thực tiễn thực hiện nghĩa vụ hợp tác phòng, chống mua bán người trong khuôn khổ điều ước quốc tế đa phương và khu vực mà Việt Nam là thành viên

2.1. Quan điểm về hợp tác phòng, chống mua bán người của Việt Nam

Kể từ khi mở cửa, hội nhập khu vực và quốc tế, Việt Nam luôn thực hiện nhất quán và xây dựng hình ảnh là một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Lĩnh vực hợp tác phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nói

¹⁰ Xem: Điều 11 ACTIP.

¹¹ Xem: Điều 13 ACTIP.

¹² Xem: Điều 14 ACTIP.

¹³ Xem: Điều 15 ACTIP.

¹⁴ Xem: Điều 16,17 ACTIP.

¹⁵ ACTIP dành toàn bộ chương VI với 05 Điều khoản để quy định về vấn đề này.

chung, tội phạm về mua bán người nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và thực hiện nhất quán, phù hợp với các cam kết và điều kiện hoàn cảnh đất nước. Từ các Nghị quyết số 49/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Chỉ thị số 48/CT-TW của Bộ Chính trị ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Nghị quyết số 51/NQ-CP năm 2009 về Chương trình hành động của Chính phủ về tham gia hợp tác ASEAN đến năm 2015; Nghị quyết số 31/NQ-CP năm 2014 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 22/NQ-TW về hội nhập quốc tế; Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030; đến các Quyết định số 1957/QĐ-TTg ngày 30/11/2020 Phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Công ước ACTIP; Quyết định số 193/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 ngày 09/02/2021... đều nhất quán khẳng định nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc gia thành viên; góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế...¹⁶.

2.2. Thực tiễn thực hiện nghĩa vụ hợp tác phòng, chống mua bán người trong khuôn khổ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Trong thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện pháp luật và

thể chế về phòng, chống mua bán người nhằm hài hoà và tiệm cận với các quy định và chuẩn mực quốc tế. Đồng thời, Việt Nam không ngừng tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện đầy đủ, hiệu quả, thiện chí và có trách nhiệm các cam kết của mình trước cộng đồng quốc tế về phòng, chống mua bán người. Cụ thể:

Một là, Việt Nam đã không ngừng nỗ lực hoàn thiện thể chế và pháp luật về phòng, chống mua bán người. Ngay sau khi gia nhập các điều ước quốc tế đa phương và khu vực về phòng, chống mua bán người, các cơ quan hữu quan đã sớm có những kế hoạch hành động cụ thể nhằm đánh giá, rà soát, sửa đổi, ban hành mới các quy định pháp luật quốc gia phù hợp với các cam kết quốc tế. Về tổng thể, một loạt các quy định pháp luật như Luật Phòng, chống mua bán người; Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự đã kịp thời nội luật hoá các nghĩa vụ của quốc gia thành viên về phòng, chống mua bán người được quy định trong UNTOC, UNTIP, ACTIP..., tạo khuôn khổ pháp lý quốc gia cho hoạt động hợp tác phòng, chống mua bán người.

Hai là, cụ thể hoá các nghĩa vụ hợp tác phòng, chống mua bán người bằng chương trình, kế hoạch hành động. Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của chính phủ Việt Nam đã xác định mục tiêu, yêu cầu cụ thể: (i) Đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức cho cá nhân, gia đình và cộng đồng về công tác phòng, chống mua bán người, ưu tiên các nhóm nguy cơ cao, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các cơ quan báo chí ở Trung ương, địa phương và hệ thống Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã hàng tháng có chuyên mục, tin, bài tuyên truyền về phòng, chống

¹⁶ Xem các Nghị quyết số 49, Chỉ thị số 48, các Kế hoạch thực hiện ACTIP năm 2020, các Chương trình phòng, chống mua bán người..

mua bán người phù hợp các nhóm đối tượng khác nhau và đặc điểm của từng địa phương. Thường xuyên cập nhật các hình thức, thủ đoạn và mục đích của tội phạm mua bán người trên các trang mạng và mạng xã hội có nhiều người theo dõi, truy cập tại Việt Nam; (ii) Bảo đảm 100% tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến mua bán người được tiếp nhận, phân loại; tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%. Các vụ việc có dấu hiệu tội phạm mua bán người phải được thụ lý điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ phải khởi tố vụ án hình sự để điều tra theo đúng quy định của pháp luật. Công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mua bán người bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án mua bán người đạt trên 90% tổng số án khởi tố. 95% số vụ án mua bán người hàng năm được giải quyết và truy tố. 90% số vụ án mua bán người hàng năm được giải quyết, xét xử; (iii) Bảo đảm nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật và bảo đảm nguyên tắc lấy nạn nhân làm trung tâm. Xây dựng, củng cố, từng bước nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác tiếp nhận, xác minh, xác định, hỗ trợ nạn nhân các cấp; (iv) Chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với pháp luật khu vực, quốc tế và thực tiễn công tác phòng, chống mua bán người; và (v) Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế trong tiếp nhận,

xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân và trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án mua bán người. Các điều ước quốc tế, hiệp định song phương, đa phương, các thỏa thuận hợp tác về phòng, chống mua bán người mà Việt Nam là thành viên được triển khai thực hiện có hiệu quả, định kỳ sơ kết, tổng kết.

Theo báo cáo của Cục cảnh sát hình sự - Bộ Công an, trong khoảng từ năm 2005 đến tháng 6/2020, cả nước đã xảy ra hơn 5.579 vụ, 9.151 đối tượng phạm tội với khoảng 12.000 nạn nhân bị mua bán. Chỉ tính riêng từ năm 2019 đến tháng 6/2020, lực lượng Công an, Biên phòng đã điều tra, khám phá 236 vụ, bắt 308 đối tượng phạm tội mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi. Viện kiểm sát nhân dân các cấp truy tố 118 vụ với 203 bị can. Tòa án nhân dân các cấp đã giải quyết, xét xử 145 vụ với 255 bị cáo phạm các tội về mua bán người. Có thể thấy, số vụ phạm tội mua bán người ở Việt Nam tương đối cao với số lượng nạn nhân bị mua bán là khá lớn. Mặc dù trong một số giai đoạn, tỉ lệ truy tố còn chiếm tỉ lệ nhỏ so với số vụ án mua bán người bị phát hiện¹⁷ nhưng các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã bám sát các chương trình, kế hoạch và quy định pháp luật để đấu tranh với loại tội phạm này.

Bên cạnh hoạt động đấu tranh với tội mua bán người, các cơ quan hữu quan của Việt Nam cũng coi trọng các khuyến nghị quốc tế trong việc hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân bị mua bán cũng như có các nỗ lực để hồi hương nạn nhân. Trong các vụ án mua bán người được phát hiện gần đây, các nạn nhân đều nhận được hỗ trợ ban đầu, tư vấn tâm lý, khám sức khỏe, trợ giúp

¹⁷ Xem: Trần Đình Hải, *Tội mua bán người ở Việt Nam – Tình hình, nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số chuyên đề 02 (39)/2020, tr.25.

pháp lý theo quy định của pháp luật. Việt Nam cũng có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ nạn nhân là người nước ngoài trở về nước mà người đó có quốc tịch hoặc có nơi thường trú cuối cùng, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân¹⁸.

Cùng với nỗ lực phòng ngừa, giải cứu, việc hỗ trợ các nạn nhân của mua bán người trong thời gian qua cũng được Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam dành nhiều sự quan tâm. Theo báo cáo của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, từ tháng 6/2013 đến tháng 6/2019, các cơ sở đã tiếp nhận, hỗ trợ 2.961 nạn nhân, trong đó có 2.891 nữ, 528 người dưới 18 tuổi. Dựa trên nhu cầu của nạn nhân, có 2.216 nạn nhân được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, 1.347 người được hỗ trợ y tế, 2.105 người được tư vấn tâm lý, 1.003 người được trợ giúp pháp lý, 103 người được hỗ trợ học văn hóa, học nghề, 817 người được trợ cấp khó khăn ban đầu và 72 người vay vốn sản xuất. Lực lượng biên phòng đã giải thoát cho hàng nghìn số phận trở về đoàn tụ với gia đình từ nạn mua, bán người¹⁹. Việc tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân được tiến hành phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng địa phương.

Để huy động các nguồn lực và thực hiện có hiệu quả các cam kết của mình, Việt Nam cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức phi chính phủ tiến hành các hoạt động hỗ trợ nạn nhân phù hợp với quy định pháp luật. Các tổ chức này đã hỗ trợ nạn nhân trong việc tìm hiểu

quy định pháp luật quốc gia, tìm kiếm sự trợ giúp theo quy định; giúp nạn nhân có nơi cư trú, chăm sóc y tế và phối hợp với các cơ quan chính phủ sở tại. Thực tế cho thấy, nạn nhân mua bán người thường bị những kẻ buôn người đưa ra các thông tin sai sự thật mang tính chất hù dọa như sẽ bị bắt, bị xét xử theo pháp luật quốc gia sở tại... Do đó, vai trò của các tổ chức quốc tế phi chính phủ càng trở nên quan trọng, như là trung gian cầu nối giữa cơ quan chấp pháp và nạn nhân bị mua bán²⁰.

Ba là, các hoạt động về tương trợ tư pháp hình sự. Trong giải quyết vụ án mua bán người, hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia ngày càng gia tăng và là một nhu cầu tất yếu khách quan. Trong các điều ước quốc tế đa phương phổ cập, điều ước quốc tế khu vực và các điều ước quốc tế chuyên biệt về phòng chống mua bán người đều ghi nhận nghĩa vụ của các quốc gia trong việc dành sự tương trợ tư pháp hình sự tối đa nhất có thể trong hợp tác phòng, chống tội mua bán người. Nhận thức rõ điều đó, Việt Nam không chỉ coi trọng hoạt động đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự mà còn nỗ lực trong việc hoàn thiện các quy định pháp luật quốc gia như Luật Tương trợ tư pháp năm 2007²¹; Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2019, cơ quan này đã

¹⁸ Xem: Nguyễn Khắc Hải, *Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống mua bán người tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, Tập 29, Số 1 (2013), tr.23.

¹⁹ Xem: Thu Lan, “Việt Nam - thành viên trách nhiệm trong phòng chống mua, bán người”, tham khảo tại website: <https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-thanh-vien-trach-nhiem-trong-phong-chong-mua-ban-nguoi-559991.html>, truy cập ngày 01/6/2021

²⁰ Xem: Liên Hợp Quốc (2006), Chương trình toàn cầu phòng chống buôn bán người, Tài liệu về phòng chống buôn bán người, NXB Phụ nữ, Tlđd, tr.185.

²¹ Viện kiểm sát nhân dân tối cao Việt Nam đang thực hiện nhiều cuộc Hội thảo, Toạ đàm trong nước và quốc tế cũng như có nhiều nghiên cứu để hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng luật Tương trợ tư pháp hình sự.

tiếp nhận tổng số 882 yêu cầu tương trợ tư pháp từ phía nước ngoài chuyển cho Việt Nam; các cơ quan của Việt Nam uỷ thác hơn 1.170 cho cơ quan nước ngoài thực hiện liên quan đến nhiều hoạt động tương trợ tư pháp của các loại tội phạm khác nhau, trong đó có liên quan đến tội mua bán người. Theo thống kê cũng cho thấy các uỷ thác tư pháp đến và uỷ thác tư pháp đi đều gia tăng, năm sau cao hơn năm trước²². Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động hợp tác tương trợ tư pháp liên quan đến mua bán người vẫn tồn tại những hạn chế cả về mặt khách quan và chủ quan cần có các giải pháp khắc phục²³.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác phòng, chống mua bán người của Việt Nam

Để nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm mua bán người cũng như thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm nghĩa vụ và cam kết của Việt Nam theo các điều ước quốc tế đa phương, khu vực, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật đáp ứng các yêu cầu của các điều ước quốc tế đa phương và khu vực mà Việt Nam là thành viên. Các cơ quan có thẩm quyền cần rà soát, nghiên cứu tổng thể quy định pháp luật Việt Nam hiện hành nhằm đảm bảo tính tương thích so với các nghĩa vụ hợp tác phòng, chống mua bán người quy định trong các điều ước quốc

tế đa phương và khu vực mà Việt Nam là thành viên.

Hai là, chú trọng công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ và bí mật thông tin về nạn nhân theo quy định của pháp luật. Song song với đó, cần nghiên cứu xây dựng chương trình cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp, phục hồi và tái hòa nhập cho nạn nhân bị mua bán.

Ba là, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người: Tăng cường hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mua bán người; áp dụng các biện pháp thích hợp và cần thiết khác để thu thập chứng cứ phục vụ công tác truy tố trong các vụ án mua bán người; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong tiếp nhận, xác minh, xác định, giải cứu, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân; trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án mua bán người. Phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các đối tượng có hành vi tham nhũng, rửa tiền; những người tham gia, tạo điều kiện hoặc cản trở hoạt động tư pháp liên quan đến phòng, chống mua bán người theo đúng quy định của pháp luật trong nước phù hợp với Công ước của Liên Hợp Quốc.

Cuối cùng, cần tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người như ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế song phương, đa phương trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự; đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin; giải cứu, bảo vệ, hỗ trợ và hồi hương các nạn nhân bị mua bán; chia sẻ kinh nghiệm; tổ chức tập huấn và đào tạo nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu

²² Xem: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ 13, Chuyên đề “Thực trạng và giải pháp hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự; Một số kiến nghị, sửa đổi, bổ sung Luật Tương trợ tư pháp năm 2007”, (2017), Hà Nội.

²³ Xem: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành luật Tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp hình sự.

và năng lực phòng, chống mua bán người. Tăng cường phối hợp và trao đổi thông tin, nghiên cứu thiết lập đường dây nóng giữa các cơ quan thực thi pháp luật của các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ để kịp thời liên hệ, hỗ trợ xác minh, xác định nạn nhân tại nước ngoài và phối hợp điều tra, bảo vệ, giải cứu nạn nhân. Tăng cường hợp tác và phối hợp giữa các quốc gia thành viên, các cơ quan của Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế về phòng, chống mua bán người để nâng cao năng lực quốc gia trong đấu tranh phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán một cách có hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ASEAN, Công ước ASEAN phòng, chống buôn người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2015.
2. Chính phủ (2016), Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030.
3. Chính phủ (2020), Quyết định số 1957/QĐ-TTg ngày 30/11/2020 Phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Công ước ASEAN phòng, chống buôn người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2015.
4. Chính phủ (2021), Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 9/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.
5. Gottschalk, P. Policing Organized Crime: Intelligence Strategy Implementation. Newyork: CRC Press, 2009.
6. Nguyễn Khắc Hải, *Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống mua bán người tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, Tập 29, Số 1 (2013).
7. Trần Đình Hải, *Tội mua bán người ở Việt Nam – Tình hình, nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số chuyên đề 02 (39)/2020.
8. Thu Lan, “Việt Nam - thành viên trách nhiệm trong phòng chống mua, bán người” tham khảo tại website: <https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-thanh-vien-trach-nhiem-trong-phong-chong-mua-ban-nguoi-559991.html>.
10. Liên Hợp Quốc, Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000.
11. Liên Hợp Quốc, Nghị định thư về Phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc.
12. Liên Hợp Quốc (2006), Chương trình toàn cầu phòng chống buôn bán người, Tài liệu về phòng chống buôn bán người, Nxb Phụ nữ.
13. Đinh Xuân Nam (2009), Chuyên đề “Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự” trong Kỷ yếu Đề tài khoa học cấp bộ: Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù và các hoạt động khác về hợp tác quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.
14. Tom Obokata, *The Value of International Law in Combating Transnational Organized Crime in the Asia-Pacific*, Asian Journal of International Law, 7 (2017).
15. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ 13, Chuyên đề “Thực trạng và giải pháp hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự; Một số kiến nghị, sửa đổi, bổ sung Luật Tương trợ tư pháp năm 2007”, (2017), Hà Nội.
16. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành luật Tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp hình sự.